

THỜI KHÓA BIỂU
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025 - 2026
(2025_2026_1_1)

TT	Mã HP	Số TC	Lớp học phần	Thứ	Tiết học	Phòng học	Ngày BD	Ngày KT	Giáo Viên	Giáo Viên 2
1	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N01)/75DCVL21_VS21	3	4->6		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
				4	7->9				Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
2	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N02)/75DCVL22	3	1->3		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
				4	10->12				Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
3	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N03)/75DCVL23	3	7->9		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
				4	4->6				Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
4	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N04)/75DCQM22	2	4->6		03/11/25	11/01/26	Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
				3	7->9				Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
5	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N05)/75DCQM21	2	1->3		03/11/25	11/01/26	Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
				3	10->12				Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
6	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N06)/75DCQM23	3	1->3		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
				4	7->9				Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
7	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N07)/75DCQM24	3	7->9		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
				4	4->6				Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
8	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N08)/75DCQM25	2	4->6		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
				5	7->9				Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
9	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N09)/75DCKX21	2	10->12		03/11/25	11/01/26	Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
				4	7->9				Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
10	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N10)/75DCKX22	2	4->6		03/11/25	11/01/26	Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
				3	7->9				Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
11	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N11)/75DCKX23	2	7->9		03/11/25	11/01/26	Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
				4	7->9				Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
12	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N12)/75DCKX25	2	10->12		03/11/25	11/01/26	Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
				4	1->3				Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
13	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N14)/75DCEN21_EN22	2	1->3		03/11/25	11/01/26	Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
				3	10->12				Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
14	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N15)/75DCKX24	3	4->6		03/11/25	11/01/26	Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
				4	4->6				Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
15	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N16)/75DCQT21	5	7->10		03/11/25	11/01/26	Đặng Quý Quyền (KHCB1003)	
				5	11->12				Đặng Quý Quyền (KHCB1003)	
16	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N17)/75DCQT22	6	5->6		03/11/25	11/01/26		
				6	1->2					
17	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N18)/75DCQT23	6	3->4		03/11/25	11/01/26		
				5	5->6					
18	DC1TD33	2	Aerobic-1-1-25(N19)/75DCLA21	5	1->2		03/11/25	11/01/26		
				5	3->4					
19	DC3DT44	3	An ninh mạng thông tin-1-1-25(N01)/73DCDT21	4	1->2		03/11/25	30/11/25	Đặng Quý Quyền (KHCB1003)	
				4	3->4				Đặng Quý Quyền (KHCB1003)	
				4	5->6				Đặng Quý Quyền (KHCB1003)	
				4	1->3	A6.502	18/08/25	07/09/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				4	1->3	A6.502	08/09/25	02/11/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				4	1->3	C3.103	03/11/25	30/11/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	

20	DC3DT44	3	An ninh mạng thông tin-1-1-25(N02)/73DCDT22	4	4->6	A3.204	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				4	4->6	A3.204	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				4	4->6	C3.206	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
21	DC3DT44	3	An ninh mạng thông tin-1-1-25(N03)/73DCDT23	4	4->6	A3.203	18/08/25	07/09/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				4	4->6	A3.203	08/09/25	02/11/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				4	4->6	C3.203	03/11/25	30/11/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
22	DC2CT65	2	An toàn lao động-1-1-25(N01)/73DCDD21	6	11->12	A1.103	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thanh Xuân (CTDS3003)	
				6	11->12	A6.502	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Thanh Xuân (CTDS3003)	
				6	11->12	A1.403	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Thanh Xuân (CTDS3003)	
23	DC2CT65	2	An toàn lao động-1-1-25(N02)/73DCDD22	6	11->12	A1.201	18/08/25	30/11/25	Kiều Quang Thái (CTDS3002)	
24	DC2EC26	2	An toàn và bảo mật thông tin-1-1-25(N01)/74DCTD21	3	1->4	A2.502	18/08/25	07/09/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				3	1->3	A1.403	08/09/25	19/10/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
25	DC2EC26	2	An toàn và bảo mật thông tin-1-1-25(N02)/74DCTD22	2	9->12	C3.101	18/08/25	07/09/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				2	10->12	C3.101	08/09/25	19/10/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
26	DC2EC26	2	An toàn và bảo mật thông tin-1-1-25(N03)/74DCTD23	4	7->10	C2.102	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Thắng (TTVP3003)	
27	DC2CK29	2	AutoCAD-1-1-25(N01)/74DCOG21	4	7->9	C3.206	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thắng (TTVP3003)	
28	DC2CK29	2	AutoCAD-1-1-25(N02)/74DCCN21	3	2->6	A1.301	18/08/25	19/10/25	Lê Văn Kiên (CSKT3014)	
29	DC2CK29	2	AutoCAD-1-1-25(N03)/74DCCN22	4	7->11	C2.103	18/08/25	07/09/25	Phan Thanh Nhân (XDCB3003)	
				6	2->6	A3.203	08/09/25	19/10/25	Phan Thanh Nhân (XDCB3003)	
30	DC2CK29	2	AutoCAD-1-1-25(N04)/74DCCN23	3	7->11	A3.306	18/08/25	19/10/25	Lê Văn Kiên (CSKT3014)	
31	DC2CK29	2	AutoCAD-1-1-25(N05)/75DCCK21	5	2->6	A6.102	18/08/25	19/10/25	Phan Thanh Nhân (XDCB3003)	
				4	2->6	A3.308	03/11/25	23/11/25	Kiều Lan Hương (CSKT2002)	
				5	2->6	A3.401	24/11/25	14/12/25	Kiều Lan Hương (CSKT2002)	
32	DC2CK29	2	AutoCAD-1-1-25(N06)/75DCCK22	5	2->6	A3.401	15/12/25	04/01/26	Kiều Lan Hương (CSKT2002)	
				2	2->6	A1.203	03/11/25	04/01/26	Trịnh Xuân Cầm (CSKT2003)	
33	DC2CK29	2	AutoCAD-1-1-25(N07)/75DCCK23	2	1->3	A3.404	03/11/25	14/12/25	Lê Ngọc Lý (CTCA3002)	
				5	7->8	A2.104			Lê Ngọc Lý (CTCA3002)	
				2	1->3	A3.404	15/12/25	04/01/26	Lê Ngọc Lý (CTCA3002)	
				5	7->8	A2.104			Lê Ngọc Lý (CTCA3002)	
34	DC2CK29	2	AutoCAD-1-1-25(N08)/75DCCK24	2	7->11	A6.502	03/11/25	04/01/26	Trịnh Xuân Cầm (CSKT2003)	
35	DC2CK29	2	AutoCAD-1-1-25(N09)/75DCCK25	2	5->6	A2.104	03/11/25	23/11/25	Lê Ngọc Lý (CTCA3002)	
				6	7->9	A3.203			Lê Ngọc Lý (CTCA3002)	
				2	5->6	A2.104	24/11/25	30/11/25	Lê Ngọc Lý (CTCA3002)	
				6	7->9	A3.404			Lê Ngọc Lý (CTCA3002)	
				2	5->6	A2.104	01/12/25	14/12/25	Lê Ngọc Lý (CTCA3002)	
				6	7->9	A1.401			Lê Ngọc Lý (CTCA3002)	
				6	7->11	A1.401	15/12/25	04/01/26	Lê Ngọc Lý (CTCA3002)	
				2	9->12	A3.401			Bùi Thị Phương Hoa (CSKT3008)	
36	DC2CO39	3	AutoCad -1-1-25(N01)/75DCCN21	3	7->8	A3.401	03/11/25	23/11/25	Bùi Thị Phương Hoa (CSKT3008)	
				2	9->12	A3.401			Bùi Thị Phương Hoa (CSKT3008)	
				2	9->12	A3.401	24/11/25	04/01/26	Bùi Thị Phương Hoa (CSKT3008)	
				3	7->9	A3.401			Bùi Thị Phương Hoa (CSKT3008)	
37	DC2CO39	3	AutoCad -1-1-25(N02)/75DCCN22	4	10->11	A3.308	03/11/25	23/11/25	Kiều Lan Hương (CSKT2002)	
				5	7->10	A3.308			Kiều Lan Hương (CSKT2002)	
				4	7->8	A3.308	24/11/25	04/01/26	Kiều Lan Hương (CSKT2002)	
				5	7->11	A3.308			Kiều Lan Hương (CSKT2002)	
38	DC2CO39	3	AutoCad -1-1-25(N03)/75DCCN23	3	4->5	A3.308	03/11/25	23/11/25	Bùi Thị Phương Hoa (CSKT3008)	
				5	3->6	A3.308			Bùi Thị Phương Hoa (CSKT3008)	
				3	1->4	A3.308	24/11/25	04/01/26	Bùi Thị Phương Hoa (CSKT3008)	
				5	1->3	A3.308			Bùi Thị Phương Hoa (CSKT3008)	
39	DC3DD69	2	BIM đại cương-1-1-25(N01)/73DCDD21_73DCDD22	6	9->10	A1.103	18/08/25	07/09/25	Vũ Thị Hương Lan (CTDD3009)	
				6	9->10	A6.502	08/09/25	02/11/25	Vũ Thị Hương Lan (CTDD3009)	

				6	9->10	A1.403	03/11/25	30/11/25	Vũ Thị Hương Lan (CTDD3009)	
40	DC3MO46	2	Biến đổi khí hậu-1-1-25(N02)/74DCMN21	4	5->6	A5.303	18/08/25	30/11/25	Phạm Thị Huế (CTTL3005)	
41	DC3MO46	2	Biến đổi khí hậu-1-1-25(N03)/75DCMN21	4	1->2	A3.407	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Huế (CTTL3005)	
				5	4->5	A3.407			Phạm Thị Huế (CTTL3005)	
				5	4->6	A3.407	08/09/25	19/10/25	Phạm Thị Huế (CTTL3005)	
42	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N01)/75DCCD11_CH21	2	4->6		18/08/25	26/10/25	Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
				4	7->9				Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
43	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N02)/75DCCD21	3	10->12		18/08/25	26/10/25	Trần Đức Phong (GDTC2002)	
				6	7->9				Trần Đức Phong (GDTC2002)	
44	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N04)/75DCCD23	4	7->9		18/08/25	26/10/25	Trần Đức Phong (GDTC2002)	
				6	4->6				Trần Đức Phong (GDTC2002)	
45	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N05)/75DCBC21_BI21_CD22_DJ21_CS21_DS21	5	10->12		18/08/25	26/10/25	Trần Đức Phong (GDTC2002)	
				6	1->3				Trần Đức Phong (GDTC2002)	
46	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N08)/75DCDD21	3	4->6		18/08/25	26/10/25	Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
				4	10->12				Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
47	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N09)/75DCDD22	3	7->9		18/08/25	26/10/25	Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
				4	4->6				Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
48	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N10)/75DCKN21	3	1->3		18/08/25	26/10/25	Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
				4	1->3				Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
49	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N11)/75DCKN22	3	7->9		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
				5	7->9				Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
50	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N12)/75DCKN23	3	1->3		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
				6	4->6				Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
51	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N13)/75DCKN24	2	1->3		18/08/25	26/10/25	Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
				3	10->12				Ngô Thu Ngọc (GDTC3007)	
52	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N17)/75DCQX21	2	4->6		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
				3	7->9				Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
53	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N18)/75DCQX22	2	1->3		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
				3	4->6				Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
54	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N19)/75DCCK21	2	7->9		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
				4	7->9				Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
55	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N20)/75DCCK22	2	4->6		18/08/25	26/10/25	Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
				3	4->6				Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
56	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N21)/75DCCK23	2	10->12		18/08/25	26/10/25	Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
				3	1->3				Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
57	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N22)/75DCCK24	3	7->9		18/08/25	26/10/25	Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
				4	4->6				Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
58	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N23)/75DCCK25	2	7->9		18/08/25	26/10/25	Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
				4	7->9				Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
59	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N24)/75DCOT21	4	7->9		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
				6	10->12				Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
60	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N25)/75DCOT22	5	1->3		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
				6	4->6				Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
61	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N26)/75DCOT23	2	4->6		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
				3	1->3				Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
62	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N27)/75DCOT24	2	7->9		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
				5	4->6				Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
63	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N28)/75DCOT25	2	4->6		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
				6	7->9				Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
64	DC1TD31	2	Bóng chuyển-1-1-25(N29)/75DCOT26_OG22	3	4->6		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	

				4	10->12				Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
65	DC1TD31	2	Bóng chuyền-1-1-25(N30)/75DCOG21	3	7->9		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
				6	1->3				Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
66	DC1TD31	2	Bóng chuyền-1-1-25(N32)/75DCOT11	5	10->12		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
				6	4->6				Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
67	DC1TD31	2	Bóng chuyền-1-1-25(N33)/75DCOT12	2	10->12		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
				5	7->9				Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
68	DC1TD31	2	Bóng chuyền-1-1-25(N34)/75DCTQ21	5	1->6		18/08/25	26/10/25	Đặng Quý Quyền (KHCB1003)	
69	DC1TD31	2	Bóng chuyền-1-1-25(N35)/75DCXQ21	5	7->12		18/08/25	26/10/25	Đặng Quý Quyền (KHCB1003)	
70	DC1TD31	2	Bóng chuyền-1-1-25(N36)/75DCXQ22	6	1->3		18/08/25	26/10/25	Đặng Quý Quyền (KHCB1003)	
				6	4->6				Đặng Quý Quyền (KHCB1003)	
71	DC3LG27	2	Bảo hiểm ngoại thương-1-1-25(N01)/73DCVL21	4	3->4	A2.201	18/08/25	07/09/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				4	3->4	A1.103	08/09/25	02/11/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				4	8->9	A3.407	03/11/25	30/11/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
72	DC3LG27	2	Bảo hiểm ngoại thương-1-1-25(N02)/73DCVL22	4	5->6	A2.102	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				4	5->6	A3.407	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				6	9->10	A1.401	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
73	DC3LG27	2	Bảo hiểm ngoại thương-1-1-25(N03)/73DCVL23	3	5->6	A2.103	18/08/25	07/09/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				2	9->10	A1.304	08/09/25	02/11/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				4	10->11	C3.204	03/11/25	30/11/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
74	DC3LG27	2	Bảo hiểm ngoại thương-1-1-25(N04)/73DCVL24	5	3->4	A2.202	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				4	7->8	C3.201	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				6	5->6	C3.106	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
75	DC2CB89	2	Bảo hiểm trong GTVT-1-1-25(N01)/75DKLG21	3	3->4	A1.102 (DK)	18/08/25	02/11/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				6	3->4	A1.102 (DK)	03/11/25	30/11/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
76	DC3TN54	2	Bảo hiểm-1-1-25(N01)/74DCHQ21	2	8->10	A3.407	03/11/25	14/12/25	Trần Kim Thoa (KVTN3008)	
				2	7->10	A3.407	15/12/25	04/01/26	Trần Kim Thoa (KVTN3008)	
77	DC3TN54	2	Bảo hiểm-1-1-25(N02)/74DCHQ22	6	10->12	A2.104	03/11/25	14/12/25	Cù Thị Hiền (KTHI3012)	
				2	5->6	A1.303	15/12/25	04/01/26	Cù Thị Hiền (KTHI3012)	
				6	10->11	A2.104			Cù Thị Hiền (KTHI3012)	
78	DC2CK62	3	Chi tiết máy 2-1-1-25(N01)/74DCOT21	2	7->9	A1.203	18/08/25	05/10/25	Nguyễn Thị Nam (CKDM3001)	
				5	4->6	A3.407	03/11/25	28/12/25	Nguyễn Thị Nam (CKDM3001)	
79	DC2CK62	3	Chi tiết máy 2-1-1-25(N02)/74DCOT22	3	7->9	A1.301	18/08/25	05/10/25	Yên Văn Thực (CKDM3003)	
				4	4->6	A1.402	03/11/25	28/12/25	Yên Văn Thực (CKDM3003)	
80	DC2CK62	3	Chi tiết máy 2-1-1-25(N03)/74DCOT23	6	7->9	A1.203	18/08/25	02/11/25	Yên Văn Thực (CKDM3003)	
				4	7->9	A1.503	01/12/25	28/12/25	Yên Văn Thực (CKDM3003)	
81	DC2CK62	3	Chi tiết máy 2-1-1-25(N04)/74DCOT24	2	7->9	A1.204	18/08/25	02/11/25	Nguyễn Xuân Hòa (CKMX3007)	
				2	7->9	A1.303	01/12/25	28/12/25	Nguyễn Xuân Hòa (CKMX3007)	
82	DC2CK62	3	Chi tiết máy 2-1-1-25(N05)/74DCOT25	5	7->9	A3.403	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Xuân Hành (CKMT3003)	
				4	1->3	A3.403	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Xuân Hành (CKMT3003)	
				5	4->6	A1.504	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Xuân Hành (CKMT3003)	
83	DC2CK62	3	Chi tiết máy 2-1-1-25(N06)/74DCOT26	3	10->12	A1.204	18/08/25	02/11/25	Nguyễn Xuân Hành (CKMT3003)	
				5	1->3	A1.404	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Xuân Hành (CKMT3003)	
84	DC2CK62	3	Chi tiết máy 2-1-1-25(N07)/74DCOT27	2	10->12	A1.503	15/09/25	02/11/25	Nguyễn Xuân Hòa (CKMX3007)	
				3	7->9	A1.403	03/11/25	28/12/25	Nguyễn Xuân Hòa (CKMX3007)	
85	DC2CK62	3	Chi tiết máy 2-1-1-25(N08)/74DCOT11	5	1->2	VA1.204	18/08/25	19/10/25	Trần Ngọc Vũ (HSSV2001)	
				6	2->4	VA1.204			Trần Ngọc Vũ (HSSV2001)	
				2	7->8	A2.403	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Phương Dung (CTTL3006)	

86	DC3MO48	2	Chuyên đề Công tác tư vấn trong bảo vệ môi trường-1-1-25(N01)/73DCMN21	2	7->8	A3.201	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Phương Dung (CTTL3006)	
				2	7->8	C3.204	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Phương Dung (CTTL3006)	
87	DC3DT38	2	Chuyên đề về ITS-1-1-25(N01)/73DCDT21	6	5->6	C3.103	18/08/25	07/09/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
				2	3->4	A1.304	08/09/25	02/11/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
				6	5->6	C3.101	03/11/25	30/11/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
88	DC3DT38	2	Chuyên đề về ITS-1-1-25(N02)/73DCDT22	6	3->4	A6.102	18/08/25	07/09/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
				6	3->4	A6.102	08/09/25	02/11/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
				6	3->4	C3.206	03/11/25	30/11/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
89	DC3DT38	2	Chuyên đề về ITS-1-1-25(N03)/73DCDT23	5	1->2	A3.203	18/08/25	07/09/25	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
				5	1->2	A3.203	08/09/25	02/11/25	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
				5	1->2	C3.104	03/11/25	30/11/25	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
90	DC3CO70	4	Chẩn đoán và bảo dưỡng kỹ thuật ô tô-1-1-25(N01)/73DCCO21	6	1->4	A3.308	18/08/25	07/09/25	Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
				6	1->4	A3.308	08/09/25	02/11/25	Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
				6	1->4	A1.502	03/11/25	30/11/25	Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
91	DC3CO70	4	Chẩn đoán và bảo dưỡng kỹ thuật ô tô-1-1-25(N02)/73DCCO22	4	3->6	C3.101	18/08/25	07/09/25	Lê Quang Thắng (CKOT3002)	
				4	3->6	C3.101	08/09/25	02/11/25	Lê Quang Thắng (CKOT3002)	
				4	3->6	A1.103	03/11/25	30/11/25	Lê Quang Thắng (CKOT3002)	
92	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N01)/75DCMN21_75DCLA21	2	7->10	A6.101	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thơ (LLNL3001)	
				3	1->3	A6.101			Nguyễn Thị Thơ (LLNL3001)	
				2	7->9	A6.101	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thơ (LLNL3001)	
				2	1->3	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thơ (LLNL3001)	
93	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N02)/75DCOT21_75DCOT22	3	3->6	A3.301	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Tâm (LLNL3003)	
				4	4->6	A3.301			Trần Thị Tâm (LLNL3003)	
				3	4->6	A3.301	08/09/25	14/09/25	Trần Thị Tâm (LLNL3003)	
				3	4->6	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Trần Thị Tâm (LLNL3003)	
94	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N04)/75DCOT23_75DCOT24	3	7->9	A3.301	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Trà (LLNL3002)	
				6	7->10	A5.202			Nguyễn Thị Thu Trà (LLNL3002)	
				3	7->9	A3.301	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thu Trà (LLNL3002)	
				3	7->9	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Trà (LLNL3002)	
95	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N06)/75DCOT25_75DCOG21	3	10->12	A3.301	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Tâm (LLNL3003)	
				6	3->6	A5.202			Trần Thị Tâm (LLNL3003)	
				3	10->12	A3.301	08/09/25	14/09/25	Trần Thị Tâm (LLNL3003)	
				3	10->12	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Trần Thị Tâm (LLNL3003)	
96	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N07)/75DCOT26_75DCOG22	4	7->9	C3.202	18/08/25	07/09/25	Phạm Văn Tân (TCCB3004)	
				5	7->10	C3.102			Phạm Văn Tân (TCCB3004)	
				4	7->9	C3.202	08/09/25	14/09/25	Phạm Văn Tân (TCCB3004)	
				4	7->9	C3.202	15/09/25	19/10/25	Phạm Văn Tân (TCCB3004)	
97	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N10)/75DCQT21_75DCQT22	5	4->6	A6.201	18/08/25	07/09/25	Phạm Văn Tân (TCCB3004)	
				6	7->10	A6.201			Phạm Văn Tân (TCCB3004)	
				6	7->9	A6.201	08/09/25	14/09/25	Phạm Văn Tân (TCCB3004)	
				6	7->9	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Phạm Văn Tân (TCCB3004)	
98	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N12)/75DCQT23_75DCQM25	2	3->6	A3.301	18/08/25	07/09/25	Phạm Văn Tân (TCCB3004)	
				4	10->12	A3.301			Phạm Văn Tân (TCCB3004)	
				4	4->6	A3.301	08/09/25	14/09/25	Phạm Văn Tân (TCCB3004)	
				4	4->6	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Phạm Văn Tân (TCCB3004)	
				5	7->9	A3.301	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	

99	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N13)/75DCQM21_75DCQM22	6	3->6	A3.301	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
				6	4->6	A3.301	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
				6	4->6	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
100	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N15)/75DCQM23_75DCQM24	4	1->3	A3.301	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
				5	3->6	A3.301			Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
				5	4->6	A3.301	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
				5	4->6	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
101	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N18)/75DCTD21_75DCTD22	4	4->6	A6.101	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
				6	7->10	A3.301			Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
				6	7->9	A3.301	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
				6	7->9	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
102	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N20)/75DCTD23_75DCTD24	3	7->9	A6.101	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
				4	7->10	A6.101			Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
				6	1->3	A6.101	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
				4	7->9	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (BMLL1002)	
103	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N22)/75DCTN21_75DCTN22	5	3->6	Hội trường HN	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
				6	3->5	Hội trường HN			Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
				5	4->6	Hội trường HN	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
				5	4->6	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
104	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N24)/75DCTN23_75DCTN24	4	3->6	Tầng 4 - Thư viện	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
				5	10->12	Tầng 4 - Thư viện			Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
				5	10->12	Tầng 4 - Thư viện	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
				5	10->12	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
105	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N26)/75DCHQ21_75DCHQ22	2	9->12	A3.301	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
				4	7->9	A3.301			Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
				4	7->9	A3.301	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
				4	7->9	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
106	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N28)/75DCLG21_75DCLG22	5	7->9	Hội trường HN	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
				6	7->10	Hội trường HN			Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
				5	7->9	Hội trường HN	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
				5	7->9	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
107	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N30)/75DCLG23_75DCLG24	5	3->6	A5.202	18/08/25	07/09/25	Phạm Bích Hằng (BMLL1003)	
				6	4->6	Tầng 4 - Thư viện			Phạm Bích Hằng (BMLL1003)	
				6	4->6	Tầng 4 - Thư viện	08/09/25	14/09/25	Phạm Bích Hằng (BMLL1003)	
				6	4->6	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Phạm Bích Hằng (BMLL1003)	
108	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N32)/75DCLGJ2_75DCLGJ4	5	7->10	C3.202	18/08/25	07/09/25	Phạm Bích Hằng (BMLL1003)	
				6	1->3	C3.202			Phạm Bích Hằng (BMLL1003)	
				6	1->3	C3.202	08/09/25	14/09/25	Phạm Bích Hằng (BMLL1003)	

				6	1->3	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Phạm Bích Hằng (BMLL1003)	
109	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N34)/75DCHT21_75DCHT22	3	1->4	Hội trưởng HN	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Trà (LLNL3002)	
				5	1->3	Tầng 4 - Thư viện			Nguyễn Thị Thu Trà (LLNL3002)	
				5	1->3	A3.301	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thu Trà (LLNL3002)	
				5	1->3	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Trà (LLNL3002)	
110	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N36)/75DCHT23_75DCHT24	4	1->4	Hội trưởng HN	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Trà (LLNL3002)	
				6	1->3	Tầng 4 - Thư viện			Nguyễn Thị Thu Trà (LLNL3002)	
				4	1->3	A3.301	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thu Trà (LLNL3002)	
				4	1->3	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Trà (LLNL3002)	
111	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N38)/75DCCN21_75DCCN22	5	7->9	A5.201	18/08/25	07/09/25	Hà Hoàng Giang (LLNL2001)	
				5	7->11	A5.201	08/09/25	14/09/25	Hà Hoàng Giang (LLNL2001)	
				5	7->11	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Hà Hoàng Giang (LLNL2001)	
112	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N40)/75DCCN23_75DCCO23	5	10- >12	A5.202	18/08/25	07/09/25	Hà Hoàng Giang (LLNL2001)	
				5	2->6	A5.201	08/09/25	14/09/25	Hà Hoàng Giang (LLNL2001)	
				5	2->6	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Hà Hoàng Giang (LLNL2001)	
113	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N41)/75DCCO21_75DCCO22	3	1->3	A6.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu (LLNL3006)	
				3	2->6	A6.201	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thu (LLNL3006)	
				3	2->6	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu (LLNL3006)	
114	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N42)/75DCVL21_75DCVS21	6	4->6	A3.306	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
				6	2->6	A3.306	24/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
				6	2->6	A3.306	01/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Như Ngọc (LLNL3008)	
115	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N43)/75DCVL22_75DCVL23	5	4->6	Trực tuyển	03/11/25	23/11/25	Hà Hoàng Giang (LLNL2001)	
				5	2->6	Trực tuyển	24/11/25	30/11/25	Hà Hoàng Giang (LLNL2001)	
				5	2->6	Trực tuyển	01/12/25	04/01/26	Hà Hoàng Giang (LLNL2001)	
116	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N44)/75DCOT11_OT12	3	2->6	VA4.402	18/08/25	28/09/25	Trịnh Thị Thu Hằng (LLDL2001)	
				3	2->4	VA4.402	29/09/25	19/10/25	Trịnh Thị Thu Hằng (LLDL2001)	
117	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N46)/75DCCK21_CK25	6	1->4	VA4.402	18/08/25	19/10/25	Phạm Thị Thương (LLTT2001)	
				6	1->3	VA4.402	20/10/25	26/10/25	Phạm Thị Thương (LLTT2001)	
118	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N47)/75DCCK22_CK24	5	9->12	VA4.402	18/08/25	19/10/25	Phạm Thị Thương (LLTT2001)	
				5	10- >12	VA4.402	20/10/25	26/10/25	Phạm Thị Thương (LLTT2001)	
119	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N48)/75DCCK23	5	2->5	VA1.301	18/08/25	19/10/25	Phạm Thị Thương (LLTT2001)	
				5	2->4	VA1.301	20/10/25	26/10/25	Phạm Thị Thương (LLTT2001)	
120	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N49)/75DCKX21_KX22	6	2->5	VA4.401	03/11/25	04/01/26	Trịnh Thị Thu Hằng (LLDL2001)	
				6	3->5	VA4.402	05/01/26	11/01/26	Trịnh Thị Thu Hằng (LLDL2001)	
121	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N51)/75DCKX23_KX24	5	2->5	VA4.401	03/11/25	04/01/26	Trịnh Thị Thu Hằng (LLDL2001)	
				5	2->4	VA4.401	05/01/26	11/01/26	Trịnh Thị Thu Hằng (LLDL2001)	
122	DC1LL08	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-25(N53)/75DCKX25	6	8->11	VA1.301	03/11/25	04/01/26	Trịnh Thị Thu Hằng (LLDL2001)	
				6	9->11	VA1.301	05/01/26	11/01/26	Trịnh Thị Thu Hằng (LLDL2001)	
123	DC2TM24	3	Cloud Networking-1-1-25(N01)/73DCTM21	4	7->9	A2.102	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				5	7->9	A2.203			Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				4	7->10	A3.203	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				5	7->9	A6.202			Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				4	10- >12	A6.202	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	

124	DC2TM24	3	Cloud Networking-1-1-25(N02)/73DCTM22	5	10->12	A1.503	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				5	10->12	A6.102			Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				6	9->12	A1.103			Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
125	DC2TM24	3	Cloud Networking-1-1-25(N03)/73DCTM23	3	4->6	A2.104	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				6	4->6	A3.201			Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				3	7->9	C3.101	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				6	3->6	A3.201			Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
126	DC3DT46	3	Các hệ thống truyền thông thế hệ mới-1-1-25(N01)/73DCDT21	4	4->6	A6.502	18/08/25	07/09/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
				4	4->6	A6.502	08/09/25	02/11/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
				4	4->6	C3.103	03/11/25	30/11/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
127	DC3DT46	3	Các hệ thống truyền thông thế hệ mới-1-1-25(N02)/73DCDT22	3	4->6	A3.203	18/08/25	07/09/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
				3	4->6	A3.203	08/09/25	02/11/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
				3	4->6	C3.206	03/11/25	30/11/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
				4	1->3	A3.203	18/08/25	07/09/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
128	DC3DT46	3	Các hệ thống truyền thông thế hệ mới-1-1-25(N03)/73DCDT23	4	1->3	A3.203	08/09/25	02/11/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
				4	1->3	C3.203	03/11/25	30/11/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
				2	7->9	A1.504	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
129	DC3CN29	3	Công nghệ CAD/73DCCN21	4	11->12	A2.402			Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				5	7->9	A2.202			Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				2	7->9	A1.504			Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				5	7->9	A1.104			Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
130	DC3CN29	3	Công nghệ CAD/73DCCN22	2	10->12	A3.402			Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				3	4->6	A1.503	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				6	7->8	A2.503			Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				2	10->12	A3.402	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				3	4->6	A1.503			Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
131	DC3CN29	3	Công nghệ CAD/73DCCN23	5	3->6	A2.304	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				6	3->6	C3.101			Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				6	1->6	C3.101	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
132	DC2TM23	3	Công nghệ blockchain-1-1-25(N01)/73DCTM21	2	2->6	A2.102	18/08/25	07/09/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				4	10->12	A2.102			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				2	1->6	A3.203	08/09/25	19/10/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
133	DC2TM23	3	Công nghệ blockchain-1-1-25(N02)/73DCTM22	2	9->12	A1.104	18/08/25	07/09/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				6	7->10	A1.101			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				4	7->9	A6.202	08/09/25	19/10/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				5	7->9	A6.102			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
134	DC2TM23	3	Công nghệ blockchain-1-1-25(N03)/73DCTM23	4	4->6	A6.202	18/08/25	07/09/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				5	2->6	A3.201			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				4	4->6	A6.202	08/09/25	19/10/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				5	4->6	A3.201			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
135	DC3CM23	4	Công nghệ chế tạo máy-1-1-25(N01)/74DCCM21	2	1->3	A1.304	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				3	7->9	A1.304			Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				4	9->10	A3.302	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				3	7->9	A1.304			Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
136	DC3CM23	4	Công nghệ chế tạo máy-1-1-25(N02)/74DCCM22	4	9->11	A3.302	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				2	4->6	A3.302			Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				3	10->12	A3.302	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				6	9->10	A3.302			Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				3	10->12	A3.302	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
137	DC2CN22	3	Công nghệ chế tạo máy-1-1-25(N03)/74DCCN21	6	9->11	A3.302			Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				2	4->6	A3.303	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Anh Tuấn (XUUD3003)	
				4	5->6	A3.303			Nguyễn Anh Tuấn (XUUD3003)	
138	DC2CN22	3	Công nghệ chế tạo máy-1-1-25(N04)/74DCCN22	2	9->11	A3.303	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Anh Tuấn (XUUD3003)	

139	DC2CN22	3	Công nghệ chế tạo máy-1-1-25(N05)/74DCCN23	4	7->8	A3.303	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Anh Tuấn (XUUD3003)	
				2	2->3	A3.401			Nguyễn Anh Tuấn (XUUD3003)	
				4	10->12	A3.402			Nguyễn Anh Tuấn (XUUD3003)	
140	DC3CN31	2	Công nghệ gia công phi truyền thống và tạo mẫu nhanh-1-1-25(N01)/73DCCN21	6	3->6	A2.401	18/08/25	07/09/25	Hồ Thị Thanh Mai (BMCS1004)	
				6	10->12	A3.407	08/09/25	19/10/25	Hồ Thị Thanh Mai (BMCS1004)	
141	DC3CN31	2	Công nghệ gia công phi truyền thống và tạo mẫu nhanh-1-1-25(N02)/73DCCN22	5	9->12	A5.302	18/08/25	07/09/25	Hồ Thị Thanh Mai (BMCS1004)	
				5	9->11	A5.302	08/09/25	19/10/25	Hồ Thị Thanh Mai (BMCS1004)	
142	DC3CN31	2	Công nghệ gia công phi truyền thống và tạo mẫu nhanh-1-1-25(N03)/73DCCN23	2	3->6	A2.404	18/08/25	07/09/25	Võ Thanh Được (CBL4000)	
				2	4->6	A6.202	08/09/25	19/10/25	Võ Thanh Được (CBL4000)	
143	DC2CK33	3	Công nghệ kim loại-1-1-25(N01)/74DCOG21	3	7->11	A1.302	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Quốc Tuấn (CKMT3002)	
144	DC3DT82	2	Công nghệ vi điện tử-1-1-25(N01)/73DCDT21	6	3->4	C3.103	18/08/25	07/09/25	Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				2	5->6	A1.304	08/09/25	02/11/25	Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				6	3->4	C3.101	03/11/25	30/11/25	Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
145	DC3DT82	2	Công nghệ vi điện tử-1-1-25(N02)/73DCDT22	6	5->6	A6.102	18/08/25	07/09/25	Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
				6	5->6	A6.102	08/09/25	02/11/25	Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
				6	5->6	C3.206	03/11/25	30/11/25	Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
146	DC3DT82	2	Công nghệ vi điện tử-1-1-25(N03)/73DCDT23	6	1->2	A6.502	18/08/25	07/09/25	Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				6	5->6	A6.502	08/09/25	02/11/25	Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				6	3->4	A1.404	03/11/25	30/11/25	Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
147	DC3MO26	3	Công nghệ xử lý chất thải rắn-1-1-25(N02)/74DCMN21	3	7->9	A3.204	18/08/25	30/11/25	Lê Phú Tuấn (CTMT3013)	
148	DC3MO38	2	Công nghệ xử lý nước cấp-1-1-25(N02)/74DCMN21	2	7->8	A3.304	18/08/25	30/11/25	Lư Thị Yến (CBLH2004)	
149	DC3MO45	2	Công nghệ xử lý nước thải-1-1-25(N02)/74DCMN21	2	9->10	A3.304	18/08/25	30/11/25	Nguyễn Thị Phương Dung (CTTL3006)	
150	DC3QX44	2	Công trình dân dụng và công nghiệp-1-1-25(N01)/74DCQX21	4	9->11	A5.303	03/11/25	14/12/25	Bùi Gia Linh (XDCB3004)	
				4	9->12	A5.303	15/12/25	04/01/26	Bùi Gia Linh (XDCB3004)	
151	DC3QX44	2	Công trình dân dụng và công nghiệp-1-1-25(N02)/74DCQX22	4	2->4	A3.403	03/11/25	14/12/25	Trịnh Thị Hoa (CTKC3006)	
				4	1->4	A3.403	15/12/25	04/01/26	Trịnh Thị Hoa (CTKC3006)	
152	DC3QX44	2	Công trình dân dụng và công nghiệp-1-1-25(N03)/74DCQX23	5	2->4	A5.303	03/11/25	14/12/25	Bùi Mạnh Lực (CTTN3003)	
				5	1->4	A5.303	15/12/25	04/01/26	Bùi Mạnh Lực (CTTN3003)	
153	DC3DB74	4	Công trình đường bộ-1-1-25(N01)/74DCQX21	2	8->9	A1.401	03/11/25	14/12/25	Mai Thị Hải Vân (CTDB3007)	
				5	7->10	A5.303			Mai Thị Hải Vân (CTDB3007)	
				2	7->9	A1.401	15/12/25	04/01/26	Mai Thị Hải Vân (CTDB3007)	
				5	7->11	A5.303			Mai Thị Hải Vân (CTDB3007)	
154	DC3DB74	4	Công trình đường bộ-1-1-25(N02)/74DCQX22	5	10->11	A3.403	03/11/25	23/11/25	Phạm Văn Lượng (CTDB2007)	
				6	3->6	A3.407			Phạm Văn Lượng (CTDB2007)	
				5	10->11	A3.403	24/11/25	14/12/25	Phạm Văn Lượng (CTDB2007)	
				6	3->6	A3.403			Phạm Văn Lượng (CTDB2007)	
				5	10->12	A1.303	15/12/25	04/01/26	Phạm Văn Lượng (CTDB2007)	
				6	2->6	A3.403			Phạm Văn Lượng (CTDB2007)	
155	DC3DB74	4	Công trình đường bộ-1-1-25(N03)/74DCQX23	4	7->10	A1.401	03/11/25	14/12/25	Vũ Thành Long (CTDB3006)	
				5	5->6	A5.303			Vũ Thành Long (CTDB3006)	
				3	7->8	A5.303			Vũ Thành Long (CTDB3006)	
				4	7->10	A1.401	15/12/25	04/01/26	Vũ Thành Long (CTDB3006)	
				5	5->6	A5.303			Vũ Thành Long (CTDB3006)	
156	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N02)/75DCCD21_CK25_QX21	3	2->4	VA4.401	18/08/25	28/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				3	1->4	VA4.401	29/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
157	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N04)/75DCKN24_CD23_CH21	3	1->3	Hội trường lớn B2	18/08/25	28/09/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				3	1->3	Hội trường lớn B2	29/09/25	19/10/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				7	8->8				Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	

158	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N05)/75DCBC21_CS21_DS21_KN22_KN23_VS21	2	2->4	VA4.402	18/08/25	28/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				2	1->4	VA4.402	29/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
159	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N06)/75DCBI21_VL22_VL23	2	1->3	VA4.401	18/08/25	28/09/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				2	1->4	VA4.401	29/09/25	19/10/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
160	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N07)/75DCDJ21_DD21_DD22	5	2->4	VA4.402	18/08/25	28/09/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				5	1->4	VA4.402	29/09/25	19/10/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
161	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N10)/75DCCD11_KN21_VL21	6	2->4	VA4.401	18/08/25	28/09/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				6	1->4	VA4.401	29/09/25	19/10/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
162	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N18)/75DCCK23_CK24_QX22	6	1->3	Hội trường lớn B2	18/08/25	28/09/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				6	1->4	Hội trường lớn B2	29/09/25	19/10/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
163	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N23)/75DCCD22_CK21_CK22	3	9->11	VA4.401	18/08/25	28/09/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				3	8->11	VA4.401	29/09/25	19/10/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
164	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N24)/75DCOT21_OT11_OT12	3	3->5	VA4.402	03/11/25	14/12/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				3	3->6	VA4.402	15/12/25	04/01/26	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
165	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N25)/75DCCO21_OT22_OT25	4	7->9	VA4.401	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				4	7->10	VA4.401	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
166	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N26)/75DCOT23_KX23_OT24	3	9->11	VA4.402	03/11/25	14/12/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				3	9->12	VA4.402	15/12/25	04/01/26	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
167	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N29)/75DCQM21_EN21_OG22_OT26	6	9->11	VA4.402	03/11/25	14/12/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				6	9->12	VA4.402	15/12/25	04/01/26	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
168	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N30)/75DCOG21_EN22_QM25	2	9->11	VA4.401	03/11/25	14/12/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				2	9->12	VA4.401	15/12/25	04/01/26	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
169	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N33)/75DCQM22_CO22_KX22	4	3->5	VA4.402	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				4	3->6	VA4.402	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
170	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N34)/75DCQM23_KX21_KX25	2	2->4	VA4.402	03/11/25	14/12/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				2	1->4	VA4.402	15/12/25	04/01/26	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
171	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N35)/75DCQM24_CO23_KX24	2	2->4	VA4.401	03/11/25	14/12/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				2	1->4	VA4.401	15/12/25	04/01/26	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
172	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N36)/75DCTQ21_75DCTG21	6	1->4	TN.202.C	18/08/25	28/09/25		
				6	3->4	TN.202.C	29/09/25	19/10/25		
				6	1->2	TN.202.C				
173	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N37)/75DCXQ21_75DCXQ22	5	1->3	TN.203.C	18/08/25	28/09/25		
				5	3->4	TN.204.C	29/09/25	19/10/25		
				5	1->2	TN.203.C				

174	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N38)/75DCQT21_75DCQT22	4	1->3	TN.204.C	03/11/25	14/12/25		
				6	9->10	TN.204.C	15/12/25	04/01/26		
				6	7->8	TN.204.C				
175	DC1QP06	2	Công tác quốc phòng và an ninh-1-1-25(N40)/75DCQT23_75DCLA21	6	1->3	TN.203.C	03/11/25	14/12/25		
				6	1->2	TN.203.C	15/12/25	04/01/26		
				6	3->4	TN.203.C				
176	DC2CO31	3	Cơ học cơ sở-1-1-25(N01)/75DCCN21	2	2->6	A1.502	18/08/25	19/10/25	Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
177	DC2CO31	3	Cơ học cơ sở-1-1-25(N02)/75DCCN22	3	2->6	A1.502	18/08/25	19/10/25	Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
178	DC2CO31	3	Cơ học cơ sở-1-1-25(N03)/75DCCN23	4	7->11	C3.105	18/08/25	07/09/25	Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				2	11->12	C3.105	08/09/25	19/10/25	Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				4	1->3	A3.402			Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
179	DC2CO31	3	Cơ học cơ sở-1-1-25(N04)/75DCCO21	4	7->11	A1.503	18/08/25	19/10/25	Lê Văn Kiên (CSKT3014)	
180	DC2CO31	3	Cơ học cơ sở-1-1-25(N05)/75DCCO22	5	2->6	A1.501	18/08/25	19/10/25	Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
181	DC2CO31	3	Cơ học cơ sở-1-1-25(N06)/75DCCO23	4	7->11	A1.502	18/08/25	19/10/25	Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
182	DC2CT24	2	Cơ học kết cấu 2-1-1-25(N01)/74DCDD21	2	9->11	A3.403	18/08/25	19/10/25	Lê Thị Như Trang (CTCA2001)	
				2	7->8	A3.403			Lê Thị Như Trang (CTCA2001)	
183	DC2CT28	4	Cơ học và sức bền vật liệu-1-1-25(N01)/75DCCD11_CH21	6	8->11	VA1.302	18/08/25	26/10/25	Trương Thị Huệ (CSKT2004)	
				6	5->6	VA1.301			Trương Thị Huệ (CSKT2004)	
184	DC2CT28	4	Cơ học và sức bền vật liệu-1-1-25(N02)/75DCTQ21	4	1->6		18/08/25	26/10/25	Đồng Minh Khánh (BMCS1001)	
185	DC3TG28	2	Cơ sở dữ liệu lớn-1-1-25(N01)/74DCTG21	4	7->9	A1.103	03/11/25	04/01/26	Lê Minh Hải (CTTH3003)	
				5	5->6	A1.103			Lê Minh Hải (CTTH3003)	
186	DC3TG28	2	Cơ sở dữ liệu lớn-1-1-25(N02)/74DCTG22	6	2->6	A1.304	03/11/25	04/01/26	Đặng Thế Vinh (CTTN3005)	
187	DC2MO33	4	Cơ sở quá trình công nghệ môi trường-1-1-25(N01)/75DCMN21	2	3->6	C3.204	03/11/25	14/12/25	Lư Thị Yến (CBLH2004)	
				6	7->10	A3.302			Lư Thị Yến (CBLH2004)	
				2	1->6	C3.204	15/12/25	04/01/26	Lư Thị Yến (CBLH2004)	
				4	4->6	A1.504			Lư Thị Yến (CBLH2004)	
188	DC2CK59	2	Cơ sở thiết kế trên máy tính-1-1-25(N01)/74DCMT21	2	7->8	A5.302	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Duy Linh (XUUD3005)	
				6	1->3	A3.406			Nguyễn Duy Linh (XUUD3005)	
189	DC2CK59	2	Cơ sở thiết kế trên máy tính-1-1-25(N02)/74DCMX21	4	7->8	A1.202	03/11/25	04/01/26	Đỗ Hữu Tuấn (CKMX3004)	
				5	4->6	A3.302			Đỗ Hữu Tuấn (CKMX3004)	
190	DC2CK59	2	Cơ sở thiết kế trên máy tính-1-1-25(N03)/74DCDM21	4	4->6	A5.302	03/11/25	04/01/26	Đỗ Hữu Tuấn (CKMX3004)	
				5	1->2	A5.302			Đỗ Hữu Tuấn (CKMX3004)	
191	DC3DT34	2	Cơ sở truyền số liệu-1-1-25(N01)/74DCDT21	3	8->10	C3.105	03/11/25	14/12/25	Đỗ Phương Nhung (TTDT4007)	
				3	7->10	C3.105	15/12/25	04/01/26	Đỗ Phương Nhung (TTDT4007)	
192	DC3DT34	2	Cơ sở truyền số liệu-1-1-25(N02)/74DCDT22	3	2->4	C3.202	03/11/25	14/12/25	Đỗ Phương Nhung (TTDT4007)	
				3	1->4	C3.202	15/12/25	04/01/26	Đỗ Phương Nhung (TTDT4007)	
193	DC3DT34	2	Cơ sở truyền số liệu-1-1-25(N03)/74DCDT23	5	9->11	C3.105	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Cảnh Lam (TTDT3020)	
				5	9->12	C3.105	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Cảnh Lam (TTDT3020)	
194	DC3DT34	2	Cơ sở truyền số liệu-1-1-25(N04)/74DCDT24	2	9->11	A1.204	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Cảnh Lam (TTDT3020)	
				2	9->12	A1.204	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Cảnh Lam (TTDT3020)	
195	DC2LA27	2	Cơ sở văn hóa Việt Nam-1-1-25(N01)/75DCLA21	5	1->3	Thực tuyển	03/11/25	11/01/26	Đặng Thị Minh Phương (LLTT2002)	
196	DC3CK81	2	Cơ điện tử trên ô tô-1-1-25(N01)/73DCOT21	2	10->12	A2.202	18/08/25	14/09/25	Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
				3	4->6	A2.302			Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
				2	10->12	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
				3	4->6	Thực tuyển			Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
197	DC3CK81	2	Cơ điện tử trên ô tô-1-1-25(N02)/73DCOT22	4	7->9	A2.204	18/08/25	14/09/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				5	4->6	A2.503			Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				4	7->9	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	

				5	4->6	Trực tuyển	18/08/25	21/09/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
198	DC3CK81	2	Cơ điện tử trên ô tô-1-1-25(N03)/73DCOT23	2	7->9	A2.201	18/08/25	14/09/25	Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
				3	1->3	A2.301			Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
				2	7->9	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
				3	1->3	Trực tuyển			Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
199	DC3CK81	2	Cơ điện tử trên ô tô-1-1-25(N04)/73DCOT24	2	7->9	A2.104	18/08/25	14/09/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				5	7->9	A2.304			Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				2	7->9	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				5	7->9	Trực tuyển			Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
200	DC3CK81	2	Cơ điện tử trên ô tô-1-1-25(N05)/73DCOT25	2	1->3	A2.201	18/08/25	14/09/25	Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
				5	7->9	A2.303			Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
				2	1->3	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
				5	7->9	Trực tuyển			Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
201	DC3CK81	2	Cơ điện tử trên ô tô-1-1-25(N06)/73DCOT26	2	10->12	A2.103	18/08/25	14/09/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				5	1->3	A2.302			Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				2	10->12	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				5	1->3	Trực tuyển			Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
202	DC3CK81	2	Cơ điện tử trên ô tô-1-1-25(N07)/73DCOT27	5	10->12	A2.302	18/08/25	14/09/25	Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
				6	4->6	A2.202			Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
				5	10->12	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
				6	4->6	Trực tuyển			Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
203	DC3CK81	2	Cơ điện tử trên ô tô-1-1-25(N08)/73DCOT28	4	10->12	A2.203	18/08/25	14/09/25	Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
				5	1->3	A2.301			Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
				4	10->12	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
				5	1->3	Trực tuyển			Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
204	DC3CK81	2	Cơ điện tử trên ô tô-1-1-25(N09)/73DCOT29	5	7->9	A2.301	18/08/25	14/09/25	Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
				6	1->3	A2.104			Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
				5	7->9	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
				6	1->3	Trực tuyển			Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
205	DC3CK81	2	Cơ điện tử trên ô tô-1-1-25(N10)/73DCOT11	5	7->9	VA1.101	18/08/25	21/09/25	Phùng Anh Tuấn (CKOT2010)	
				6	8->10	VA1.101			Phùng Anh Tuấn (CKOT2010)	
206	DC3LH12	3	Cảng cạn và trung tâm Logistics-1-1-25(N01)/74DCLH21	4	2->6	A1.202	18/08/25	19/10/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
207	DC3LH12	3	Cảng cạn và trung tâm Logistics-1-1-25(N02)/74DCLH22	4	7->11	A1.201	18/08/25	19/10/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
208	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N01)/74DCHT21	2	7->9	A3.308	18/08/25	07/09/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				3	4->6	A3.308			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				4	5->6	C2.102			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				2	7->9	A3.308	08/09/25	19/10/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				3	4->6	A3.308			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
209	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N02)/74DCHT22	3	7->9	A3.308	18/08/25	07/09/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				4	8->12	A3.306			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				3	7->9	A3.308	08/09/25	19/10/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				5	1->3	A3.204			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				2	10->12	C2.102	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				6	7->11	C2.101			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	

210	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N03)/74DCHT23	2	10->12	A6.102	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				3	10->12	C3.201			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
211	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N04)/74DCHT24	2	7->9	A1.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				5	7->11	C2.103			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				2	7->9	A6.502	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				3	1->3	A6.102			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
212	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N05)/75DCTT21	5	10->12	C3.206	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				6	4->6	C3.102			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				5	9->12	C3.206	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				6	4->6	C3.102			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
213	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N06)/75DCTT22	4	7->10	C3.203	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				6	5->6	A2.501			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				4	7->10	C3.203	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				5	10->12	C3.203			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
214	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N07)/75DCTT23	4	10->12	C3.204	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				6	4->6	C3.204			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				4	10->12	C3.204	08/09/25	19/10/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				6	3->6	C3.204			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
215	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N08)/75DCTT24	6	7->12	C3.205	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				5	1->3	C3.206	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				6	7->10	C3.205			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
216	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N09)/75DCTT25	2	1->3	C3.205	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				6	7->9	C3.204			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				2	1->3	C3.205	08/09/25	19/10/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				6	7->10	C3.204			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
217	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N10)/75DCTT26	2	5->6	A1.303	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				5	1->4	A1.303			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				2	4->6	A1.303	08/09/25	19/10/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				5	3->6	A1.303			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
218	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N11)/75DCTTA4	5	10->12	A1.203	18/08/25	07/09/25	Bùi Hải Phong (TTCS4012)	
				6	4->6	A1.204			Bùi Hải Phong (TTCS4012)	
				5	10->12	A1.203	08/09/25	19/10/25	Bùi Hải Phong (TTCS4012)	
				6	3->6	A1.204			Bùi Hải Phong (TTCS4012)	
219	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N12)/75DCTTA2	5	7->9	A1.204	18/08/25	07/09/25	Bùi Hải Phong (TTCS4012)	
				6	7->9	A1.303			Bùi Hải Phong (TTCS4012)	
				5	7->9	A1.204	08/09/25	19/10/25	Bùi Hải Phong (TTCS4012)	
				6	7->10	A1.303			Bùi Hải Phong (TTCS4012)	
220	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N13)/75DCHT21	2	7->10	A6.102	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				4	4->5	A6.102			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				2	7->10	A6.102	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				4	4->6	A6.102			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
221	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N14)/75DCHT22	2	10->12	A3.203	03/11/25	23/11/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				4	2->4	A6.502			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				2	10->12	A3.203	24/11/25	04/01/26	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				4	1->4	A6.502			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
222	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N15)/75DCHT23	3	5->6	A3.203	03/11/25	23/11/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				4	5->6	C3.205			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				5	4->5	A3.204			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				3	4->6	A3.203	24/11/25	14/12/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				4	5->6	C3.205			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				5	5->6	A3.204			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	

				3	4->6	A3.203				Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				4	5->6	C3.203	15/12/25	04/01/26		Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				5	5->6	A3.204				Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				4	7->9	A1.201	03/11/25	23/11/25		Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				5	1->3	A6.202				Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
223	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N16)/75DCHT24	3	1->3	A6.202	24/11/25	14/12/25		Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				5	1->4	A6.202				Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				3	1->3	A6.202	15/12/25	04/01/26		Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				5	1->4	A6.202				Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
224	DC2HT26	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-25(N17)/75DCTT11	3	2->5	VA1.202	18/08/25	28/09/25		Lê Thị Hà (TTCS2001)	
				4	1->3	VA1.202				Lê Thị Hà (TTCS2001)	
				3	2->4	VA1.202	29/09/25	19/10/25		Lê Thị Hà (TTCS2001)	
				4	1->3	VA1.202				Lê Thị Hà (TTCS2001)	
225	DC1TD32	2	Cầu lông-1-1-25(N01)/75DCCO21	2	4->6		03/11/25	11/01/26		Trần Đức Phong (GDTC2002)	
				5	4->6					Trần Đức Phong (GDTC2002)	
226	DC1TD32	2	Cầu lông-1-1-25(N02)/75DCCO22	2	7->9		03/11/25	11/01/26		Trần Đức Phong (GDTC2002)	
				6	10->12					Trần Đức Phong (GDTC2002)	
227	DC1TD32	2	Cầu lông-1-1-25(N03)/75DCCO23	4	10->12		03/11/25	11/01/26		Trần Đức Phong (GDTC2002)	
				6	4->6					Trần Đức Phong (GDTC2002)	
228	DC1TD32	2	Cầu lông-1-1-25(N04)/75DCTG21	6	9->10		18/08/25	26/10/25			
				6	7->8						
				6	11->12						
229	DC2CK18	2	Dung sai kỹ thuật đo-1-1-25(N01)/74DCCN21	3	9->12	C3.201	18/08/25	07/09/25		Phùng Công Dũng (CKMX3010)	
				3	10->12	C3.206	08/09/25	19/10/25		Phùng Công Dũng (CKMX3010)	
230	DC2CK18	2	Dung sai kỹ thuật đo-1-1-25(N02)/74DCCN22	2	1->4	A3.306	18/08/25	07/09/25		Hoàng Tú (CKMT3001)	
				2	1->3	A3.306	08/09/25	19/10/25		Hoàng Tú (CKMT3001)	
231	DC2CK18	2	Dung sai kỹ thuật đo-1-1-25(N03)/74DCCN23	2	7->10	A2.501	18/08/25	07/09/25		Hoàng Tú (CKMT3001)	
				3	1->3	C3.201	08/09/25	19/10/25		Hoàng Tú (CKMT3001)	
232	DC3LH11	3	Dự báo nhu cầu Logistics-1-1-25(N01)/75DCLH21	2	7->11	C3.103	03/11/25	04/01/26		Vũ Ngọc Quang (CTTL2003)	
233	DC3CT92	2	Dự toán công trình-1-1-25(N01)/73DCDD21_73DCDD22	6	7->8	A1.103	18/08/25	07/09/25		Mai Thị Hải Vân (CTDB3007)	
				6	7->8	A6.502	08/09/25	02/11/25		Mai Thị Hải Vân (CTDB3007)	
				5	11->12	A1.204	03/11/25	30/11/25		Mai Thị Hải Vân (CTDB3007)	
234	DC3CT92	2	Dự toán công trình-1-1-25(N03)/73DCCH21	5	7->8	C3.101	18/08/25	07/09/25		Bạch Thị Diệp Phương (CTDB3018)	
				5	7->8	C3.101	08/09/25	02/11/25		Bạch Thị Diệp Phương (CTDB3018)	
				5	9->10	A1.403	03/11/25	30/11/25		Bạch Thị Diệp Phương (CTDB3018)	
235	DC3CT92	2	Dự toán công trình-1-1-25(N04)/73DCCD21	2	3->4	A3.406	03/11/25	23/11/25		Nguyễn Thu Trang (CTDB3012)	
				3	2->3	A3.406				Nguyễn Thu Trang (CTDB3012)	
				3	1->3	A3.406	24/11/25	04/01/26		Nguyễn Thu Trang (CTDB3012)	
236	DC3CT92	2	Dự toán công trình-1-1-25(N05)/73DCCD22	2	10->11	A3.406	03/11/25	23/11/25		Mai Thị Hải Vân (CTDB3007)	
				3	9->10	A3.406				Mai Thị Hải Vân (CTDB3007)	
				2	10->12	A3.406	24/11/25	04/01/26		Mai Thị Hải Vân (CTDB3007)	
237	DC3LH13	2	Dự án đầu tư hạ tầng Logistics-1-1-25(N01)/74DCLH21	5	1->4	C3.104	18/08/25	07/09/25		Ngô Thị Thanh Vân (CTQH3004)	
				5	2->4	C3.104	08/09/25	19/10/25		Ngô Thị Thanh Vân (CTQH3004)	
238	DC3LH13	2	Dự án đầu tư hạ tầng Logistics-1-1-25(N02)/74DCLH22	5	9->12	A5.303	18/08/25	07/09/25		Bạch Thị Diệp Phương (CTDB3018)	
				5	9->11	A5.303	08/09/25	19/10/25		Bạch Thị Diệp Phương (CTDB3018)	
239	DC3VL35	3	Giao dịch ngoại thương-1-1-25(N01)/74DCVL21	3	4->6	A3.304	18/08/25	19/10/25		Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
				4	5->6	A3.308				Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
				2	7->9	C3.104	18/08/25	07/09/25		Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	

240	DC3VL35	3	Giao dịch ngoại thương-1-1-25(N02)/74DCVL22	4	3->4	C3.103	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				2	7->9	C3.206			Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				4	3->4	C3.105			Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
241	DC3VL35	3	Giao dịch ngoại thương-1-1-25(N03)/74DCVL23	2	10->12	A3.306	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				4	9->10	A1.304			Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				2	10->12	A3.306	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				4	9->10	A1.304			Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
242	DC3VL35	3	Giao dịch ngoại thương-1-1-25(N04)/74DCVL24	5	10->11	A2.104	18/08/25	07/09/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				6	4->6	A1.104			Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				5	7->8	C3.104	08/09/25	19/10/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				6	4->6	A1.104			Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
243	DC3VL35	3	Giao dịch ngoại thương-1-1-25(N05)/74DCVL25	3	1->3	C3.101	18/08/25	19/10/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				6	2->3	A1.103			Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
244	DC3VL35	3	Giao dịch ngoại thương-1-1-25(N06)/74DCVL26	4	3->4	C3.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				6	1->3	A1.302			Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				4	3->4	C3.201	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				6	1->3	A1.504			Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
245	DC3VL35	3	Giao dịch ngoại thương-1-1-25(N07)/74DCVL27	4	9->10	A2.401	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)	
				6	4->6	A2.304			Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)	
				4	9->10	C3.103	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)	
				6	4->6	C3.202			Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)	
246	DC3VL35	3	Giao dịch ngoại thương-1-1-25(N08)/74DCHQ21	5	11->12	A2.404	18/08/25	07/09/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				6	1->3	A2.301			Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				5	10->11	C3.106	08/09/25	19/10/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				6	1->3	A1.502			Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
247	DC3VL35	3	Giao dịch ngoại thương-1-1-25(N09)/74DCHQ22	4	11->12	A2.302	18/08/25	07/09/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				6	7->9	A3.402			Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				4	11->12	A3.402	08/09/25	19/10/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				6	7->9	A3.402			Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
248	DC3LG31	2	Giao nhận trong vận tải-1-1-25(N01)/73DCVL21	4	1->2	A2.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
				4	1->2	A1.103	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
				6	1->2	C3.104	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
249	DC3LG31	2	Giao nhận trong vận tải-1-1-25(N02)/73DCVL22	4	3->4	A2.102	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
				4	3->4	A3.407	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
				6	7->8	A1.401	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
250	DC3LG31	2	Giao nhận trong vận tải-1-1-25(N03)/73DCVL23	3	1->2	A2.103	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
				2	11->12	A1.304	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
				6	5->6	A3.204	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
251	DC3LG31	2	Giao nhận trong vận tải-1-1-25(N04)/73DCVL24	5	1->2	A2.202	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				4	9->10	C3.201	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				6	1->2	C3.106	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
252	DC3VL22	3	Giao nhận vận tải và hải quan-1-1-25(N01)/73DCLH21	3	1->3	A2.303	18/08/25	07/09/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				4	4->6	A2.303			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				5	4->6	A2.303			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				3	1->3	A2.303	08/09/25	14/09/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				4	7->9	A2.504			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				5	4->6	A2.303			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				3	1->3	Trực tuyến			Lê Thị Liễu (KVS3007)	

				4	7->9	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				5	4->6	Trực tuyển			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
253	DC3TT34	2	Giao thông thông minh - ITS-1-1-25(N01)/74DCTT21	6	2->6	Trực tuyển	03/11/25	04/01/26	Lê Thanh Hải (KHCB3006)	
254	DC3TT34	2	Giao thông thông minh - ITS-1-1-25(N02)/74DCTT22	3	7->11	Trực tuyển	03/11/25	23/11/25	Lê Thanh Hải (KHCB3006)	
				3	7->11	Trực tuyển	24/11/25	14/12/25	Lê Thanh Hải (KHCB3006)	
				3	7->11	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Lê Thanh Hải (KHCB3006)	
255	DC3TT34	2	Giao thông thông minh - ITS-1-1-25(N03)/74DCTT23	2	7->11	Trực tuyển	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Lan Anh (KHCB1010)	
256	DC3TT34	2	Giao thông thông minh - ITS-1-1-25(N04)/74DCTT24	4	7->11	Trực tuyển	03/11/25	04/01/26	Đặng Thị Kim Anh (TTCS3011)	
257	DC3TT34	2	Giao thông thông minh - ITS-1-1-25(N05)/74DCTT25	6	2->6	Trực tuyển	03/11/25	04/01/26	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
258	DC3TT34	2	Giao thông thông minh - ITS-1-1-25(N06)/74DCTT26	4	2->6	Trực tuyển	03/11/25	04/01/26	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
259	DC3TT34	2	Giao thông thông minh - ITS-1-1-25(N07)/74DCTT27	3	7->11	Trực tuyển	03/11/25	04/01/26	Hoàng Thị Kim Ngân (KHCB1011)	
260	DC3TT34	2	Giao thông thông minh - ITS-1-1-25(N08)/74DCTT28	3	2->6	Trực tuyển	03/11/25	04/01/26	Hoàng Thị Kim Ngân (KHCB1011)	
261	DC3TT34	2	Giao thông thông minh - ITS-1-1-25(N09)/74DCTT11	2	7->8	VA1.201	03/11/25	04/01/26	Trần Thị Phương Thanh (TTDT2001)	
				4	10->12	VA1.201			Trần Thị Phương Thanh (TTDT2001)	
262	DC3LH19	3	Giao thông thông minh và Logistics-1-1-25(N01)/73DCLH21	2	4->6	A2.204	18/08/25	14/09/25	Nguyễn Huy Hùng (CTQH3005)	
				3	4->6	A2.303			Nguyễn Huy Hùng (CTQH3005)	
				5	1->3	A2.303			Nguyễn Huy Hùng (CTQH3005)	
				2	4->6	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Nguyễn Huy Hùng (CTQH3005)	
				3	4->6	Trực tuyển			Nguyễn Huy Hùng (CTQH3005)	
				5	1->3	Trực tuyển			Nguyễn Huy Hùng (CTQH3005)	
263	DC3TG30	3	Giao thông thông minh-1-1-25(N01)/73DCTG21	4	1->4	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thúy Hiền (CTDB3022)	
				4	1->4	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Thúy Hiền (CTDB3022)	
				4	3->6	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Thúy Hiền (CTDB3022)	
264	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N01)/73DCKT21	2	1->3	A2.401	18/08/25	14/09/25	Lê Thu Hiền (KVP3003)	
				4	4->6	A2.403			Lê Thu Hiền (KVP3003)	
				2	1->3	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Lê Thu Hiền (KVP3003)	
				4	4->6	Trực tuyển			Lê Thu Hiền (KVP3003)	
265	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N02)/73DCKT22	2	4->6	A2.304	18/08/25	14/09/25	Lê Thu Hiền (KVP3003)	
				4	1->3	A2.404			Lê Thu Hiền (KVP3003)	
				2	4->6	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Lê Thu Hiền (KVP3003)	
				4	1->3	Trực tuyển			Lê Thu Hiền (KVP3003)	
266	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N03)/73DCKT23	2	7->10	Trực tuyển	29/09/25	05/10/25	Lê Thu Hiền (KVP3003)	
				2	7->10	Trực tuyển	06/10/25	19/10/25	Lê Thu Hiền (KVP3003)	
				2	3->6	C3.101	20/10/25	02/11/25	Lê Thu Hiền (KVP3003)	
				5	7->11	C3.106			Lê Thu Hiền (KVP3003)	
267	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N04)/73DCKT24	3	3->6	Trực tuyển	29/09/25	05/10/25	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				3	3->6	Trực tuyển	06/10/25	19/10/25	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				2	8->11	C3.102	20/10/25	02/11/25	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				4	7->11	C3.102			Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	

268	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N05)/73DCKT25	3	7->10	Trực tuyến	29/09/25	05/10/25	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				3	7->10	Trực tuyến	06/10/25	19/10/25	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				2	2->6	C3.102	20/10/25	02/11/25	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				4	3->6	C3.106			Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
269	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N06)/73DCKT26	5	8->11	Trực tuyến	29/09/25	05/10/25	Phạm Công Giang (KVS3009)	
				5	8->11	Trực tuyến	06/10/25	19/10/25	Phạm Công Giang (KVS3009)	
				3	7->8	C3.103	20/10/25	02/11/25	Phạm Công Giang (KVS3009)	
				4	3->6	C3.103			Phạm Công Giang (KVS3009)	
				6	3->5	C3.103			Phạm Công Giang (KVS3009)	
270	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N07)/73DCKT27	5	3->6	Trực tuyến	29/09/25	05/10/25	Phạm Công Giang (KVS3009)	
				5	3->6	Trực tuyến	06/10/25	19/10/25	Phạm Công Giang (KVS3009)	
				2	7->11	C3.106	20/10/25	02/11/25	Phạm Công Giang (KVS3009)	
				3	9->12	C3.106			Phạm Công Giang (KVS3009)	
271	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N08)/74DCQT21	3	9->12	A2.504	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				3	10->12	A1.503	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
272	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N09)/74DCQT22	2	7->8	A2.504	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				3	1->2	A2.504			Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				2	7->9	C3.104			Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
273	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N10)/74DCQT23	3	5->6	A2.503	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
				5	7->8	A2.502			Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
				3	4->6	A3.403	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
274	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N13)/74DCQM21	3	8->9	A1.202	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
				5	10->11	A2.504			Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
				3	7->9	A1.202			Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
275	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N14)/74DCQM22	2	9->12	A1.503	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
				2	10->12	A1.201	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
276	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N15)/74DCQM23	2	3->6	A2.504	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
				6	1->3	A1.201	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
277	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N16)/74DCQM24	6	7->10	A2.504	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				4	4->6	A1.104	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
278	DC3QT12	2	Giao tiếp và đàm phán trong KD-1-1-25(N17)/73DCKT11	4	2->4	VA1.101	18/08/25	21/09/25	Nguyễn Thị Thu Thủy (KVTN2001)	
				6	2->4	VA1.101			Nguyễn Thị Thu Thủy (KVTN2001)	
279	DC1CB26	3	Hoá học đại cương-1-1-25(N01)/75DCCD21	5	9->11	A3.304	03/11/25	14/12/25	Lê Minh Đức (CBLH3004)	
				6	4->6	A1.503			Lê Minh Đức (CBLH3004)	
				5	10->12	A3.304	15/12/25	04/01/26	Lê Minh Đức (CBLH3004)	
				6	2->6	A1.503			Lê Minh Đức (CBLH3004)	
280	DC1CB26	3	Hoá học đại cương-1-1-25(N02)/75DCCD22_75DCCS21_75DCDS21	5	3->4	A3.404	03/11/25	23/11/25	Lưu Thị Thu Hà (CBLH3002)	
				6	7->10	A1.404			Lưu Thị Thu Hà (CBLH3002)	
				3	3->6	A1.201	24/11/25	14/12/25	Lưu Thị Thu Hà (CBLH3002)	
				5	3->4	A3.404			Lưu Thị Thu Hà (CBLH3002)	
				3	2->6	A1.101	15/12/25	04/01/26	Lưu Thị Thu Hà (CBLH3002)	
				5	4->6	A3.404			Lưu Thị Thu Hà (CBLH3002)	
281	DC1CB26	3	Hoá học đại cương-1-1-25(N03)/75DCCD23_75DCDJ21_75CDBI21_75DCBC21	4	7->10	A3.404	03/11/25	14/12/25	Lê Minh Đức (CBLH3004)	
				5	7->8	A6.102			Lê Minh Đức (CBLH3004)	
				4	2->6	A1.401	15/12/25	04/01/26	Lê Minh Đức (CBLH3004)	
				5	7->9	A6.102			Lê Minh Đức (CBLH3004)	
282	DC1CB26	3	Hoá học đại cương-1-1-25(N05)/75DCTQ21	5	5->6	C3.102	03/11/25	14/12/25	Lê Minh Đức (CBLH3004)	
				6	7->10	C3.102			Lê Minh Đức (CBLH3004)	

				5	4->6	C3.102	15/12/25	04/01/26	Lê Minh Đức (CBLH3004)	
				6	7->11	C3.102			Lê Minh Đức (CBLH3004)	
283	DC1CB26	3	Hoá học đại cương-1-1-25(N06)/75DCCH21	4	7->9	A1.403	03/11/25	14/12/25	Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				5	4->6	C3.204			Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				4	7->8	C3.204			Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				5	1->2	C3.204	15/12/25	04/01/26	Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				6	7->10	A3.404			Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
284	DC1CB26	3	Hoá học đại cương-1-1-25(N11)/75DCQX21	2	1->3	A1.303	03/11/25	23/11/25	Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				4	10->12	A1.304			Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				2	1->3	C3.101	24/11/25	04/01/26	Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				6	3->6	A1.401			Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
285	DC1CB26	3	Hoá học đại cương-1-1-25(N12)/75DCQX22	2	4->6	C3.201	03/11/25	23/11/25	Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				5	10->12	A3.202			Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				2	4->6	A5.303	24/11/25	30/11/25	Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				4	3->6	A1.401			Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				2	4->6	A5.303	01/12/25	14/12/25	Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				4	3->6	A1.401			Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				2	4->6	A5.303	15/12/25	04/01/26	Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				4	3->6	A5.303			Phạm Hồng Chuyên (CBLH3005)	
				4	7->9	VA1.204	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thu Cúc (CBLH2001)	
				5	7->10	VA1.204			Nguyễn Thị Thu Cúc (CBLH2001)	
286	DC1CB26	3	Hoá học đại cương-1-1-25(N13)/75DCCD11	4	7->9	VA1.204	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Cúc (CBLH2001)	
				5	8->10	VA1.204			Nguyễn Thị Thu Cúc (CBLH2001)	
287	DC2KV40	3	Hàng hoá-1-1-25(N01)/75DCLH21	2	7->9	C3.103	18/08/25	19/10/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				4	11->12	C3.106			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
288	DC2KV40	3	Hàng hoá-1-1-25(N02)/75DCLG21	2	7->9	C3.106	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				4	5->6	C3.106			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				4	5->6	C3.106	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				4	2->4	C3.106			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				2	2->6	A3.308			Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
289	DC2KV40	3	Hàng hoá-1-1-25(N03)/75DCLG22	2	2->6	A3.308	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
290	DC2KV40	3	Hàng hoá-1-1-25(N04)/75DCLG23	2	2->6	A3.306	03/11/25	04/01/26	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
291	DC2KV40	3	Hàng hoá-1-1-25(N05)/75DCLG24	3	7->8	C3.106	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				4	4->6	C3.201			Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
292	DC2KV40	3	Hàng hoá-1-1-25(N06)/75DCLGJ2	2	4->6	A3.203	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				4	7->8	A3.406			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				2	4->6	A3.203	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				4	7->8	A3.406			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				4	7->8	A3.406	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				6	1->3	C3.202			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
293	DC2KV40	3	Hàng hoá-1-1-25(N07)/75DCLGJ4	3	10->12	C3.205	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				4	2->3	A3.302			Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				3	10->12	C3.205	01/12/25	14/12/25	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				4	2->3	A3.302			Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				3	10->12	C3.205	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				4	1->2	A3.302			Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
294	DC2CO37	3	Hình hoạ - Vẽ kỹ thuật-1-1-25(N02)/75DCCD21	3	7->8	VA1.301	18/08/25	26/10/25	Đào Xuân Sơn (BMCS1008)	
				6	1->4	VA1.302			Đào Xuân Sơn (BMCS1008)	
295	DC2CO37	3	Hình hoạ - Vẽ kỹ thuật-1-1-25(N04)/75DCCD23	3	4->5	VA1.301	18/08/25	26/10/25	Đào Xuân Sơn (BMCS1008)	
				6	8->11	VA1.304			Đào Xuân Sơn (BMCS1008)	

296	DC2CO37	3	Hình hoạ - Vẽ kỹ thuật-1-1-25(N05)/75DCBC21_BI21_CD22_DJ21_CS21_DS21	4	7->8	VA1.302	18/08/25	26/10/25	Trịnh Xuân Căng (CSKT2003)	
				6	7->10	VA1.301			Trịnh Xuân Căng (CSKT2003)	
297	DC2LH18	3	Hạ tầng logistics đô thị-1-1-25(N01)/75DCLH21	3	2->3	C3.103	03/11/25	23/11/25	Trương Thị Mỹ Thanh (KVX3008)	
				5	9->12	C3.103			Trương Thị Mỹ Thanh (KVX3008)	
				4	11->12	C3.103	24/11/25	04/01/26	Trương Thị Mỹ Thanh (KVX3008)	
				5	7->11	C3.103			Trương Thị Mỹ Thanh (KVX3008)	
298	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N01)/74DCTT21	3	4->6	A2.404	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				4	2->6	A5.302			Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				4	1->6	A5.302	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
299	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N02)/74DCTT22	3	1->3	A1.401	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				4	7->11	A1.103			Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				4	7->12	A1.103	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
300	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N03)/74DCTT23	2	3->6	A1.104	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				6	1->4	A2.403			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				2	1->6	A1.104	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
301	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N04)/74DCTT24	4	3->6	A3.401	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				5	3->6	A2.404			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				3	7->9	A6.502	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				4	3->5	A3.401			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
302	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N05)/74DCTT25	2	7->10	A3.401	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				4	7->8	A2.404			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				5	5->6	A2.504	08/09/25	19/10/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				2	7->12	A3.401			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
303	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N06)/74DCTT26	3	2->6	A2.403	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				6	1->3	A2.402			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				3	1->6	A1.202	08/09/25	19/10/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
304	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N07)/74DCTT27	3	7->11	A1.303	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				5	1->3	A2.401			Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				3	7->12	A1.303	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
305	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N08)/74DCTT28	5	7->11	A2.501	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				6	4->6	A2.402			Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				5	1->6	C3.101	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
306	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N09)/75DCTT21	5	1->6	C3.203	03/11/25	23/11/25	Hoàng Thị Kim Ngân (KHCB1011)	
				4	10->12	A3.201			Hoàng Thị Kim Ngân (KHCB1011)	
				5	3->6	C3.203	24/11/25	04/01/26	Hoàng Thị Kim Ngân (KHCB1011)	
307	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N10)/75DCTT22	2	10->12	A3.201	03/11/25	23/11/25	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				3	1->3	A3.201			Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				2	7->11	A3.201	24/11/25	04/01/26	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				3	1->2	A3.201			Lê Thị Chi (TTCS3004)	
308	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N11)/75DCTT23	2	7->9	A2.104	03/11/25	23/11/25	Đặng Thị Kim Anh (TTCS3011)	
				4	1->3	A3.201			Đặng Thị Kim Anh (TTCS3011)	
				2	11->12	A2.104	24/11/25	04/01/26	Đặng Thị Kim Anh (TTCS3011)	
				4	2->6	A3.201			Đặng Thị Kim Anh (TTCS3011)	
309	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N12)/75DCTT24	4	10->12	A6.102	03/11/25	23/11/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				5	1->3	A6.102			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				4	11->12	A6.102	24/11/25	04/01/26	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				5	2->6	A6.102			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
310	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N13)/75DCTT25	5	10->12	C3.201	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				6	4->6	C3.201			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				2	4->6	C3.101	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				5	9->12	C3.201			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				5	7->9	A1.302	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	

311	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N14)/75DCTT26	6	1->3	A1.401	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				4	1->3	A3.203	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				5	7->8	A1.302			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				6	11->12	A1.104			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
312	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N15)/75DCTTA2	2	1->3	A1.301	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				4	1->3	A1.401	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				4	10->12	A1.304			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				6	7->10	C3.202			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
313	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N16)/75DCTTA4	2	4->6	C3.102	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				3	7->9	A6.502	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				2	11->12	A1.304			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				3	10->12	A6.502			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				6	5->6	A1.404	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				2	11->12	A1.304			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				3	10->12	A6.502			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				6	5->6	C3.204			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
314	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N17)/74DCTT11	2	10->12	VA1.204	18/08/25	28/09/25	Lê Thị Hường (TTCS2002)	
				4	7->10	VA1.204	29/09/25	19/10/25	Lê Thị Hường (TTCS2002)	
				2	10->12	VA1.204			Lê Thị Hường (TTCS2002)	
				4	7->9	VA1.204			Lê Thị Hường (TTCS2002)	
315	DC3HT21	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu-1-1-25(N18)/75DCTT11	3	4->6	VA1.202	03/11/25	14/12/25	Lê Thị Hường (TTCS2002)	
				6	1->4	VA1.202	15/12/25	04/01/26	Lê Thị Hường (TTCS2002)	
				3	4->6	VA1.202			Lê Thị Hường (TTCS2002)	
				6	2->4	VA1.202			Lê Thị Hường (TTCS2002)	
316	DC2LH13	3	Hệ thống cơ sở kết cấu hạ tầng giao thông-1-1-25(N01)/74DCTG21	6	7->11	A3.406	18/08/25	19/10/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
317	DC2LH13	3	Hệ thống cơ sở kết cấu hạ tầng giao thông-1-1-25(N02)/74DCTG22	3	4->6	C2.102	18/08/25	07/09/25	Phạm Hồng Quân (CTDB3017)	
				4	5->6	A1.103	08/09/25	19/10/25	Phạm Hồng Quân (CTDB3017)	
				5	7->11	A1.504			Phạm Hồng Quân (CTDB3017)	
318	DC3ME27	3	Hệ thống cơ điện tử 1-1-1-25(N01)/74DCCN21	2	2->3	A3.303	03/11/25	14/12/25	Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
				5	7->10	A3.303	15/12/25	04/01/26	Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
				2	1->3	A3.303			Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
				5	7->11	A3.303			Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
319	DC3ME27	3	Hệ thống cơ điện tử 1-1-1-25(N02)/74DCCN22	2	7->8	A3.303	03/11/25	14/12/25	Võ Thanh Được (CBLY4000)	
				5	3->6	A3.303	15/12/25	04/01/26	Võ Thanh Được (CBLY4000)	
				2	7->8	A3.303			Võ Thanh Được (CBLY4000)	
				5	1->6	A3.303			Võ Thanh Được (CBLY4000)	
320	DC3ME27	3	Hệ thống cơ điện tử 1-1-1-25(N03)/74DCCN23	2	4->6	A3.401	03/11/25	04/01/26	Võ Thanh Được (CBLY4000)	
				4	7->9	A3.402			Võ Thanh Được (CBLY4000)	
321	DC3ME72	4	Hệ thống cơ điện tử 2-1-1-25(N01)/73DCCO22	6	7->11	A6.102	18/08/25	07/09/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				6	7->11	A6.102	08/09/25	02/11/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				6	7->11	A3.407	03/11/25	30/11/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
322	DC3ME72	4	Hệ thống cơ điện tử 2-1-1-25(N02)/73DCCO21	4	4->6	C3.102	18/08/25	07/09/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				6	5->6	A3.308	08/09/25	02/11/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				4	4->6	C3.102			Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				6	5->6	A3.308			Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				4	4->6	A1.404	03/11/25	16/11/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				6	5->6	A1.502			Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				4	4->6	A1.404			Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				6	5->6	A1.502	17/11/25	23/11/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
				3	2->6	Trực tuyến	24/11/25	30/11/25	Tạ Tuấn Hưng (CKOT3004)	
323	DC3CH30	2	Hệ thống giao thông thông minh ITS-1-1-25(N01)/74DCCH21	6	9->12	A3.406	03/11/25	23/11/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
				6	7->9	A3.406	24/11/25	04/01/26	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	

324	DC3CH30	2	Hệ thống giao thông thông minh ITS-1-1-25(N02)/74DCCH22	5	7->10	A3.203	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Thu Ngà (CSKT3007)	
				5	7->9	A3.203	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thu Ngà (CSKT3007)	
				5	2->4	A3.202	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Ngà (CSKT3007)	
325	DC3ME25	2	Hệ thống giao thông thông minh-1-1-25(N01)/73DCCN21	4	7->10	A2.402	18/08/25	07/09/25	Lê Thanh Hải (KHCN3006)	
				4	7->9	A3.403	08/09/25	19/10/25	Lê Thanh Hải (KHCN3006)	
326	DC3ME25	2	Hệ thống giao thông thông minh-1-1-25(N02)/73DCCN22	4	3->6	A2.501	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
				3	1->3	A1.503	08/09/25	19/10/25	Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
327	DC3ME25	2	Hệ thống giao thông thông minh-1-1-25(N03)/73DCCN23	3	1->4	A6.202	18/08/25	07/09/25	Trần Duy Dũng (TTVP3006)	
				3	1->3	A6.202	08/09/25	19/10/25	Trần Duy Dũng (TTVP3006)	
328	DC3HT42	3	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)-1-1-25(N01)/73DCHT21	2	1->2	A3.204	18/08/25	07/09/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				6	1->3	A3.402			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				2	2->3	A3.204	08/09/25	19/10/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				6	1->3	A3.402			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				3	7->9	A3.201			Vũ Thị Thu Hà (TTUD3002)	
329	DC3HT42	3	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)-1-1-25(N02)/73DCHT22	5	5->6	A1.103	18/08/25	07/09/25	Vũ Thị Thu Hà (TTUD3002)	
				3	7->9	A3.201			Vũ Thị Thu Hà (TTUD3002)	
				6	8->9	C3.202	08/09/25	19/10/25	Vũ Thị Thu Hà (TTUD3002)	
				4	5->6	A2.204			Vũ Thị Thu Hà (TTUD3002)	
				5	10->12	A2.201			Vũ Thị Thu Hà (TTUD3002)	
330	DC3HT42	3	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)-1-1-25(N03)/73DCHT23	3	3->4	A1.103	08/09/25	19/10/25	Vũ Thị Thu Hà (TTUD3002)	
				5	10->12	C3.105			Vũ Thị Thu Hà (TTUD3002)	
				5	7->10	A1.103	18/08/25	07/09/25	Bùi Gia Linh (XDCB3004)	
				5	7->9	A1.103			Bùi Gia Linh (XDCB3004)	
332	DC2KN26	2	Hệ thống kỹ thuật công trình -1-1-25(N02)/74DCKN22	4	1->2	A1.104	18/08/25	07/09/25	Bùi Mạnh Lực (CTTN3003)	
				6	1->2	A1.201			Bùi Mạnh Lực (CTTN3003)	
				4	1->3	A1.101	08/09/25	19/10/25	Bùi Mạnh Lực (CTTN3003)	
333	DC2KN26	2	Hệ thống kỹ thuật công trình -1-1-25(N03)/74DCKN23	3	7->10	A1.101	18/08/25	07/09/25	Bùi Gia Linh (XDCB3004)	
				3	7->9	A1.201	08/09/25	19/10/25	Bùi Gia Linh (XDCB3004)	
334	DC3VL38	3	Hệ thống thông tin Logistics-1-1-25(N01)/73DCVL21	3	10->12	A3.401	18/08/25	07/09/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				3	10->12	A3.401	08/09/25	02/11/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				6	3->5	C3.104	03/11/25	30/11/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
335	DC3VL38	3	Hệ thống thông tin Logistics-1-1-25(N02)/73DCVL22	3	1->3	A2.102	18/08/25	07/09/25	Hoàng Văn Lâm (KVSB3001)	
				5	7->9	A3.403	08/09/25	02/11/25	Hoàng Văn Lâm (KVSB3001)	
				5	7->9	A3.404	03/11/25	30/11/25	Hoàng Văn Lâm (KVSB3001)	
336	DC3VL38	3	Hệ thống thông tin Logistics-1-1-25(N03)/73DCVL23	4	10->12	A2.101	18/08/25	07/09/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				4	10->12	C3.105	08/09/25	02/11/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				5	1->3	A3.202	03/11/25	30/11/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
337	DC3VL38	3	Hệ thống thông tin Logistics-1-1-25(N04)/73DCVL24	3	4->6	A2.101	18/08/25	07/09/25	Hoàng Văn Lâm (KVSB3001)	
				3	1->3	C3.106	08/09/25	02/11/25	Hoàng Văn Lâm (KVSB3001)	
				2	10->12	A1.502	03/11/25	30/11/25	Hoàng Văn Lâm (KVSB3001)	
338	DC3KT34	3	Hệ thống thông tin kế toán-1-1-25(N01)/73DCKT21	2	4->6	A2.401	18/08/25	14/09/25	Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				3	4->6	A2.401			Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				4	1->3	A2.403			Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				2	4->6	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				3	4->6	Thực tuyển			Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
339	DC3KT34	3	Hệ thống thông tin kế toán-1-1-25(N02)/73DCKT22	4	1->3	Thực tuyển	18/08/25	14/09/25	Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				2	1->3	A2.304			Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				3	7->12	A2.401			Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				2	1->3	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	

				3	7->12	Trực tuyển	29/09/25	05/10/25	Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
340	DC3KT34	3	Hệ thống thông tin kế toán-1-1-25(N03)/73DCKT23	3	7->9	Trực tuyển	29/09/25	05/10/25	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				4	7->10	Trực tuyển			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				3	7->9	Trực tuyển	06/10/25	19/10/25	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				4	8->11	Trực tuyển			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				3	3->6	C3.101	20/10/25	02/11/25	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				4	7->10	C3.101			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				6	3->6	C3.106			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
341	DC3KT34	3	Hệ thống thông tin kế toán-1-1-25(N04)/73DCKT24	2	7->10	Trực tuyển	29/09/25	05/10/25	Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				5	3->5	Trực tuyển			Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				2	7->10	Trực tuyển	06/10/25	19/10/25	Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				5	4->6	Trực tuyển			Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				3	7->10	C3.102	20/10/25	02/11/25	Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				5	7->10	C3.103			Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				6	3->6	C3.102			Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
342	DC3KT34	3	Hệ thống thông tin kế toán-1-1-25(N05)/73DCKT25	4	2->4	Trực tuyển	29/09/25	05/10/25	Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				6	3->6	Trực tuyển			Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				4	2->4	Trực tuyển	06/10/25	19/10/25	Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				6	3->6	Trực tuyển			Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				3	7->10	C3.101	20/10/25	02/11/25	Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				5	7->10	C3.201			Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				6	3->6	C3.101			Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
343	DC3KT34	3	Hệ thống thông tin kế toán-1-1-25(N06)/73DCKT26	2	7->9	Trực tuyển	29/09/25	05/10/25	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				6	3->6	Trực tuyển			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				2	7->9	Trực tuyển	06/10/25	19/10/25	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				6	3->6	Trực tuyển			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				2	7->10	C3.103	20/10/25	02/11/25	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				3	9->10	C3.103			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				5	3->6	C3.103			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				6	1->2	C3.103			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
344	DC3KT34	3	Hệ thống thông tin kế toán-1-1-25(N07)/73DCKT27	3	10->12	Trực tuyển	29/09/25	05/10/25	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				4	3->6	Trực tuyển			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				3	10->12	Trực tuyển	06/10/25	19/10/25	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				4	3->6	Trực tuyển			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				3	7->8	C3.106	20/10/25	02/11/25	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				4	2->6	C3.201			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				6	7->11	C3.106			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	

345	DC3KT34	3	Hệ thống thông tin kế toán-1-1-25(N08)/73DCKT11	2	2->5	VA1.101	18/08/25	21/09/25	Trần Thị Thanh Nga (KVKK2005)	
				3	2->4	VA1.101			Trần Thị Thanh Nga (KVKK2005)	
				4	5->6	VA1.101			Trần Thị Thanh Nga (KVKK2005)	
346	DC3HT43	3	Hệ thống thông tin địa lý - GIS-1-1-25(N01)/74DCTG21	4	10->11	A1.103	03/11/25	04/01/26	Ngô Việt Phương (TTCS3013)	
				5	2->4	A1.103			Ngô Việt Phương (TTCS3013)	
347	DC3HT43	3	Hệ thống thông tin địa lý - GIS-1-1-25(N02)/74DCTG22	2	2->6	C3.106	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Loan (CTTL3002)	
348	DC2CH27	3	Hệ thống thông tin địa lý trong Giao thông-1-1-25(N01)/74DCCH21	2	7->8	A5.303	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				5	7->8	A1.502			Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				6	7->8	A3.406			Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				2	7->8	A5.303	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				4	1->2	A5.303			Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				5	7->9	C3.206			Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
349	DC2CH27	3	Hệ thống thông tin địa lý trong Giao thông-1-1-25(N02)/74DCCH22	2	5->6	C3.104	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				4	5->6	A3.406			Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				5	11->12	A3.203			Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				2	5->6	C3.104	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				4	4->6	A3.406			Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				5	10->11	A3.203			Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				2	5->6	C3.104	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				4	4->6	A3.406			Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				5	5->6	A3.202			Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
350	DC2MO51	3	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám-1-1-25(N01)/74DCMN21	6	9->12	A5.303	18/08/25	30/11/25	Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
351	DC3OT59	4	Hệ thống điện và điện tử trên ô tô-1-1-25(N01)/73DCCO21	5	7->11	A2.403	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Nhu (XUOT3008)	
				5	7->11	C3.102	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Văn Nhu (XUOT3008)	
				5	7->11	A1.404	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Văn Nhu (XUOT3008)	
				5	7->11	Trực tuyến	24/11/25	30/11/25	Nguyễn Văn Nhu (XUOT3008)	
352	DC3OT59	4	Hệ thống điện và điện tử trên ô tô-1-1-25(N02)/73DCCO22	5	2->6	A6.502	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Nhu (XUOT3008)	
				5	2->6	A6.502	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Văn Nhu (XUOT3008)	
				5	2->6	A1.101	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Văn Nhu (XUOT3008)	
				5	2->6	Trực tuyến	24/11/25	30/11/25	Nguyễn Văn Nhu (XUOT3008)	
353	DC3OT59	4	Hệ thống điện và điện tử trên ô tô-1-1-25(N03)/74DCOG21	5	3->6	A1.302	03/11/25	14/12/25	Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
				6	9->12	A1.302			Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
				5	1->6	A1.302	15/12/25	04/01/26	Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
				6	10->12	A1.302			Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
354	DC3HT22	3	Hệ trợ giúp quyết định-1-1-25(N01)/73DCHT21	2	3->6	A3.204	18/08/25	07/09/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				5	3->6	A1.301			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				2	4->6	A3.204	08/09/25	19/10/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				6	4->6	A3.402			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
355	DC3HT22	3	Hệ trợ giúp quyết định-1-1-25(N02)/73DCHT22	3	10->12	A3.201	18/08/25	07/09/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				5	1->2	A1.103			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				6	4->6	A3.203			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				3	10->12	A3.201	08/09/25	19/10/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				5	4->6	A1.103			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
356	DC3HT22	3	Hệ trợ giúp quyết định-1-1-25(N03)/73DCHT23	4	1->2	A2.204	18/08/25	07/09/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				5	7->9	A2.201			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				6	10->12	A2.403			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				4	10->12	C3.102	08/09/25	19/10/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				5	7->9	C3.105			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
357	DC3HT22	3	Hệ trợ giúp quyết định-1-1-25(N04)/74DCHT21	2	10->12	A3.308	18/08/25	07/09/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				3	1->3	A3.308			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				4	3->4	C2.102			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	

				2	10->12	A3.308	08/09/25	19/10/25	Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
				3	1->3	A3.308			Đoàn Thị Thanh Hằng (TTCS3003)	
358	DC3HT22	3	Hệ trợ giúp quyết định-1-1-25(N05)/74DCHT22	3	10->12	A3.308	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				5	2->6	C3.206			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				3	10->12	A3.308	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				5	4->6	A3.204			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
359	DC3HT22	3	Hệ trợ giúp quyết định-1-1-25(N06)/74DCHT23	2	8->9	C2.102	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				3	7->9	C2.101			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				5	7->9	C2.101			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				2	8->9	A6.102			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				3	8->9	C3.201	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				5	7->8	C3.206			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
360	DC3HT22	3	Hệ trợ giúp quyết định-1-1-25(N07)/74DCHT24	2	10->12	A1.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				3	2->6	A6.102			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				2	10->12	A6.502	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				3	4->6	A6.102			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
361	DC3TG27	2	Học sâu và ứng dụng-1-1-25(N01)/73DCTG21	2	1->3	A2.202	18/08/25	07/09/25	Lý Hải Bằng (CTDD3012)	
				2	7->9	A3.204	08/09/25	02/11/25	Lý Hải Bằng (CTDD3012)	
				3	4->6	A1.503	03/11/25	30/11/25	Lý Hải Bằng (CTDD3012)	
362	DC3QX32	2	Hợp tác công tư trong đầu tư xây dựng công trình-1-1-25(N01)/73DCQX21	3	3->4	A2.202	18/08/25	07/09/25	Trương Thị Mỹ Thanh (KVKX3008)	
				3	3->4	A3.201	08/09/25	02/11/25	Trương Thị Mỹ Thanh (KVKX3008)	
				3	7->8	A1.103	03/11/25	30/11/25	Trương Thị Mỹ Thanh (KVKX3008)	
363	DC3QX32	2	Hợp tác công tư trong đầu tư xây dựng công trình-1-1-25(N02)/73DCQX22	3	5->6	A2.201	18/08/25	07/09/25	Trương Thị Mỹ Thanh (KVKX3008)	
				3	5->6	A3.407	08/09/25	02/11/25	Trương Thị Mỹ Thanh (KVKX3008)	
				3	5->6	A1.502	03/11/25	30/11/25	Trương Thị Mỹ Thanh (KVKX3008)	
364	DC1CB48	3	Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo-1-1-25(N01)/75DCDT21	3	1->3	A5.201	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thị Hương Giang (CTDB3004)	
				4	1->3	A1.501			Hoàng Thị Hương Giang (CTDB3004)	
				5	1->2	A3.202			Hoàng Thị Hương Giang (CTDB3004)	
				4	1->3	A1.501	08/09/25	19/10/25	Hoàng Thị Hương Giang (CTDB3004)	
				5	1->3	A3.202			Hoàng Thị Hương Giang (CTDB3004)	
365	DC1CB48	3	Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo-1-1-25(N02)/75DCDT22	3	1->3	A1.404	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Quỳnh Anh (CTDK3004)	
				4	10->12	A1.501			Bùi Thị Quỳnh Anh (CTDK3004)	
				5	11->12	A3.303			Bùi Thị Quỳnh Anh (CTDK3004)	
				4	10->12	A1.501	08/09/25	19/10/25	Bùi Thị Quỳnh Anh (CTDK3004)	
				5	10->12	A3.303			Bùi Thị Quỳnh Anh (CTDK3004)	
366	DC1CB48	3	Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo-1-1-25(N03)/75DCDT23	3	10->12	A1.501	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Trung Kiên (CTDK3006)	
				5	11->12	A3.202			Nguyễn Trung Kiên (CTDK3006)	
				6	10->12	A1.404			Nguyễn Trung Kiên (CTDK3006)	
				5	10->12	A3.202	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Trung Kiên (CTDK3006)	
				6	10->12	A1.402			Nguyễn Trung Kiên (CTDK3006)	

367	DC1CB48	3	Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo-1-1-25(N04)/75DCDTJ2	4	4->6	A2.203	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thị Hương Giang (CTDB3004)	
				5	7->8	A2.103			Hoàng Thị Hương Giang (CTDB3004)	
				6	7->9	A2.401			Hoàng Thị Hương Giang (CTDB3004)	
				4	4->6	A3.302	08/09/25	19/10/25	Hoàng Thị Hương Giang (CTDB3004)	
				6	4->6	C3.103			Hoàng Thị Hương Giang (CTDB3004)	
368	DC1CB48	3	Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo-1-1-25(N05)/75DCVM21	2	1->3	A3.402	18/08/25	07/09/25	Lại Văn Anh (CTCA3021)	
				3	4->6	A3.402			Lại Văn Anh (CTCA3021)	
				4	11->12	A3.402			Lại Văn Anh (CTCA3021)	
				2	1->3	A3.402	08/09/25	19/10/25	Lại Văn Anh (CTCA3021)	
				3	4->6	A3.402			Lại Văn Anh (CTCA3021)	
369	DC2TG21	3	Khoa học dữ liệu-1-1-25(N01)/74DCTG21	2	7->9	A2.502	18/08/25	07/09/25	Lê Minh Hải (CTTH3003)	
				4	2->6	A2.502			Lê Minh Hải (CTTH3003)	
				2	7->12	A5.303	08/09/25	19/10/25	Lê Minh Hải (CTTH3003)	
370	DC2TG21	3	Khoa học dữ liệu-1-1-25(N02)/74DCTG22	4	2->4	A1.103	18/08/25	07/09/25	Đặng Thế Vinh (CTTN3005)	
				5	2->6	A2.501			Đặng Thế Vinh (CTTN3005)	
				2	10->12	A3.406	08/09/25	19/10/25	Đặng Thế Vinh (CTTN3005)	
				3	4->6	C3.104			Đặng Thế Vinh (CTTN3005)	
371	DC4QT80	8	Khoá luận tốt nghiệp-1-1-25(N01)/73DCQT21	2	1->1		24/11/25	08/02/26		
372	DC4QT80	8	Khoá luận tốt nghiệp-1-1-25(N02)/73DCQT22	2	1->1		24/11/25	08/02/26		
373	DC4QT80	8	Khoá luận tốt nghiệp-1-1-25(N03)/73DCQT23	2	2->2		24/11/25	08/02/26		
374	DC4QT80	8	Khoá luận tốt nghiệp-1-1-25(N04)/73DCQT24	2	1->1		24/11/25	08/02/26		
375	DC4QT80	8	Khoá luận tốt nghiệp-1-1-25(N05)/73DCQT25	2	1->1		24/11/25	08/02/26		
376	DC4KT80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N01)/73DCKT21	2	6->6		24/11/25	08/02/26		
377	DC4KT80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N02)/73DCKT22	2	6->6		24/11/25	08/02/26		
378	DC4KT80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N03)/73DCKT23	2	6->6		24/11/25	08/02/26		
379	DC4KT80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N04)/73DCKT24	2	6->6		24/11/25	08/02/26		
380	DC4KT80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N05)/73DCKT25	2	6->6		24/11/25	08/02/26		
381	DC4KT80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N06)/73DCKT26	2	6->6		24/11/25	08/02/26		
382	DC4KT80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N07)/73DCKT27	2	6->6		24/11/25	08/02/26		
383	DC4QM80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N08)/73DCQM21	2	1->1		24/11/25	08/02/26		
384	DC4QM80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N09)/73DCQM22	2	1->1		24/11/25	08/02/26		
385	DC4QM80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N10)/73DCQM23	2	1->1		24/11/25	08/02/26		
386	DC4QM80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N11)/73DCQM24	2	1->1		24/11/25	08/02/26		
387	DC4QM80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N12)/73DCQM25	2	1->1		24/11/25	08/02/26		
388	DC4EC80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N13)/73DCTD21	4	4->4		24/11/25	08/02/26		
389	DC4EC80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N14)/73DCTD22	2	4->4		24/11/25	08/02/26		
390	DC4EC80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N15)/73DCTD23	2	4->4		24/11/25	08/02/26		
391	DC4TN80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N16)/73DCTN21	2	4->4		08/12/25	08/02/26		
392	DC4TN80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N17)/73DCTN22	2	3->3		08/12/25	08/02/26		
393	DC4TN80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N18)/73DCTN23	2	4->4		08/12/25	08/02/26		
394	DC4TN80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N19)/73DCTN24	2	3->3		08/12/25	08/02/26		
395	DC4TN80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N20)/73DCTN25	2	5->5		08/12/25	08/02/26		
396	DC4LH80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N21)/73DCLH21	2	7->7		22/12/25	08/02/26		
397	DC4LG80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N22)/73DCLG21	2	6->6		15/12/25	08/02/26		
398	DC4LG80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N23)/73DCLG22	2	6->6		15/12/25	08/02/26		
				2	7->11					
				2	1->5					
				3	7->11					

399	DC4KT80	8	Khóa luận tốt nghiệp-1-1-25(N24)/73DCKT11	3	1->5		15/12/25	08/02/26		
				5	1->5					
				6	1->5					
				6	7->11					
				7	7->11					
				7	1->5					
				2	1->5		23/02/26	15/03/26		
				2	7->11					
				3	1->5					
				5	1->5					
				5	7->11					
				6	1->5					
				6	7->11					
				7	1->5					
				7	7->11					
400	DC1LL07	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin-1-1-25(N01)/75DCCN21_75DCCN22	5	10->12	A5.201	18/08/25	07/09/25	Hà Quý Tinh (LLNL3011)	
				6	3->6	A5.201			Hà Quý Tinh (LLNL3011)	
				6	4->6	A5.201	08/09/25	14/09/25	Hà Quý Tinh (LLNL3011)	
				6	4->6	Thực tuyển	15/09/25	19/10/25	Hà Quý Tinh (LLNL3011)	
401	DC1LL07	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin-1-1-25(N03)/75DCCN23_75DCCO23	5	7->9	A5.202	18/08/25	07/09/25	Hà Quý Tinh (LLNL3011)	
				6	7->10	A5.201			Hà Quý Tinh (LLNL3011)	
				6	7->9	A5.201	08/09/25	14/09/25	Hà Quý Tinh (LLNL3011)	
				6	7->9	Thực tuyển	15/09/25	19/10/25	Hà Quý Tinh (LLNL3011)	
402	DC1LL07	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin-1-1-25(N04)/75DCCO21_75DCCO22	2	3->6	A6.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thơ (LLNL3001)	
				3	4->6	A6.201			Nguyễn Thị Thơ (LLNL3001)	
				2	4->6	A6.201	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thơ (LLNL3001)	
				2	4->6	Thực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thơ (LLNL3001)	
403	DC1LL07	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin-1-1-25(N07)/75DCQX21_75DCQX22	3	4->6	Thực tuyển	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Thơ (LLNL3001)	
				3	2->6	Thực tuyển	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thơ (LLNL3001)	
404	DC2KX22	3	Kinh tế học đại cương-1-1-25(N01)/75DCKX25	2	4->6	A1.402	18/08/25	07/09/25	Trần Bá Tuấn (KVCS3011)	
				3	2->6	A1.402			Trần Bá Tuấn (KVCS3011)	
				2	4->6	A1.402			Trần Bá Tuấn (KVCS3011)	
				3	4->6	A1.402	08/09/25	19/10/25	Trần Bá Tuấn (KVCS3011)	
405	DC2KX22	3	Kinh tế học đại cương-1-1-25(N02)/75DCKX24	4	1->6	A3.306	18/08/25	07/09/25	Đỗ Thị Vân Anh (KVCS3004)	
				5	11->12	A1.303			Đỗ Thị Vân Anh (KVCS3004)	
				4	3->6	A3.306			Đỗ Thị Vân Anh (KVCS3004)	
				5	11->12	A1.303	08/09/25	19/10/25	Đỗ Thị Vân Anh (KVCS3004)	
406	DC2KX22	3	Kinh tế học đại cương-1-1-25(N03)/75DCKX23	5	7->10	A1.304	18/08/25	07/09/25	Lê Trọng Bình (BMKT1005)	
				6	3->6	A1.402			Lê Trọng Bình (BMKT1005)	
				5	7->10	A1.304	08/09/25	19/10/25	Lê Trọng Bình (BMKT1005)	
				6	3->4	A1.402			Lê Trọng Bình (BMKT1005)	
407	DC2KX22	3	Kinh tế học đại cương-1-1-25(N04)/75DCKX22	5	11->12	A1.401	18/08/25	07/09/25	Lê Trọng Bình (BMKT1005)	
				6	7->12	A1.304			Lê Trọng Bình (BMKT1005)	
				5	11->12	A1.401	08/09/25	19/10/25	Lê Trọng Bình (BMKT1005)	
				6	7->10	A1.304			Lê Trọng Bình (BMKT1005)	
408	DC2KX22	3	Kinh tế học đại cương-1-1-25(N05)/75DCKX21	5	1->6	A2.204	18/08/25	07/09/25	Lê Trọng Bình (BMKT1005)	
				6	1->2	A1.304			Lê Trọng Bình (BMKT1005)	
				5	1->4	A1.301	08/09/25	19/10/25	Lê Trọng Bình (BMKT1005)	
				6	1->2	A1.304			Lê Trọng Bình (BMKT1005)	

409	DC2QA64	3	Kinh tế học-1-1-25(N01)/75DCQX21	6	7->11	A3.403	03/11/25	23/11/25	Đỗ Thanh Long (TCHUC3004)	
				5	7->11	A1.404	24/11/25	14/12/25	Đỗ Thanh Long (TCHUC3004)	
				5	7->11	A1.204	15/12/25	04/01/26	Đỗ Thanh Long (TCHUC3004)	
410	DC2QA64	3	Kinh tế học-1-1-25(N02)/75DCQX22	6	2->6	A3.203	03/11/25	23/11/25	Đỗ Thanh Long (TCHUC3004)	
				6	2->6	A3.203	24/11/25	14/12/25	Đỗ Thanh Long (TCHUC3004)	
				6	2->6	A3.203	15/12/25	04/01/26	Đỗ Thanh Long (TCHUC3004)	
411	DC2QT30	4	Kinh tế lượng và mô hình kinh doanh ứng dụng-1-1-25(N01)/75DCQT21	2	7->9	A5.303			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				3	7->9	A5.303	18/08/25	07/09/25	Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				4	7->9	A5.303			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				3	7->11	A5.303			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				4	7->9	A5.303	08/09/25	19/10/25	Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
412	DC2QT30	4	Kinh tế lượng và mô hình kinh doanh ứng dụng-1-1-25(N02)/75DCQT22	2	4->6	A1.304	18/08/25	07/09/25	Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				4	1->6	A1.302			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				2	4->6	A1.204	08/09/25	19/10/25	Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				4	2->6	A1.302			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				5	7->11	A1.504	18/08/25	07/09/25	Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
413	DC2QT30	4	Kinh tế lượng và mô hình kinh doanh ứng dụng-1-1-25(N03)/75DCQT23	6	7->10	A1.504			Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
				3	1->3	A1.201			Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
				6	10->11	A1.504	08/09/25	19/10/25	Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
				6	7->9	A1.504			Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
				2	4->6	A1.401			Đào Phúc Lâm (CTKC3004)	
414	DC2QT30	4	Kinh tế lượng và mô hình kinh doanh ứng dụng-1-1-25(N04)/75DCQM21	3	10->12	A3.304	18/08/25	07/09/25	Đào Phúc Lâm (CTKC3004)	
				4	4->6	A1.303			Đào Phúc Lâm (CTKC3004)	
				2	2->6	A1.401	08/09/25	19/10/25	Đào Phúc Lâm (CTKC3004)	
				4	4->6	A1.303			Đào Phúc Lâm (CTKC3004)	
				2	1->3	A3.405	18/08/25	07/09/25	Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
415	DC2QT30	4	Kinh tế lượng và mô hình kinh doanh ứng dụng-1-1-25(N05)/75DCQM22	3	7->9	A3.404			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				4	4->6	A3.403			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				2	2->6	A3.405	08/09/25	19/10/25	Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				3	7->9	A3.404			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				2	2->4	A3.404	18/08/25	07/09/25	Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
416	DC2QT30	4	Kinh tế lượng và mô hình kinh doanh ứng dụng-1-1-25(N06)/75DCQM23	3	4->6	A3.405			Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
				6	4->6	A3.405			Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
				3	4->6	A3.405	08/09/25	19/10/25	Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
				6	2->6	A3.405			Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
				2	4->6	A3.403	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
417	DC2QT30	4	Kinh tế lượng và mô hình kinh doanh ứng dụng-1-1-25(N07)/75DCQM24	3	1->3	A3.404			Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
				6	1->3	A3.404			Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
				3	1->3	A3.404	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
				6	2->6	A3.404			Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
				3	4->6	C3.205			Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
418	DC2QT30	4	Kinh tế lượng và mô hình kinh doanh ứng dụng-1-1-25(N08)/75DCQM25	5	10->12	C3.205	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
				6	4->6	C3.205			Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
				3	4->6	C3.205	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
				5	7->11	C3.205			Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
				2	1->3	A3.403	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	Trần Thị Thùy Dương (QTQT3025)
419	DC2QT30	4	Kinh tế lượng và mô hình kinh doanh ứng dụng-1-1-25(N09)/75DCTD21	3	7->9	C3.203			Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	Trần Thị Thùy Dương (QTQT3025)
				4	1->3	A3.203			Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	Trần Thị Thùy Dương (QTQT3025)
				2	1->4	A3.403			Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	Trần Thị Thùy Dương (QTQT3025)
				3	11->12	A6.102	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	Trần Thị Thùy Dương (QTQT3025)
				4	5->6	A1.202			Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	Trần Thị Thùy Dương (QTQT3025)
				2	1->4	C3.102			Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	Trần Thị Thùy Dương (QTQT3025)
				3	7->8	C3.101	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	Trần Thị Thùy Dương (QTQT3025)
				4	5->6	A1.104			Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	Trần Thị Thùy Dương (QTQT3025)
				2	1->3	C3.103			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	

420	DC2QT30	4	Kinh tế lượng và mô hình kinh doanh ứng dụng-1-1-25(N10)/75DCTD22	3	4->6	A1.301	03/11/25	23/11/25	Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				6	1->3	A3.403			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				2	1->3	C3.103			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				4	4->6	C3.101	24/11/25	30/11/25	Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				5	5->6	A1.401			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				2	1->3	C3.103			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				4	4->6	C3.101	01/12/25	07/12/25	Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				5	5->6	A1.404			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				2	1->3	C3.103			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				4	4->6	C3.101	08/12/25	14/12/25	Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				5	5->6	A1.404			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				2	1->3	C3.103			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				4	4->6	A3.204	15/12/25	21/12/25	Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				5	1->2	C3.106			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				2	1->3	C3.103			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				4	4->6	A3.204	22/12/25	28/12/25	Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				5	1->2	C3.106			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				2	1->3	C3.103			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				4	4->6	A3.204	29/12/25	04/01/26	Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				5	1->2	C3.106			Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
421	DC2QT30	4	Kinh tế lượng và mô hình kinh doanh ứng dụng-1-1-25(N11)/75DCTD23	3	7->10	C3.101			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				4	5->6	A1.501	03/11/25	23/11/25	Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				5	7->9	A1.501			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				2	7->8	A6.101			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				3	7->10	C3.101	24/11/25	30/11/25	Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				4	5->6	A1.501			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				2	7->8	A1.502			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				3	7->10	C3.101	01/12/25	07/12/25	Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				4	5->6	A1.501			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				2	7->8	A1.502			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				3	7->10	C3.101	08/12/25	14/12/25	Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				4	5->6	A1.501			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				2	9->10	C3.204			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				3	7->10	C3.204	15/12/25	04/01/26	Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				4	5->6	A1.501			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				2	1->3	C3.201			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
422	DC2QT30	4	Kinh tế lượng và mô hình kinh doanh ứng dụng-1-1-25(N12)/75DCTD24	5	4->6	A3.306	03/11/25	23/11/25	Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				6	7->9	A1.104			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				2	1->3	C3.203			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				3	4->6	A3.202	24/11/25	14/12/25	Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				6	7->8	A1.404			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				2	1->3	C3.203			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				3	4->6	C3.206	15/12/25	04/01/26	Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
				6	7->8	A1.404			Phạm Cao Cường (KTHI3008)	
423	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N01)/75DCLH21	4	7->10	C3.106	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Kiên Quyết (CTCC3003)	
				4	8->10	C3.106	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Kiên Quyết (CTCC3003)	
424	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N02)/75DCKT21	2	3->6	A3.201	03/11/25	23/11/25	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
				5	4->6	C3.101	24/11/25	04/01/26	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
425	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N03)/75DCKT22	2	8->11	A6.101	03/11/25	23/11/25	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
				5	1->3	A3.306	24/11/25	14/12/25	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
				5	1->3	A3.306	15/12/25	04/01/26	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
426	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N04)/75DCKT23	2	3->6	A6.502	03/11/25	23/11/25	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
				6	10->12	A3.203	24/11/25	04/01/26	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
427	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N05)/75DCKT24	2	1->4	C3.206	03/11/25	23/11/25	Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
				2	1->3	C3.206	24/11/25	04/01/26	Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
428	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N06)/75DCKT25	2	8->9	A3.404	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
				5	8->9	A3.302			Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
				2	8->10	A3.404	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	

429	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N07)/75DCKT26	3	7->10	A3.407	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
				3	7->9	A3.407	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
				3	11->12	C3.103			Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
430	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N08)/75DCKT27	5	10->11	A3.306	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
				3	10->12	C3.103	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Hồng Vân (KVQT3019)	
431	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N09)/75DCLG21	3	10->12	C3.206	03/11/25	14/12/25	Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
				3	7->10	C3.206	15/12/25	04/01/26	Ngô Thị Bích Thảo (KVVP3007)	
432	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N10)/75DCLG22	4	10->12	C3.206	03/11/25	14/12/25	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
				4	9->12	C3.206	15/12/25	04/01/26	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
433	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N11)/75DCLG23	6	4->6	A3.401	03/11/25	14/12/25	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
				6	1->4	A3.401	15/12/25	04/01/26	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
434	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N12)/75DCLG24	3	9->11	C3.106	03/11/25	14/12/25	Kiều Doãn Hà (KVCS2001)	
				3	9->12	C3.106	15/12/25	04/01/26	Kiều Doãn Hà (KVCS2001)	
435	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N13)/75DCLGJ2	3	4->6	A5.303	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Kiên Quyết (CTCC3003)	
				3	3->6	A5.303	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Kiên Quyết (CTCC3003)	
436	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N14)/75DCLGJ4	5	10->12	A1.202	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Kiên Quyết (CTCC3003)	
				5	3->6	C3.104	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Kiên Quyết (CTCC3003)	
437	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N15)/75DCVL21_VS21	6	7->9	VA1.202	18/08/25	26/10/25	Kiều Doãn Hà (KVCS2001)	
438	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N16)/75DCVL22	5	9->11	VA1.402	18/08/25	26/10/25	Kiều Doãn Hà (KVCS2001)	
439	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N17)/75DCVL23	6	1->3	VA1.402	18/08/25	26/10/25	Kiều Doãn Hà (KVCS2001)	
				2	10->12	VA1.202	03/11/25	14/12/25	Đỗ Huyền Hương (KVKK3015)	
440	DC2KV21	2	Kinh tế lượng-1-1-25(N18)/75DCKT11	2	10->11	VA1.202			Đỗ Huyền Hương (KVKK3015)	
				6	11->12	VA1.202	15/12/25	04/01/26	Đỗ Huyền Hương (KVKK3015)	
				2	1->3	C3.105			Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
441	DC3VL68	3	Kinh tế vận tải-1-1-25(N01)/75DCLG21	3	10->12	C3.202	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
				4	7->8	C3.102			Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
				2	1->3	C3.105			Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
				3	10->12	C3.202	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
				2	4->6	C3.102			Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
442	DC3VL68	3	Kinh tế vận tải-1-1-25(N02)/75DCLG22	3	7->9	C3.102	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
				4	9->10	C3.103			Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
				2	4->6	C3.102			Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
				3	7->9	C3.102	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
				2	7->9	C3.102			Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
443	DC3VL68	3	Kinh tế vận tải-1-1-25(N03)/75DCLG23	3	4->6	C3.105	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
				4	5->6	C3.105			Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
				2	7->9	C3.102			Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
				3	4->6	C3.105	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Trang (KVSB3005)	
				2	1->3	C3.103			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
444	DC3VL68	3	Kinh tế vận tải-1-1-25(N04)/75DCLG24	3	10->12	C3.103	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				4	7->8	C3.206			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				2	1->3	C3.103			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				3	10->12	C3.103	08/09/25	19/10/25	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				2	7->9	A1.402			Lê Thu Sao (KVVP3002)	
445	DC3VL68	3	Kinh tế vận tải-1-1-25(N05)/75DCLGJ2	3	7->9	A1.404	18/08/25	07/09/25	Lê Thu Sao (KVVP3002)	
				4	7->8	A1.402			Lê Thu Sao (KVVP3002)	

				2	7->9	A1.402	08/09/25	19/10/25	Lê Thu Sao (KVVP3002)	
				3	7->9	A1.404			Lê Thu Sao (KVVP3002)	
446	DC3VL68	3	Kinh tế vận tải-1-1-25(N06)/75DCLGJ4	2	10->12	A1.401	18/08/25	07/09/25	Lê Thu Sao (KVVP3002)	
				3	10->12	A1.403			Lê Thu Sao (KVVP3002)	
				4	9->10	A1.403			Lê Thu Sao (KVVP3002)	
				2	10->12	A1.401			Lê Thu Sao (KVVP3002)	
				3	10->12	A1.403	08/09/25	19/10/25	Lê Thu Sao (KVVP3002)	
447	DC2LG28	3	Kinh tế vận tải-1-1-25(N07)/75DKLG21	4	1->3	A1.102 (DK)	18/08/25	02/11/25	Hoàng Văn Lâm (KVS3001)	
				4	1->3	A1.102 (DK)	03/11/25	30/11/25	Hoàng Văn Lâm (KVS3001)	
448	DC3CT91	2	Kinh tế xây dựng-1-1-25(N01)/73DCDD21_73DCDD22	3	8->9	A2.402	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Nga (B) (KVX3006)	
				3	8->9	A1.101	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Nga (B) (KVX3006)	
				5	8->9	A1.204	03/11/25	16/11/25	Nguyễn Thị Nga (B) (KVX3006)	
				5	8->9	A1.204	17/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Nga (B) (KVX3006)	
449	DC3KX71	3	Kinh tế xây dựng-1-1-25(N03)/74DCQX21	3	2->6	A3.306	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Nga (B) (KVX3006)	
450	DC3KX71	3	Kinh tế xây dựng-1-1-25(N04)/74DCQX22	3	7->11	A6.202	18/08/25	19/10/25	Trịnh Xuân Trường (CTDB2001)	
451	DC3KX71	3	Kinh tế xây dựng-1-1-25(N05)/74DCQX23	2	2->6	A3.401	18/08/25	19/10/25	Phạm Thị Liên (KVX3004)	
452	DC3KX71	3	Kinh tế xây dựng-1-1-25(N06)/74DCKX21	3	7->11	A2.104	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (XDCB3007)	
				3	7->11	A2.104	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (XDCB3007)	
				6	7->11	A1.502	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hiền (XDCB3007)	
453	DC3KX71	3	Kinh tế xây dựng-1-1-25(N07)/74DCKX22	3	5->6	A1.303	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Nga (B) (KVX3006)	
				4	2->4	A1.302			Nguyễn Thị Nga (B) (KVX3006)	
454	DC3KX71	3	Kinh tế xây dựng-1-1-25(N08)/74DCKX23	5	2->4	A1.501	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Nga (B) (KVX3006)	
				6	7->8	A6.102			Nguyễn Thị Nga (B) (KVX3006)	
				5	2->4	A1.501			Nguyễn Thị Nga (B) (KVX3006)	
				6	10->11	A6.102	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Nga (B) (KVX3006)	
				5	2->4	A1.501			Nguyễn Thị Nga (B) (KVX3006)	
				6	10->11	A6.102			Nguyễn Thị Nga (B) (KVX3006)	
455	DC3KX71	3	Kinh tế xây dựng-1-1-25(N09)/74DCKX24	3	7->9	A1.204	03/11/25	04/01/26	Phạm Thị Liên (KVX3004)	
				5	4->5	A1.204			Phạm Thị Liên (KVX3004)	
456	DC3HT44	3	Kiến trúc của hệ thống QL, giám sát PTGT-1-1-25(N01)/73DCHT21	4	2->6	Trực tuyến	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thị Kim Ngân (KHCB1011)	
				4	2->6	Trực tuyến	08/09/25	19/10/25	Hoàng Thị Kim Ngân (KHCB1011)	
457	DC3HT44	3	Kiến trúc của hệ thống QL, giám sát PTGT-1-1-25(N02)/73DCHT22	2	7->11	Trực tuyến	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Lan Anh (KHCB1010)	
458	DC3HT44	3	Kiến trúc của hệ thống QL, giám sát PTGT-1-1-25(N03)/73DCHT23	2	2->6	Trực tuyến	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Lan Anh (KHCB1010)	
459	DC3DD48	3	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp-1-1-25(N01)/74DCDD21	4	10->12	A1.504	03/11/25	04/01/26	Lê Ngọc Lan (CTDD3014)	
				6	7->8	A1.504			Lê Ngọc Lan (CTDD3014)	
460	DC2TT11	3	Kiến trúc máy tính-1-1-25(N01)/75DCTG21	3	1->6		18/08/25	26/10/25	Hoàng Thị Kim Ngân (KHCB1011)	
461	DC2MO41	2	Kiểm toán chất thải-1-1-25(N01)/74DCMN21	4	3->4	A5.303	18/08/25	30/11/25	Phạm Thị Huệ (CTTL3005)	
462	DC3HQ22	3	Kiểm tra, giám sát hải quan-1-1-25(N01)/74DCHQ21	3	7->9	C3.104	03/11/25	04/01/26	Ngô Thị Thanh Nga (KVTN3006)	
				4	7->8	C3.205			Ngô Thị Thanh Nga (KVTN3006)	
463	DC3HQ22	3	Kiểm tra, giám sát hải quan-1-1-25(N02)/74DCHQ22	3	2->4	A3.304	03/11/25	23/11/25	Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
				5	5->6	C3.205			Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
				3	2->4	A3.304	24/11/25	14/12/25	Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
				5	5->6	C3.205			Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
				3	2->4	A3.304	15/12/25	04/01/26	Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
				5	5->6	C3.205			Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
464	DC3KT28	2	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ-1-1-25(N01)/74DCKT22	4	7->9	A1.502	03/11/25	14/12/25	Đặng Thị Huệ (KVKK3002)	
				4	7->10	A1.502	15/12/25	04/01/26	Đặng Thị Huệ (KVKK3002)	
465	DC3KT28	2	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ-1-1-25(N02)/74DCKT21	2	7->9	A1.501	03/11/25	14/12/25	Đỗ Thị Hương Thanh (BMKT1002)	
				2	7->10	A1.501	15/12/25	04/01/26	Đỗ Thị Hương Thanh (BMKT1002)	

466	DC3KT28	2	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ-1-1-25(N03)/74DCKT23	2	4->6	A1.403	03/11/25	23/11/25	Đỗ Thị Hương Thanh (BMKT1002)	
				2	4->6	A1.403	24/11/25	14/12/25	Đỗ Thị Hương Thanh (BMKT1002)	
				3	3->6	A1.304	15/12/25	04/01/26	Đỗ Thị Hương Thanh (BMKT1002)	
467	DC3KT28	2	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ-1-1-25(N04)/74DCKT24	5	4->6	A1.201	03/11/25	23/11/25	Đặng Thị Huê (KVKK3002)	
				5	10->12	A1.502	24/11/25	14/12/25	Đặng Thị Huê (KVKK3002)	
				5	9->12	A1.502	15/12/25	04/01/26	Đặng Thị Huê (KVKK3002)	
468	DC3KT28	2	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ-1-1-25(N05)/74DCKT25	2	10->12	A1.301	03/11/25	14/12/25	Đỗ Thị Hương Thanh (BMKT1002)	
				2	11->12	A1.301	15/12/25	04/01/26	Đỗ Thị Hương Thanh (BMKT1002)	
				3	1->2	A1.302			Đỗ Thị Hương Thanh (BMKT1002)	
469	DC3KT28	2	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ-1-1-25(N06)/74DCKT26	6	8->10	A1.301	03/11/25	14/12/25	Đặng Thị Huê (KVKK3002)	
				6	7->10	A1.301	15/12/25	04/01/26	Đặng Thị Huê (KVKK3002)	
470	DC3KT28	2	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ-1-1-25(N07)/74DCKT27	6	4->6	A3.304	03/11/25	14/12/25	Đặng Thị Huê (KVKK3002)	
				6	3->6	A3.304	15/12/25	04/01/26	Đặng Thị Huê (KVKK3002)	
471	DC3KT28	2	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ-1-1-25(N08)/74DCKT11	3	11->12	VA1.402	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thu Hằng (KVKK2002)	
				3	9->10	VA1.402			Nguyễn Thu Hằng (KVKK2002)	
				3	9->11	VA1.402	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thu Hằng (KVKK2002)	
472	DC2KV80	4	Kế toán doanh nghiệp-1-1-25(N01)/74DCHQ22	2	7->9	A3.203	18/08/25	07/09/25	Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				4	7->8	A2.302			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				6	10->12	A3.402			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				2	7->9	A3.203	08/09/25	19/10/25	Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				6	10->12	A3.402			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
473	DC2KV80	4	Kế toán doanh nghiệp-1-1-25(N02)/74DCHQ21	4	9->12	A2.303	18/08/25	07/09/25	Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				5	7->10	A2.404			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				4	9->11	A3.306	08/09/25	19/10/25	Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				5	7->9	C3.106			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
474	DC2KV30	4	Kế toán doanh nghiệp-1-1-25(N03)/75DCTD21	3	10->12	C3.203	03/11/25	23/11/25	Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				4	4->6	A3.203			Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				5	1->3	A3.401			Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				3	7->10	A6.102	24/11/25	14/12/25	Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				5	1->4	A1.101			Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				3	9->12	C3.101	15/12/25	04/01/26	Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				5	1->4	C3.206			Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
475	DC2KV30	4	Kế toán doanh nghiệp-1-1-25(N04)/75DCTD22	2	4->6	C3.103	03/11/25	23/11/25	Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				3	1->3	A1.301			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				6	4->6	A3.403			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				2	4->6	C3.103	24/11/25	04/01/26	Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				3	5->6	A3.204			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				6	4->6	C3.103			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
476	DC2KV30	4	Kế toán doanh nghiệp-1-1-25(N05)/75DCTD23	2	1->3	C3.101	03/11/25	23/11/25	Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				3	11->12	C3.101			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				4	1->4	A1.501			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				2	9->12	A6.101	24/11/25	30/11/25	Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				4	1->4	A1.501			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				2	9->12	A1.502	01/12/25	07/12/25	Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				4	1->4	A1.501			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				2	9->12	A1.502	08/12/25	14/12/25	Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				4	1->4	A1.501			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				2	7->8	C3.204	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				3	11->12	C3.204			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				4	1->4	A1.501			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	

477	DC2KV30	4	Kế toán doanh nghiệp-1-1-25(N06)/75DCTD24	3	4->6	A1.201	03/11/25	23/11/25	Chu Thị Bích Hạnh (KVKK3003)	
				4	1->3	A1.104			Chu Thị Bích Hạnh (KVKK3003)	
				6	10->12	A1.104			Chu Thị Bích Hạnh (KVKK3003)	
				4	1->4	A1.104	24/11/25	14/12/25	Chu Thị Bích Hạnh (KVKK3003)	
				6	9->12	A1.404			Chu Thị Bích Hạnh (KVKK3003)	
				4	1->4	A1.404	15/12/25	04/01/26	Chu Thị Bích Hạnh (KVKK3003)	
				6	9->12	A1.404			Chu Thị Bích Hạnh (KVKK3003)	
478	DC3KT36	3	Kế toán hành chính sự nghiệp-1-1-25(N01)/74DCKT22	5	1->3	A1.502	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				6	4->5	A1.501			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				5	1->3	A1.502	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				6	4->5	A1.501			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				5	1->3	A1.502	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				6	4->5	A1.501			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
479	DC3KT36	3	Kế toán hành chính sự nghiệp-1-1-25(N02)/74DCKT21	4	7->11	A1.104	03/11/25	14/12/25	Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				4	7->11	A6.202	15/12/25	04/01/26	Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
480	DC3KT36	3	Kế toán hành chính sự nghiệp-1-1-25(N03)/74DCKT23	4	1->3	A1.301	03/11/25	23/11/25	Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				5	7->8	A1.301			Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				4	2->6	A1.301	24/11/25	14/12/25	Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				4	2->6	A1.301			Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
481	DC3KT36	3	Kế toán hành chính sự nghiệp-1-1-25(N04)/74DCKT24	3	3->5	A2.104	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				4	2->3	C3.201			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				3	1->5	A2.104	24/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				3	1->5	A2.104	01/12/25	14/12/25	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				3	1->2	A2.104	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				4	3->5	A1.101			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
482	DC3KT36	3	Kế toán hành chính sự nghiệp-1-1-25(N05)/74DCKT25	4	9->11	A1.302	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thái An (KVKK3001)	
				5	2->3	A1.301			Nguyễn Thị Thái An (KVKK3001)	
483	DC3KT36	3	Kế toán hành chính sự nghiệp-1-1-25(N06)/74DCKT26	2	4->6	A2.201	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				6	11->12	A1.301			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
484	DC3KT36	3	Kế toán hành chính sự nghiệp-1-1-25(N07)/74DCKT27	4	7->8	A3.304	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thái An (KVKK3001)	
				5	4->6	A3.304			Nguyễn Thị Thái An (KVKK3001)	
485	DC3KT36	3	Kế toán hành chính sự nghiệp-1-1-25(N08)/74DCKT11	2	9->11	VA1.402	03/11/25	04/01/26	Trần Thị Thu Hà (KVKK2003)	
				6	7->8	VA1.402			Trần Thị Thu Hà (KVKK2003)	
486	DC3KT31	3	Kế toán quản trị 1-1-1-25(N01)/74DCKT22	5	4->5	A1.502	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				6	1->3	A1.501			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				5	4->5	A1.502	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				6	1->3	A1.501			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				5	4->5	A1.502	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				6	1->3	A1.501			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
487	DC3KT31	3	Kế toán quản trị 1-1-1-25(N02)/74DCKT21	3	2->6	A1.501	03/11/25	14/12/25	Trần Thị Lan Hương (KVKK3012)	
				3	2->6	A1.501	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Lan Hương (KVKK3012)	
488	DC3KT31	3	Kế toán quản trị 1-1-1-25(N03)/74DCKT23	4	4->5	A1.301	03/11/25	23/11/25	Trần Thị Lan Hương (KVKK3012)	
				5	9->11	A1.301			Trần Thị Lan Hương (KVKK3012)	
				5	7->11	A1.301	24/11/25	14/12/25	Trần Thị Lan Hương (KVKK3012)	

				2	2->6	A1.504	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Lan Hương (KVKK3012)	
				3	1->2	A2.104	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				4	4->6	C3.101			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				2	2->3	A6.502	24/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				4	1->4	A1.101			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				2	2->3	A6.502	01/12/25	14/12/25	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				4	1->4	A1.101			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				3	3->5	A2.104	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				4	1->2	A1.101			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
489	DC3KT31	3	Kế toán quản trị 1-1-1-25(N04)/74DCKT24							
				4	7->8	A1.302	03/11/25	04/01/26	Trần Thị Lan Hương (KVKK3012)	
				5	4->6	A1.301			Trần Thị Lan Hương (KVKK3012)	
				2	1->3	A2.201	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Diệu Thu (KVKK3006)	
				5	2->3	A2.201			Nguyễn Thị Diệu Thu (KVKK3006)	
				2	1->3	A2.201	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Diệu Thu (KVKK3006)	
				5	1->2	A2.201			Nguyễn Thị Diệu Thu (KVKK3006)	
				4	9->11	A3.304	03/11/25	04/01/26	Trần Thị Lan Hương (KVKK3012)	
				5	2->3	A3.304			Trần Thị Lan Hương (KVKK3012)	
				2	7->8	VA1.402	03/11/25	04/01/26	Trần Thị Thu Hà (KVKK2003)	
				4	8->10	VA1.402			Trần Thị Thu Hà (KVKK2003)	
				3	2->6	A1.104	18/08/25	19/10/25	Đỗ Thị Hương Thanh (BMKT1002)	
				3	7->11	A1.104	18/08/25	19/10/25	Đỗ Thị Hương Thanh (BMKT1002)	
				2	7->11	A1.103	18/08/25	19/10/25	Đỗ Thị Hương Thanh (BMKT1002)	
				2	2->6	A5.303	18/08/25	19/10/25	Đỗ Thị Hương Thanh (BMKT1002)	
				3	7->9	A1.502	03/11/25	14/12/25	Trần Thị Thùy Dung (KVKK3018)	
				3	7->10	A1.502	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Thùy Dung (KVKK3018)	
				6	7->9	C3.205	03/11/25	14/12/25	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				6	9->12	C3.205	15/12/25	04/01/26	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				6	1->3	A3.201	03/11/25	14/12/25	Ngô Thị Hường (KVKK3007)	
				5	9->12	A1.301	15/12/25	04/01/26	Ngô Thị Hường (KVKK3007)	
				6	4->6	A6.202	03/11/25	23/11/25	Ngô Thị Hường (KVKK3007)	
				2	4->6	A6.502	24/11/25	30/11/25	Ngô Thị Hường (KVKK3007)	
				2	4->6	A6.502	01/12/25	14/12/25	Ngô Thị Hường (KVKK3007)	
				2	11->12	A1.502	15/12/25	04/01/26	Ngô Thị Hường (KVKK3007)	
				5	7->8	A1.502			Ngô Thị Hường (KVKK3007)	
				2	7->9	A1.301	03/11/25	14/12/25	Ngô Thị Hường (KVKK3007)	
				2	7->10	A1.301	15/12/25	04/01/26	Ngô Thị Hường (KVKK3007)	
				3	7->9	A1.301	03/11/25	14/12/25	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				3	7->10	A1.301	15/12/25	04/01/26	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				3	10->12	A3.304	03/11/25	14/12/25	Trần Thị Thùy Dung (KVKK3018)	
				3	11->12	A3.304	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Thùy Dung (KVKK3018)	
				6	1->2	A3.304			Trần Thị Thùy Dung (KVKK3018)	
				6	9->10	VA1.402	03/11/25	23/11/25	Trần Thị Thanh Nga (KVKK2005)	
				6	11->12	VA1.402			Trần Thị Thanh Nga (KVKK2005)	
				6	9->11	VA1.402	24/11/25	04/01/26	Trần Thị Thanh Nga (KVKK2005)	
				5	4->6	C3.101	03/11/25	23/11/25	Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				6	1->3	A1.103			Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				2	2->6	A3.201	24/11/25	04/01/26	Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				6	5->6	A1.103			Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				3	7->10	A3.203	03/11/25	23/11/25	Vũ Thị Mai Quỳnh (KVKK3020)	
490	DC3KT31	3	Kế toán quản trị 1-1-1-25(N05)/74DCKT25							
491	DC3KT31	3	Kế toán quản trị 1-1-1-25(N06)/74DCKT26							
492	DC3KT31	3	Kế toán quản trị 1-1-1-25(N07)/74DCKT27							
493	DC3KT31	3	Kế toán quản trị 1-1-1-25(N08)/74DCKT11							
494	DC3KT26	3	Kế toán quản trị-1-1-25(N01)/74DCTN21							
495	DC3KT26	3	Kế toán quản trị-1-1-25(N02)/74DCTN22							
496	DC3KT26	3	Kế toán quản trị-1-1-25(N03)/74DCTN23							
497	DC3KT26	3	Kế toán quản trị-1-1-25(N04)/74DCTN24							
498	DC3KV28	2	Kế toán thương mại-1-1-25(N01)/74DCKT22							
499	DC3KV28	2	Kế toán thương mại-1-1-25(N02)/74DCKT21							
500	DC3KV28	2	Kế toán thương mại-1-1-25(N03)/74DCKT23							
501	DC3KV28	2	Kế toán thương mại-1-1-25(N04)/74DCKT24							
502	DC3KV28	2	Kế toán thương mại-1-1-25(N05)/74DCKT25							
503	DC3KV28	2	Kế toán thương mại-1-1-25(N06)/74DCKT26							
504	DC3KV28	2	Kế toán thương mại-1-1-25(N07)/74DCKT27							
505	DC3KV28	2	Kế toán thương mại-1-1-25(N08)/74DCKT11							
506	DC3KT42	3	Kế toán tài chính 2-1-1-25(N01)/75DCKT21							

507	DC3KT42	3	Kế toán tài chính 2-1-1-25(N02)/75DCKT22	6	7->8	A1.103	03/11/25	23/11/25	Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				4	8->10	A1.201	24/11/25	14/12/25	Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				6	7->10	A1.103			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				4	8->10	A1.201	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
				6	7->10	A1.103			Vũ Thị Mai Quyền (KVKK3020)	
508	DC3KT42	3	Kế toán tài chính 2-1-1-25(N03)/75DCKT23	3	7->10	C3.102	03/11/25	23/11/25	Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				6	4->6	A3.402			Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				3	9->12	C3.102	24/11/25	04/01/26	Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				6	7->9	A3.203			Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
509	DC3KT42	3	Kế toán tài chính 2-1-1-25(N04)/75DCKT24	2	5->6	C3.206	03/11/25	23/11/25	Trần Thị Thùy Dung (KVKK3018)	
				6	1->4	A1.101			Trần Thị Thùy Dung (KVKK3018)	
				2	4->6	C3.206	24/11/25	04/01/26	Trần Thị Thùy Dung (KVKK3018)	
				6	3->6	A1.101			Trần Thị Thùy Dung (KVKK3018)	
510	DC3KT42	3	Kế toán tài chính 2-1-1-25(N05)/75DCKT25	5	10->12	A3.302	03/11/25	23/11/25	Hoàng Minh Thị Thuận (BMKT1007)	
				6	4->6	A3.308			Hoàng Minh Thị Thuận (BMKT1007)	
				5	7->9	A3.302	24/11/25	04/01/26	Hoàng Minh Thị Thuận (BMKT1007)	
				6	1->4	A3.308			Hoàng Minh Thị Thuận (BMKT1007)	
511	DC3KT42	3	Kế toán tài chính 2-1-1-25(N06)/75DCKT26	2	7->10	A3.405	03/11/25	23/11/25	Trần Thị Thùy Dung (KVKK3018)	
				6	7->8	A3.202			Trần Thị Thùy Dung (KVKK3018)	
				2	7->11	A3.405	24/11/25	04/01/26	Trần Thị Thùy Dung (KVKK3018)	
				6	7->8	A3.202			Trần Thị Thùy Dung (KVKK3018)	
512	DC3KT42	3	Kế toán tài chính 2-1-1-25(N07)/75DCKT27	5	7->9	A3.306	03/11/25	23/11/25	Hoàng Minh Thị Thuận (BMKT1007)	
				6	1->3	C3.103			Hoàng Minh Thị Thuận (BMKT1007)	
				5	11->12	A3.306	24/11/25	04/01/26	Hoàng Minh Thị Thuận (BMKT1007)	
				6	7->11	A3.201			Hoàng Minh Thị Thuận (BMKT1007)	
513	DC3KT42	3	Kế toán tài chính 2-1-1-25(N08)/75DCKT11	2	7->9	VA1.202	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thu Hằng (KVKK2002)	
				5	9->12	VA1.202			Nguyễn Thu Hằng (KVKK2002)	
				2	7->9	VA1.202	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thu Hằng (KVKK2002)	
				5	9->11	VA1.202			Nguyễn Thu Hằng (KVKK2002)	
514	DC3OT43	4	Kết cấu - Tính toán ô tô-1-1-25(N01)/74DCOT27	5	7->10	A3.404	15/09/25	02/11/25	Nguyễn Diệp Thành (XUOT3003)	
				5	7->10	A1.402	03/11/25	28/12/25	Nguyễn Diệp Thành (XUOT3003)	
515	DC3OT43	4	Kết cấu - Tính toán ô tô-1-1-25(N02)/74DCOT26	2	7->8	A2.401	18/08/25	07/09/25	Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
				5	10->11	A3.407			Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
				4	7->8	A3.201	08/09/25	02/11/25	Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
				5	10->11	A3.407			Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
				4	7->10	A1.503	03/11/25	30/11/25	Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
516	DC3OT43	4	Kết cấu - Tính toán ô tô-1-1-25(N03)/74DCOT25	2	3->6	A1.203	18/08/25	07/09/25	Đỗ Ngọc Tiến (XUVP3002)	
				2	3->6	A1.203	08/09/25	02/11/25	Đỗ Ngọc Tiến (XUVP3002)	
				2	3->6	A1.504	03/11/25	30/11/25	Đỗ Ngọc Tiến (XUVP3002)	
517	DC3OT43	4	Kết cấu - Tính toán ô tô-1-1-25(N04)/74DCOT24	6	7->10	A1.201	18/08/25	02/11/25	Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
				6	7->10	A1.403	01/12/25	28/12/25	Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
518	DC3OT43	4	Kết cấu - Tính toán ô tô-1-1-25(N05)/74DCOT23	5	7->10	A1.201	18/08/25	02/11/25	Ma Thế Cường (BMCS1002)	
				5	7->10	A1.403	01/12/25	28/12/25	Ma Thế Cường (BMCS1002)	
519	DC3OT43	4	Kết cấu - Tính toán ô tô-1-1-25(N06)/74DCOT22	4	9->12	C3.104	18/08/25	07/09/25	Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
				4	9->12	C3.104	08/09/25	05/10/25	Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
				2	7->10	A1.304	03/11/25	28/12/25	Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
520	DC3OT43	4	Kết cấu - Tính toán ô tô-1-1-25(N07)/74DCOT21	3	2->5	A5.303	18/08/25	05/10/25	Phùng Anh Tuấn (CKOT2010)	
				4	3->6	A3.407	03/11/25	28/12/25	Phùng Anh Tuấn (CKOT2010)	
521	DC3OT43	4	Kết cấu - Tính toán ô tô-1-1-25(N08)/74DCOG21	4	3->6	A1.503	03/11/25	14/12/25	Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				6	7->8	A1.302			Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				4	2->6	A1.503	15/12/25	04/01/26	Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				6	7->9	A1.302			Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
522	DC3OT43	4	Kết cấu - Tính toán ô tô-1-1-25(N09)/74DCOT11	3	2->4	VA1.204	03/11/25	14/12/25	Đỗ Thành Phương (CKOT2001)	
				4	2->4	VA1.204			Đỗ Thành Phương (CKOT2001)	

524	DC3CK41	3	Kết cấu - tính toán động cơ-1-1-25(N01)/74DCOT21	3	1->4	VA1.204	15/12/25	04/01/26	Đỗ Thành Phương (CKOT2001)	
				4	1->4	VA1.204			Đỗ Thành Phương (CKOT2001)	
523	DC3CK41	3	Kết cấu - tính toán động cơ-1-1-25(N01)/74DCOT21	5	4->6	A1.503	18/08/25	05/10/25	Nguyễn Công Đoàn (CKMT3006)	
				5	1->3	A3.407	03/11/25	28/12/25	Nguyễn Công Đoàn (CKMT3006)	
524	DC3CK41	3	Kết cấu - tính toán động cơ-1-1-25(N02)/74DCOT22	3	10->12	A1.301	18/08/25	05/10/25	Nguyễn Công Đoàn (CKMT3006)	
				5	4->6	A1.402	03/11/25	28/12/25	Nguyễn Công Đoàn (CKMT3006)	
525	DC3CK41	3	Kết cấu - tính toán động cơ-1-1-25(N03)/74DCOT23	3	7->9	A1.204	18/08/25	02/11/25	Nguyễn Công Đoàn (CKMT3006)	
				2	10->12	A1.303	01/12/25	28/12/25	Nguyễn Công Đoàn (CKMT3006)	
526	DC3CK41	3	Kết cấu - tính toán động cơ-1-1-25(N04)/74DCOT24	2	10->12	A1.204	18/08/25	02/11/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
				5	1->3	A1.401	01/12/25	28/12/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
527	DC3CK41	3	Kết cấu - tính toán động cơ-1-1-25(N05)/74DCOT25	6	10->12	A3.405	18/08/25	07/09/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
				6	10->12	A1.104	08/09/25	02/11/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
				4	4->6	A1.401	03/11/25	23/11/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
				6	4->6	Trực tuyến	24/11/25	30/11/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
528	DC3CK41	3	Kết cấu - tính toán động cơ-1-1-25(N06)/74DCOT26	6	4->6	A2.102	18/08/25	07/09/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
				6	4->6	A1.503	08/09/25	02/11/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
				3	10->12	A1.502	03/11/25	30/11/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
529	DC3CK41	3	Kết cấu - tính toán động cơ-1-1-25(N07)/74DCOT27	3	4->6	A3.302	15/09/25	02/11/25	Nguyễn Công Đoàn (CKMT3006)	
				3	10->12	A1.403	03/11/25	28/12/25	Nguyễn Công Đoàn (CKMT3006)	
530	DC3CK41	3	Kết cấu - tính toán động cơ-1-1-25(N08)/74DCOT11	3	4->5	VA1.204	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thành Trung (CKOT2011)	
				5	3->5	VA1.204			Nguyễn Thành Trung (CKOT2011)	
531	DC2GT52	3	Kết cấu BTCT-1-1-25(N01)/74DCCH21	4	7->11	A3.406	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Lý (CTCA3005)	
				4	7->11	A3.406	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Lý (CTCA3005)	
532	DC2GT52	3	Kết cấu BTCT-1-1-25(N02)/74DCCH22	5	2->6	A3.406	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thủy Anh (CTCA3007)	
				5	2->6	A3.406	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thủy Anh (CTCA3007)	
533	DC2DD52	3	Kết cấu BTCT-1-1-25(N03)/74DCDD21	5	4->5	A3.403	18/08/25	19/10/25	Cao Minh Quyền (CTDD3008)	
				6	7->9	A3.204			Cao Minh Quyền (CTDD3008)	
534	DC2GT21	4	Kết cấu bê tông cốt thép+BTL-1-1-25(N01)/74DCCD21	3	7->11	A2.403	18/08/25	07/09/25	Ngô Thị Hồng Quế (CTCA3009)	
				6	9->12	A3.304			Ngô Thị Hồng Quế (CTCA3009)	
				3	7->11	C3.104	08/09/25	19/10/25	Ngô Thị Hồng Quế (CTCA3009)	
				6	10->12	A3.304			Ngô Thị Hồng Quế (CTCA3009)	
535	DC2GT21	4	Kết cấu bê tông cốt thép+BTL-1-1-25(N02)/74DCCD22	3	7->11	C3.204	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Hương Giang (CTCV3006)	
				5	1->2	A2.404			Nguyễn Thị Hương Giang (CTCV3006)	
				6	5->6	A2.101	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Hương Giang (CTCV3006)	
				3	7->11	C3.204			Nguyễn Thị Hương Giang (CTCV3006)	
				6	4->6	C3.105			Nguyễn Thị Hương Giang (CTCV3006)	
536	DC2GT21	4	Kết cấu bê tông cốt thép+BTL-1-1-25(N03)/74DCCD11	2	9->12	VA1.203	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Mạnh Hà (CTXU2004)	
				3	7->11	VA1.203			Nguyễn Mạnh Hà (CTXU2004)	
				2	8->11	VA1.203	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Mạnh Hà (CTXU2004)	
				3	8->11	VA1.203			Nguyễn Mạnh Hà (CTXU2004)	
537	DC3DD43	3	Kết cấu nhà bê tông cốt thép-1-1-25(N01)/74DCDD21	4	7->9	A1.504	03/11/25	04/01/26	Phạm Tuấn Anh (CTDD3001)	
				6	9->10	A1.504			Phạm Tuấn Anh (CTDD3001)	
538	DC3DD44	3	Kết cấu nhà thép-1-1-25(N01)/74DCDD21	5	7->11	A1.504	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Duy Hưng (CTDD3010)	
539	DC3MX50	3	Kết cấu thép MXD-1-1-25(N01)/74DCMX21	3	7->11	A3.302	03/11/25	04/01/26	Phạm Như Nam (CKMX3005)	
				5	1->2	A2.502	18/08/25	07/09/25	Lại Bảo Tân (CTKC3008)	

540	DC2GT51	2	Kết cấu thép-1-1-25(N01)/74DCCD21	6	7->8	A3.304	08/09/25	19/10/25	Lại Bảo Tân (CTKC3008)	
				6	7->9	A3.304	08/09/25	19/10/25	Lại Bảo Tân (CTKC3008)	
541	DC2GT51	2	Kết cấu thép-1-1-25(N02)/74DCCD22	6	1->4	A2.101	18/08/25	07/09/25	Vũ Thọ Hưng (CTDB3011)	
				6	1->3	C3.105	08/09/25	19/10/25	Vũ Thọ Hưng (CTDB3011)	
542	DC2DD51	2	Kết cấu thép-1-1-25(N03)/74DCDD21	4	1->4	A3.302	18/08/25	07/09/25	Vũ Thọ Hưng (CTDB3011)	
				4	1->3	A3.302	08/09/25	19/10/25	Vũ Thọ Hưng (CTDB3011)	
543	DC2GT51	2	Kết cấu thép-1-1-25(N04)/74DCCD11	6	9->11	VA1.203	18/08/25	28/09/25	Nguyễn Mạnh Hà (CTXU2004)	
				6	9->10	VA1.203			Nguyễn Mạnh Hà (CTXU2004)	
				6	11->12	VA1.203	29/09/25	19/10/25	Nguyễn Mạnh Hà (CTXU2004)	
544	DC3MT48	3	Kết cấu tàu thủy và công trình nổi-1-1-25(N01)/74DCMT21	2	9->10	A5.302	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Duy Linh (XUUD3005)	
				6	4->6	A3.406			Nguyễn Duy Linh (XUUD3005)	
545	DC3DM42	3	Kết cấu tính toán toa xe-1-1-25(N01)/74DCDM21	4	1->3	A5.302	03/11/25	04/01/26	Vũ Văn Hiệp (CKDM3002)	
				5	3->4	A5.302			Vũ Văn Hiệp (CKDM3002)	
				2	7->10	A5.302			Yên Văn Thực (CKDM3003)	
546	DC3DM66	4	Kết cấu tính toán đầu máy điện và diesel-1-1-25(N01)/74DCDM21	6	10->11	A5.302	03/11/25	14/12/25	Yên Văn Thực (CKDM3003)	
				2	7->11	A5.302	15/12/25	04/01/26	Yên Văn Thực (CKDM3003)	
				6	10->12	A5.302			Yên Văn Thực (CKDM3003)	
547	DC3CO68	4	Kết cấu và tính toán ô tô-1-1-25(N01)/74DCCO21	2	7->8	A1.503	03/11/25	14/12/25	Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				4	8->11	A1.301			Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				2	7->8	A1.503			Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				4	7->9	A1.301	15/12/25	04/01/26	Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				5	1->3	A1.503			Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
548	DC3CO68	4	Kết cấu và tính toán ô tô-1-1-25(N02)/74DCCO22	4	1->2	A1.403	03/11/25	14/12/25	Phùng Anh Tuấn (CKOT2010)	
				5	9->12	A1.503			Phùng Anh Tuấn (CKOT2010)	
				3	7->12	A1.404	15/12/25	04/01/26	Phùng Anh Tuấn (CKOT2010)	
				4	1->2	A1.403			Phùng Anh Tuấn (CKOT2010)	
549	DC3CO68	4	Kết cấu và tính toán ô tô-1-1-25(N03)/74DCCO23	2	5->6	A5.302	03/11/25	23/11/25	Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				6	3->6	A5.302			Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				2	5->6	A5.302	24/11/25	14/12/25	Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				6	3->6	A5.302			Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				2	5->6	A5.302			Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				5	7->8	A5.302	15/12/25	04/01/26	Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				6	3->6	A5.302			Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
550	DC1CB77	3	Kỹ năng mềm-1-1-25(N02)/75DCCD21_23_CK21_CK23_CH21_VL23	5	7->12		18/08/25	26/10/25		
551	DC1CB77	3	Kỹ năng mềm-1-1-25(N05)/75DCBC21_BI21_CD11_CD22_CS21_DS21_QX21_QX22_VL21_VL22_VS21	5	1->6		18/08/25	26/10/25		
552	DC1CB77	3	Kỹ năng mềm-1-1-25(N07)/75DCCDJ2_CK24_DD22_KN21_KN24	2	7->12		18/08/25	26/10/25		
553	DC1CB77	3	Kỹ năng mềm-1-1-25(N08)/75DCDD21_CK22_CK25_KN22_KN23	6	7->12		18/08/25	26/10/25		
554	DC1CB77	3	Kỹ năng mềm-1-1-25(N33)/75DCOT21_CO23_EN21_EN22_KX21_OT11_QM24	5	1->6		03/11/25	11/01/26		
555	DC1CB77	3	Kỹ năng mềm-1-1-25(N34)/75DCOT22_OT23_OT24_QM23_QM25	4	1->6		03/11/25	11/01/26		
556	DC1CB77	3	Kỹ năng mềm-1-1-25(N37)/75DCOT25_OT12_KX23_KX24_KX25_OT26_OG22	6	1->6		03/11/25	11/01/26		
557	DC1CB77	3	Kỹ năng mềm-1-1-25(N39)/75DCOG21_CO21_CO22_KX22_QM21_QM22	5	7->12		03/11/25	11/01/26		
558	DC1CB77	3	Kỹ năng mềm-1-1-25(N58)/75DCTQ21_75TG21_75XQ21_75XQ22	2	1->6		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thanh Tú (KHCB1008)	
				2	5->6				Nguyễn Thanh Tú (KHCB1008)	
559	DC1CB77	3	Kỹ năng mềm-1-1-25(N59)/75DCQT21_75DCQT22_75DCQT23_75DCLA21	2	3->4		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thanh Tú (KHCB1008)	
				2	1->2				Nguyễn Thanh Tú (KHCB1008)	
560	DC2EN23	3	Kỹ năng nghe nói tiếng Anh 3-1-1-25(N01)/75DCEN22	3	7->8	A2.204	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				4	10->12	A2.304			Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				5	1->3	A1.101			Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				4	10->12	A1.403	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				5	1->3	A1.101			Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	

561	DC2EN23	3	Kỹ năng nghe nói tiếng Anh 3-1-1-25(N02)/75DCEN21	2	1->3	A1.404	18/08/25	07/09/25	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				3	3->4	A1.101			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				4	1->3	A2.202			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				2	1->3	A1.404	08/09/25	19/10/25	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				3	1->3	A1.101			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
562	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N01)/75DCLG21	2	4->6	C3.105	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				3	7->9	C3.202			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				4	9->10	C3.102			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				2	4->6	C3.105	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				3	7->9	C3.202			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
563	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N02)/75DCLG22	2	1->3	C3.102	18/08/25	07/09/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				3	10->12	C3.102			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				4	7->8	C3.103			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				2	1->3	C3.102	08/09/25	19/10/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				3	10->12	C3.102			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
564	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N03)/75DCLG23	2	10->12	C3.102	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				3	1->3	C3.105			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				4	3->4	C3.105			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				2	10->12	C3.102	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				3	1->3	C3.105			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
565	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N04)/75DCLG24	2	4->6	C3.103	18/08/25	07/09/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				3	7->9	C3.103			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				4	9->10	C3.206			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				2	4->6	C3.103	08/09/25	19/10/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				3	7->9	C3.103			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
566	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N05)/75DCLGJ2	2	10->12	A1.402	18/08/25	07/09/25	Phạm Công Giang (KVS3009)	
				3	10->12	A1.404			Phạm Công Giang (KVS3009)	
				4	9->10	A1.402			Phạm Công Giang (KVS3009)	
				2	10->12	A1.402	08/09/25	19/10/25	Phạm Công Giang (KVS3009)	
				3	10->12	A1.404			Phạm Công Giang (KVS3009)	
567	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N06)/75DCLGJ4	2	7->9	A1.401	18/08/25	07/09/25	Phạm Công Giang (KVS3009)	
				3	7->9	A1.403			Phạm Công Giang (KVS3009)	
				4	7->8	A1.403			Phạm Công Giang (KVS3009)	
				2	7->9	A1.401	08/09/25	19/10/25	Phạm Công Giang (KVS3009)	
				3	7->9	A1.403			Phạm Công Giang (KVS3009)	
568	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N07)/75DCLH21	3	1->4	C3.102	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Ngọc Thuần (KVS3012)	
				5	1->4	A2.203			Nguyễn Ngọc Thuần (KVS3012)	
				3	2->4	C3.102			Nguyễn Ngọc Thuần (KVS3012)	
				5	1->3	A1.302	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Ngọc Thuần (KVS3012)	
569	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N08)/75DCDD21	3	1->3	A6.502	03/11/25	23/11/25	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				4	1->3	C3.101			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				3	1->3	A6.502	24/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				4	1->3	C3.101			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				3	1->4	A6.502	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				5	1->4	A3.203			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	

570	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N09)/75DCDD22	2	10->11	C3.106	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
				4	7->10	A3.203			Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
				3	5->6	C3.204	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
				4	7->12	A3.203			Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
571	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N10)/75DCXQ21	2	2->4	A1.404	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				3	2->4	A3.202			Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				2	2->4	A1.404	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				3	2->4	A1.301			Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				2	1->4	A1.404	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				3	1->4	A1.301			Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
572	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N11)/75DCXQ22	2	2->4	A5.303	03/11/25	09/11/25	Lê Vĩnh Kiên (KTV3006)	
				6	4->6	A3.202			Lê Vĩnh Kiên (KTV3006)	
				2	2->4	A5.303	10/11/25	16/11/25	Lê Vĩnh Kiên (KTV3006)	
				6	4->6	A3.202			Lê Vĩnh Kiên (KTV3006)	
				2	2->4	A5.303	17/11/25	23/11/25	Lê Vĩnh Kiên (KTV3006)	
				6	4->6	A3.202			Lê Vĩnh Kiên (KTV3006)	
				2	2->4	C3.201	24/11/25	14/12/25	Lê Vĩnh Kiên (KTV3006)	
				6	4->6	A3.407			Lê Vĩnh Kiên (KTV3006)	
				2	1->4	A3.403	15/12/25	04/01/26	Lê Vĩnh Kiên (KTV3006)	
				6	3->6	A2.104			Lê Vĩnh Kiên (KTV3006)	
573	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N12)/75DCKN21	5	9->11	A1.203	03/11/25	14/12/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				6	9->11	A1.203			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				5	9->12	A1.203	15/12/25	04/01/26	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				6	9->12	A1.203			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
574	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N13)/75DCKN22	4	1->4	A1.202	03/11/25	14/12/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				6	1->2	A1.203			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				3	5->6	A1.203	15/12/25	04/01/26	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				4	1->6	A1.202			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
575	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N14)/75DCKN23	3	11->12	A1.303	03/11/25	14/12/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				6	3->6	A1.303			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				3	11->12	A1.303	15/12/25	04/01/26	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				6	1->6	A1.303			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
576	DC1CB88	3	Kỹ năng viết báo cáo và trình bày-1-1-25(N15)/75DCKN24	4	7->8	A1.303	03/11/25	14/12/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				5	3->6	A1.303			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				4	7->8	A1.303	15/12/25	04/01/26	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				5	1->6	A1.303			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
577	DC2EN30	3	Kỹ năng đọc viết tiếng Anh 3-1-1-25(N01)/75DCEN22	3	9->10	A2.204	18/08/25	07/09/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				4	7->9	A2.304			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				5	4->6	A1.101			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				4	7->9	A1.403	08/09/25	19/10/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
578	DC2EN30	3	Kỹ năng đọc viết tiếng Anh 3-1-1-25(N02)/75DCEN21	5	4->6	A1.101			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				2	4->6	A1.404	18/08/25	07/09/25	Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				3	5->6	A1.101			Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				4	4->6	A2.202			Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				2	4->6	A1.404	08/09/25	19/10/25	Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				3	4->6	A1.101			Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
579	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N02)/75DCCD21	2	7->12		18/08/25	28/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				7	3->3				Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
580	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N04)/75DCCD23	2	7->12		29/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				4	1->6		18/08/25	28/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				7	2->2				Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				4	1->6		29/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
581	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N05)/75DCBC21_BI21_CD11_DJ21_CS21_DS21_VS21	3	7->12		18/08/25	28/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				7	1->1				Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	

				3	7->12		29/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
582	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N08)/75DCDD21	5	7->12		18/08/25	28/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				7	4->4				Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				5	7->12		29/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
583	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N09)/75DCDD22	6	1->6		18/08/25	28/09/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				7	5->5				Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				6	1->6		29/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
584	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N10)/75DCKN21	2	1->6		18/08/25	28/09/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				7	2->2				Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				2	1->6		29/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
585	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N11)/75DCKN22	4	7->12		18/08/25	28/09/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				7	3->3				Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				4	7->12		29/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
586	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N12)/75DCKN23	5	7->12		18/08/25	28/09/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				7	1->1				Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				5	7->12		29/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
587	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N13)/75DCKN24	7	4->4		18/08/25	28/09/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				7	7->12				Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				7	1->6		29/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
588	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N17)/75DCQX21	6	1->6		18/08/25	28/09/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				7	5->5				Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				6	1->6		29/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
589	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N18)/75DCQX22	4	1->6		18/08/25	28/09/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				7	1->1				Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				4	1->6		29/09/25	19/10/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
590	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N19)/75DCVL21	3	7->12		18/08/25	28/09/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				7	2->2				Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				3	7->12		29/09/25	19/10/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
591	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N20)/75DCVL22	6	1->6		18/08/25	28/09/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				7	3->3				Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				6	1->6		29/09/25	19/10/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
592	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N21)/75DCVL23	6	7->12		18/08/25	28/09/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				7	4->4				Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				6	7->12		29/09/25	19/10/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
593	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N23)/75DCCK21	6	7->12		18/08/25	28/09/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				7	1->1				Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				6	7->12		29/09/25	19/10/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
594	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N24)/75DCCK22	4	7->12		18/08/25	28/09/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				7	2->2				Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				4	7->12		29/09/25	19/10/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
595	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N25)/75DCCK23	2	1->6		18/08/25	28/09/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				7	3->3				Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				2	1->6		29/09/25	19/10/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
596	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N26)/75DCCK24	5	1->6		18/08/25	28/09/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				7	4->4				Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				5	1->6		29/09/25	19/10/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
597	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N27)/75DCCK25	5	1->6		18/08/25	28/09/25	Trần Anh Sáng (QPAN2001)	
				7	1->1				Trần Anh Sáng (QPAN2001)	
				5	1->6		29/09/25	19/10/25	Trần Anh Sáng (QPAN2001)	
598	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N28)/75DCDD22	2	7->12				Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				3	12->12		18/08/25	28/09/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				2	7->12		29/09/25	19/10/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
599	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N32)/75DCCH21	3	7->7		18/08/25	28/09/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				4	1->6				Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				4	1->6		29/09/25	19/10/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
600	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N33)/75DCOT21	2	7->7		03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				3	7->12				Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	

				3	7->12		15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
601	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N34)/75DCOT22	2	1->6		03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				3	1->1				Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				2	1->6		15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
602	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N35)/75DCOT23	5	1->6		03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				6	7->7				Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				5	1->6		15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
603	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N36)/75DCOT24	4	7->7		03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				6	1->6				Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				6	1->6		15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
604	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N37)/75DCOT25	5	1->6		03/11/25	14/12/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				7	4->4				Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				5	1->6		15/12/25	04/01/26	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
605	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N38)/75DCOT26	3	7->12		03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				5	6->6				Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				3	7->12		15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
606	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N39)/75DCOG21	2	6->6		03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				3	1->6				Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				3	1->6		15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
607	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N41)/75DCQM21	6	1->6		03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				7	1->1				Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				6	1->6		15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
608	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N42)/75DCQM22	6	7->12		03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				7	2->2				Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				6	7->12		15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
609	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N43)/75DCQM23	5	7->12		03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				7	3->3				Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
				5	7->12		15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
610	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N44)/75DCQM24	5	7->12		03/11/25	14/12/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				7	3->3				Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				5	7->12		15/12/25	04/01/26	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
611	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N45)/75DCQM25	6	1->6		03/11/25	14/12/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				7	4->4				Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				6	1->6		15/12/25	04/01/26	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
612	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N46)/75DCKX21	4	1->6		03/11/25	14/12/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				7	2->2				Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				4	1->6		15/12/25	04/01/26	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
613	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N47)/75DCKX22	6	7->12		03/11/25	14/12/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				7	1->1				Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
				6	7->12		15/12/25	04/01/26	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
614	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N48)/75DCKX23	3	8->8		03/11/25	14/12/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				4	1->6				Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				4	1->6		15/12/25	04/01/26	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
615	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N49)/75DCKX24	2	5->5		03/11/25	14/12/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				4	7->12				Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				4	7->12		15/12/25	04/01/26	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
616	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N50)/75DCKX25	2	1->1		03/11/25	14/12/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				3	1->6				Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				3	1->6		15/12/25	04/01/26	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
617	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N51)/75DCCO21	2	7->12		03/11/25	14/12/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				7	1->1				Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
				2	7->12		15/12/25	04/01/26	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
618	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N52)/75DCCO22	6	1->6		03/11/25	14/12/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				7	1->1				Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	

619	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N53)/75DCCO23	6	1->6		15/12/25	04/01/26	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				3	1->6				Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				7	2->2		03/11/25	14/12/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				3	1->6		15/12/25	04/01/26	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
620	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N54)/75DCEN21	5	7->12				Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				7	1->1		03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
				5	7->12		15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
621	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N56)/75DCOT11	3	7->12				Trần Anh Sáng (QPAN2001)	
				7	2->2		03/11/25	14/12/25	Trần Anh Sáng (QPAN2001)	
				3	7->12		15/12/25	04/01/26	Trần Anh Sáng (QPAN2001)	
622	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N57)/75DCOT12	4	7->12				Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				7	3->3		03/11/25	14/12/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
				4	7->12		15/12/25	04/01/26	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
623	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N58)/75DCTQ21_75DCTG21	4	7->12					
				7	12->12		18/08/25	19/10/25		
624	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N59)/75DCXQ21_75DCXQ22	5	4->4					
				6	7->12		18/08/25	28/09/25		
				6	7->12		29/09/25	19/10/25		
625	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N60)/75DCQT21_75DCQT22	6	7->12					
				7	13->13		03/11/25	14/12/25		
				4	1->2					
				4	3->4		15/12/25	04/01/26		
				4	5->6					
626	DC1QP08	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật-1-1-25(N62)/75DCQT23_75DCLA21	5	7->12					
				7	13->13		03/11/25	14/12/25		
				5	9->10					
				5	7->8		15/12/25	04/01/26		
				5	11->12					
627	DC2DT22	3	Kỹ thuật lập trình-1-1-25(N01)/75DCDT21	4	4->6	A1.501	18/08/25	07/09/25	Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
				6	2->6	A1.502			Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
				4	4->6	A1.501			Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
				6	4->6	A1.502	08/09/25	19/10/25	Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
628	DC2DT22	3	Kỹ thuật lập trình-1-1-25(N02)/75DCDT22	4	7->9	A1.501	18/08/25	07/09/25	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
				6	7->11	A1.501			Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
				4	7->9	A1.501	08/09/25	19/10/25	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
				6	7->9	A1.501			Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
629	DC2DT22	3	Kỹ thuật lập trình-1-1-25(N03)/75DCDT23	4	7->11	A3.202	18/08/25	07/09/25	Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
				6	7->9	A1.404			Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
				4	7->9	A3.202			Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
				6	7->9	A1.404	08/09/25	19/10/25	Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
630	DC2DT22	3	Kỹ thuật lập trình-1-1-25(N04)/75DCDTJ2	3	10->12	A3.405			Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
				4	1->3	A2.303	18/08/25	07/09/25	Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
				6	10->11	A2.401			Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
				4	1->3	A3.404			Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
				6	1->3	C3.103	08/09/25	19/10/25	Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
631	DC2DT34	2	Kỹ thuật phần mềm ứng dụng-1-1-25(N01)/74DCDT21	2	8->10	C3.105	03/11/25	14/12/25	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
				2	7->10	C3.105	15/12/25	04/01/26	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	

632	DC2DT34	2	Kỹ thuật phần mềm ứng dụng-1-1-25(N02)/74DCDT22	2	2->4	C3.105	03/11/25	14/12/25	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
				2	1->4	C3.105	15/12/25	04/01/26	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
633	DC2DT34	2	Kỹ thuật phần mềm ứng dụng-1-1-25(N03)/74DCDT23	4	10->12	C3.102	03/11/25	14/12/25	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
				6	3->6	C3.101	15/12/25	04/01/26	Đỗ Xuân Thu (TTDT3016)	
634	DC2DT34	2	Kỹ thuật phần mềm ứng dụng-1-1-25(N04)/74DCDT24	6	9->11	A1.501	03/11/25	14/12/25	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
				6	9->12	A1.501	15/12/25	04/01/26	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
635	DC3ME22	3	Kỹ thuật vi điều khiển-1-1-25(N01)/74DCCO21	3	11->12	A1.503	03/11/25	14/12/25	Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				5	3->6	A1.503			Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				3	11->12	A1.503	15/12/25	04/01/26	Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				4	10->12	A1.301			Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				5	4->6	A1.503			Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				4	3->6	A1.403			Lương Việt Trung (TTCN3010)	
636	DC3ME22	3	Kỹ thuật vi điều khiển-1-1-25(N02)/74DCCO22	5	7->8	A1.503	03/11/25	14/12/25	Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				4	3->6	A1.403			Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				5	7->8	A1.503	15/12/25	04/01/26	Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				4	3->6	A1.403			Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				5	7->8	A1.503			Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				6	11->12	A1.503			Lương Việt Trung (TTCN3010)	
637	DC3ME22	3	Kỹ thuật vi điều khiển-1-1-25(N03)/74DCCO23	4	7->8	A5.302	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
				5	7->10	A5.302			Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
				4	7->8	A5.302	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
				5	9->12	A5.302			Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
				6	1->2	A5.302			Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
638	DC3ME22	3	Kỹ thuật vi điều khiển-1-1-25(N04)/74DCCN21	4	2->4	A3.303	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
				6	7->9	A3.303			Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
				4	1->4	A3.303	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
				6	7->10	A3.303			Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
639	DC3ME22	3	Kỹ thuật vi điều khiển-1-1-25(N05)/74DCCN22	4	9->11	A3.303	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
				6	4->6	A3.303			Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
				4	9->12	A3.303	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
				6	3->6	A3.303			Hoàng Thế Phương (TTDT3017)	
640	DC3ME22	3	Kỹ thuật vi điều khiển-1-1-25(N06)/74DCCN23	5	10->12	A3.402	03/11/25	14/12/25	Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				6	7->9	A3.402			Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				5	9->12	A3.402	15/12/25	04/01/26	Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				6	7->10	A3.402			Lương Việt Trung (TTCN3010)	
641	DC3LA27	3	Luật Dân sự 1-1-1-25(N01)/75DCLA21	4	4->6	A1.401	18/08/25	07/09/25	Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
				5	1->3	A1.304			Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
				6	4->5	A1.301			Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
				5	1->3	A1.304	08/09/25	19/10/25	Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
				6	4->6	A1.301			Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
				5	4->6	A1.304			Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
642	DC3LA25	2	Luật Hình sự 2-1-1-25(N01)/75DCLA21	6	2->3	A1.301	18/08/25	19/10/25	Trần Văn Tuấn (LLTT3008)	
				6	2->3	A1.301			Trần Văn Tuấn (LLTT3008)	
643	DC2TQ21	3	Lý thuyết dòng xe và mô phỏng GT-1-1-25(N01)/74DCTQ21	2	7->8	A1.101	18/08/25	07/09/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
				3	7->9	A2.503			Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
				2	7->8	A1.101	08/09/25	19/10/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
				3	7->9	A3.405			Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
644	DC3TG33	3	Lý thuyết dòng xe-1-1-25(N01)/73DCTG21	3	7->10	A2.302	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Trọng Dũng (CTDB3021)	
				3	7->10	A3.407	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Trọng Dũng (CTDB3021)	
				5	3->6	C3.106	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Trọng Dũng (CTDB3021)	
645	DC2DT42	3	Lý thuyết mạch-1-1-25(N01)/74DCCO21	3	1->3	A3.407	18/08/25	07/09/25	Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
				4	9->10	A3.407			Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
				6	7->9	A3.403			Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
				4	9->11	A3.407	08/09/25	19/10/25	Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
				6	7->9	A3.403			Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
				3	4->6	A3.303			Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
				4	7->8	A3.303	18/08/25	07/09/25	Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	

646	DC2DT42	3	Lý thuyết mạch-1-1-25(N02)/74DCCO22	6	10->12	A3.303				Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
				3	4->6	A3.303				Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
				6	10->12	A3.303	08/09/25	19/10/25		Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
647	DC2DT42	3	Lý thuyết mạch-1-1-25(N03)/74DCCO23	5	2->6	A2.402	18/08/25	07/09/25		Hồ Thị Thanh Mai (BMCS1004)	
				6	7->9	A5.302				Hồ Thị Thanh Mai (BMCS1004)	
				5	4->6	C3.106	08/09/25	19/10/25		Hồ Thị Thanh Mai (BMCS1004)	
				6	7->9	A5.302				Hồ Thị Thanh Mai (BMCS1004)	
648	DC2DT27	4	Lý thuyết mạch-1-1-25(N04)/75DCDT21	2	3->6	A6.202				Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
				3	9->12	A6.202	03/11/25	14/12/25		Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
				2	2->6	A6.202				Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
				3	9->12	A6.202	15/12/25	04/01/26		Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
649	DC2DT27	4	Lý thuyết mạch-1-1-25(N05)/75DCDT22	2	2->3	A3.302				Vũ Đức Tuấn (DTAO3018)	
				5	7->9	A6.502	03/11/25	14/12/25		Vũ Đức Tuấn (DTAO3018)	
				6	2->4	A6.102				Vũ Đức Tuấn (DTAO3018)	
				2	1->4	A1.302				Vũ Đức Tuấn (DTAO3018)	
				5	7->9	A6.502	15/12/25	04/01/26		Vũ Đức Tuấn (DTAO3018)	
				6	5->6	A6.102				Vũ Đức Tuấn (DTAO3018)	
650	DC2DT27	4	Lý thuyết mạch-1-1-25(N06)/75DCDT23	5	4->6	A6.502				Vũ Đức Tuấn (DTAO3018)	
				6	7->11	A1.502	03/11/25	23/11/25		Vũ Đức Tuấn (DTAO3018)	
				5	3->6	A6.502				Vũ Đức Tuấn (DTAO3018)	
				6	7->11	A6.502	24/11/25	14/12/25		Vũ Đức Tuấn (DTAO3018)	
				5	3->6	A6.502				Vũ Đức Tuấn (DTAO3018)	
				6	7->11	A6.502	15/12/25	04/01/26		Vũ Đức Tuấn (DTAO3018)	
651	DC2DT27	4	Lý thuyết mạch-1-1-25(N07)/75DCDTJ2	2	9->12	A1.302				Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				3	11->12	A3.403	03/11/25	23/11/25		Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				5	4->6	C3.103				Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				2	10->12	A1.302				Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				3	11->12	A3.403	24/11/25	14/12/25		Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				5	4->6	C3.103				Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				2	10->12	A1.302				Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				3	11->12	A3.403	15/12/25	04/01/26		Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				5	4->6	C3.103				Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
652	DC2DT27	4	Lý thuyết mạch-1-1-25(N08)/75DCVM21	4	3->6	A3.306	03/11/25	14/12/25		Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				5	3->6	A3.402				Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				2	2->3	A3.402				Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				4	3->6	A3.306	15/12/25	04/01/26		Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				5	4->6	A3.402				Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
653	DC2DT43	3	Lý thuyết truyền tin-1-1-25(N05)/75DCVM21	2	4->6	A3.402	18/08/25	19/10/25		Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
				6	5->6	A6.202				Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
654	DC2OT70	3	Lý thuyết ô tô-1-1-25(N01)/74DCOT21	5	1->3	A1.503	18/08/25	05/10/25		Hoàng Quyết Chiến (CSKT3012)	
				6	1->3	A1.204	03/11/25	28/12/25		Hoàng Quyết Chiến (CSKT3012)	
655	DC2OT70	3	Lý thuyết ô tô-1-1-25(N02)/74DCOT22	5	4->6	A1.104	18/08/25	05/10/25		Ma Thế Cường (BMCS1002)	
				5	1->3	A1.402	03/11/25	28/12/25		Ma Thế Cường (BMCS1002)	
656	DC2OT70	3	Lý thuyết ô tô-1-1-25(N03)/74DCOT23	6	10->12	A1.203	18/08/25	02/11/25		Hoàng Quyết Chiến (CSKT3012)	

656	DC2OT70	3	Lý thuyết ô tô-1-1-25(N05)/74DCOT25	4	10->12	A1.503	01/12/25	28/12/25	Hoàng Quyết Chiến (CSKT3012)	
657	DC2OT70	3	Lý thuyết ô tô-1-1-25(N04)/74DCOT24	5	1->3	A1.104	18/08/25	02/11/25	Ma Thế Cường (BMCS1002)	
				5	4->6	A1.401	01/12/25	28/12/25	Ma Thế Cường (BMCS1002)	
658	DC2OT70	3	Lý thuyết ô tô-1-1-25(N05)/74DCOT25	6	7->9	A3.405	18/08/25	07/09/25	Hoàng Quyết Chiến (CSKT3012)	
				6	7->9	A1.104	08/09/25	02/11/25	Hoàng Quyết Chiến (CSKT3012)	
				5	1->3	A1.504	03/11/25	30/11/25	Hoàng Quyết Chiến (CSKT3012)	
659	DC2OT70	3	Lý thuyết ô tô-1-1-25(N06)/74DCOT26	6	1->3	A2.102	18/08/25	07/09/25	Ma Thế Cường (BMCS1002)	
				6	1->3	A1.503	08/09/25	02/11/25	Ma Thế Cường (BMCS1002)	
				5	4->6	A1.404	03/11/25	30/11/25	Ma Thế Cường (BMCS1002)	
660	DC2OT70	3	Lý thuyết ô tô-1-1-25(N07)/74DCOT27	2	7->9	A1.503	15/09/25	02/11/25	Hoàng Quyết Chiến (CSKT3012)	
				4	7->9	A1.304	03/11/25	28/12/25	Hoàng Quyết Chiến (CSKT3012)	
661	DC2OT70	3	Lý thuyết ô tô-1-1-25(N08)/74DCCO21	2	10->12	A3.405	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thành Nam (CKOT3005)	
				4	7->8	A3.407			Nguyễn Thành Nam (CKOT3005)	
662	DC2OT70	3	Lý thuyết ô tô-1-1-25(N09)/74DCCO22	2	7->9	A3.404	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thành Nam (CKOT3005)	
				3	2->3	A3.303			Nguyễn Thành Nam (CKOT3005)	
663	DC2OT70	3	Lý thuyết ô tô-1-1-25(N10)/74DCCO23	3	8->9	A5.302	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thành Nam (CKOT3005)	
				4	9->11	A5.302			Nguyễn Thành Nam (CKOT3005)	
664	DC2OT70	3	Lý thuyết ô tô-1-1-25(N11)/74DCOT11	3	1->3	VA1.204	18/08/25	19/10/25	Đỗ Thành Phương (CKOT2001)	
				4	1->2	VA1.204			Đỗ Thành Phương (CKOT2001)	
665	DC3HT25	3	Lập trình Java nâng cao-1-1-25(N01)/74DCHT21	4	1->6	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				4	2->6	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				4	7->8	Phòng thực hành			Bùi Thị Như (TTUD3005)	
666	DC3HT25	3	Lập trình Java nâng cao-1-1-25(N02)/74DCHT22	5	4->6	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				5	7->9	Phòng thực hành			Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				5	5->6	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				5	7->11	Phòng thực hành			Bùi Thị Như (TTUD3005)	
667	DC3HT25	3	Lập trình Java nâng cao-1-1-25(N03)/74DCHT23	5	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
				5	8->11	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
				5	4->6	Phòng thực hành			Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
668	DC3HT25	3	Lập trình Java nâng cao-1-1-25(N04)/74DCHT24	6	1->6	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
				4	4->6	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
				4	8->11	Phòng thực hành			Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
669	DC3HT25	3	Lập trình Java nâng cao-1-1-25(N05)/74DCTT21	5	1->6	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				5	8->11	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	

				5	3->6	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
670	DC3HT25	3	Lập trình Java nâng cao-1-1-25(N06)/74DCTT22	4	7->9	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				5	10->12	Phòng thực hành			Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				4	3->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				4	8->11	Phòng thực hành			Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
671	DC3HT25	3	Lập trình Java nâng cao-1-1-25(N07)/74DCTT23	3	7->9	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				4	10->12	Phòng thực hành			Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				6	8->11	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				6	3->6	Phòng thực hành			Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
672	DC3HT25	3	Lập trình Java nâng cao-1-1-25(N08)/74DCTT24	2	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				2	8->11	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				2	3->6	Phòng thực hành			Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
673	DC3HT25	3	Lập trình Java nâng cao-1-1-25(N09)/74DCTT25	3	4->6	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				4	4->6	Phòng thực hành			Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				3	8->11	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				3	3->6	Phòng thực hành			Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
674	DC3HT25	3	Lập trình Java nâng cao-1-1-25(N10)/74DCTT26	3	4->6	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
				6	7->9	Phòng thực hành			Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
				3	2->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
				6	7->9	Phòng thực hành			Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
675	DC3HT25	3	Lập trình Java nâng cao-1-1-25(N11)/74DCTT27	2	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				2	3->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				2	7->10	Phòng thực hành			Bùi Thị Như (TTUD3005)	

676	DC3HT25	3	Lập trình Java nâng cao-1-1-25(N12)/74DCTT28	4	10->12	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				5	1->3	Phòng thực hành			Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				4	9->12	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				5	1->4	Phòng thực hành			Bùi Thị Như (TTUD3005)	
677	DC3HT25	3	Lập trình Java nâng cao-1-1-25(N13)/74DCTT11	2	9->11	VA1.201	03/11/25	23/11/25	Bùi Thị Nhung (TTCS2005)	
				3	7->9	VA1.201			Bùi Thị Nhung (TTCS2005)	
				2	9->12	VA1.201	24/11/25	04/01/26	Bùi Thị Nhung (TTCS2005)	
				5	7->9	VA1.201			Bùi Thị Nhung (TTCS2005)	
678	DC3OT71	2	Lập trình PLC-1-1-25(N01)/73DCCO21	4	1->3	Phòng thực hành	18/08/25	30/11/25	Nguyễn Thị Minh Phương (TTCN4002)	
679	DC3OT71	2	Lập trình PLC-1-1-25(N02)/73DCCO22	3	4->6	Phòng thực hành	18/08/25	30/11/25	Nguyễn Thị Minh Phương (TTCN4002)	
680	DC3HT31	3	Lập trình di động-1-1-25(N01)/74DCTT21	2	7->11	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
				3	1->3	Phòng thực hành			Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
				2	7->12	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
681	DC3HT31	3	Lập trình di động-1-1-25(N02)/74DCTT22	2	7->11	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				3	4->6	Phòng thực hành			Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				2	7->12	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
682	DC3HT31	3	Lập trình di động-1-1-25(N03)/74DCTT23	3	7->10	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				4	7->10	Phòng thực hành			Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				3	7->12	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
683	DC3HT31	3	Lập trình di động-1-1-25(N04)/74DCTT24	3	4->6	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
				6	2->6	Phòng thực hành			Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
				6	1->6	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Trần Văn Tâm (TTTT3007)	
684	DC3HT31	3	Lập trình di động-1-1-25(N05)/74DCTT25	4	9->12	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				5	1->4	Phòng thực hành			Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				5	1->6	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Bùi Thị Như (TTUD3005)	

685	DC3HT31	3	Lập trình di động-1-1-25(N06)/74DCTT26	4	2->6	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				6	4->6	Phòng thực hành			Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				4	1->6	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
686	DC3HT31	3	Lập trình di động-1-1-25(N07)/74DCTT27	5	4->6	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				6	7->11	Phòng thực hành			Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				6	7->12	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
687	DC3HT31	3	Lập trình di động-1-1-25(N08)/74DCTT28	3	2->6	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				6	1->3	Phòng thực hành			Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
				3	1->6	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thái Sơn (TTCS3008)	
688	DC3HT31	3	Lập trình di động-1-1-25(N09)/74DCTT11	3	10->12	VA1.204	18/08/25	28/09/25	Bùi Thị Nhung (TTCS2005)	
				5	7->10	VA1.204			Bùi Thị Nhung (TTCS2005)	
				5	8->10	VA1.204	29/09/25	19/10/25	Bùi Thị Nhung (TTCS2005)	
				6	9->11	VA1.204			Bùi Thị Nhung (TTCS2005)	
689	DC2TT35	3	Lập trình hướng đối tượng C++-1-1-25(N01)/75DCHT21	4	7->9	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				6	1->3	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				4	7->10	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				6	1->3	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
690	DC2TT35	3	Lập trình hướng đối tượng C++-1-1-25(N02)/75DCHT22	4	1->6	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				3	1->3	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				4	3->6	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
691	DC2TT35	3	Lập trình hướng đối tượng C++-1-1-25(N03)/75DCHT23	2	1->6	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				2	3->6	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				3	4->6	Phòng thực hành			Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
692	DC2TT35	3	Lập trình hướng đối tượng C++-1-1-25(N04)/75DCHT24	2	7->12	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				2	7->10	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	

				3	1->3	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
693	DC2TT35	3	Lập trình hướng đối tượng C++-1-1-25(N05)/75DCTT21	4	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				3	9->12	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				4	7->9	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
694	DC2TT35	3	Lập trình hướng đối tượng C++-1-1-25(N06)/75DCTT22	5	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				4	10->12	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				5	9->12	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
695	DC2TT35	3	Lập trình hướng đối tượng C++-1-1-25(N07)/75DCTT23	5	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				3	7->9	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				6	3->6	Phòng thực hành			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
696	DC2TT35	3	Lập trình hướng đối tượng C++-1-1-25(N08)/75DCTT24	3	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Lan Anh (KHCB1010)	
				3	7->10	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Lan Anh (KHCB1010)	
				3	3->5	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Lan Anh (KHCB1010)	
697	DC2TT35	3	Lập trình hướng đối tượng C++-1-1-25(N09)/75DCTT25	4	1->6	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				2	1->3	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				4	7->10	Phòng thực hành			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
698	DC2TT35	3	Lập trình hướng đối tượng C++-1-1-25(N10)/75DCTT26	3	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				2	7->10	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				4	4->6	Phòng thực hành			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
699	DC2TT35	3	Lập trình hướng đối tượng C++-1-1-25(N11)/75DCTT27	3	4->6	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				4	4->6	Phòng thực hành			Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				3	3->6	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				4	7->9	Phòng thực hành			Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	

700	DC2TT35	3	Lập trình hướng đối tượng C++-1-1-25(N12)/75DCTTA4	4	7->9	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				6	4->6	Phòng thực hành			Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				2	7->10	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				6	2->4	Phòng thực hành			Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
701	DC2TT35	3	Lập trình hướng đối tượng C++-1-1-25(N13)/75DCTG21	6	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				3	10->12	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				6	9->12	Phòng thực hành			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
702	DC2TT35	3	Lập trình hướng đối tượng C++-1-1-25(N14)/75DCTT11	4	1->4	VA1.202	03/11/25	14/12/25	Lê Thị Hà (TTCS2001)	
				5	1->4	VA1.202			Lê Thị Hà (TTCS2001)	
				4	4->6	VA1.202	15/12/25	04/01/26	Lê Thị Hà (TTCS2001)	
				5	4->6	VA1.202			Lê Thị Hà (TTCS2001)	
703	DC3TM36	3	Lập trình mạng-1-1-25(N01)/73DCTM21	5	10->12	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				6	2->6	Phòng thực hành			Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				6	1->6	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
704	DC3TM36	3	Lập trình mạng-1-1-25(N02)/73DCTM22	3	7->11	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				5	7->9	Phòng thực hành			Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				3	7->12	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
705	DC3TM36	3	Lập trình mạng-1-1-25(N03)/73DCTM23	2	2->6	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				3	1->3	Phòng thực hành			Bùi Thị Như (TTUD3005)	
				2	1->6	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Bùi Thị Như (TTUD3005)	
706	DC2HT36	3	Lập trình trên môi trường Web-1-1-25(N01)/74DCTT21	4	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Tùng Dương (TTUD3004)	
				4	3->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Tùng Dương (TTUD3004)	
				4	8->11	Phòng thực hành			Nguyễn Tùng Dương (TTUD3004)	
707	DC2HT36	3	Lập trình trên môi trường Web-1-1-25(N02)/74DCTT22	2	10->12	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Tùng Dương (TTUD3004)	
				5	7->9	Phòng thực hành			Nguyễn Tùng Dương (TTUD3004)	

707	DC2HT36	3	Lập trình trên môi trường Web-1-1-25(N02)/74DCT122	5	3->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Tùng Dương (TTUD3004)	
				5	9->12	Phòng thực hành			Nguyễn Tùng Dương (TTUD3004)	
708	DC2HT36	3	Lập trình trên môi trường Web-1-1-25(N03)/74DCTT23	3	10->12	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				5	10->12	Phòng thực hành			Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				3	1->3	Phòng thực hành	24/11/25	14/12/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				5	10->12	Phòng thực hành			Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				3	1->4	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				5	9->12	Phòng thực hành			Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
709	DC2HT36	3	Lập trình trên môi trường Web-1-1-25(N04)/74DCTT24	3	1->6	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				3	3->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				3	8->11	Phòng thực hành			Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
710	DC2HT36	3	Lập trình trên môi trường Web-1-1-25(N05)/74DCTT25	2	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				2	7->12	Phòng thực hành	24/11/25	14/12/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				2	3->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				2	8->11	Phòng thực hành			Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
711	DC2HT36	3	Lập trình trên môi trường Web-1-1-25(N06)/74DCTT26	2	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				2	3->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				2	8->11	Phòng thực hành			Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
712	DC2HT36	3	Lập trình trên môi trường Web-1-1-25(N07)/74DCTT27	6	1->6	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				4	9->12	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				6	2->5	Phòng thực hành			Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
713	DC2HT36	3	Lập trình trên môi trường Web-1-1-25(N08)/74DCTT28	2	1->6	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				2	1->2	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	

				6	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
714	DC2HT36	3	Lập trình trên môi trường Web-1-1-25(N09)/74DCTT11	5	8->10	VA1.201	03/11/25	23/11/25	Phạm Thị Thuý Liên (DTAO2004)	
				6	8->10	VA1.201			Phạm Thị Thuý Liên (DTAO2004)	
				5	10->12	VA1.201	24/11/25	04/01/26	Phạm Thị Thuý Liên (DTAO2004)	
				6	8->11	VA1.201			Phạm Thị Thuý Liên (DTAO2004)	
715	DC2HT34	3	Lập trình trực quan C#-1-1-25(N01)/74DCHT21	3	1->6	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				3	5->6	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				3	7->11	Phòng thực hành			Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
716	DC2HT34	3	Lập trình trực quan C#-1-1-25(N02)/74DCHT22	4	1->6	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				4	7->9	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				4	3->6	Phòng thực hành			Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
717	DC2HT34	3	Lập trình trực quan C#-1-1-25(N03)/74DCHT23	4	1->6	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				4	2->6	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				4	7->8	Phòng thực hành			Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
718	DC2HT34	3	Lập trình trực quan C#-1-1-25(N04)/74DCHT24	4	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				5	2->6	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
				5	7->8	Phòng thực hành			Trần Thị Xuân Hương (KHCB1006)	
719	DC3CM32	3	Lập trình điều khiển PLC-1-1-25(N01)/74DCCM21	5	7->11	Phòng thực hành	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Anh Tuấn (XUUD3003)	
720	DC3CM32	3	Lập trình điều khiển PLC-1-1-25(N02)/74DCCM22	5	2->6	Phòng thực hành	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Anh Tuấn (XUUD3003)	
721	DC3MO24	3	Lập và phân tích dự án môi trường-1-1-25(N01)/73DCMN21	6	4->6	A2.203	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Huế (CTTL3005)	
				6	4->6	A3.306	08/09/25	02/11/25	Phạm Thị Huế (CTTL3005)	
				6	4->6	A1.402	03/11/25	30/11/25	Phạm Thị Huế (CTTL3005)	
722	DC3QA11	3	Lập và thẩm định DA đầu tư XD CT-1-1-25(N01)/74DCQX21	2	10->12	A1.401	03/11/25	04/01/26	Đào Quang Huy (CTCA3017)	
				6	2->3	A5.303			Đào Quang Huy (CTCA3017)	
723	DC3QA11	3	Lập và thẩm định DA đầu tư XD CT-1-1-25(N02)/74DCQX22	4	5->6	A3.403	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Ngọc Bích (BMCT1020)	
				5	7->9	A3.403			Nguyễn Thị Ngọc Bích (BMCT1020)	
724	DC3QA11	3	Lập và thẩm định DA đầu tư XD CT-1-1-25(N03)/74DCQX23	3	9->10	A5.303	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Quang (CTMT3010)	
				6	1->3	A3.406			Nguyễn Văn Quang (CTMT3010)	
725	DC2KN27	2	Lịch sử kiến trúc-1-1-25(N01)/74DCKN21	3	8->9	A1.103	18/08/25	07/09/25	Mai Văn Chiến (CTDD3002)	
				5	11->12	A1.103			Mai Văn Chiến (CTDD3002)	
				3	7->9	A1.103	08/09/25	19/10/25	Mai Văn Chiến (CTDD3002)	
726	DC2KN27	2	Lịch sử kiến trúc-1-1-25(N02)/74DCKN22	4	3->6	A1.104	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Hải (CTDD3015)	
				4	4->6	A1.101	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Hải (CTDD3015)	

727	DC2KN27	2	Lịch sử kiến trúc-1-1-25(N03)/74DCKN23	3	11->12	A1.101	18/08/25	07/09/25	Mai Văn Chiến (CTDD3002)	
				5	7->8	A1.104			Mai Văn Chiến (CTDD3002)	
				3	10->12	A1.201	08/09/25	19/10/25	Mai Văn Chiến (CTDD3002)	
728	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N01)/73DCDD21_73DCDD22	4	4->6	A3.402	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				4	4->6	A3.402	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				4	3->5	A1.101	03/11/25	16/11/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
729	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N03)/74DCCD21_74DCCD22	4	1->3	A3.204	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				5	3->6	A3.204			Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				4	1->3	Tầng 4 - Thư viện	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				4	1->3	Trực tuyến	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				3	10->12	Tầng 4 - Thư viện	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
730	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N05)/74DCLG21_74DCLG22	4	7->10	Tầng 4 - Thư viện			Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
				4	7->9	A5.202	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
				4	7->9	Trực tuyến	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
				2	7->10	Tầng 4 - Thư viện			Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
731	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N07)/74DCLG23_74DCLG24	3	7->9	Hội trường HN	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				3	7->9	Hội trường HN	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				3	7->9	Trực tuyến	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				3	4->6	A6.101	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
732	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N09)/74DCLH21_74DCLH22	6	7->10	A6.101			Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
				6	7->9	A6.101	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
				6	7->9	Trực tuyến	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
				2	3->6	A5.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
733	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N11)/75DCDT21_75DCDT22	3	4->6	A5.201			Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				2	4->6	A5.201	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				2	4->6	Trực tuyến	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				2	7->10	A6.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
734	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N13)/75DCDT23_75DCDTJ2	3	7->9	A6.201			Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
				2	7->9	A6.201	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
				2	7->9	Trực tuyến	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
				3	1->3	A3.402	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
735	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N15)/75DCVM21	4	7->10	A3.402			Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				3	1->3	A3.402	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				3	1->3	A3.402	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hằng (LLTT3002)	
				3	7->11	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Đỗ Như Hồng (LLDL3002)	
736	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N16)/74DCCN21_74DCCN22	3	7->9	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Đỗ Như Hồng (LLDL3002)	
				3	2->6	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Đỗ Như Hồng (LLDL3002)	
737	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N18)/74DCCN23_75DCMN21	3	4->6	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Đỗ Như Hồng (LLDL3002)	
				2	4->6	Trực tuyến	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
738	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N20)/75DCTN21_75DCTN22	2	2->6	Trực tuyến	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	

739	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N21)/75DCTN23_75DCTN24	5	7->9	Trực tuyến	03/11/25	23/11/25	Đỗ Như Hồng (LLDL3002)	
				5	8->12	Trực tuyến	24/11/25	04/01/26	Đỗ Như Hồng (LLDL3002)	
740	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N23)/75DCHQ21_75DCHQ22	6	4->6	Trực tuyến	03/11/25	23/11/25	Đỗ Như Hồng (LLDL3002)	
				6	2->6	Trực tuyến	24/11/25	04/01/26	Đỗ Như Hồng (LLDL3002)	
741	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N25)/75DCHT21_75DCHT22	5	4->6	Trực tuyến	03/11/25	23/11/25	Đỗ Như Hồng (LLDL3002)	
				5	2->6	Trực tuyến	24/11/25	04/01/26	Đỗ Như Hồng (LLDL3002)	
742	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N27)/75DCHT23_75DCHT24	2	7->9	Trực tuyến	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
				2	7->11	Trực tuyến	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thơm (LLDL3003)	
743	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N28)/74DCCD11	5	7->10	VA1.203	18/08/25	28/09/25	Đặng Thị Minh Phương (LLTT2002)	
				5	7->11	VA1.203	29/09/25	19/10/25	Đặng Thị Minh Phương (LLTT2002)	
744	DC1LL09	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam-1-1-25(N29)/75DCQT21_75DCQT22_75DCQT23	2	9->10	Trực tuyến	03/11/25	11/01/26	Đặng Thị Minh Phương (LLTT2002)	
				2	7->8	Trực tuyến			Đặng Thị Minh Phương (LLTT2002)	
745	DC2LG36	2	Marketing dịch vụ-1-1-25(N01)/75DCVL21_75DCVS21	3	1->4	A3.306	03/11/25	23/11/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				3	2->4	A3.306	24/11/25	04/01/26	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
746	DC2LG36	2	Marketing dịch vụ-1-1-25(N02)/75DCVL22	2	9->12	C3.201	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)	
				2	9->11	C3.201	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)	
747	DC2LG36	2	Marketing dịch vụ-1-1-25(N03)/75DCVL23	4	9->12	A3.204	03/11/25	23/11/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				4	9->11	A3.204	24/11/25	04/01/26	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
748	DC2LG30	2	Marketing quốc tế-1-1-25(N01)/74DCLG21	5	1->4	A1.203	18/08/25	07/09/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				5	2->4	A1.203	08/09/25	19/10/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
749	DC2LG30	2	Marketing quốc tế-1-1-25(N02)/74DCLG22	2	1->4	A3.202	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				2	2->4	A3.202	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
750	DC2LG30	2	Marketing quốc tế-1-1-25(N03)/74DCLG23	4	1->4	C3.104	18/08/25	07/09/25	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
				4	2->4	C3.104	08/09/25	19/10/25	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
751	DC2LG30	2	Marketing quốc tế-1-1-25(N04)/74DCLG24	6	7->10	C3.104	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)	
				6	7->9	C3.104	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)	
752	DC2LG30	2	Marketing quốc tế-1-1-25(N05)/74DCVL21	3	1->3	A1.202	03/11/25	14/12/25	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
				3	1->4	A1.202	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
753	DC2LG30	2	Marketing quốc tế-1-1-25(N06)/74DCVL22	5	7->9	C3.102	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				6	7->10	C3.206	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
754	DC2LG30	2	Marketing quốc tế-1-1-25(N07)/74DCVL23	4	1->3	A1.203	03/11/25	14/12/25	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
				5	11->12	A3.203	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
				6	1->2	A1.203			Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
755	DC2LG30	2	Marketing quốc tế-1-1-25(N08)/74DCVL24	4	1->3	A3.304	03/11/25	14/12/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				4	3->6	A3.304	15/12/25	04/01/26	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
756	DC2LG30	2	Marketing quốc tế-1-1-25(N09)/74DCVL25	5	10->12	A1.103	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				2	1->4	A1.201	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
757	DC2LG30	2	Marketing quốc tế-1-1-25(N10)/74DCVL26	4	4->6	A3.204	03/11/25	14/12/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				4	7->10	A3.407	15/12/25	04/01/26	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
758	DC2LG30	2	Marketing quốc tế-1-1-25(N11)/74DCVL27	4	10->12	A1.402	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)	
				2	5->6	A1.402	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)	
				4	7->8	A3.404			Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)	
759	DC2LG30	2	Marketing quốc tế-1-1-25(N12)/75DK1 G21	5	7->8	A1.102 (DK)	18/08/25	02/11/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	

760	DC2DT32	3	Matlab và ứng dụng-1-1-25(N01)/74DCDT21	5	7->8	A1.102 (DK)	03/11/25	30/11/25	Lê Thị Liễu (KVSĐ3007)	
760	DC2DT32	3	Matlab và ứng dụng-1-1-25(N01)/74DCDT21	2	1->3	C3.204	18/08/25	07/09/25	Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				4	1->3	C3.205			Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				6	3->4	C3.106			Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				2	1->3	C3.204	08/09/25	19/10/25	Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				4	1->3	C3.205			Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				2	4->6	C3.201			Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
761	DC2DT32	3	Matlab và ứng dụng-1-1-25(N02)/74DCDT22	4	10->12	C3.101	18/08/25	07/09/25	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
				6	5->6	C3.104			Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
				2	4->6	C3.201			Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
				4	10->12	C3.101	08/09/25	19/10/25	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
				3	3->4	C3.104			Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				4	1->3	C3.204			Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
762	DC2DT32	3	Matlab và ứng dụng-1-1-25(N03)/74DCDT23	6	7->9	C3.203	18/08/25	07/09/25	Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				4	1->3	C3.204			Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				6	7->9	C3.203			Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				4	1->3	C3.204	08/09/25	19/10/25	Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				6	7->9	C3.203			Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				3	5->6	A1.304			Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
763	DC2DT32	3	Matlab và ứng dụng-1-1-25(N04)/74DCDT24	4	4->6	A1.301	18/08/25	07/09/25	Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				6	10->12	A1.302			Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				4	4->6	A1.301			Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				6	10->12	A1.302	08/09/25	19/10/25	Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				4	7->11	A3.202			Lưu Văn Anh (XUUD3002)	
				4	2->6	A3.202			Lưu Văn Anh (XUUD3002)	
766	DC3MX23	3	Máy cơ sở-1-1-25(N01)/74DCMX21	4	7->11	C2.104	18/08/25	07/09/25	Đỗ Hữu Tuấn (CKMX3004)	
				4	7->11	A1.202	08/09/25	19/10/25	Đỗ Hữu Tuấn (CKMX3004)	
767	DC3MX45	3	Máy làm đất-1-1-25(N01)/74DCMX21	4	9->11	A1.202	03/11/25	04/01/26	Đặng Đức Thuận (CKMX3006)	
				5	2->3	A3.302			Đặng Đức Thuận (CKMX3006)	
768	DC2GT42	2	Máy xây dựng-1-1-25(N01)/74DCCD21	2	3->6	Thực tuyển	18/08/25	07/09/25	Phạm Như Nam (CKMX3005)	
				2	4->6	Thực tuyển	08/09/25	19/10/25	Phạm Như Nam (CKMX3005)	
769	DC2GT42	2	Máy xây dựng-1-1-25(N02)/74DCCD22	2	3->6	Thực tuyển	18/08/25	07/09/25	Vũ Phi Long (CKMX3002)	
				2	4->6	Thực tuyển	08/09/25	19/10/25	Vũ Phi Long (CKMX3002)	
770	DC2GT42	2	Máy xây dựng-1-1-25(N03)/74DCCH21	2	3->6	Thực tuyển	18/08/25	07/09/25	Đỗ Hữu Tuấn (CKMX3004)	
				2	4->6	Thực tuyển	08/09/25	19/10/25	Đỗ Hữu Tuấn (CKMX3004)	
771	DC2GT42	2	Máy xây dựng-1-1-25(N04)/74DCCH22	6	7->10	Thực tuyển	18/08/25	07/09/25	Thái Hà Phi (CKMX4007)	
				6	7->9	Thực tuyển	08/09/25	19/10/25	Thái Hà Phi (CKMX4007)	
772	DC2GT42	2	Máy xây dựng-1-1-25(N05)/74DCQX21	2	2->4	C3.101	18/08/25	28/09/25	Nguyễn Xuân Hòa (CKMX3007)	
				2	2->5	C3.101	29/09/25	19/10/25	Nguyễn Xuân Hòa (CKMX3007)	
773	DC2GT42	2	Máy xây dựng-1-1-25(N06)/74DCQX22	6	7->9	A3.308	18/08/25	07/09/25	Phùng Công Dũng (CKMX3010)	
				6	7->9	A3.308	08/09/25	28/09/25	Phùng Công Dũng (CKMX3010)	
				6	7->10	A3.308	29/09/25	19/10/25	Phùng Công Dũng (CKMX3010)	
774	DC2GT42	2	Máy xây dựng-1-1-25(N07)/74DCQX23	6	9->11	C3.101	18/08/25	28/09/25	Nguyễn Thành Thu (CKOT4008)	
				6	8->11	C3.101	29/09/25	19/10/25	Nguyễn Thành Thu (CKOT4008)	
775	DC2GT42	2	Máy xây dựng-1-1-25(N08)/74DCCD11	4	7->9	VA1.203	18/08/25	28/09/25	Đặng Đức Thuận (CKMX3006)	
				4	7->8	VA1.203	29/09/25	19/10/25	Đặng Đức Thuận (CKMX3006)	
				4	9->10	VA1.203			Đặng Đức Thuận (CKMX3006)	
776	DC3DT39	2	Mô phỏng hệ thống truyền thông-1-1-25(N01)/73DCDT21	3	1->3	A6.502	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Thắng (TTDT4014)	
				3	1->3	A6.502	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Văn Thắng (TTDT4014)	
				3	1->3	C3.204	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Văn Thắng (TTDT4014)	

777	DC3DT39	2	Mô phỏng hệ thống truyền thông-1-1-25(N02)/73DCDT22	4	9->11	Trực tuyến	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Trung Hiếu (TTDT4012)	
				4	9->11	Trực tuyến	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Trung Hiếu (TTDT4012)	
				4	9->11	Trực tuyến	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Trung Hiếu (TTDT4012)	
778	DC3DT39	2	Mô phỏng hệ thống truyền thông-1-1-25(N03)/73DCDT23	3	9->11	Trực tuyến	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Trung Hiếu (TTDT4012)	
				3	9->11	Trực tuyến	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Trung Hiếu (TTDT4012)	
				3	9->11	Trực tuyến	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Trung Hiếu (TTDT4012)	
779	DC1CB92	2	Môi trường trong xây dựng-1-1-25(N01)/74DCXQ21	5	7->9	C3.103	18/08/25	28/09/25	Hoàng Thị Phương (CTMT3012)	
				2	1->4	A1.101	29/09/25	19/10/25	Hoàng Thị Phương (CTMT3012)	
780	DC3LG33	2	Nghiệp vụ hải quan-1-1-25(N01)/74DCVL21	5	1->3	A1.104	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				5	1->4	A1.104	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
781	DC3LG33	2	Nghiệp vụ hải quan-1-1-25(N02)/74DCVL22	4	4->6	C3.102	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				3	5->6	C3.201	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				6	11->12	C3.206			Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
782	DC3LG33	2	Nghiệp vụ hải quan-1-1-25(N03)/74DCVL23	3	10->12	A1.104	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				6	3->6	A1.203	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
783	DC3LG33	2	Nghiệp vụ hải quan-1-1-25(N04)/74DCVL24	3	4->6	A1.101	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				2	9->12	A3.304	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
784	DC3LG33	2	Nghiệp vụ hải quan-1-1-25(N05)/74DCVL25	2	1->3	A1.201	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				4	1->4	A1.103	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
785	DC3LG33	2	Nghiệp vụ hải quan-1-1-25(N06)/74DCVL26	2	4->6	A1.104	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				3	7->8	A2.104	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				6	1->2	A1.404			Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
786	DC3LG33	2	Nghiệp vụ hải quan-1-1-25(N07)/74DCVL27	3	1->3	A1.201	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				3	1->3	C3.102	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				3	1->4	A6.102	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
787	DC3LG33	2	Nghiệp vụ hải quan-1-1-25(N08)/74DCLG21	3	1->3	A1.204	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				3	1->2	A1.204	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				5	5->6	A1.203			Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
788	DC3LG33	2	Nghiệp vụ hải quan-1-1-25(N09)/74DCLG22	4	10->12	A3.302	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				5	9->12	A1.202	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
789	DC3LG33	2	Nghiệp vụ hải quan-1-1-25(N10)/74DCLG23	5	1->3	A1.203	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				5	1->4	A1.202	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
790	DC3LG33	2	Nghiệp vụ hải quan-1-1-25(N11)/74DCLG24	4	7->9	A1.203	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				4	11->12	A1.203	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				5	5->6	A1.404			Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
791	DC2HT12	3	Nguyên lý Hệ điều hành-1-1-25(N01)/75DCHT21	2	11->12	A6.102	03/11/25	04/01/26	Mạc Văn Quang (TTCS4006)	
				4	1->3	A6.102			Mạc Văn Quang (TTCS4006)	
792	DC2HT12	3	Nguyên lý Hệ điều hành-1-1-25(N02)/75DCHT22	2	7->9	A3.203	03/11/25	04/01/26	Mạc Văn Quang (TTCS4006)	
				4	5->6	A6.502			Mạc Văn Quang (TTCS4006)	
793	DC2HT12	3	Nguyên lý Hệ điều hành-1-1-25(N03)/75DCHT23	5	1->3	A3.204	03/11/25	23/11/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				6	5->6	C3.102			Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				5	2->4	A3.204			Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				6	5->6	C3.102	24/11/25	14/12/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				5	2->4	A3.204			Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				6	5->6	C3.102			Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				5	4->6	A6.202	03/11/25	23/11/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				6	1->2	A1.104			Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	

794	DC2HT12	3	Nguyên lý Hệ điều hành-1-1-25(N04)/75DCHT24	5	5->6	A6.202	24/11/25	14/12/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				6	1->3	A1.104			Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				5	5->6	A6.202	15/12/25	04/01/26	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				6	1->3	A1.104			Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
795	DC2DD94	2	Nguyên lý quy hoạch-1-1-25(N01)/74DCKN21	6	7->10	A1.104	18/08/25	07/09/25	Ngô Thanh Lan (CTDD2002)	
				6	8->10	A1.101	08/09/25	19/10/25	Ngô Thanh Lan (CTDD2002)	
796	DC2DD94	2	Nguyên lý quy hoạch-1-1-25(N02)/74DCKN22	6	3->6	A1.201	18/08/25	07/09/25	Ngô Thanh Lan (CTDD2002)	
				6	4->6	A1.201	08/09/25	19/10/25	Ngô Thanh Lan (CTDD2002)	
797	DC2DD94	2	Nguyên lý quy hoạch-1-1-25(N03)/74DCKN23	5	9->12	A1.104	18/08/25	07/09/25	Trần Văn Quân (CTDD3013)	
				5	10->12	A1.104	08/09/25	19/10/25	Trần Văn Quân (CTDD3013)	
798	DC2DD94	2	Nguyên lý quy hoạch-1-1-25(N04)/74DCDD21	3	9->12	A1.504	03/11/25	23/11/25	Trần Văn Quân (CTDD3013)	
				3	10->12	A1.504	24/11/25	04/01/26	Trần Văn Quân (CTDD3013)	
799	DC2KV29	3	Nguyên lý thống kê và Thống kê kinh doanh-1-1-25(N01)/75DCTD21	2	4->6	A1.504	18/08/25	07/09/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				3	5->6	A1.504			Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				5	1->3	A1.504			Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				2	4->6	A1.504	08/09/25	19/10/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				5	1->3	A1.504			Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				3	7->11	A1.503			Trần Thị Thủy (KVCS3010)	
800	DC2KV29	3	Nguyên lý thống kê và Thống kê kinh doanh-1-1-25(N02)/75DCTD22	5	1->3	A1.201	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Thủy (KVCS3010)	
				2	10->12	A1.202	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Thủy (KVCS3010)	
				5	1->3	A1.201			Trần Thị Thủy (KVCS3010)	
				2	7->9	A1.502	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Thủy (KVCS3010)	
801	DC2KV29	3	Nguyên lý thống kê và Thống kê kinh doanh-1-1-25(N03)/75DCTD23	5	4->6	A1.502			Trần Thị Thủy (KVCS3010)	
				6	3->4	A1.504			Trần Thị Thủy (KVCS3010)	
				2	7->9	A1.502	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Thủy (KVCS3010)	
				5	4->6	A1.502			Trần Thị Thủy (KVCS3010)	
				2	4->6	A1.503	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Thủy (KVCS3010)	
				5	7->9	A1.502			Trần Thị Thủy (KVCS3010)	
802	DC2KV29	3	Nguyên lý thống kê và Thống kê kinh doanh-1-1-25(N04)/75DCTD24	6	5->6	A1.503			Trần Thị Thủy (KVCS3010)	
				2	4->6	A1.503	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Thủy (KVCS3010)	
				5	7->9	A1.502			Trần Thị Thủy (KVCS3010)	
				5	1->3	C3.101	03/11/25	23/11/25	Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
				6	4->6	A1.103			Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
803	DC2KV29	3	Nguyên lý thống kê và Thống kê kinh doanh-1-1-25(N05)/75DCKT21	5	1->3	C3.101	24/11/25	04/01/26	Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
				6	1->4	A1.103			Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
				3	11->12	A3.203	03/11/25	23/11/25	Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
				6	9->12	A1.103			Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
				4	11->12	A1.201	24/11/25	04/01/26	Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
				5	4->6	A3.306			Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
				6	11->12	A1.103			Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
				4	3->6	A2.104	03/11/25	23/11/25	Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
805	DC2KV29	3	Nguyên lý thống kê và Thống kê kinh doanh-1-1-25(N07)/75DCKT23	6	2->3	A3.402			Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
				3	7->8	C3.102	24/11/25	14/12/25	Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
				4	2->6	A2.104			Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
				3	7->8	C3.102	15/12/25	04/01/26	Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
				4	2->6	A2.104			Lê Thị Liễu (KVSB3007)	

806	DC2KV29	3	Nguyên lý thống kê và Thống kê kinh doanh-1-1-25(N08)/75DCKT24	4	7->10	A3.306	03/11/25	23/11/25	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				6	5->6	A1.101			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				4	7->11	A3.306	24/11/25	04/01/26	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				6	1->2	A1.101			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
807	DC2KV29	3	Nguyên lý thống kê và Thống kê kinh doanh-1-1-25(N09)/75DCKT25	2	10->12	A3.404	03/11/25	23/11/25	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				6	1->3	A3.308			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				2	11->12	A3.404	24/11/25	04/01/26	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				5	10->12	A3.302			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				6	5->6	A3.308			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
808	DC2KV29	3	Nguyên lý thống kê và Thống kê kinh doanh-1-1-25(N10)/75DCKT26	3	11->12	A3.407	03/11/25	23/11/25	Phạm Công Giang (KVSB3009)	
				6	9->12	A3.202			Phạm Công Giang (KVSB3009)	
				3	10->12	A3.407	24/11/25	04/01/26	Phạm Công Giang (KVSB3009)	
				6	9->12	A3.202			Phạm Công Giang (KVSB3009)	
809	DC2KV29	3	Nguyên lý thống kê và Thống kê kinh doanh-1-1-25(N11)/75DCKT27	3	8->10	C3.103	03/11/25	23/11/25	Phạm Công Giang (KVSB3009)	
				6	4->6	C3.103			Phạm Công Giang (KVSB3009)	
				3	7->9	C3.103	24/11/25	04/01/26	Phạm Công Giang (KVSB3009)	
				5	7->10	A3.306			Phạm Công Giang (KVSB3009)	
810	DC2KV29	3	Nguyên lý thống kê và Thống kê kinh doanh-1-1-25(N12)/75DCLH21	3	4->6	C3.103	03/11/25	23/11/25	Phạm Công Giang (KVSB3009)	
				4	7->9	C3.103			Phạm Công Giang (KVSB3009)	
				3	4->6	C3.103	24/11/25	04/01/26	Phạm Công Giang (KVSB3009)	
				4	7->10	C3.103			Phạm Công Giang (KVSB3009)	
811	DC2KV29	3	Nguyên lý thống kê và Thống kê kinh doanh-1-1-25(N13)/75DCKT11	4	7->9	VA1.202	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thu Hằng (KVKK2002)	
				6	8->11	VA1.202			Nguyễn Thu Hằng (KVKK2002)	
				4	7->9	VA1.202	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thu Hằng (KVKK2002)	
				6	8->10	VA1.202			Nguyễn Thu Hằng (KVKK2002)	
812	DC2TN31	3	Nguyên lý thống kê và thống kê tài chính -1-1-25(N01)/75DCTN21	3	5->6	C3.105	03/11/25	23/11/25	Vũ Thị Ánh Huyền (KVTN3012)	
				6	3->6	C3.105			Vũ Thị Ánh Huyền (KVTN3012)	
				3	1->3	C3.105	24/11/25	04/01/26	Vũ Thị Ánh Huyền (KVTN3012)	
				6	3->6	C3.105			Vũ Thị Ánh Huyền (KVTN3012)	
813	DC2TN31	3	Nguyên lý thống kê và thống kê tài chính -1-1-25(N02)/75DCTN23	3	7->10	C3.201	03/11/25	23/11/25	Vũ Thị Ánh Huyền (KVTN3012)	
				6	9->10	C3.103			Vũ Thị Ánh Huyền (KVTN3012)	
				3	7->10	C3.201	24/11/25	04/01/26	Vũ Thị Ánh Huyền (KVTN3012)	
				6	9->11	C3.103			Vũ Thị Ánh Huyền (KVTN3012)	
814	DC2TN31	3	Nguyên lý thống kê và thống kê tài chính -1-1-25(N03)/75DCTN24	4	1->4	A3.402	03/11/25	23/11/25	Lê Thị Trang (KVCS3008)	
				6	7->9	C3.201			Lê Thị Trang (KVCS3008)	
				4	1->4	A3.402	24/11/25	04/01/26	Lê Thị Trang (KVCS3008)	
				6	7->9	C3.201			Lê Thị Trang (KVCS3008)	
815	DC2TN31	3	Nguyên lý thống kê và thống kê tài chính -1-1-25(N04)/75DCHQ21	2	11->12	A6.202	03/11/25	23/11/25	Trần Kim Thoa (KVTN3008)	
				3	7->10	A3.308			Trần Kim Thoa (KVTN3008)	
				2	11->12	A6.202	24/11/25	04/01/26	Trần Kim Thoa (KVTN3008)	
				3	7->11	A3.308			Trần Kim Thoa (KVTN3008)	
816	DC2TN31	3	Nguyên lý thống kê và thống kê tài chính -1-1-25(N05)/75DCHQ22	2	9->10	A3.204	03/11/25	23/11/25	Lê Thị Trang (KVCS3008)	
				3	3->6	A3.303			Lê Thị Trang (KVCS3008)	
				2	8->10	A3.204	24/11/25	04/01/26	Lê Thị Trang (KVCS3008)	
				3	3->6	A3.303			Lê Thị Trang (KVCS3008)	
817	DC2TN31	3	Nguyên lý thống kê và thống kê tài chính -1-1-25(N06)/75DCTN22	4	7->10	C3.201	03/11/25	23/11/25	Lê Thị Trang (KVCS3008)	
				6	10->11	C3.106			Lê Thị Trang (KVCS3008)	
				4	7->10	C3.201	24/11/25	04/01/26	Lê Thị Trang (KVCS3008)	
				6	10->12	C3.106			Lê Thị Trang (KVCS3008)	
818	DC3CM21	3	Nguyên lý và dụng cụ cắt-1-1-25(N01)/74DCCM21	3	10->12	A1.304	18/08/25	19/10/25	Lưu Văn Anh (XUUD3002)	
				4	7->8	A3.302			Lưu Văn Anh (XUUD3002)	

819	DC3CM21	3	Nguyên lý và dụng cụ cắt-1-1-25(N02)/74DCCM22	3	7->9	A3.302	18/08/25	19/10/25	Lưu Văn Anh (XUUD3002)	
				6	7->8	A3.302			Lưu Văn Anh (XUUD3002)	
820	DC2EC23	3	Ngôn ngữ lập trình-1-1-25(N01)/75DCTD21	6	7->9	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				6	10->12	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				4	1->4	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				6	10->12	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
821	DC2EC23	3	Ngôn ngữ lập trình-1-1-25(N02)/75DCTD22	4	7->9	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				5	4->6	Phòng thực hành			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				3	1->4	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				4	1->3	Phòng thực hành			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
822	DC2EC23	3	Ngôn ngữ lập trình-1-1-25(N03)/75DCTD23	6	1->6	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				6	2->5	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				6	7->9	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
823	DC2EC23	3	Ngôn ngữ lập trình-1-1-25(N04)/75DCTD24	2	4->6	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				3	1->3	Phòng thực hành			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				2	4->6	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
				5	9->12	Phòng thực hành			Phạm Thị Thuận (TTCS3010)	
824	DC2CK48	3	Nhiệt kỹ thuật-1-1-25(N01)/75DCCK21	2	11->12	A1.101	03/11/25	04/01/26	Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				6	10->12	A1.202			Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
825	DC2CK48	3	Nhiệt kỹ thuật-1-1-25(N02)/75DCCK22	6	2->6	A6.502	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Ngọc Thăng (CKOT4004)	
826	DC2CK48	3	Nhiệt kỹ thuật-1-1-25(N03)/75DCCK23	4	2->6	A3.405	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thành Thu (CKOT4008)	
827	DC2CK48	3	Nhiệt kỹ thuật-1-1-25(N04)/75DCCK24	3	7->11	C3.204	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thành Thu (CKOT4008)	
				3	7->11	C3.204	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thành Thu (CKOT4008)	
				3	2->6	A1.502	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thành Thu (CKOT4008)	
828	DC2CK48	3	Nhiệt kỹ thuật-1-1-25(N05)/75DCCK25	4	7->11	A2.104	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Ngọc Thăng (CKOT4004)	
				4	7->11	A2.104	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Ngọc Thăng (CKOT4004)	
				4	7->11	A2.104	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Ngọc Thăng (CKOT4004)	
829	DC3HT16	3	Nhập môn Xử lý ảnh-1-1-25(N01)/73DCTT26	2	3->6	A3.201	18/08/25	07/09/25	Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				4	7->10	C2.105			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				2	4->6	A3.201	08/09/25	19/10/25	Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				4	7->9	A6.102			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				4	5->6	A3.304	18/08/25	07/09/25	Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				5	7->9	A3.201			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	

830	DC3HT16	3	Nhập môn Xử lý ảnh-1-1-25(N02)/73DCTT25	6	7->9	A3.203	08/09/25	19/10/25	Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				4	4->6	A3.304			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				6	7->9	A3.203			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
831	DC3HT16	3	Nhập môn Xử lý ảnh-1-1-25(N03)/73DCTT24	3	9->10	A3.202	18/08/25	07/09/25	Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				5	10->12	A3.203			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				6	4->6	A5.302			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				5	9->11	A3.203	08/09/25	19/10/25	Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				6	4->6	A5.302			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				3	7->9	A3.402			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
832	DC3HT16	3	Nhập môn Xử lý ảnh-1-1-25(N04)/73DCTT23	5	9->10	A3.401	18/08/25	07/09/25	Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				6	4->6	A3.303			Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				3	7->9	A3.402			Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				6	4->6	A3.303	08/09/25	19/10/25	Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				4	4->6	A1.204			Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				5	7->8	A3.302			Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
833	DC3HT16	3	Nhập môn Xử lý ảnh-1-1-25(N05)/73DCTT22	6	10->12	A1.301	18/08/25	07/09/25	Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				4	4->6	A1.204			Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				6	10->12	A1.301			Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				4	1->3	A3.201	18/08/25	07/09/25	Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				5	11->12	A3.204			Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				6	7->9	A6.202			Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
834	DC3HT16	3	Nhập môn Xử lý ảnh-1-1-25(N06)/73DCTT21	4	1->3	A3.201	08/09/25	19/10/25	Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				6	7->9	A6.202			Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				2	1->3	VA1.203			Phan Như Minh (TTCS2003)	
				3	5->6	VA1.203	18/08/25	07/09/25	Phan Như Minh (TTCS2003)	
				6	4->6	VA1.203			Phan Như Minh (TTCS2003)	
				2	1->3	VA1.203			Phan Như Minh (TTCS2003)	
835	DC3HT16	3	Nhập môn Xử lý ảnh-1-1-25(N07)/73DCTT11	3	4->6	VA1.203	08/09/25	19/10/25	Phan Như Minh (TTCS2003)	
				6	7->9	A6.202			Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				2	1->3	VA1.203			Phan Như Minh (TTCS2003)	
				3	5->6	VA1.203	18/08/25	07/09/25	Phan Như Minh (TTCS2003)	
				6	4->6	VA1.203			Phan Như Minh (TTCS2003)	
				2	1->3	VA1.203			Phan Như Minh (TTCS2003)	
836	DC2HT13	3	Nhập môn mạng máy tính-1-1-25(N01)/75DCTT21	6	7->12	C3.105	03/11/25	23/11/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				3	7->8	A6.202	24/11/25	04/01/26	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
				6	7->11	C3.105			Lê Thanh Tấn (TTCS3006)	
837	DC2HT13	3	Nhập môn mạng máy tính-1-1-25(N02)/75DCTT22	2	7->9	A3.201	03/11/25	23/11/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				3	4->6	A3.201			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				3	3->6	A3.201	24/11/25	04/01/26	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				4	7->9	A3.201			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
838	DC2HT13	3	Nhập môn mạng máy tính-1-1-25(N03)/75DCTT23	2	10->12	A2.104	03/11/25	23/11/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				4	4->6	A3.201			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				2	7->10	A2.104	24/11/25	04/01/26	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				3	10->12	A3.203			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
839	DC2HT13	3	Nhập môn mạng máy tính-1-1-25(N04)/75DCTT24	4	7->9	A6.102	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				5	4->6	A6.102			Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				4	7->10	A6.102			Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				6	10->12	A3.303	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				4	7->10	A6.102			Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				6	10->12	A3.204	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
840	DC2HT13	3	Nhập môn mạng máy tính-1-1-25(N05)/75DCTT25	5	7->9	C3.201	03/11/25	23/11/25	Phan Như Minh (TTCS2003)	
				6	1->3	C3.201			Phan Như Minh (TTCS2003)	
				5	7->8	C3.201	24/11/25	04/01/26	Phan Như Minh (TTCS2003)	
				6	2->6	C3.201			Phan Như Minh (TTCS2003)	
841	DC2HT13	3	Nhập môn mạng máy tính-1-1-25(N06)/75DCTT26	5	10->12	A1.302	03/11/25	23/11/25	Phan Như Minh (TTCS2003)	
				6	4->6	A1.401			Phan Như Minh (TTCS2003)	

				5	9->11	A1.302	24/11/25	04/01/26	Phan Như Minh (TTCS2003)	
				6	7->10	A1.104			Phan Như Minh (TTCS2003)	
842	DC2HT13	3	Nhập môn mạng máy tính-1-1-25(N07)/75DCTTA2	2	4->6	A1.301	03/11/25	23/11/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				3	1->3	A5.302			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				2	2->6	A1.301	24/11/25	04/01/26	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				3	1->2	A5.302			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				3	10->12	A6.502	03/11/25	23/11/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
843	DC2HT13	3	Nhập môn mạng máy tính-1-1-25(N08)/75DCTTA4	4	10->12	A1.404			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				3	7->9	A6.502	24/11/25	14/12/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				4	3->6	A1.404			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				3	7->9	A6.502			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				4	3->6	C3.204	15/12/25	04/01/26	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
844	DC2HT13	3	Nhập môn mạng máy tính-1-1-25(N09)/75DCTG21	3	7->8	A6.102	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				5	7->10	A3.201			Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				5	7->11	A3.201	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
				6	7->8	A1.304			Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)	
845	DC2HT13	3	Nhập môn mạng máy tính-1-1-25(N10)/75DCTT11	2	1->4	VA1.202	03/11/25	14/12/25	Phan Như Minh (TTCS2003)	
				3	1->3	VA1.202			Phan Như Minh (TTCS2003)	
				2	1->3	VA1.202	15/12/25	04/01/26	Phan Như Minh (TTCS2003)	
				3	1->3	VA1.202			Phan Như Minh (TTCS2003)	
846	DC3TH17	2	Nhập môn tương tác người - máy-1-1-25(N01)/74DCHT21	2	3->6	C3.203	03/11/25	23/11/25	Trần Đức Thắng (TTCS4015)	
				2	4->6	C3.203	24/11/25	04/01/26	Trần Đức Thắng (TTCS4015)	
847	DC3TH17	2	Nhập môn tương tác người - máy-1-1-25(N02)/74DCHT22	2	7->10	C3.203	03/11/25	23/11/25	Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				2	7->9	C3.203	24/11/25	04/01/26	Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
848	DC3TH17	2	Nhập môn tương tác người - máy-1-1-25(N03)/74DCHT23	2	3->6	C3.202	03/11/25	23/11/25	Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				2	4->6	C3.202	24/11/25	04/01/26	Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
849	DC3TH17	2	Nhập môn tương tác người - máy-1-1-25(N04)/74DCHT24	2	7->10	A1.201	03/11/25	23/11/25	Trần Đức Thắng (TTCS4015)	
				2	7->9	A1.201	24/11/25	04/01/26	Trần Đức Thắng (TTCS4015)	
850	DC3OT58	2	Năng lượng thay thế trên ô tô-1-1-25(N01)/73DCOT21	2	7->9	A2.202	18/08/25	14/09/25	Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
				3	1->3	A2.302			Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
				2	7->9	Trực tuyến	15/09/25	21/09/25	Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
				3	1->3	Trực tuyến			Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
851	DC3OT58	2	Năng lượng thay thế trên ô tô-1-1-25(N02)/73DCOT22	4	10->12	A2.204	18/08/25	14/09/25	Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
				5	1->3	A2.503			Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
				4	10->12	Trực tuyến	15/09/25	21/09/25	Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
				5	1->3	Trực tuyến			Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
852	DC3OT58	2	Năng lượng thay thế trên ô tô-1-1-25(N03)/73DCOT23	2	10->12	A2.201	18/08/25	14/09/25	Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
				3	4->6	A2.301			Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
				2	10->12	Trực tuyến	15/09/25	21/09/25	Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
				3	4->6	Trực tuyến			Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
853	DC3OT58	2	Năng lượng thay thế trên ô tô-1-1-25(N04)/73DCOT24	2	10->12	A2.104	18/08/25	14/09/25	Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
				3	1->3	A2.204			Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
				2	10->12	Trực tuyến	15/09/25	21/09/25	Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
				3	1->3	Trực tuyến			Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
854	DC3OT58	2	Năng lượng thay thế trên ô tô-1-1-25(N05)/73DCOT25	5	10->12	A2.303	18/08/25	14/09/25	Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
				6	4->6	A2.201			Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
				5	10->12	Trực tuyến	15/09/25	21/09/25	Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	

				6	4->6	Trực tuyển	18/08/25	21/09/25	Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
855	DC3OT58	2	Năng lượng thay thế trên ô tô-1-1-25(N06)/73DCOT26	2	7->9	A2.103	18/08/25	14/09/25	Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
				5	4->6	A2.302			Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
				2	7->9	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
				5	4->6	Trực tuyển			Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
856	DC3OT58	2	Năng lượng thay thế trên ô tô-1-1-25(N07)/73DCOT27	5	7->9	A2.302	18/08/25	14/09/25	Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
				6	1->3	A2.202			Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
				5	7->9	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
				6	1->3	Trực tuyển			Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
857	DC3OT58	2	Năng lượng thay thế trên ô tô-1-1-25(N08)/73DCOT28	3	4->6	A2.203	18/08/25	14/09/25	Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
				4	7->9	A2.203			Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
				3	4->6	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
				4	7->9	Trực tuyển			Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
858	DC3OT58	2	Năng lượng thay thế trên ô tô-1-1-25(N09)/73DCOT29	4	7->9	A2.202	18/08/25	14/09/25	Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
				4	10->12	A2.202			Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
				4	7->12	Trực tuyển	15/09/25	21/09/25	Hà Văn Hiếu (CKOT3017)	
859	DC3OT58	2	Năng lượng thay thế trên ô tô-1-1-25(N10)/73DCOT11	3	8->10	VA1.101	18/08/25	21/09/25	Nguyễn Thành Trung (CKOT2011)	
				4	7->9	VA1.101			Nguyễn Thành Trung (CKOT2011)	
860	DC2DD33	3	Nền và móng-1-1-25(N01)/74DCDD21	5	1->3	A3.403	18/08/25	19/10/25	Đỗ Minh Ngọc (CTDK3005)	
				6	10->11	A3.204			Đỗ Minh Ngọc (CTDK3005)	
861	DC3KN20	3	Phong thủy trong thiết kế nhà và nội thất-1-1-25(N01)/74DCKN21	2	2->6	A1.103	03/11/25	04/01/26	Vũ Đình Thor (CTDD3005)	
862	DC3KN20	3	Phong thủy trong thiết kế nhà và nội thất-1-1-25(N02)/74DCKN22	4	10->12	A1.101	03/11/25	04/01/26	Phạm Tuấn Anh (CTDD3001)	
				6	7->8	A1.101			Phạm Tuấn Anh (CTDD3001)	
863	DC3KN20	3	Phong thủy trong thiết kế nhà và nội thất-1-1-25(N03)/74DCKN23	6	2->6	A1.301	03/11/25	04/01/26	Phạm Thị Hiền (CTDD3016)	
864	DC1LL10	2	Pháp luật Việt Nam đại cương-1-1-25(N01)/75DCTD21_75DCTD22	4	1->3	A6.101	18/08/25	07/09/25	Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
				4	2->6	A6.101	08/09/25	14/09/25	Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
				4	2->6	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
865	DC1LL10	2	Pháp luật Việt Nam đại cương-1-1-25(N03)/75DCTD23_75DCTD24	3	10->12	A6.101	18/08/25	07/09/25	Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
				3	7->11	A6.101	08/09/25	14/09/25	Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
				3	7->11	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
866	DC1LL10	2	Pháp luật Việt Nam đại cương-1-1-25(N05)/75DCKX21_75DCKX22	3	7->9	A5.202	18/08/25	07/09/25	Lê Đăng Khoa (LLNL3009)	
				4	7->10	A5.202			Lê Đăng Khoa (LLNL3009)	
				3	7->9	A5.202	08/09/25	14/09/25	Lê Đăng Khoa (LLNL3009)	
				3	7->9	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Lê Đăng Khoa (LLNL3009)	
867	DC1LL10	2	Pháp luật Việt Nam đại cương-1-1-25(N07)/75DCKX23_75DCKX24	2	7->10	A5.202	18/08/25	07/09/25	Phạm Hải Bình (LLA3005)	
				3	10->12	A5.202			Phạm Hải Bình (LLA3005)	
				3	10->12	A5.202	08/09/25	14/09/25	Phạm Hải Bình (LLA3005)	
				3	10->12	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Phạm Hải Bình (LLA3005)	
868	DC1LL10	2	Pháp luật Việt Nam đại cương-1-1-25(N09)/75DCKX25	5	7->10	A1.301	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	
				6	4->6	A1.302			Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	
				5	8->10	A1.301	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	
				5	8->10	A1.301	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	
869	DC1LL10	2	Pháp luật Việt Nam đại cương-1-1-25(N10)/75DCEN21_75DCEN22	6	7->9	C2.103	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	
				6	7->11	C2.103	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	
				6	7->11	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	

870	DC1LL10	2	Pháp luật Việt Nam đại cương-1-1-25(N12)/75DCCD21	2	7->11	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Trần Văn Tuấn (LLTT3008)	
				2	7->9	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Trần Văn Tuấn (LLTT3008)	
871	DC1LL10	2	Pháp luật Việt Nam đại cương-1-1-25(N13)/75DCCD22_75DCCS21_75DCDS21	2	2->6	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Phạm Hải Bình (LLLA3005)	
				2	4->6	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Phạm Hải Bình (LLLA3005)	
872	DC1LL10	2	Pháp luật Việt Nam đại cương-1-1-25(N14)/75DCCD23_75CDCDJ21_75DCBC21	2	7->11	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Lê Thị Huyền (BMLL1004)	
				2	7->9	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Lê Thị Huyền (BMLL1004)	
873	DC1LL10	2	Pháp luật Việt Nam đại cương-1-1-25(N16)/75DCTQ21_75DCCH21	2	2->6	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Lê Thị Huyền (BMLL1004)	
				2	4->6	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Lê Thị Huyền (BMLL1004)	
874	DC1LL10	2	Pháp luật Việt Nam đại cương-1-1-25(N22)/75DCMN21	4	2->6	A1.504	03/11/25	14/12/25	Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
				4	1->3	A1.504	15/12/25	04/01/26	Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
875	DC1LL10	2	Pháp luật Việt Nam đại cương-1-1-25(N23)/75DCCD11	6	7->8	VA1.204	03/11/25	14/12/25	Trần Văn Tuấn (LLTT3008)	
				6	9->10	VA1.204			Trần Văn Tuấn (LLTT3008)	
				6	8->12	VA1.204			Trần Văn Tuấn (LLTT3008)	
876	DC3LG21	2	Pháp luật kinh doanh logistics và VTĐPT-1-1-25(N01)/74DCVL21	3	4->6	A1.202	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				3	5->6	A1.202			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				5	5->6	A1.104			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
877	DC3LG21	2	Pháp luật kinh doanh logistics và VTĐPT-1-1-25(N02)/74DCVL22	4	1->3	C3.102	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
				4	1->4	C3.102	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
878	DC3LG21	2	Pháp luật kinh doanh logistics và VTĐPT-1-1-25(N03)/74DCVL23	4	4->6	A1.203	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
				3	7->8	A1.104			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
				5	9->10	A3.203			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
879	DC3LG21	2	Pháp luật kinh doanh logistics và VTĐPT-1-1-25(N04)/74DCVL24	5	10->12	A3.407	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Ngọc Thuyền (KVSB3012)	
				5	9->12	A3.407			Nguyễn Ngọc Thuyền (KVSB3012)	
880	DC3LG21	2	Pháp luật kinh doanh logistics và VTĐPT-1-1-25(N05)/74DCVL25	5	7->9	A1.103	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Ngọc Thuyền (KVSB3012)	
				2	5->6	A1.201			Nguyễn Ngọc Thuyền (KVSB3012)	
				4	5->6	A1.103			Nguyễn Ngọc Thuyền (KVSB3012)	
881	DC3LG21	2	Pháp luật kinh doanh logistics và VTĐPT-1-1-25(N06)/74DCVL26	3	1->3	A1.304	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
				3	9->12	A2.104			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
882	DC3LG21	2	Pháp luật kinh doanh logistics và VTĐPT-1-1-25(N07)/74DCVL27	3	4->6	A6.502	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
				3	4->6	C3.102			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
				3	5->6	A6.102	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
				5	7->8	A3.404			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
883	DC3LG21	2	Pháp luật kinh doanh logistics và VTĐPT-1-1-25(N08)/75DKLG21	3	1->2	A1.102 (DK)	18/08/25	02/11/25	Nguyễn Thị Thu Hường (KVQT3011)	
				6	1->2	A1.102 (DK)	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Thu Hường (KVQT3011)	
884	DC2KT25	3	Pháp luật kinh tế-1-1-25(N01)/75DCTN21	2	4->6	C3.206	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				3	4->6	C3.202			Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				2	4->6	C3.206	08/09/25	19/10/25	Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				3	3->4	C3.202			Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				3	5->6	C3.202			Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
885	DC2KT25	3	Pháp luật kinh tế-1-1-25(N02)/75DCTN22	2	7->9	C3.205	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				3	7->9	C3.205			Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				2	7->9	C3.205	08/09/25	19/10/25	Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				3	7->10	C3.205			Bùi Thị Phương (BMKT1006)	

886	DC2KT25	3	Pháp luật kinh tế-1-1-25(N03)/75DCTN23	2	1->3	C3.203	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				3	1->3	C3.206			Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				2	1->3	C3.203			Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				3	1->2	C3.206	08/09/25	19/10/25	Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
887	DC2KT25	3	Pháp luật kinh tế-1-1-25(N04)/75DCTN24	4	4->5	C3.203			Bùi Thị Phương (BMKT1006)	
				2	7->9	C3.203	18/08/25	07/09/25	Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
				6	1->3	C3.203			Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
				2	7->10	C3.203	08/09/25	19/10/25	Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
888	DC2KT25	3	Pháp luật kinh tế-1-1-25(N05)/75DCHQ21	6	1->3	C3.203			Mai Hồng Quang (LLTT3010)	
				3	3->6	C3.204	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	
				5	1->2	C3.102			Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	
				3	2->6	C3.204	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	
889	DC2KT25	3	Pháp luật kinh tế-1-1-25(N06)/75DCHQ22	5	1->2	C3.102			Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	
				5	4->6	C3.105	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	
				6	1->3	C3.204			Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	
				5	4->6	C3.105	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	
890	DC2EC93	2	Pháp luật trong thương mại điện tử-1-1-25(N01)/74DCTD21	6	1->4	C3.206			Nguyễn Thanh Minh (TCCB3006)	
				2	10->11	A2.503	18/08/25	07/09/25	Lưu Ngọc Trinh (KVQT3021)	
				3	5->6	A2.502			Lưu Ngọc Trinh (KVQT3021)	
				2	10->12	A1.104	08/09/25	19/10/25	Lưu Ngọc Trinh (KVQT3021)	
891	DC2EC93	2	Pháp luật trong thương mại điện tử-1-1-25(N02)/74DCTD22	2	7->8	C3.101	18/08/25	07/09/25	Lưu Ngọc Trinh (KVQT3021)	
				3	7->8	C3.101			Lưu Ngọc Trinh (KVQT3021)	
				2	7->9	C3.101	08/09/25	19/10/25	Lưu Ngọc Trinh (KVQT3021)	
892	DC2EC93	2	Pháp luật trong thương mại điện tử-1-1-25(N03)/74DCTD23	3	7->10	C2.102	18/08/25	07/09/25	Đỗ Đức Quân (KVTD3011)	
				4	10->12	C3.206	08/09/25	19/10/25	Đỗ Đức Quân (KVTD3011)	
893	DC3VL39	3	Phân tích hoạt động kinh doanh-1-1-25(N01)/73DCVL21	3	7->9	A3.401	18/08/25	07/09/25	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
				3	7->9	A3.401	08/09/25	02/11/25	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
				3	7->9	A5.302	03/11/25	30/11/25	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
894	DC3VL39	3	Phân tích hoạt động kinh doanh-1-1-25(N02)/73DCVL22	3	4->6	A2.102	18/08/25	07/09/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				5	10->12	A3.403	08/09/25	02/11/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				5	10->12	A3.404	03/11/25	30/11/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
895	DC3VL39	3	Phân tích hoạt động kinh doanh-1-1-25(N03)/73DCVL23	4	7->9	A2.101	18/08/25	07/09/25	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
				4	7->9	C3.105	08/09/25	02/11/25	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
				4	7->9	C3.204	03/11/25	30/11/25	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
896	DC3VL39	3	Phân tích hoạt động kinh doanh-1-1-25(N04)/73DCVL24	3	1->3	A2.101	18/08/25	07/09/25	Phạm Công Giang (KVS3009)	
				3	4->6	C3.106	08/09/25	02/11/25	Phạm Công Giang (KVS3009)	
				2	7->9	A1.502	03/11/25	30/11/25	Phạm Công Giang (KVS3009)	
897	DC3QX28	2	Phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp xây dựng-1-1-25(N01)/73DCQX21	3	1->2	A2.202	18/08/25	07/09/25	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				3	1->2	A3.201	08/09/25	02/11/25	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				6	2->3	C3.204	03/11/25	30/11/25	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
898	DC3QX28	2	Phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp xây dựng-1-1-25(N02)/73DCQX22	4	10->11	A2.104	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Thanh Nhân (KVKK3005)	
				4	10->11	A6.502	08/09/25	02/11/25	Phạm Thị Thanh Nhân (KVKK3005)	
				6	10->11	A3.405	03/11/25	30/11/25	Phạm Thị Thanh Nhân (KVKK3005)	
899	DC3HT60	4	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin-1-1-25(N01)/74DCHT21	5	7->11	C3.203	03/11/25	23/11/25	Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
				6	7->10	C3.203			Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
				5	9->12	C3.203	24/11/25	04/01/26	Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
				6	7->10	C3.203			Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
900	DC3HT60	4	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin-1-1-25(N02)/74DCHT22	3	3->6	C3.203	03/11/25	23/11/25	Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
				6	2->6	C3.203			Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
				3	3->6	C3.203	24/11/25	04/01/26	Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
				6	3->6	C3.203			Lê Trung Kiên (TTCS4003)	

901	DC3HT60	4	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin-1-1-25(N03)/74DCHT23	3	3->6	C3.106	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				6	7->11	C3.202			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				2	1->3	C3.202	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
				3	2->6	C3.106			Nguyễn Thị Kim Huệ (TTCS3005)	
902	DC3HT60	4	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin-1-1-25(N04)/74DCHT24	3	7->11	A1.402	03/11/25	23/11/25	Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
				5	3->6	A1.401			Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
				2	10->12	A1.201	24/11/25	04/01/26	Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
				3	7->11	A1.402			Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
				2	7->9	A3.302			Trần Trung Kiên (KVKX3002)	
903	DC2KV35	2	Phương pháp định lượng trong quân trị-1-1-25(N01)/75DCKX21	6	5->6	A1.304	18/08/25	19/10/25	Trần Trung Kiên (KVKX3002)	
904	DC2KV35	2	Phương pháp định lượng trong quân trị-1-1-25(N02)/75DCKX22	2	4->6	A1.403	18/08/25	19/10/25	Trần Trung Kiên (KVKX3002)	
				5	7->8	A1.401			Trần Trung Kiên (KVKX3002)	
905	DC2KV35	2	Phương pháp định lượng trong quân trị-1-1-25(N03)/75DCKX23	4	7->9	A1.401	18/08/25	19/10/25	Phạm Thị Thanh Nhân (KVKX3005)	
				5	11->12	A1.304			Phạm Thị Thanh Nhân (KVKX3005)	
906	DC2KV35	2	Phương pháp định lượng trong quân trị-1-1-25(N04)/75DCKX24	5	9->10	A1.303	18/08/25	19/10/25	Phạm Thị Thanh Nhân (KVKX3005)	
				6	1->3	A1.401			Phạm Thị Thanh Nhân (KVKX3005)	
907	DC2KV35	2	Phương pháp định lượng trong quân trị-1-1-25(N05)/75DCKX25	4	10->12	A1.303	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Nga (A) (KVKX3003)	
				5	11->12	A1.301			Nguyễn Thị Nga (A) (KVKX3003)	
908	DC2TT31	2	Phần mềm mã nguồn mở-1-1-25(N01)/75DCHT21	3	3->6	C3.102	03/11/25	23/11/25	Trần Đức Thắng (TTCS4015)	
909	DC2TT31	2	Phần mềm mã nguồn mở-1-1-25(N02)/75DCHT22	6	7->9	A3.401	24/11/25	04/01/26	Trần Đức Thắng (TTCS4015)	
				3	7->10	A3.201	03/11/25	23/11/25	Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				3	7->9	A3.201	24/11/25	04/01/26	Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
910	DC2TT31	2	Phần mềm mã nguồn mở-1-1-25(N03)/75DCHT23	3	3->4	A3.203	03/11/25	23/11/25	Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				4	3->4	C3.205			Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				4	2->4	C3.205	24/11/25	14/12/25	Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
				4	2->4	C3.203	15/12/25	04/01/26	Đỗ Bảo Sơn (TTCS3002)	
911	DC2TT31	2	Phần mềm mã nguồn mở-1-1-25(N04)/75DCHT24	6	3->6	A1.104	03/11/25	23/11/25	Trần Đức Thắng (TTCS4015)	
				6	4->6	A1.104	24/11/25	04/01/26	Trần Đức Thắng (TTCS4015)	
912	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N01)/75DCCD11_CH21	2	10->12		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
				3	4->6				Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
913	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N02)/75DCCD21	2	1->3		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
				4	7->9				Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
914	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N04)/75DCCD23	2	4->6		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
				3	7->9				Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
915	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N05)/75DCBC21_BI21_CD22_DJ21_CS21_DS21	3	1->3		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
				4	10->12				Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
916	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N08)/75DCDD21	2	7->9		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
				4	1->3				Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
917	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N09)/75DCDD22	3	4->6		18/08/25	26/10/25	Trần Đức Phong (GDTC2002)	
				4	10->12				Trần Đức Phong (GDTC2002)	
918	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N10)/75DCKN21	3	7->9		18/08/25	26/10/25	Trần Đức Phong (GDTC2002)	
				5	1->3				Trần Đức Phong (GDTC2002)	
919	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N11)/75DCKN22	3	1->3		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
				4	1->3				Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
920	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N12)/75DCKN23	3	10->12		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
				4	4->6				Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
921	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N13)/75DCKN24_VS21	5	10->12		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
				6	1->3				Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	

922	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N17)/75DCQX21	4	10->12	18/08/25	26/10/25	Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
				6	10->12			Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
923	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N18)/75DCQX22	2	7->9	18/08/25	26/10/25	Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
				6	7->9			Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
924	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N20)/75DCVL22	3	10->12	18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
				4	1->3			Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
925	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N21)/75DCVL23	3	4->6	18/08/25	26/10/25	Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
				5	1->3			Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
926	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N23)/75DCCK21	2	1->3	18/08/25	26/10/25	Lê Quang Việt (GDTC2003)	
				5	1->3			Lê Quang Việt (GDTC2003)	
927	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N24)/75DCCK22	2	10->12	18/08/25	26/10/25	Lê Quang Việt (GDTC2003)	
				6	1->3			Lê Quang Việt (GDTC2003)	
928	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N25)/75DCCK23	4	4->6	18/08/25	26/10/25	Lê Quang Việt (GDTC2003)	
				6	10->12			Lê Quang Việt (GDTC2003)	
929	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N26)/75DCCK24	2	4->6	18/08/25	26/10/25	Lê Quang Việt (GDTC2003)	
				3	1->3			Lê Quang Việt (GDTC2003)	
930	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N27)/75DCCK25	2	1->3	18/08/25	26/10/25	Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
				3	10->12			Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
931	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N28)/75DCOT21	2	4->6	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
				4	1->3			Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
932	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N29)/75DCOT22	2	10->12	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
				3	7->9			Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
933	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N30)/75DCOT23	2	7->9	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
				4	10->12			Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
934	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N31)/75DCOT24	2	1->3	03/11/25	11/01/26	Trần Đức Phong (GDTC2002)	
				3	1->3			Trần Đức Phong (GDTC2002)	
935	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N32)/75DCOT25	3	1->3	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
				4	4->6			Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
936	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N35)/75DCOT26_OG22	2	4->6	03/11/25	11/01/26	Lê Quang Việt (GDTC2003)	
				5	10->12			Lê Quang Việt (GDTC2003)	
937	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N36)/75DCQM21	3	4->6	03/11/25	11/01/26	Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
				4	1->3			Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
938	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N37)/75DCQM22	4	10->12	03/11/25	11/01/26	Lê Quang Việt (GDTC2003)	
				6	1->3			Lê Quang Việt (GDTC2003)	
939	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N38)/75DCQM23	2	7->9	03/11/25	11/01/26	Lê Quang Việt (GDTC2003)	
				6	10->12			Lê Quang Việt (GDTC2003)	
940	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N39)/75DCQM24	2	10->12	03/11/25	11/01/26	Lê Quang Việt (GDTC2003)	
				4	7->9			Lê Quang Việt (GDTC2003)	
941	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N40)/75DCQM25	3	4->6	03/11/25	11/01/26	Lê Quang Việt (GDTC2003)	
				5	1->3			Lê Quang Việt (GDTC2003)	
942	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N41)/75DCKX21	3	4->6	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
				5	10->12			Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
943	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N42)/75DCKX22	2	10->12	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
				4	10->12			Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
944	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N43)/75DCKX23	2	1->3	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
				3	4->6			Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	

945	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N44)/75DCKX24	2	7->9		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
				3	10->12				Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
946	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N45)/75DCKX25	4	10->12		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
				5	7->9				Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
947	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N46)/75DCCO21	3	10->12		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
				6	1->3				Nguyễn Chí Mai (GDTC3004)	
948	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N47)/75DCCO22	3	10->12		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
				5	1->3				Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
949	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N48)/75DCCO23	2	7->9		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
				4	1->3				Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
950	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N49)/775DCEN21_EN22	3	1->3		03/11/25	11/01/26	Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
				4	10->12				Trần Huyền Trang (GDTC3006)	
951	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N50)/75DCOT11	4	7->9		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
				6	10->12				Nguyễn Ngọc Tuyên (GDTC3003)	
952	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N51)/75DCOT12	2	1->3		03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
				3	10->12				Nguyễn Thành Long (GDTC3001)	
953	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N53)/75DCOG21	4	7->9		03/11/25	11/01/26	Trần Đức Phong (GDTC2002)	
				5	1->3				Trần Đức Phong (GDTC2002)	
954	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N54)/75DCTQ21	3	1->6		18/08/25	26/10/25	Đặng Quý Quyền (KHCB1003)	
955	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N55)/75DCXQ21	4	7->12		18/08/25	26/10/25	Đặng Quý Quyền (KHCB1003)	
956	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N56)/75DCXQ22	3	7->12		18/08/25	26/10/25		
957	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N57)/75DCTG21	4	1->6		18/08/25	26/10/25		
958	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N58)/75DCQT21	4	7->8		03/11/25	11/01/26		
				4	11->12					
				4	9->10					
959	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N59)/75DCQT22	3	11->12		03/11/25	11/01/26		
				3	7->10					
960	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N60)/75DCQT23	3	5->6		03/11/25	11/01/26		
				3	1->2					
				3	3->4					
961	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N61)/75DCLA21	6	9->10		03/11/25	11/01/26	Đặng Quý Quyền (KHCB1003)	
				6	7->8				Đặng Quý Quyền (KHCB1003)	
				6	11->12				Đặng Quý Quyền (KHCB1003)	
962	DC1TD22	2	Pickleball-1-1-25(N62)/75DCVL21	2	10->12		18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
				2	4->6				Nguyễn Thùy Liên (GDTC3005)	
963	DC3XQ20	3	Quy hoạch Hạ tầng kỹ thuật đô thị-1-1-25(N01)/74DCXQ21	2	7->11	A3.402	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Huy Hùng (CTQH3005)	
964	DC3CH21	2	Quy hoạch giao thông đô thị-1-1-25(N01)/74DCCH21	5	9->12	A1.502	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Văn Tiến (CTQH3003)	
				5	10->12	C3.206	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Tiến (CTQH3003)	
965	DC3CH21	2	Quy hoạch giao thông đô thị-1-1-25(N02)/74DCCH22	2	1->4	C3.104	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Văn Tiến (CTQH3003)	
				2	2->4	C3.104	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Tiến (CTQH3003)	
966	DC3QX21	3	Quy hoạch xây dựng-1-1-25(N01)/74DCQX21	4	2->6	Trực tuyến	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Huy Hùng (CTQH3005)	
967	DC3QX21	3	Quy hoạch xây dựng-1-1-25(N02)/74DCQX22	2	2->6	Trực tuyến	18/08/25	19/10/25	Kiều Văn Cẩn (CTTL3007)	
968	DC3QX21	3	Quy hoạch xây dựng-1-1-25(N03)/74DCQX23	4	7->11	Trực tuyến	18/08/25	19/10/25	Kiều Văn Cẩn (CTTL3007)	
969	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N02)/75DCCD21	5	1->5		18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
970	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N04)/75DCCD23	2	8->12		18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
971	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N05)/75DCBC21_BI21_CD11_DJ21_CS21_DS21_VS21	4	1->5		18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	

972	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N08)/75DCDD21	3	8->12		18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
973	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N09)/75DCDD22	6	7->11		18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
974	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N10)/75DCKN21	6	8->12		18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
975	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N11)/75DCKN22	5	1->5		18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
976	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N12)/75DCKN23	4	8->12		18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
977	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N13)/75DCKN24	4	7->11		18/08/25	19/10/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
978	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N17)/75DCQX21	5	8->12		18/08/25	19/10/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
979	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N18)/75DCQX22	3	7->11		18/08/25	19/10/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
980	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N19)/75DCVL21	4	1->5		18/08/25	19/10/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
981	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N20)/75DCVL22	6	8->12		18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thịnh (CTTL2005)	
982	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N21)/75DCVL23	4	8->12		18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thịnh (CTTL2005)	
983	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N23)/75DCCK21	3	1->5		18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thịnh (CTTL2005)	
984	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N24)/75DCCK22	5	2->6		18/08/25	19/10/25	Vũ Trần Linh (CTXU2005)	
985	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N25)/75DCCK23	3	8->12		18/08/25	19/10/25	Vũ Trần Linh (CTXU2005)	
986	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N26)/75DCCK24	6	8->12		18/08/25	19/10/25	Vũ Trần Linh (CTXU2005)	
987	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N27)/75DCCK25	5	8->12		18/08/25	19/10/25	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
988	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N28)/75DCCD22	2	1->5		18/08/25	19/10/25	Hoàng Văn Quy (QPAN2005)	
989	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N32)/75DCCH21	3	8->12		18/08/25	19/10/25	Hoàng Văn Quy (QPAN2005)	
990	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N33)/75DCOT21	2	8->12		03/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
991	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N34)/75DCOT22	3	2->6		03/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
992	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N35)/75DCOT23	6	8->12		03/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
993	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N36)/75DCOT24	4	8->12		03/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
994	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N37)/75DCOT25	2	8->12		03/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
995	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N38)/75DCOT26	5	1->5		03/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
996	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N39)/75DCOG21	2	1->5		03/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Tuấn (QPAN3002)	
997	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N41)/75DCQM21	4	7->11		03/11/25	04/01/26	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
998	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N42)/75DCQM22	5	1->5		03/11/25	04/01/26	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
999	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N43)/75DCQM23	5	1->5		03/11/25	04/01/26	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N44)/75DCQM24	6	1->5		03/11/25	04/01/26	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N45)/75DCQM25	4	8->12		03/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thịnh (CTTL2005)	
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N46)/75DCKX21	6	8->12		03/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thịnh (CTTL2005)	
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N47)/75DCKX22	5	1->5		03/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thịnh (CTTL2005)	
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N48)/75DCKX23	6	8->12		03/11/25	04/01/26	Vũ Trần Linh (CTXU2005)	
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N49)/75DCKX24	5	8->12		03/11/25	04/01/26	Vũ Trần Linh (CTXU2005)	
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N50)/75DCKX25	5	1->5		03/11/25	04/01/26	Vũ Trần Linh (CTXU2005)	
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N51)/75DCCO21	6	7->11		03/11/25	04/01/26	Hoàng Văn Quy (QPAN2005)	
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N52)/75DCCO22	2	1->5		03/11/25	04/01/26	Hoàng Văn Quy (QPAN2005)	
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N53)/75DCCO23	3	8->12		03/11/25	04/01/26	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N54)/75DCEN21	4	2->6		03/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thanh (QPAN3003)	
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N56)/75DCOT11	2	2->6		03/11/25	04/01/26	Lưu Văn Sơn (QPAN2004)	
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N57)/75DCOT12	5	1->5		03/11/25	04/01/26	Hoàng Văn Quy (QPAN2005)	
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N58)/75DCTQ21_75DCTG21	5	7->11		18/08/25	19/10/25		
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N59)/75DCXQ21_75DCXQ22	4	1->5		18/08/25	19/10/25		
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N60)/75DCQT21_75DCQT22	5	1->5		03/11/25	04/01/26		
###	DC1QP07	2	Quản sự chung-1-1-25(N62)/75DCQT23_75DCLA21	4	7->11		03/11/25	04/01/26		
###	DC3QX24	3	Quản lý Nhà nước trong xây dựng-1-1-25(N01)/73DCQX21	4	10->12	A2.201	18/08/25	07/09/25	Phạm Văn Lượng (CTDB2007)	
				4	10->12	A3.204	08/09/25	02/11/25	Phạm Văn Lượng (CTDB2007)	
				5	7->9	A3.402	03/11/25	30/11/25	Phạm Văn Lượng (CTDB2007)	
###	DC3QX24	3	Quản lý Nhà nước trong xây dựng-1-1-25(N02)/73DCQX22	4	7->9	A2.104	18/08/25	07/09/25	Phạm Văn Lượng (CTDB2007)	
				4	7->9	A6.502	08/09/25	02/11/25	Phạm Văn Lượng (CTDB2007)	
				6	7->9	A3.405	03/11/25	30/11/25	Phạm Văn Lượng (CTDB2007)	
###	DC3MO54	2	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại-1-1-25(N01)/73DCMN21	5	3->4	A2.504	18/08/25	07/09/25	Lê Phú Tuấn (CTMT3013)	
				5	3->4	A3.402	08/09/25	02/11/25	Lê Phú Tuấn (CTMT3013)	
				5	3->4	C3.202	03/11/25	30/11/25	Lê Phú Tuấn (CTMT3013)	
				3	7->8	A1.504			Nguyễn Hữu Mùi (TTCS4004)	

###	DC3HT32	3	Quản lý dự án phần mềm-1-1-25(N01)/73DCTT26	6	10->12	A3.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Hữu Mùi (TTCS4004)	
				3	8->9	A1.504			Nguyễn Hữu Mùi (TTCS4004)	
				6	10->12	A3.201	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Hữu Mùi (TTCS4004)	
###	DC3HT32	3	Quản lý dự án phần mềm-1-1-25(N02)/73DCTT25	4	1->2	A3.304	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				5	10->12	A3.201			Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				4	1->3	A3.304	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				5	9->10	A3.201			Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
###	DC3HT32	3	Quản lý dự án phần mềm-1-1-25(N03)/73DCTT24	3	11->12	A3.202	18/08/25	07/09/25	Đinh Văn Đồng (TTHT4021)	
				6	1->3	A5.302			Đinh Văn Đồng (TTHT4021)	
				3	10->11	A3.202	08/09/25	19/10/25	Đinh Văn Đồng (TTHT4021)	
				6	1->3	A5.302			Đinh Văn Đồng (TTHT4021)	
###	DC3HT32	3	Quản lý dự án phần mềm-1-1-25(N04)/73DCTT23	3	10->12	A3.402	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Hữu Mùi (TTCS4004)	
				5	7->8	A3.401			Nguyễn Hữu Mùi (TTCS4004)	
###	DC3HT32	3	Quản lý dự án phần mềm-1-1-25(N05)/73DCTT22	5	9->10	A3.302	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Hữu Mùi (TTCS4004)	
				6	7->9	A1.301			Nguyễn Hữu Mùi (TTCS4004)	
###	DC3HT32	3	Quản lý dự án phần mềm-1-1-25(N06)/73DCTT21	5	7->8	A3.204	18/08/25	19/10/25	Vũ Thị Thu Hà (TTUD3002)	
				6	10->12	A6.202			Vũ Thị Thu Hà (TTUD3002)	
###	DC3HT32	3	Quản lý dự án phần mềm-1-1-25(N07)/73DCTT11	4	2->4	VA1.203	18/08/25	19/10/25	Lê Thị Hường (TTCS2002)	
				6	2->3	VA1.203			Lê Thị Hường (TTCS2002)	
###	DC3CT59	2	Quản lý dự án đầu tư XD công trình-1-1-25(N01)/73DCDD21_73DCDD22	3	11->12	A2.402	18/08/25	07/09/25	Phạm Văn Huỳnh (CTDB3001)	
				3	11->12	A1.101	08/09/25	02/11/25	Phạm Văn Huỳnh (CTDB3001)	
				6	7->8	A1.403	03/11/25	30/11/25	Phạm Văn Huỳnh (CTDB3001)	
###	DC3GT20	3	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình-1-1-25(N01)/73DCCD21	2	1->2	A3.406	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Trọng Dũng (CTDB3021)	
				3	4->6	A3.406			Nguyễn Trọng Dũng (CTDB3021)	
###	DC3GT20	3	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình-1-1-25(N02)/73DCCD22	2	7->9	A3.406	03/11/25	04/01/26	Dương Tất Sinh (CTDB4001)	
				3	7->8	A3.406			Dương Tất Sinh (CTDB4001)	
###	DC2CB20	3	Quản lý dự án-1-1-25(N01)/75DCDT21	4	4->6	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Tiến (CTQH3003)	
				4	8->11	Trực tuyến			Nguyễn Văn Tiến (CTQH3003)	
				4	7->12	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Tiến (CTQH3003)	
###	DC2CB20	3	Quản lý dự án-1-1-25(N02)/75DCDT22	4	7->9	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				4	2->5	Trực tuyến			Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				4	7->9	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				4	3->5	Trực tuyến			Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
###	DC2CB20	3	Quản lý dự án-1-1-25(N03)/75DCDT23	3	7->10	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Huy Hùng (CTQH3005)	
				3	3->5	Trực tuyến			Nguyễn Huy Hùng (CTQH3005)	
				3	7->12	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Huy Hùng (CTQH3005)	
###	DC2CB20	3	Quản lý dự án-1-1-25(N04)/75DCDTJ2	6	8->10	Trực tuyến	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				6	4->6	Trực tuyến			Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				6	9->11	Trực tuyến	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				6	3->6	Trực tuyến			Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				6	3->6	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Trương Thị Mỹ Thanh (KVKX3008)	

###	DC2CB20	3	Quản lý dự án-1-1-25(N05)/75DCVM21	6	8->10	Trúc tuyển	03/11/25	15/12/25	Trương Thị Mỹ Thanh (KVKX3008)	
				6	4->6	Trúc tuyển			Trương Thị Mỹ Thanh (KVKX3008)	
				6	8->10	Trúc tuyển			Trương Thị Mỹ Thanh (KVKX3008)	
###	DC3CH37	2	Quản lý khai thác công trình GT đô thị-1-1-25(N01)/73DCCH21	5	9->10	C3.101	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Tiến (CTQH3003)	
				5	9->10	C3.101	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Văn Tiến (CTQH3003)	
				5	7->8	A1.403	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Văn Tiến (CTQH3003)	
###	DC3CA61	2	Quản lý khai thác và kiểm định cầu-1-1-25(N01)/73DCCD21	4	3->6	A1.504	18/08/25	07/09/25	Lê Văn Mạnh (CTCA3013)	
				4	3->5	A3.406	08/09/25	19/10/25	Lê Văn Mạnh (CTCA3013)	
###	DC3CA61	2	Quản lý khai thác và kiểm định cầu-1-1-25(N02)/73DCCD22	4	7->10	A2.403	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thanh Hưng (CTCA3006)	
				3	10->12	A3.406	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thanh Hưng (CTCA3006)	
###	DC3TQ25	3	Quản lý khai thác và kiểm định cầu-1-1-25(N03)/74DCTQ21	4	5->6	A1.304	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Hưng (CTCA3006)	
				5	9->11	A1.304			Nguyễn Thanh Hưng (CTCA3006)	
###	DC3DB61	2	Quản lý khai thác và kiểm định đường-1-1-25(N01)/73DCCD21	3	7->10	A2.502	18/08/25	07/09/25	Phạm Văn Huỳnh (CTDB3001)	
				5	10->12	A1.503	08/09/25	19/10/25	Phạm Văn Huỳnh (CTDB3001)	
###	DC3DB61	2	Quản lý khai thác và kiểm định đường-1-1-25(N02)/73DCCD22	5	3->6	A2.403	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thị Hương Giang (CTDB3004)	
				5	4->6	C3.202	08/09/25	19/10/25	Hoàng Thị Hương Giang (CTDB3004)	
###	DC3TQ24	3	Quản lý khai thác và kiểm định đường-1-1-25(N03)/74DCTQ21	2	4->6	A1.304	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Trọng Dũng (CTDB3021)	
				3	7->8	A1.304			Nguyễn Trọng Dũng (CTDB3021)	
###	DC3TN58	2	Quản lý tài chính công-1-1-25(N01)/74DCTN21	5	2->4	A1.304	03/11/25	14/12/25	Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
				2	1->4	A3.405	15/12/25	04/01/26	Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
###	DC3TN58	2	Quản lý tài chính công-1-1-25(N02)/74DCTN22	3	7->9	A3.405	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Anh Tuấn (KVTN3010)	
				3	7->10	A3.405	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Anh Tuấn (KVTN3010)	
###	DC3TN58	2	Quản lý tài chính công-1-1-25(N03)/74DCTN23	4	9->11	A3.405	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Anh Tuấn (KVTN3010)	
				4	9->12	A3.405	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Anh Tuấn (KVTN3010)	
###	DC3TN58	2	Quản lý tài chính công-1-1-25(N04)/74DCTN24	2	10->12	A3.403	03/11/25	14/12/25	Cù Thị Hiền (KTHI3012)	
				6	3->6	A3.407	15/12/25	04/01/26	Cù Thị Hiền (KTHI3012)	
###	DC3LH22	2	Quản lý vận tải quốc tế-1-1-25(N01)/74DCLH21	6	4->6	A1.504	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				6	3->6	A1.504	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
###	DC3LH22	2	Quản lý vận tải quốc tế-1-1-25(N02)/74DCLH22	2	9->11	A1.404	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
				2	9->12	A1.404	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Hòa (CTTL3009)	
###	DC3VL28	3	Quản trị Logistics-1-1-25(N01)/74DCHQ21	4	7->8	A2.303	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				6	4->6	A2.301			Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				4	7->8	A3.306	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				6	4->6	C3.106			Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
###	DC3VL28	3	Quản trị Logistics-1-1-25(N02)/74DCHQ22	2	10->12	A3.203	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				4	9->10	A2.302			Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				2	10->12	A3.203	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				4	9->10	A3.402			Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
###	DC3VL28	3	Quản trị Logistics-1-1-25(N03)/74DCLG21	3	4->6	A1.204	03/11/25	14/12/25	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
				4	5->6	A1.204			Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
				3	3->5	A1.204	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
				4	5->6	A1.204			Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
###	DC3VL28	3	Quản trị Logistics-1-1-25(N04)/74DCLG22	2	2->6	A1.502	03/11/25	04/01/26	Lê Thu Sao (KVP3002)	
###	DC3VL28	3	Quản trị Logistics-1-1-25(N05)/74DCLG23	3	2->6	A1.401	03/11/25	04/01/26	Lê Thu Sao (KVP3002)	
###	DC3VL28	3	Quản trị Logistics-1-1-25(N06)/74DCLG24	2	7->11	A1.203	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Quang Hồng (KVS3015)	
###	DC3QM51	3	Quản trị doanh nghiệp-1-1-25(N01)/74DCQT21	2	10->12	A1.402	03/11/25	14/12/25	Trần Thị Thanh Xuân (BMKT1009)	
				3	4->6	A1.403			Trần Thị Thanh Xuân (BMKT1009)	
				2	7->10	A1.402	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Thanh Xuân (BMKT1009)	
				3	3->6	A1.403			Trần Thị Thanh Xuân (BMKT1009)	

###	DC3QM51	3	Quản trị doanh nghiệp-1-1-25(N02)/74DCQT22	2	4->6	A1.503	03/11/25	14/12/25	Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
				3	1->3	A1.402			Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
				2	5->6	A1.503	15/12/25	04/01/26	Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
				3	2->3	A1.402			Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
###	DC3QM51	3	Quản trị doanh nghiệp-1-1-25(N03)/74DCQT23	4	7->10	A1.403	03/11/25	14/12/25	Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
				5	1->3	A1.403			Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				6	10->12	C3.206	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				2	5->6	A1.403			Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				4	7->10	A1.402			Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				5	1->2	A1.403			Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
###	DC3QM51	3	Quản trị doanh nghiệp-1-1-25(N04)/74DCQM21	2	7->9	A1.504	03/11/25	14/12/25	Trần Thị Thanh Xuân (BMKT1009)	
				3	1->3	A1.504			Trần Thị Thanh Xuân (BMKT1009)	
				2	11->12	A1.504	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Thanh Xuân (BMKT1009)	
				3	7->12	A6.102			Trần Thị Thanh Xuân (BMKT1009)	
###	DC3QM51	3	Quản trị doanh nghiệp-1-1-25(N05)/74DCQM22	2	7->9	A1.403	03/11/25	14/12/25	Bùi Tường Minh (KVQT3012)	
				3	1->3	A1.404			Bùi Tường Minh (KVQT3012)	
				2	9->12	A1.403	15/12/25	04/01/26	Bùi Tường Minh (KVQT3012)	
				3	1->4	A1.404			Bùi Tường Minh (KVQT3012)	
###	DC3QM51	3	Quản trị doanh nghiệp-1-1-25(N06)/74DCQM23	2	3->6	A3.304	03/11/25	14/12/25	Bùi Tường Minh (KVQT3012)	
				3	5->6	A3.404			Bùi Tường Minh (KVQT3012)	
				2	1->6	A3.302	15/12/25	04/01/26	Bùi Tường Minh (KVQT3012)	
				3	5->6	A3.404			Bùi Tường Minh (KVQT3012)	
###	DC3QM51	3	Quản trị doanh nghiệp-1-1-25(N07)/74DCQM24	5	7->10	C3.202	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
				6	9->10	C3.204			Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
				5	7->11	C3.202	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
				6	10->12	C3.204			Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
###	DC3QT26	3	Quản trị dự án đầu tư-1-1-25(N01)/74DCQM21	2	10->12	A1.504	03/11/25	14/12/25	Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
				3	4->6	A1.504			Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
				2	7->10	A1.504	15/12/25	04/01/26	Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
				5	7->10	A1.404			Đặng Việt Phương (KVQT3018)	
###	DC3QT26	3	Quản trị dự án đầu tư-1-1-25(N02)/74DCQM22	2	10->12	A1.403	03/11/25	14/12/25	Hoàng Tiến Khang (KVQT3027)	
				3	4->6	A1.404			Hoàng Tiến Khang (KVQT3027)	
				2	7->8	A1.403	15/12/25	04/01/26	Hoàng Tiến Khang (KVQT3027)	
				3	5->6	A1.404			Hoàng Tiến Khang (KVQT3027)	
				6	7->10	A1.204			Hoàng Tiến Khang (KVQT3027)	
###	DC3QT26	3	Quản trị dự án đầu tư-1-1-25(N03)/74DCQM23	3	3->4	A3.404	03/11/25	14/12/25	Đào Phúc Lâm (CTKC3004)	
				6	3->6	A1.201			Đào Phúc Lâm (CTKC3004)	
				3	2->4	A3.404	15/12/25	04/01/26	Đào Phúc Lâm (CTKC3004)	
				6	2->6	A1.201			Đào Phúc Lâm (CTKC3004)	
###	DC3QT26	3	Quản trị dự án đầu tư-1-1-25(N04)/74DCQM24	2	3->6	C3.205	03/11/25	14/12/25	Dương Văn Nhung (KVQT3004)	
				6	7->8	C3.204			Dương Văn Nhung (KVQT3004)	
				2	2->6	C3.205	15/12/25	04/01/26	Dương Văn Nhung (KVQT3004)	
				6	7->9	C3.204			Dương Văn Nhung (KVQT3004)	
###	DC2KV73	3	Quản trị học-1-1-25(N01)/75DKLG21	5	9->11	A1.102 (DK)	18/08/25	02/11/25	Nguyễn Thị Khánh Ngọc (KVQT3020)	
				5	9->11	A1.102 (DK)	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Khánh Ngọc (KVQT3020)	
###	DC3VL32	3	Quản trị kho hàng-1-1-25(N01)/74DCLH21	2	1->3	A1.201	18/08/25	19/10/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
				5	5->6	C3.104			Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
###	DC3VL32	3	Quản trị kho hàng-1-1-25(N02)/74DCLH22	2	4->6	A1.201	18/08/25	19/10/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
				5	7->8	A5.303			Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
				3	10->12	C3.104	03/11/25	23/11/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
				5	11->12	C3.206			Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	

###	DC3VL32	3	Quản trị kho hàng-1-1-25(N03)/74DCHQ21	3	10->12	C3.104	24/11/25	14/12/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
				6	10->11	A1.502			Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
				3	10->12	C3.104	15/12/25	04/01/26	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
				5	11->12	A3.202			Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
###	DC3VL32	3	Quản trị kho hàng-1-1-25(N04)/74DCHQ22	3	5->6	A3.304	03/11/25	23/11/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
				6	7->9	A2.104			Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
				3	5->6	A3.304	24/11/25	14/12/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
				6	7->9	A2.104			Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
				3	5->6	A3.304	15/12/25	04/01/26	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
				6	7->9	A2.104			Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVSB3011)	
###	DC3KX63	2	Quản trị kinh doanh xây dựng-1-1-25(N01)/73DCQX21	4	8->9	A2.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Nga (A) (KVX3003)	
				4	8->9	A3.204	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Nga (A) (KVX3003)	
				3	9->10	A1.103	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Nga (A) (KVX3003)	
###	DC3KX63	2	Quản trị kinh doanh xây dựng-1-1-25(N02)/73DCQX22	3	3->4	A2.201	18/08/25	07/09/25	Trịnh Xuân Trường (CTDB2001)	
				3	3->4	A3.407	08/09/25	02/11/25	Trịnh Xuân Trường (CTDB2001)	
				3	3->4	A1.502	03/11/25	30/11/25	Trịnh Xuân Trường (CTDB2001)	
###	DC3KX63	2	Quản trị kinh doanh xây dựng-1-1-25(N03)/73DCKX21	6	1->4	A2.204	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Ngọc Dung (QTKX3012)	
				6	1->3	A1.404	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Ngọc Dung (QTKX3012)	
###	DC3KX63	2	Quản trị kinh doanh xây dựng-1-1-25(N04)/73DCKX22	5	7->10	A2.402	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Nga (A) (KVX3003)	
				5	7->9	A3.306	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Nga (A) (KVX3003)	
###	DC3LG25	2	Quản trị marketing dịch vụ-1-1-25(N01)/74DCLG21	4	2->4	A1.204	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
				4	1->4	A1.204	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
###	DC3LG25	2	Quản trị marketing dịch vụ-1-1-25(N02)/74DCLG22	4	7->9	A3.302	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
				4	7->10	A3.302	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
###	DC3LG25	2	Quản trị marketing dịch vụ-1-1-25(N03)/74DCLG23	5	4->6	A1.203	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
				4	5->6	A1.203	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
				5	5->6	A1.202			Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
###	DC3LG25	2	Quản trị marketing dịch vụ-1-1-25(N04)/74DCLG24	5	1->3	A1.202	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
				5	1->4	A1.404	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
###	DC3QT66	3	Quản trị marketing-1-1-25(N01)/75DCTD21	2	1->3	A1.504	18/08/25	07/09/25	Lê Nam Anh (KVQT3033)	
				3	3->4	A1.504			Lê Nam Anh (KVQT3033)	
				5	4->6	A1.504			Lê Nam Anh (KVQT3033)	
				2	1->3	A1.504	08/09/25	19/10/25	Lê Nam Anh (KVQT3033)	
				5	4->6	A1.504			Lê Nam Anh (KVQT3033)	
###	DC3QT66	3	Quản trị marketing-1-1-25(N02)/75DCTD22	2	7->11	A1.202	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Kiều Oanh (DTAO3019)	
				5	4->6	A1.201			Trần Thị Kiều Oanh (DTAO3019)	
				2	7->9	A1.202	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Kiều Oanh (DTAO3019)	
				5	4->6	A1.201			Trần Thị Kiều Oanh (DTAO3019)	
###	DC3QT66	3	Quản trị marketing-1-1-25(N03)/75DCTD23	2	10->12	A1.502	18/08/25	07/09/25	Bùi Tường Minh (KVQT3012)	
				5	1->3	A1.502			Bùi Tường Minh (KVQT3012)	
				6	5->6	A1.504			Bùi Tường Minh (KVQT3012)	
				2	10->12	A1.502	08/09/25	19/10/25	Bùi Tường Minh (KVQT3012)	
###	DC3QT66	3	Quản trị marketing-1-1-25(N04)/75DCTD24	5	1->3	A1.502			Bùi Tường Minh (KVQT3012)	
				2	1->3	A1.503	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
				5	10->12	A1.502			Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
				6	3->4	A1.503			Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
				2	1->3	A1.503	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
###	DC3QT66	3	Quản trị marketing-1-1-25(N05)/74DCTD21	5	10->12	A1.502			Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
				6	7->12	A6.502	03/11/25	23/11/25	Lê Nam Anh (KVQT3033)	
				2	4->6	A1.202	24/11/25	14/12/25	Lê Nam Anh (KVQT3033)	
				5	4->6	A1.201			Lê Nam Anh (KVQT3033)	
				2	1->4	A1.202	15/12/25	04/01/26	Lê Nam Anh (KVQT3033)	
				5	3->6	A1.201			Lê Nam Anh (KVQT3033)	

###	DC3QT66	3	Quản trị marketing-1-1-25(N06)/74DCTD22	2	10->12	C3.101	03/11/25	14/12/25	Bùi Thị Xuân Hương (KVQT3023)	
				5	10->12	C3.101			Bùi Thị Xuân Hương (KVQT3023)	
				2	9->12	C3.101	15/12/25	04/01/26	Bùi Thị Xuân Hương (KVQT3023)	
				5	9->12	C3.101			Bùi Thị Xuân Hương (KVQT3023)	
###	DC3QT66	3	Quản trị marketing-1-1-25(N07)/74DCTD23	2	7->10	C3.202	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				4	5->6	C3.202			Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				2	7->10	C3.202	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				4	3->6	C3.202			Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
###	DC3LG39	2	Quản trị mua hàng-1-1-25(N01)/73DCVL21	4	5->6	A2.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				4	5->6	A1.103	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				4	10->11	A3.407	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				4	1->2	A2.102	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
###	DC3LG39	2	Quản trị mua hàng-1-1-25(N02)/73DCVL22	4	1->2	A3.407	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				6	11->12	A1.401	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				3	3->4	A2.103	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				2	7->8	A1.304	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
###	DC3LG39	2	Quản trị mua hàng-1-1-25(N03)/73DCVL23	6	3->4	A3.204	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				5	5->6	A2.202	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				4	11->12	C3.201	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
				6	3->4	C3.106	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thanh Vân (KVS3014)	
###	DC3QT65	3	Quản trị nhân sự-1-1-25(N01)/74DCQT21	3	7->8	A2.504	18/08/25	07/09/25	Trịnh Văn Cường (KVQT3029)	
				4	7->9	A2.503			Trịnh Văn Cường (KVQT3029)	
				6	1->3	A2.503	08/09/25	19/10/25	Trịnh Văn Cường (KVQT3029)	
				3	7->9	A1.503			Trịnh Văn Cường (KVQT3029)	
###	DC3QT65	3	Quản trị nhân sự-1-1-25(N02)/74DCQT22	6	1->3	A1.501	08/09/25	19/10/25	Trịnh Văn Cường (KVQT3029)	
				2	9->12	A2.504			Phạm Xuân Hùng (KVQT3028)	
				3	3->6	A2.504	18/08/25	07/09/25	Phạm Xuân Hùng (KVQT3028)	
				2	10->12	C3.104	08/09/25	19/10/25	Phạm Xuân Hùng (KVQT3028)	
###	DC3QT65	3	Quản trị nhân sự-1-1-25(N03)/74DCQT23	3	4->6	A1.203	18/08/25	07/09/25	Phạm Xuân Hùng (KVQT3028)	
				2	3->6	A2.503			Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
				3	1->4	A2.503	08/09/25	19/10/25	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
				2	4->6	A3.302			Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
###	DC3QT65	3	Quản trị nhân sự-1-1-25(N06)/74DCQM21	3	1->3	A3.403	08/09/25	19/10/25	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
				2	4->6	A1.202			Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
				5	7->9	A2.504	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
				6	1->2	A2.504	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
###	DC3QT65	3	Quản trị nhân sự-1-1-25(N07)/74DCQM22	2	4->6	A1.202			Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
				5	7->9	A3.407	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
				3	10->12	A1.201			Trần Văn Thắng (KVQT3009)	
				4	10->11	A2.504	08/09/25	19/10/25	Trần Văn Thắng (KVQT3009)	
###	DC3QT65	3	Quản trị nhân sự-1-1-25(N08)/74DCQM23	5	7->9	A2.503			Trần Văn Thắng (KVQT3009)	
				3	10->12	A1.501	08/09/25	19/10/25	Trần Văn Thắng (KVQT3009)	
				4	10->12	A1.402			Trần Văn Thắng (KVQT3009)	
				3	1->3	A1.203	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Xuân Hương (KVQT3023)	
###	DC3QT65	3	Quản trị nhân sự-1-1-25(N09)/74DCQM24	4	1->3	A1.201			Bùi Thị Xuân Hương (KVQT3023)	
				6	7->8	A2.502	08/09/25	19/10/25	Bùi Thị Xuân Hương (KVQT3023)	
				3	1->3	A1.504			Bùi Thị Xuân Hương (KVQT3023)	
				4	1->3	A1.201	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Xuân Hương (KVQT3023)	
###	DC3QT65	3	Quản trị nhân sự-1-1-25(N09)/74DCQM24	2	2->6	A2.203			Nguyễn Tuấn Anh (KVQT3026)	
				3	4->6	A1.202	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Tuấn Anh (KVQT3026)	
				2	1->3	A1.204			Nguyễn Tuấn Anh (KVQT3026)	
				2	1->3	A1.204	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Tuấn Anh (KVQT3026)	

				3	4->6	A1.304	08/08/25	18/10/25	Nguyễn Tuấn Anh (KVQT3026)	
###	DC2LG11	3	Quản trị sản xuất đại cương-1-1-25(N01)/75DCLH21	2	10->12	C3.103	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
				3	5->6	C3.102			Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
###	DC2LG11	3	Quản trị sản xuất đại cương-1-1-25(N02)/75DCVL21_75DCVS21	2	10->12	A3.306	03/11/25	04/01/26	Dương Thị Thu Hương (KVSB3006)	
				3	5->6	A3.306			Dương Thị Thu Hương (KVSB3006)	
###	DC2LG11	3	Quản trị sản xuất đại cương-1-1-25(N03)/75DCVL22	2	7->8	C3.201	03/11/25	04/01/26	Dương Thị Thu Hương (KVSB3006)	
				3	8->10	A3.306			Dương Thị Thu Hương (KVSB3006)	
###	DC2LG11	3	Quản trị sản xuất đại cương-1-1-25(N04)/75DCVL23	4	7->8	A3.204	03/11/25	04/01/26	Dương Thị Thu Hương (KVSB3006)	
				6	10->12	A3.306			Dương Thị Thu Hương (KVSB3006)	
###	DC3QM64	3	Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N01)/74DCQT21	2	10->12	A1.303	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				4	10->11	A2.503			Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				6	4->6	A2.503			Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				2	10->12	A1.303	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				6	4->6	A1.501			Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
###	DC3QM64	3	Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N02)/74DCQT22	4	1->4	A2.503	18/08/25	07/09/25	Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
				5	3->6	A2.502			Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
				3	1->3	A1.203	08/09/25	19/10/25	Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
				4	1->3	A1.401			Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
###	DC3QM64	3	Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N03)/74DCQT23	5	9->12	A2.502	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Thanh Xuân (BMKT1009)	
				6	1->4	A2.502			Trần Thị Thanh Xuân (BMKT1009)	
				5	7->12	C3.204	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Thanh Xuân (BMKT1009)	
###	DC3QM64	3	Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N06)/74DCQM21	2	1->3	A1.202	18/08/25	07/09/25	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				3	10->12	A1.202			Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				6	3->4	A2.504			Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				2	1->3	A1.202	08/09/25	19/10/25	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				3	10->12	A1.202			Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
###	DC3QM64	3	Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N07)/74DCQM22	2	7->8	A1.503	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	
				3	7->9	A1.201			Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	
				4	7->9	A2.504			Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	
				2	7->9	A1.201	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	
###	DC3QM64	3	Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N08)/74DCQM23	4	7->9	A1.402			Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	
				3	4->6	A1.203	18/08/25	07/09/25	Nhữ Thuỷ Liên (KVQT3008)	
				4	4->6	A1.201			Nhữ Thuỷ Liên (KVQT3008)	
				6	9->10	A2.502			Nhữ Thuỷ Liên (KVQT3008)	
				3	4->6	A1.504	08/09/25	19/10/25	Nhữ Thuỷ Liên (KVQT3008)	
###	DC3QM64	3	Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N09)/74DCQM24	4	4->6	A1.201			Nhữ Thuỷ Liên (KVQT3008)	
				3	1->3	A1.202	18/08/25	07/09/25	Nhữ Thuỷ Liên (KVQT3008)	
				4	1->3	A2.504			Nhữ Thuỷ Liên (KVQT3008)	
				6	11->12	A2.504			Nhữ Thuỷ Liên (KVQT3008)	
				3	1->3	A1.304	08/09/25	19/10/25	Nhữ Thuỷ Liên (KVQT3008)	
###	DC3QM64	3	Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N10)/74DCTD21	4	1->3	A1.104			Nhữ Thuỷ Liên (KVQT3008)	
				2	7->9	A2.503	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				4	7->9	A2.502			Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				6	1->2	A2.404			Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				2	7->9	A1.104	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
###	DC3QM64	3	Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N11)/74DCTD22	6	1->3	A1.302			Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				3	9->12	C3.101	18/08/25	07/09/25	Nhữ Thuỷ Liên (KVQT3008)	Trần Thị Mai Đan (QTQV3023)
				4	7->10	A3.401			Nhữ Thuỷ Liên (KVQT3008)	Trần Thị Mai Đan (QTQV3023)
###	DC3QM64	3	Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N12)/74DCTD23	4	7->12	A3.401	08/09/25	19/10/25	Nhữ Thuỷ Liên (KVQT3008)	Trần Thị Mai Đan (QTQV3023)
				5	7->8	C2.102	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Thanh Xuân (BMKT1009)	
				6	7->12	C2.102			Trần Thị Thanh Xuân (BMKT1009)	

###	DC3EC21	3	Quản trị tác nghiệp thương mại-1-1-25(N01)/74DCTD21	5	1->6	C3.201	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Thanh Xuân (BMKT1009)	
				2	1->6	A1.202	03/11/25	23/11/25	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				2	1->3	A1.202	24/11/25	14/12/25	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				5	1->3	A1.201			Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				2	5->6	A1.202	15/12/25	04/01/26	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				5	1->2	A1.201			Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
###	DC3EC21	3	Quản trị tác nghiệp thương mại-1-1-25(N02)/74DCTD22	6	3->6	A3.402			Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				2	7->9	C3.101	03/11/25	14/12/25	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				5	7->9	C3.101			Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				2	7->8	C3.101	15/12/25	04/01/26	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				4	3->6	C3.101			Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				5	7->8	C3.101			Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
###	DC3EC21	3	Quản trị tác nghiệp thương mại-1-1-25(N03)/74DCTD23	2	11->12	C3.202	03/11/25	14/12/25	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				4	1->4	C3.202			Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				2	11->12	C3.202	15/12/25	04/01/26	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				3	3->6	C3.102			Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				4	1->2	C3.202			Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
###	DC3CM30	2	Robot công nghiệp-1-1-25(N01)/74DCCM21	3	7->9	A3.202	03/11/25	14/12/25	Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				3	7->10	A3.202	15/12/25	04/01/26	Lương Việt Trung (TTCN3010)	
###	DC3CM30	2	Robot công nghiệp-1-1-25(N02)/74DCCM22	3	10->12	A3.202	03/11/25	14/12/25	Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
				3	3->6	A3.202	15/12/25	04/01/26	Tiền Văn Mạnh (TTCN3012)	
###	DC2MO53	2	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm-1-1-25(N01)/74DCMN21	2	11->12	A3.304	18/08/25	30/11/25	Phạm Thương Giang (CBLH3017)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N01)/75DCOT21	2	1->3	A3.407	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				4	1->3	A2.203			Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				6	4->6	A3.407			Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				2	1->3	A3.407	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				4	7->11	A3.405			Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N02)/75DCOT22	2	4->6	A3.407	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				4	7->9	A3.404			Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				5	7->9	A3.407			Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				2	4->6	A3.407	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				4	7->11	A3.404			Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N03)/75DCOT23	2	7->9	A3.407	18/08/25	07/09/25	Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				4	3->5	A3.405			Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				5	1->3	A1.402			Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				2	7->9	A3.407	08/09/25	19/10/25	Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				4	4->6	A3.405			Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				5	1->2	A1.402			Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N04)/75DCOT24	3	10->12	A3.407	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				4	11->12	A3.403			Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				5	3->6	A3.405			Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				5	3->6	A3.405	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				6	7->10	A3.405			Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N05)/75DCOT25	3	7->9	A3.405	18/08/25	07/09/25	Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
				4	3->6	A3.404			Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
				6	1->2	A3.407			Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
				4	4->6	A3.404	08/09/25	19/10/25	Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
				6	1->5	A3.407			Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N06)/75DCOT26_75DCOG22	3	7->9	C3.206	18/08/25	07/09/25	Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				4	10->12	C3.202			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				6	7->9	C3.102			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				3	7->9	C3.206			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	

				4	10->12	C3.202	08/09/25	19/10/25	Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				5	7->8	A3.201			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N07)/75DCOG21	4	2->6	A1.304	18/08/25	07/09/25	Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				5	7->10	A3.405			Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				4	2->6	A1.304	08/09/25	19/10/25	Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				5	7->9	A3.405			Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
###	DC2CO35	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N08)/75DCDD21	2	3->6	A6.102	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Tiến Thế (CSKT3018)	
				5	3->6	A3.203			Nguyễn Tiến Thế (CSKT3018)	
				2	3->6	A6.102	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Tiến Thế (CSKT3018)	
				4	2->6	C3.103			Nguyễn Tiến Thế (CSKT3018)	
###	DC2CO35	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N09)/75DCDD22	3	3->6	A6.102	03/11/25	23/11/25	Lê Văn Kiên (CSKT3014)	
				5	3->6	C3.201			Lê Văn Kiên (CSKT3014)	
				3	3->6	A6.102	24/11/25	14/12/25	Lê Văn Kiên (CSKT3014)	
				5	3->6	C3.201			Lê Văn Kiên (CSKT3014)	
				3	1->4	C3.204	15/12/25	04/01/26	Lê Văn Kiên (CSKT3014)	
				5	2->6	C3.201			Lê Văn Kiên (CSKT3014)	
###	DC2CO35	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N10)/75DCXQ21	2	5->6	A1.404	03/11/25	23/11/25	Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				3	5->6	A3.202			Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				6	3->6	A3.404			Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				2	5->6	A1.404	24/11/25	14/12/25	Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				3	5->6	A1.301			Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				6	3->6	A3.404			Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				2	5->6	A1.404	15/12/25	04/01/26	Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				3	5->6	A1.301			Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				6	2->6	A3.404			Đoàn Lan Phương (CSKT3006)	
				2	5->6	A5.303			Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
###	DC2CO35	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N11)/75DCXQ22	5	7->9	A3.202	03/11/25	09/11/25	Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				6	1->3	A3.202			Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				2	5->6	A5.303	10/11/25	16/11/25	Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				5	7->9	A3.202			Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				6	1->3	A3.202			Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				2	5->6	A5.303	17/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				5	7->9	A3.202			Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				6	1->3	A3.202	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				2	5->6	C3.201			Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				5	7->10	A3.202			Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				6	2->3	A3.407			Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				2	5->6	A3.403	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				3	7->11	A3.204			Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				6	1->2	A2.104			Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				3	7->10	A1.202	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				5	7->8	A1.203			Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
###	DC2CO35	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N12)/75DCKN21	6	7->8	A1.203	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				3	7->11	A1.202			Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				5	7->8	A1.203			Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				6	7->8	A1.203			Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
###	DC2CO35	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N13)/75DCKN22	3	3->6	A1.203	03/11/25	14/12/25	Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
				6	3->6	A1.203			Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
				3	1->4	A1.203	15/12/25	04/01/26	Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
				6	2->6	A1.502			Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
###	DC2CO35	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N14)/75DCKN23	3	7->10	A1.303	03/11/25	14/12/25	Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				4	3->6	A1.303			Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				3	7->10	A1.303	15/12/25	04/01/26	Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				4	2->6	A1.303			Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				4	9->12	A1.303	03/11/25	14/12/25	Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	

###	DC2CO35	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N15)/75DCKN24	6	3->6	A1.302	03/11/25	04/01/26	Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				4	9->12	A1.303			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				6	2->6	A1.302			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N16)/75DCCN21	2	7->8	A3.401	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Tiến Thế (CSKT3018)	
				4	4->6	A3.401			Nguyễn Tiến Thế (CSKT3018)	
				5	7->10	A3.401			Nguyễn Tiến Thế (CSKT3018)	
				2	7->8	A3.401	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Tiến Thế (CSKT3018)	
				5	7->12	A3.401			Nguyễn Tiến Thế (CSKT3018)	
				2	7->9	A3.308			Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N17)/75DCCN22	3	4->6	A3.401	03/11/25	23/11/25	Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				4	7->9	A3.308			Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				3	3->6	A3.401			Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				4	9->12	A3.308	24/11/25	04/01/26	Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				2	10->12	C3.102			Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				3	1->3	A3.308			Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N18)/75DCCN23	4	10->12	C3.106	03/11/25	23/11/25	Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				2	7->10	C3.102			Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				3	13->14	A3.308			Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				6	1->2	A6.202	24/11/25	04/01/26	Đồng Thanh Hường (CSKT3015)	
				5	2->5	VA1.201			Trương Thị Huệ (CSKT2004)	
				6	1->4	VA1.201			Trương Thị Huệ (CSKT2004)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N19)/75DCOT11	5	2->6	VA1.201	29/09/25	19/10/25	Trương Thị Huệ (CSKT2004)	
				6	1->4	VA1.201			Trương Thị Huệ (CSKT2004)	
				2	7->10	VA1.201	18/08/25	28/09/25	Trương Thị Huệ (CSKT2004)	
				5	7->10	VA1.201			Trương Thị Huệ (CSKT2004)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N20)/75DCOT12	2	7->11	VA1.201	29/09/25	19/10/25	Trương Thị Huệ (CSKT2004)	
				5	7->10	VA1.201			Trương Thị Huệ (CSKT2004)	
				2	8->10	A1.101	03/11/25	23/11/25	Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				3	7->9	A1.404			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				6	8->9	A1.202			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				2	8->10	A1.101	24/11/25	14/12/25	Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N21)/75DCKK21	4	4->6	A3.308			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				6	8->9	A1.202			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				2	7->10	A1.101	15/12/25	04/01/26	Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				4	5->6	A3.308			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				6	7->9	A1.202			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N22)/75DCKK22	3	7->11	A1.203	03/11/25	14/12/25	Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
				4	1->3	A1.502			Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
				3	7->10	A3.303			Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
				5	7->11	C3.204	15/12/25	04/01/26	Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
				2	4->6	A3.404			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N23)/75DCKK23	5	9->11	A2.104	03/11/25	23/11/25	Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				6	10->11	A3.404			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				2	4->6	A3.404			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				5	9->11	A2.104	24/11/25	14/12/25	Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				6	10->11	A3.403			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				2	4->6	A3.404			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				5	9->12	A2.104	15/12/25	04/01/26	Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				6	11->12	A3.407			Bùi Tiến Tú (CSKT3017)	
				5	3->6	A6.101	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				6	3->6	A3.302			Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N24)/75DCKK24	5	3->6	A6.101	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				6	3->6	A3.302			Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				5	3->6	A1.101	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	

###	DC2CO26	4	Sức bền vật liệu-1-1-25(N25)/75DCCK25	6	2->6	A3.302	03/11/25	07/01/26	Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				2	1->4	A2.104	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				5	3->6	A2.104			Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				2	1->4	A2.104	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				5	3->6	A2.104			Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				2	1->4	A2.104	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
				5	2->6	A2.104			Nguyễn Thị Giang (CSKT3003)	
###	DC1KN20	2	Sử dụng năng lượng hiệu quả trong công trình-1-1-25(N01)/74DCKN21	6	7->9	A1.201	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Phương (CTMT3012)	
				6	7->10	A1.201	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thị Phương (CTMT3012)	
###	DC1KN20	2	Sử dụng năng lượng hiệu quả trong công trình-1-1-25(N02)/74DCKN22	3	7->9	A1.101	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Phương (CTMT3012)	
				3	7->10	A1.101	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thị Phương (CTMT3012)	
###	DC1KN20	2	Sử dụng năng lượng hiệu quả trong công trình-1-1-25(N03)/74DCKN23	3	10->12	A1.101	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Phương (CTMT3012)	
				3	3->6	A1.504	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thị Phương (CTMT3012)	
###	DC3TN40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N01)/74DCTN21	3	2->4	A3.405	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Anh Tuấn (KVTN3010)	
				3	1->4	A3.405	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Anh Tuấn (KVTN3010)	
###	DC3TN40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N02)/74DCTN22	3	10->12	A3.405	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Anh Tuấn (KVTN3010)	
				6	7->10	A3.405	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Anh Tuấn (KVTN3010)	
###	DC3TN40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N03)/74DCTN23	6	4->6	A3.405	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Anh Tuấn (KVTN3010)	
				6	3->6	A3.405	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Anh Tuấn (KVTN3010)	
###	DC3TN40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N04)/74DCTN24	5	10->12	A1.401	03/11/25	14/12/25	Vũ Thị Ánh Huyền (KVTN3012)	
				3	5->6	A1.201	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Ánh Huyền (KVTN3012)	
				6	1->2	A3.407			Vũ Thị Ánh Huyền (KVTN3012)	
###	DC3VL40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N05)/74DCVL21	5	4->6	A1.104	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thanh Vân (KVSB3014)	
				4	7->10	A1.104	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Vân (KVSB3014)	
###	DC3VL40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N06)/74DCVL22	5	10->12	C3.102	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
				5	9->12	C3.102	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
###	DC3VL40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N07)/74DCVL23	3	7->9	A1.104	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
				3	9->12	A1.104	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
###	DC3VL40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N08)/74DCVL24	5	7->9	A3.407	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Dung (KVSB3008)	
				3	11->12	A1.201	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Dung (KVSB3008)	
				5	7->8	A3.407			Nguyễn Thị Dung (KVSB3008)	
###	DC3VL40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N09)/74DCVL25	3	10->12	A1.201	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
				3	7->8	A1.103	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
				5	7->8	A1.103			Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
###	DC3VL40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N10)/74DCVL26	3	4->6	A1.304	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
				2	5->6	A1.104	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
				4	11->12	A3.407			Nguyễn Thị Thu Hương (KVSB3010)	
###	DC3VL40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N11)/74DCVL27	4	7->9	A1.402	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Dung (KVSB3008)	
				5	9->12	A3.404	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Dung (KVSB3008)	
###	DC3VL40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N12)/74DCLG21	2	4->6	A1.204	03/11/25	14/12/25	Dương Thị Thu Hương (KVSB3006)	
				2	3->6	A1.204	15/12/25	04/01/26	Dương Thị Thu Hương (KVSB3006)	
###	DC3VL40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N13)/74DCLG22	3	4->6	A3.302	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Dung (KVSB3008)	
				3	3->6	A3.302	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Dung (KVSB3008)	
###	DC3VL40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N14)/74DCLG23	2	1->3	A1.501	03/11/25	14/12/25	Dương Thị Thu Hương (KVSB3006)	
				4	1->4	A1.203	15/12/25	04/01/26	Dương Thị Thu Hương (KVSB3006)	
###	DC3VL40	2	Thanh toán quốc tế-1-1-25(N15)/74DCLG24	5	4->6	A1.202	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Dung (KVSB3008)	
				3	7->10	A1.203	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Dung (KVSB3008)	
###	DC3TQ21	3	Thiết kế cầu-1-1-25(N01)/74DCTQ21	2	9->10	A1.101	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Tiến Hưng (CTCA3010)	
				3	10->12	A2.503			Nguyễn Tiến Hưng (CTCA3010)	
				2	9->10	A1.101	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Tiến Hưng (CTCA3010)	
				3	10->12	A3.405			Nguyễn Tiến Hưng (CTCA3010)	

###	DC3CH24	2	Thiết kế giao thông thông minh-1-1-25(N01)/73DCCH21	5	11->12	C3.101	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				5	11->12	C3.101	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				5	11->12	A1.403	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
###	DC3XQ21	3	Thiết kế hệ thống cấp thoát nước đô thị-1-1-25(N01)/74DCXQ21	6	2->6	A1.101	18/08/25	19/10/25	Cao Văn Đoàn (CTCV2001)	
###	DC3LH14	3	Thiết kế mạng lưới hạ tầng Logistics-1-1-25(N01)/74DCLH21	4	2->6	C3.105	03/11/25	04/01/26	Trương Thị Mỹ Thanh (KVXK3008)	
###	DC3LH14	3	Thiết kế mạng lưới hạ tầng Logistics-1-1-25(N02)/74DCLH22	2	7->8	A1.404	03/11/25	04/01/26	Trương Thị Mỹ Thanh (KVXK3008)	
				4	7->9	A1.404			Trương Thị Mỹ Thanh (KVXK3008)	
###	DC3CH29	4	Thiết kế nút giao thông trong đô thị-1-1-25(N01)/73DCCH21	2	2->4	A2.403	18/08/25	07/09/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
				2	2->4	A6.502	08/09/25	02/11/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
				2	2->4	A1.302	03/11/25	30/11/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
###	DC3KN22	3	Thiết kế nội thất công trình nhà ở-1-1-25(N01)/74DCKN21	4	2->6	A1.201	03/11/25	04/01/26	Trần Thu Huyền (CTDD4004)	
###	DC3KN22	3	Thiết kế nội thất công trình nhà ở-1-1-25(N02)/74DCKN22	4	8->9	A1.101	03/11/25	04/01/26	Lê Ngọc Lan (CTDD3014)	
				6	9->11	A1.101			Lê Ngọc Lan (CTDD3014)	
###	DC3KN22	3	Thiết kế nội thất công trình nhà ở-1-1-25(N03)/74DCKN23	5	7->11	A1.104	03/11/25	04/01/26	Trần Thu Huyền (CTDD4004)	
###	DC3KN23	3	Thiết kế nội thất công trình thương mại và dịch vụ-1-1-25(N01)/74DCKN21	3	2->6	A1.104	03/11/25	14/12/25	Mai Huyền Sâm (CTDD4003)	
				3	2->6	A1.104	15/12/25	04/01/26	Mai Huyền Sâm (CTDD4003)	
###	DC3KN23	3	Thiết kế nội thất công trình thương mại và dịch vụ-1-1-25(N02)/74DCKN22	5	7->11	A1.101	03/11/25	04/01/26	Ngô Thanh Lan (CTDD2002)	
###	DC3KN23	3	Thiết kế nội thất công trình thương mại và dịch vụ-1-1-25(N03)/74DCKN23	2	2->6	A1.101	03/11/25	14/12/25	Mai Huyền Sâm (CTDD4003)	
				2	2->6	A1.101	15/12/25	04/01/26	Mai Huyền Sâm (CTDD4003)	
###	DC3CN25	2	Thiết kế và mô phỏng hệ thống cơ điện tử-1-1-25(N01)/73DCCN21	2	10->12	A1.504	18/08/25	19/10/25	Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				5	10->11	A1.204			Lương Việt Trung (TTCN3010)	
###	DC3CN25	2	Thiết kế và mô phỏng hệ thống cơ điện tử-1-1-25(N02)/73DCCN22	2	7->9	A3.402	18/08/25	19/10/25	Lương Việt Trung (TTCN3010)	
				5	7->8	A5.302			Lương Việt Trung (TTCN3010)	
###	DC3CN25	2	Thiết kế và mô phỏng hệ thống cơ điện tử-1-1-25(N03)/73DCCN23	4	2->6	C3.106	18/08/25	19/10/25	Võ Thanh Được (CBLY4000)	
###	DC3XQ23	3	Thiết kế đường và giao thông đô thị-1-1-25(N01)/74DCXQ21	2	5->6	A1.101	18/08/25	19/10/25	Hoàng Nguyễn Đức Chí (CTDK3007)	
				5	10->12	C3.103			Hoàng Nguyễn Đức Chí (CTDK3007)	
###	DC3DB80	3	Thiết kế đường ô tô 1-1-1-25(N01)/74DCCD21	5	7->11	A3.406	03/11/25	04/01/26	Phạm Thanh Hiếu (CTDB3005)	
###	DC3DB80	3	Thiết kế đường ô tô 1-1-1-25(N02)/74DCCD22	5	2->6	A3.406	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Minh Khoa (CTDB3002)	
###	DC3DB80	0	Thiết kế đường ô tô 1-1-1-25(N03)/74DCCD11	2	11->12	VA1.203	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Tuyền Tâm (CTDB2006)	
				5	7->9	VA1.203			Nguyễn Tuyền Tâm (CTDB2006)	
###	DC3TQ20	3	Thiết kế đường ô tô 1-1-1-25(N01)/74DCTQ21	4	7->11	A2.501	18/08/25	07/09/25	Phạm Thanh Hiếu (CTDB3005)	
				4	7->11	A3.303	08/09/25	19/10/25	Phạm Thanh Hiếu (CTDB3005)	
###	DC3TN49	3	Thuế-1-1-25(N01)/74DCTN24	5	2->6	A5.303	18/08/25	19/10/25	Lê Xuân Ngọc (KVTN3001)	
###	DC3TN49	3	Thuế-1-1-25(N02)/74DCTN23	6	7->11	A3.401	18/08/25	19/10/25	Vũ Thị Ánh Huyền (KVTN3012)	
###	DC3TN49	3	Thuế-1-1-25(N03)/74DCTN22	5	7->11	A3.402	18/08/25	19/10/25	Vũ Thị Ánh Huyền (KVTN3012)	
###	DC3TN49	3	Thuế-1-1-25(N04)/74DCTN21	6	2->6	A1.202	18/08/25	19/10/25	Lê Xuân Ngọc (KVTN3001)	
###	DC3DT85	2	Thông tin quang-1-1-25(N01)/73DCDT21	3	4->5	A6.502	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Thủy (BMCS1007)	
				3	4->5	A6.502	08/09/25	02/11/25	Bùi Thị Thủy (BMCS1007)	
				3	4->5	C3.204	03/11/25	30/11/25	Bùi Thị Thủy (BMCS1007)	
###	DC3DT85	2	Thông tin quang-1-1-25(N02)/73DCDT22	3	2->3	A3.203	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Thủy (BMCS1007)	
				3	2->3	A3.203	08/09/25	02/11/25	Bùi Thị Thủy (BMCS1007)	
				3	2->3	C3.206	03/11/25	30/11/25	Bùi Thị Thủy (BMCS1007)	
###	DC3DT85	2	Thông tin quang-1-1-25(N03)/73DCDT23	6	3->4	A6.502	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
				6	3->4	A6.502	08/09/25	02/11/25	Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
				6	1->2	A1.404	03/11/25	30/11/25	Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
###	DC3DT71	3	Thông tin số-1-1-25(N01)/74DCDT21	3	11->12	C3.105	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)	
				4	10->12	C3.105			Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)	
###	DC3DT71	3	Thông tin số-1-1-25(N02)/74DCDT22	3	5->6	C3.202	03/11/25	04/01/26	Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
				4	7->9	C3.202			Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
###	DC3DT71	3	Thông tin số-1-1-25(N03)/74DCDT23	3	7->11	C3.202	03/11/25	23/11/25	Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
				3	7->11	C3.202	24/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	

			3	7->11	C3.202	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
###	DC3DT71	3	Thông tin số-1-1-25(N04)/74DCDT24	4	7->9	A1.501	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)
				6	7->8	A1.501		04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)
###	DC3DM70	2	Thông tin tín hiệu đường sắt-1-1-25(N01)/74DCDM21	2	1->2	A5.302	18/08/25	07/09/25	Trần Văn Hiếu (CKDM3004)
				3	1->2	A5.302		07/09/25	Trần Văn Hiếu (CKDM3004)
				3	1->3	A5.302	08/09/25	19/10/25	Trần Văn Hiếu (CKDM3004)
###	DC3VL41	2	Thương mại quốc tế-1-1-25(N01)/74DCVL21	2	10->12	A1.104	03/11/25	14/12/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)
				2	11->12	A1.104	15/12/25	04/01/26	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)
				4	11->12	A1.104		04/01/26	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)
###	DC3VL41	2	Thương mại quốc tế-1-1-25(N02)/74DCVL22	3	4->6	C3.201	03/11/25	14/12/25	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)
				4	5->6	C3.102	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)
				5	7->8	C3.102		04/01/26	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)
###	DC3VL41	2	Thương mại quốc tế-1-1-25(N03)/74DCVL23	2	7->9	A1.103	03/11/25	14/12/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)
				2	7->10	A1.103	15/12/25	04/01/26	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)
###	DC3VL41	2	Thương mại quốc tế-1-1-25(N04)/74DCVL24	4	4->6	A3.304	03/11/25	14/12/25	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)
###	DC3VL41	2	Thương mại quốc tế-1-1-25(N05)/74DCVL25	3	7->10	A1.201	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)
				3	7->9	A1.201	03/11/25	14/12/25	Trần Thị Lan Hương (KVK3012)
###	DC3VL41	2	Thương mại quốc tế-1-1-25(N05)/74DCVL25	3	9->12	A1.103	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Lan Hương (KVK3012)
				2	1->3	A1.104	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)
###	DC3VL41	2	Thương mại quốc tế-1-1-25(N06)/74DCVL26	2	1->4	A1.104	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)
				2	4->6	A1.402	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)
###	DC3VL41	2	Thương mại quốc tế-1-1-25(N07)/74DCVL27	4	9->12	A3.404	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Quỳnh Nga (KVS3030)
				3	5->6	A1.102 (DK)	18/08/25	02/11/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)
###	DC3VL41	2	Thương mại quốc tế-1-1-25(N08)/75DKLG21	6	5->6	A1.102 (DK)	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)
###	DC2TT24	3	Thương mại điện tử-1-1-25(N01)/74DCTT21	5	7->11	C3.201	18/08/25	19/10/25	Mạc Văn Quang (TTCS4006)
###	DC2TT24	3	Thương mại điện tử-1-1-25(N02)/74DCTT22	6	2->6	A3.202	18/08/25	19/10/25	Mạc Văn Quang (TTCS4006)
###	DC2TT24	3	Thương mại điện tử-1-1-25(N03)/74DCTT23	5	2->6	A5.302	18/08/25	19/10/25	Mạc Văn Quang (TTCS4006)
###	DC2TT24	3	Thương mại điện tử-1-1-25(N04)/74DCTT24	3	1->3	A2.401	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)
				4	1->2	A3.401		07/09/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)
				3	10->12	A6.502	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)
				4	1->2	A3.401		19/10/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)
###	DC2TT24	3	Thương mại điện tử-1-1-25(N05)/74DCTT25	3	2->6	C3.203	18/08/25	07/09/25	Mạc Văn Quang (TTCS4006)
				3	2->6	C3.203	08/09/25	19/10/25	Mạc Văn Quang (TTCS4006)
###	DC2TT24	3	Thương mại điện tử-1-1-25(N06)/74DCTT26	5	2->6	A3.401	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Đình Nga (TTUD3006)
###	DC2TT24	3	Thương mại điện tử-1-1-25(N07)/74DCTT27	2	2->6	A1.103	18/08/25	19/10/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)
###	DC2TT24	3	Thương mại điện tử-1-1-25(N08)/74DCTT28	4	7->11	A1.101	18/08/25	19/10/25	Lê Thanh Tấn (TTCS3006)
###	DC2KV90	2	Thương mại điện tử-1-1-25(N09)/74DCHQ21	5	8->10	C3.206	03/11/25	23/11/25	Hoàng Tú Uyên (KVVP2003)
				6	7->9	A1.502	24/11/25	14/12/25	Hoàng Tú Uyên (KVVP2003)
				5	7->10	A3.202	15/12/25	04/01/26	Hoàng Tú Uyên (KVVP2003)
###	DC2KV90	2	Thương mại điện tử-1-1-25(N10)/74DCHQ22	5	2->4	C3.205	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Khánh Ngọc (KVQT3020)
				5	1->4	C3.205	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Khánh Ngọc (KVQT3020)
###	DC2KV90	2	Thương mại điện tử-1-1-25(N11)/75DCQT21	3	10->11	A3.303	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Khánh Ngọc (KVQT3020)
				4	10->11	A5.303		07/09/25	Nguyễn Thị Khánh Ngọc (KVQT3020)
				4	10->12	A5.303	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Khánh Ngọc (KVQT3020)
###	DC2KV90	2	Thương mại điện tử-1-1-25(N12)/75DCQT22	3	7->10	A2.203	18/08/25	07/09/25	Hoàng Tú Uyên (KVVP2003)
				3	1->3	A3.204	08/09/25	19/10/25	Hoàng Tú Uyên (KVVP2003)
###	DC2KV90	2	Thương mại điện tử-1-1-25(N13)/75DCQT23	3	3->6	A1.201	18/08/25	07/09/25	Hoàng Tú Uyên (KVVP2003)
				3	4->6	A1.201	08/09/25	19/10/25	Hoàng Tú Uyên (KVVP2003)

###	DC2TT24	3	Thương mại điện tử-1-1-25(N14)/74DCTT11	2	7->9	VA1.204	18/08/25	19/10/25	Phan Như Minh (TTCS2003)	
				3	8->9	VA1.204			Phan Như Minh (TTCS2003)	
###	DC3TG21	3	Thị giác máy tính-1-1-25(N01)/74DCTG21	2	9->12	C3.104	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thúy Hiền (CTDB3022)	
				3	4->6	C3.205			Nguyễn Thị Thúy Hiền (CTDB3022)	
				2	9->11	C3.104	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thúy Hiền (CTDB3022)	
				3	4->6	C3.205			Nguyễn Thị Thúy Hiền (CTDB3022)	
###	DC3TG21	3	Thị giác máy tính-1-1-25(N02)/74DCTG22	3	3->6	C3.104	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Thu Hiền (BMCT1003)	
				5	7->9	C3.104			Hoàng Thị Thu Hiền (BMCT1003)	
				3	3->6	C3.104	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thị Thu Hiền (BMCT1003)	
				5	7->8	C3.104			Hoàng Thị Thu Hiền (BMCT1003)	
###	DC2KV92	2	Thị trường chứng khoán-1-1-25(N01)/74DCTN21	4	4->6	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Cù Thị Hiền (KTHI3012)	
				4	7->10	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Cù Thị Hiền (KTHI3012)	
###	DC2KV92	2	Thị trường chứng khoán-1-1-25(N02)/74DCTN22	2	3->5	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Bích Ngọc (KVTN3005)	
				2	3->6	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Bích Ngọc (KVTN3005)	
###	DC2KV92	2	Thị trường chứng khoán-1-1-25(N03)/74DCTN23	2	4->6	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Cù Thị Hiền (KTHI3012)	
				2	9->12	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Cù Thị Hiền (KTHI3012)	
###	DC2KV92	2	Thị trường chứng khoán-1-1-25(N04)/74DCTN24	4	7->9	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Cù Thị Hiền (KTHI3012)	
				4	3->6	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Cù Thị Hiền (KTHI3012)	
###	DC3KV37	2	Thống kê doanh nghiệp-1-1-25(N01)/74DCLG21	2	1->3	A1.204	03/11/25	14/12/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				5	1->4	A1.203	15/12/25	04/01/26	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
###	DC3KV37	2	Thống kê doanh nghiệp-1-1-25(N02)/74DCLG22	3	1->3	A3.302	03/11/25	14/12/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				3	1->2	A3.302			Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				4	11->12	A2.302	15/12/25	04/01/26	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
###	DC3KV37	2	Thống kê doanh nghiệp-1-1-25(N03)/74DCLG23	2	4->6	A1.501	03/11/25	14/12/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				2	3->6	A1.501	15/12/25	04/01/26	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
###	DC3KV37	2	Thống kê doanh nghiệp-1-1-25(N04)/74DCLG24	4	10->12	A1.203	03/11/25	14/12/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				4	7->10	A1.203	15/12/25	04/01/26	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
###	DC3KV31	2	Thống kê kinh doanh-1-1-25(N01)/74DCTD21	6	3->6	A2.404	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thơm (BMKT1003)	
				6	4->6	A1.302	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thơm (BMKT1003)	
###	DC3KV31	2	Thống kê kinh doanh-1-1-25(N02)/74DCTD22	6	7->10	C3.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thơm (BMKT1003)	
				6	7->9	C3.201	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thơm (BMKT1003)	
###	DC3KV31	2	Thống kê kinh doanh-1-1-25(N03)/74DCTD23	5	9->12	C2.102	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thơm (BMKT1003)	
				6	1->3	C3.106	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thơm (BMKT1003)	
###	DC3KV31	2	Thống kê kinh doanh-1-1-25(N04)/74DCKT22	4	10->12	A1.502	03/11/25	14/12/25	Lê Thu Hiền (KVVP3003)	
				2	3->6	A3.203	15/12/25	04/01/26	Lê Thu Hiền (KVVP3003)	
###	DC3KV31	2	Thống kê kinh doanh-1-1-25(N05)/74DCKT21	2	10->12	A1.501	03/11/25	14/12/25	Phạm Công Giang (KVSB3009)	
				2	11->12	A1.501	15/12/25	04/01/26	Phạm Công Giang (KVSB3009)	
				6	7->8	C3.205			Phạm Công Giang (KVSB3009)	
###	DC3KV31	2	Thống kê kinh doanh-1-1-25(N06)/74DCKT23	6	4->6	A3.201	03/11/25	14/12/25	Lê Thu Hiền (KVVP3003)	
				6	3->6	A3.201	15/12/25	04/01/26	Lê Thu Hiền (KVVP3003)	
###	DC3KV31	2	Thống kê kinh doanh-1-1-25(N07)/74DCKT24	5	1->3	A1.201	03/11/25	23/11/25	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	Nguyễn Thị Thu Hiền (KVVP3009)
				5	7->9	A1.502	24/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	Nguyễn Thị Thu Hiền (KVVP3009)
				2	7->10	A1.502	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	Nguyễn Thị Thu Hiền (KVVP3009)
###	DC3KV31	2	Thống kê kinh doanh-1-1-25(N08)/74DCKT25	3	4->6	A1.302	03/11/25	14/12/25	Lê Thu Hiền (KVVP3003)	
				3	3->6	A1.302	15/12/25	04/01/26	Lê Thu Hiền (KVVP3003)	
###	DC3KV31	2	Thống kê kinh doanh-1-1-25(N09)/74DCKT26	5	4->6	A2.201	03/11/25	14/12/25	Lê Thu Hiền (KVVP3003)	
				5	3->6	A2.201	15/12/25	04/01/26	Lê Thu Hiền (KVVP3003)	
###	DC3KV31	2	Thống kê kinh doanh-1-1-25(N10)/74DCKT27	3	7->9	A3.304	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	Nguyễn Thị Thu Hiền (KVVP3009)
				3	7->10	A3.304	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	Nguyễn Thị Thu Hiền (KVVP3009)

###	DC3KV31	2	Tổng kê kinh doanh-1-1-25(N11)/74DCKT11	5	7->8	VA1.402	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
				5	9->10	VA1.402			Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
				5	7->9	VA1.402			Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
###	DC4MO20	2	Thực hành Quan trắc môi trường-1-1-25(N01)/74DCMN21	2	1->6		22/12/25	04/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4KT21	4	Thực hành nghiệp vụ kế toán 1-1-1-25(N01)/74DCKT21	2	2->6	A1.302	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thị Hồng Lê (KVVP3001)	
				3	2->6	A1.303			Hoàng Thị Hồng Lê (KVVP3001)	
				4	1->6	A3.303			Nguyễn Thị Thái An (KVKK3001)	
				2	3->6	A1.302	08/09/25	19/10/25	Hoàng Thị Hồng Lê (KVVP3001)	
				3	3->6	A1.303			Hoàng Thị Hồng Lê (KVVP3001)	
				4	3->6	A3.303			Nguyễn Thị Thái An (KVKK3001)	
###	DC4KT21	4	Thực hành nghiệp vụ kế toán 1-1-1-25(N02)/74DCKT22	2	2->6	A1.301	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thái An (KVKK3001)	
				3	2->6	A1.302			Nguyễn Thị Thái An (KVKK3001)	
				5	1->6	A3.303			Trần Thị Lan Hương (KVKK3012)	
				2	3->6	A1.301	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thái An (KVKK3001)	
				3	3->6	A1.302			Nguyễn Thị Thái An (KVKK3001)	
				5	3->6	A3.303			Trần Thị Lan Hương (KVKK3012)	
###	DC4KT21	4	Thực hành nghiệp vụ kế toán 1-1-1-25(N03)/74DCKT23	2	7->11	A1.403	18/08/25	07/09/25	Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				3	7->11	A1.401			Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				4	7->12	A3.304			Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
				2	7->10	A1.403	08/09/25	19/10/25	Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				3	7->10	A1.401			Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				4	7->10	A3.304			Hoàng Mai Chi (KVKK3019)	
###	DC4KT21	4	Thực hành nghiệp vụ kế toán 1-1-1-25(N04)/74DCKT24	4	2->6	A3.202	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thị Hồng Lê (KVVP3001)	
				5	2->6	A3.304			Hoàng Thị Hồng Lê (KVVP3001)	
				6	1->6	A3.403			Đặng Thị Huế (KVKK3002)	
				4	3->6	A3.202	08/09/25	19/10/25	Hoàng Thị Hồng Lê (KVVP3001)	
				5	3->6	A3.304			Hoàng Thị Hồng Lê (KVVP3001)	
				6	3->6	A3.403			Đặng Thị Huế (KVKK3002)	
###	DC4KT21	4	Thực hành nghiệp vụ kế toán 1-1-1-25(N05)/74DCKT25	4	7->11	A1.404	18/08/25	07/09/25	Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				5	7->11	A1.403			Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				6	1->6	A2.303			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
				4	7->10	A1.404	08/09/25	19/10/25	Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				5	7->10	A1.403			Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				6	3->6	C3.104			Nguyễn Thị Huyền Trang (KVKK2004)	
###	DC4KT21	4	Thực hành nghiệp vụ kế toán 1-1-1-25(N06)/74DCKT26	2	2->6	A3.303	18/08/25	07/09/25	Ngô Thị Hường (KVKK3007)	
				3	2->6	A3.202			Ngô Thị Hường (KVKK3007)	
				5	1->6	A1.404			Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
				2	3->6	A3.303	08/09/25	19/10/25	Ngô Thị Hường (KVKK3007)	
				3	3->6	A3.202			Ngô Thị Hường (KVKK3007)	
				5	3->6	A1.404			Vương Thị Bạch Tuyết (KVKK3005)	
###	DC4KT21	4	Thực hành nghiệp vụ kế toán 1-1-1-25(N07)/74DCKT27	2	7->11	A1.404	18/08/25	07/09/25	Chu Thị Bích Hạnh (KVKK3003)	
				5	7->11	A1.404			Chu Thị Bích Hạnh (KVKK3003)	
				6	7->12	A3.202			Chu Thị Thu Hằng (DTAO3006)	
				2	7->10	A1.404	08/09/25	19/10/25	Chu Thị Bích Hạnh (KVKK3003)	
				5	7->10	A1.404			Chu Thị Bích Hạnh (KVKK3003)	
				6	7->10	A3.202			Chu Thị Thu Hằng (DTAO3006)	
###	DC4KT21	4	Thực hành nghiệp vụ kế toán 1-1-1-25(N08)/74DCKT11	2	7->12	VA1.402	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Thủy (KVTN2001)	Đỗ Huyền Hương (KVKK3015)
				3	7->12	VA1.402			Nguyễn Thị Thu Thủy (KVTN2001)	Đỗ Huyền Hương (KVKK3015)
				4	8->11	VA1.402			Nguyễn Thị Thu Thủy (KVTN2001)	Đỗ Huyền Hương (KVKK3015)

				2	7->10	VA1.402	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Thủy (KVTN2001)	Đỗ Huyền Hương (KVKK3015)
				3	7->10	VA1.402			Nguyễn Thị Thu Thủy (KVTN2001)	Đỗ Huyền Hương (KVKK3015)
				4	7->10	VA1.402			Nguyễn Thị Thu Thủy (KVTN2001)	Đỗ Huyền Hương (KVKK3015)
###	DC4CK15	1	Thực hành thí nghiệm thủy - khí-1-1-25(N01)/73DCMX21	2	1->6		06/10/25	12/10/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4CT11	2	Thực hành trắc địa-1-1-25(N01)/74DCCH22	3	3->6	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Kiều Văn Cẩn (CTTL3007)	
				4	3->6	Phòng thực hành			Kiều Văn Cẩn (CTTL3007)	
				3	1->6	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Kiều Văn Cẩn (CTTL3007)	
###	DC4CT11	2	Thực hành trắc địa-1-1-25(N02)/74DCCH21	5	3->6	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Hoàng Văn Chung (CTTL3004)	
				6	3->6	Phòng thực hành			Hoàng Văn Chung (CTTL3004)	
				5	1->6	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Hoàng Văn Chung (CTTL3004)	
###	DC4CT11	2	Thực hành trắc địa-1-1-25(N03)/74DCCD21	4	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Hoàng Văn Chung (CTTL3004)	
				4	8->11	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Hoàng Văn Chung (CTTL3004)	
				4	3->6	Phòng thực hành			Hoàng Văn Chung (CTTL3004)	
###	DC4CT11	2	Thực hành trắc địa-1-1-25(N04)/74DCCD22	4	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Kiều Văn Cẩn (CTTL3007)	
				4	8->11	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Kiều Văn Cẩn (CTTL3007)	
				4	3->6	Phòng thực hành			Kiều Văn Cẩn (CTTL3007)	
###	DC4CT11	2	Thực hành trắc địa-1-1-25(N05)/74DCCD11	3	1->4	VA1.203	03/11/25	14/12/25	Vũ Ngọc Quang (CTTL2003)	
				6	1->3				Vũ Ngọc Quang (CTTL2003)	
				3	5->6		15/12/25	04/01/26	Vũ Ngọc Quang (CTTL2003)	
				3	1->4				Vũ Ngọc Quang (CTTL2003)	
###	DC4MX23	4	Thực tập Bảo dưỡng kỹ thuật và SC máy XD-1-1-25(N01)/73DCMX21	2	1->6		08/12/25	04/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4OT25	3	Thực tập Bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 2-1-1-25(N01)/73DCOT21	2	1->6		24/11/25	14/12/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4OT25	3	Thực tập Bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 2-1-1-25(N02)/73DCOT22	2	1->6		24/11/25	14/12/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
				2	1->6					

###	DC4OT25	3	Thực tập Bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 2-1-1-25(N03)/73DCOT23	3	1->6		24/11/25	14/12/25		
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4OT25	3	Thực tập Bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 2-1-1-25(N04)/73DCOT24	2	1->6		24/11/25	14/12/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
###	DC4OT25	3	Thực tập Bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 2-1-1-25(N05)/73DCOT25	6	1->6		24/11/25	14/12/25		
				2	1->6					
				3	1->6					
				4	1->6					
###	DC4OT25	3	Thực tập Bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 2-1-1-25(N06)/73DCOT26	5	1->6		24/11/25	14/12/25		
				6	1->6					
				2	1->6					
				3	1->6					
###	DC4OT25	3	Thực tập Bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 2-1-1-25(N07)/73DCOT27	4	1->6		24/11/25	14/12/25		
				5	1->6					
				6	1->6					
				2	1->6					
###	DC4OT25	3	Thực tập Bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 2-1-1-25(N08)/73DCOT28	3	1->6		24/11/25	14/12/25		
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4OT25	3	Thực tập Bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 2-1-1-25(N09)/73DCOT29	2	1->6		24/11/25	14/12/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
###	DC4OT25	3	Thực tập Bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 2-1-1-25(N10)/73DCOT11	6	1->6		24/11/25	14/12/25		
				2	7->11					
				2	1->5					
				3	1->5					
				5	1->5					
				5	7->11					
				6	7->11					
				6	1->5					
###	DC4CM31	4	Thực tập CAM và kiểm tra sản phẩm sau gia công-1-1-25(N01)/73DCCM21	7	1->5		20/10/25	16/11/25		
				7	7->11					
				2	2->6					
				2	8->12					
				3	2->6					
				4	2->6					
###	DC4CM31	4	Thực tập CAM và kiểm tra sản phẩm sau gia công-1-1-25(N02)/73DCCM22	5	2->6		20/10/25	16/11/25		
				6	2->6					
				2	8->12					
				2	2->6					
				3	2->6					
				3	8->12					
###	DC4TM23	3	Thực tập Chuyên ngành mạng máy tính và truyền thông dữ liệu-1-1-25(N01)/73DCTM21	4	2->6		24/11/25	14/12/25		
				4	8->12					
				2	1->6					
				3	1->6					

				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TM23	3	Thực tập Chuyên ngành mạng máy tính và truyền thông dữ liệu-1-1-25(N02)/73DCTM22	2	1->6	24/11/25	14/12/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TM23	3	Thực tập Chuyên ngành mạng máy tính và truyền thông dữ liệu-1-1-25(N03)/73DCTM23	2	1->6	24/11/25	14/12/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4CK24	4	Thực tập Chẩn đoán kỹ thuật máy xây dựng-1-1-25(N01)/73DCMX21	2	1->6	10/11/25	07/12/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4OT23	4	Thực tập Chẩn đoán và kiểm định kỹ thuật ô tô-1-1-25(N01)/73DCOT29	2	1->6	29/09/25	26/10/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4OT23	4	Thực tập Chẩn đoán và kiểm định kỹ thuật ô tô-1-1-25(N02)/73DCOT28	2	1->6	29/09/25	26/10/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4OT23	4	Thực tập Chẩn đoán và kiểm định kỹ thuật ô tô-1-1-25(N03)/73DCOT27	2	1->6	29/09/25	26/10/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4OT23	4	Thực tập Chẩn đoán và kiểm định kỹ thuật ô tô-1-1-25(N04)/73DCOT26	2	1->6	29/09/25	26/10/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4OT23	4	Thực tập Chẩn đoán và kiểm định kỹ thuật ô tô-1-1-25(N05)/73DCOT25	2	1->6	29/09/25	26/10/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4OT23	4	Thực tập Chẩn đoán và kiểm định kỹ thuật ô tô-1-1-25(N06)/73DCOT24	2	1->6	29/09/25	26/10/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4OT23	4	Thực tập Chẩn đoán và kiểm định kỹ thuật ô tô-1-1-25(N07)/73DCOT23	2	1->6	29/09/25	26/10/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4OT23	4	Thực tập Chẩn đoán và kiểm định kỹ thuật ô tô-1-1-25(N08)/73DCOT22	2	1->6	29/09/25	26/10/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
				2	1->6				

###	DC4OT23	4	Thực tập Chẩn đoán và kiểm định kỹ thuật ô tô-1-1-25(N09)/73DCOT21	3	1->6		29/09/25	26/10/25		
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4OT23	4	Thực tập Chẩn đoán và kiểm định kỹ thuật ô tô-1-1-25(N10)/73DCOT11	2	7->11		29/09/25	26/10/25		
				2	1->5					
				3	1->5					
				5	7->11					
				5	1->5					
				6	7->11					
				6	1->5					
				7	1->5					
###	DC4CM32	4	Thực tập Chế tạo khuôn mẫu-1-1-25(N01)/73DCCM21	7	7->11		17/11/25	14/12/25		
				2	2->6					
				3	2->6					
				3	8->12					
				4	2->6					
###	DC4CM32	4	Thực tập Chế tạo khuôn mẫu-1-1-25(N02)/73DCCM22	4	8->12		17/11/25	14/12/25		
				5	2->6					
				2	2->6					
				2	8->12					
				3	8->12					
###	DC4MX21	4	Thực tập Cấu tạo máy xây dựng-1-1-25(N01)/73DCMX21	3	2->6		13/10/25	09/11/25		
				4	2->6					
				5	2->6					
				6	1->6					
				4	1->6					
###	DC4CM21	3	Thực tập Gò, Hàn, Nguội-1-1-25(N01)/73DCCM21	5	1->6		18/08/25	07/09/25		
				2	8->12					
				2	2->6					
				3	2->6					
				3	8->12					
###	DC4CM21	3	Thực tập Gò, Hàn, Nguội-1-1-25(N02)/73DCCM22	4	2->6		18/08/25	07/09/25		
				5	2->6					
				6	2->6					
				2	8->12					
				2	2->6					
###	DC4CN22	3	Thực tập Hệ thống cơ điện tử-1-1-25(N01)/73DCCN21	3	2->6		03/11/25	23/11/25		
				2	1->6					
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
###	DC4CN22	3	Thực tập Hệ thống cơ điện tử-1-1-25(N02)/73DCCN22	6	1->6		03/11/25	23/11/25		
				2	1->6					
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
###	DC4CN22	3	Thực tập Hệ thống cơ điện tử-1-1-25(N03)/73DCCN23	6	1->6		03/11/25	23/11/25		
				2	1->6					
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
				2	1->6					

###	DC4CN24	3	Thực tập Hệ thống sản xuất linh hoạt và sản xuất tích hợp-1-1-25(N01)/73DCCN21	3	1->6		15/12/25	04/01/26		
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4CN24	3	Thực tập Hệ thống sản xuất linh hoạt và sản xuất tích hợp-1-1-25(N02)/73DCCN22	2	1->6		15/12/25	04/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
###	DC4CN24	3	Thực tập Hệ thống sản xuất linh hoạt và sản xuất tích hợp-1-1-25(N03)/73DCCN23	6	1->6		15/12/25	04/01/26		
				2	1->6					
				3	1->6					
				4	1->6					
###	DC4HT24	3	Thực tập Hệ thống thông tin-1-1-25(N01)/73DCHT21	5	1->6		24/11/25	14/12/25		
				6	1->6					
				2	1->6					
				3	1->6					
###	DC4HT24	3	Thực tập Hệ thống thông tin-1-1-25(N02)/73DCHT22	4	1->6		24/11/25	14/12/25		
				5	1->6					
				6	1->6					
				2	1->6					
###	DC4HT24	3	Thực tập Hệ thống thông tin-1-1-25(N03)/73DCHT23	3	1->6		24/11/25	14/12/25		
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4CO68	3	Thực tập Kết cấu ô tô-1-1-25(N01)/73DCCO21	2	1->6		29/12/25	18/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
###	DC4CO68	3	Thực tập Kết cấu ô tô-1-1-25(N02)/73DCCO22	6	1->6		29/12/25	18/01/26		
				2	1->6					
				3	1->6					
				4	1->6					
###	DC4CN23	3	Thực tập Kỹ thuật điều khiển robot công nghiệp-1-1-25(N01)/73DCCN21	5	1->6		24/11/25	14/12/25		
				6	1->6					
				2	1->6					
				3	1->6					
###	DC4CN23	3	Thực tập Kỹ thuật điều khiển robot công nghiệp-1-1-25(N02)/73DCCN22	4	1->6		24/11/25	14/12/25		
				5	1->6					
				6	1->6					
				2	1->6					
###	DC4CN23	3	Thực tập Kỹ thuật điều khiển robot công nghiệp-1-1-25(N03)/73DCCN23	3	1->6		24/11/25	14/12/25		
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4CK11	4	Thực tập Nhập môn cơ khí-1-1-25(N01)/73DCMX21_74DCOT27	2	1->6		18/08/25	14/09/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					

###	DC4CK11	4	Thực tập Nhập môn cơ khí-1-1-25(N02)/74DCOT21	6	1->6	06/10/25	02/11/25		
				2	1->6				
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4CK11	4	Thực tập Nhập môn cơ khí-1-1-25(N03)/74DCOT22	2	1->6	06/10/25	02/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4CK11	4	Thực tập Nhập môn cơ khí-1-1-25(N04)/74DCOT26	2	1->6	22/12/25	18/01/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4CK11	4	Thực tập Nhập môn cơ khí-1-1-25(N05)/74DCOT25	2	1->6	22/12/25	18/01/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4CK11	4	Thực tập Nhập môn cơ khí-1-1-25(N06)/74DCOT23	2	1->6	03/11/25	30/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4CK11	4	Thực tập Nhập môn cơ khí-1-1-25(N07)/74DCOT24	2	1->6	03/11/25	30/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TM22	3	Thực tập Phân tích thiết kế hệ thống mạng-1-1-25(N01)/73DCTM21	2	1->6	03/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TM22	3	Thực tập Phân tích thiết kế hệ thống mạng-1-1-25(N02)/73DCTM22	2	1->6	03/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TM22	3	Thực tập Phân tích thiết kế hệ thống mạng-1-1-25(N03)/73DCTM23	2	1->6	03/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4DD22	2	Thực tập Thí nghiệm và kiểm định công trình-1-1-25(N01)/73DCDD21_73DCDD22	3	3->6	Phòng thực hành	18/08/25	30/11/25	
###	DC4OT26	4	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 1-1-1-25(N01)/73DCOT29	2	1->6	27/10/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4OT26	4	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 1-1-1-25(N02)/73DCOT28	2	1->6	27/10/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				

###	DC4OT26	4	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 1-1-1-25(N03)/73DCOT27	2	1->6		27/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4OT26	4	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 1-1-1-25(N04)/73DCOT26	2	1->6		27/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4OT26	4	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 1-1-1-25(N05)/73DCOT25	2	1->6		27/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4OT26	4	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 1-1-1-25(N06)/73DCOT24	2	1->6		27/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4OT26	4	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 1-1-1-25(N07)/73DCOT23	2	1->6		27/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4OT26	4	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 1-1-1-25(N08)/73DCOT22	2	1->6		27/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4OT26	4	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 1-1-1-25(N09)/73DCOT21	2	1->6		27/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4OT26	4	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô 1-1-1-25(N10)/73DCOT11	2	7->11		27/10/25	23/11/25		
				2	1->5					
				3	7->11					
				3	1->5					
				5	1->5					
				6	7->11					
				6	1->5					
				7	7->11					
				7	1->5					
###	DC4HT23	3	Thực tập chuyên ngành-1-1-25(N01)/73DCHT21	2	1->6		03/11/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4HT23	3	Thực tập chuyên ngành-1-1-25(N02)/73DCHT22	2	1->6		03/11/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4HT23	3	Thực tập chuyên ngành-1-1-25(N03)/73DCHT23	2	1->6		03/11/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					

###	DC4TT22	3	Thực tập chuyên ngành-1-1-25(N04)/73DCTT21	6	1->6	03/11/25	23/11/25		
				2	1->6				
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TT22	3	Thực tập chuyên ngành-1-1-25(N05)/73DCTT22	2	1->6	03/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TT22	3	Thực tập chuyên ngành-1-1-25(N06)/73DCTT23	2	1->6	03/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TT22	3	Thực tập chuyên ngành-1-1-25(N07)/73DCTT24	2	1->6	03/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TT22	3	Thực tập chuyên ngành-1-1-25(N08)/73DCTT25	2	1->6	03/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TT22	3	Thực tập chuyên ngành-1-1-25(N09)/73DCTT26	2	1->6	03/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TT22	3	Thực tập chuyên ngành-1-1-25(N10)/73DCTT11	2	7->11	03/11/25	23/11/25		
				2	1->5				
				4	1->5				
				5	7->11				
				5	1->5				
				6	7->11				
				6	1->5				
				7	7->11				
				7	1->5				
###	DC4CM30	3	Thực tập công nghệ CNC-1-1-25(N01)/73DCCM21	2	8->12	29/09/25	19/10/25		
				2	2->6				
				3	8->12				
				3	2->6				
				4	8->12				
				4	2->6				
###	DC4CM30	3	Thực tập công nghệ CNC-1-1-25(N02)/73DCCM22	2	8->12	29/09/25	19/10/25		
				2	2->6				
				3	2->6				
				3	8->12				
				4	2->6				
				4	8->12				
###	DC4CM29	3	Thực tập cắt gọt kim loại-1-1-25(N01)/73DCCM21	2	8->12	08/09/25	28/09/25		
				2	2->6				
				3	8->12				
				3	2->6				
				4	2->6				
				5	2->6				

###	DC4CM29	3	Thực tập cắt gọt kim loại-1-1-25(N02)/73DCCM22	2	2->6		08/09/25	28/09/25		
				2	8->12					
				3	2->6					
				4	2->6					
				5	2->6					
				6	2->6					
###	DC4HT25	3	Thực tập doanh nghiệp-1-1-25(N01)/73DCHT21	2	1->6		15/12/25	04/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4HT25	3	Thực tập doanh nghiệp-1-1-25(N02)/73DCHT22	2	1->6		15/12/25	04/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4HT25	3	Thực tập doanh nghiệp-1-1-25(N03)/73DCHT23	2	1->6		15/12/25	04/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TT24	3	Thực tập doanh nghiệp-1-1-25(N04)/73DCTT21	2	1->6		15/12/25	04/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TT24	3	Thực tập doanh nghiệp-1-1-25(N05)/73DCTT22	2	1->6		15/12/25	04/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TT24	3	Thực tập doanh nghiệp-1-1-25(N06)/73DCTT23	2	1->6		15/12/25	04/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TT24	3	Thực tập doanh nghiệp-1-1-25(N07)/73DCTT24	2	1->6		15/12/25	04/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TT24	3	Thực tập doanh nghiệp-1-1-25(N08)/73DCTT25	2	1->6		15/12/25	04/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TT24	3	Thực tập doanh nghiệp-1-1-25(N09)/73DCTT26	2	1->6		15/12/25	04/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TT24	3	Thực tập doanh nghiệp-1-1-25(N10)/73DCTT11	2	7->11		15/12/25	04/01/26		
				2	1->5					
				3	7->11					
				3	1->5					
				4	1->5					
				6	1->5					
				6	7->11					

				7	1->5								
				7	7->11								
###	DC4CH21	2	Thực tập khảo sát đường-1-1-25(N01)/73DCCH21	2	1->6		29/12/25	11/01/26					
				3	1->6								
				4	1->6								
				5	1->6								
				6	1->6								
###	DC4TT23	3	Thực tập kỹ thuật phần mềm-1-1-25(N01)/73DCTT21	2	1->6		24/11/25	14/12/25					
				3	1->6								
				4	1->6								
				5	1->6								
				6	1->6								
###	DC4TT23	3	Thực tập kỹ thuật phần mềm-1-1-25(N02)/73DCTT22	2	1->6		24/11/25	14/12/25					
				3	1->6								
				4	1->6								
				5	1->6								
				6	1->6								
###	DC4TT23	3	Thực tập kỹ thuật phần mềm-1-1-25(N03)/73DCTT23	2	1->6		24/11/25	14/12/25					
				3	1->6								
				4	1->6								
				5	1->6								
				6	1->6								
###	DC4TT23	3	Thực tập kỹ thuật phần mềm-1-1-25(N04)/73DCTT24	2	1->6		24/11/25	14/12/25					
				3	1->6								
				4	1->6								
				5	1->6								
				6	1->6								
###	DC4TT23	3	Thực tập kỹ thuật phần mềm-1-1-25(N05)/73DCTT25	2	1->6		24/11/25	14/12/25					
				3	1->6								
				4	1->6								
				5	1->6								
				6	1->6								
###	DC4TT23	3	Thực tập kỹ thuật phần mềm-1-1-25(N06)/73DCTT26	2	1->6		24/11/25	14/12/25					
				3	1->6								
				4	1->6								
				5	1->6								
				6	1->6								
###	DC4TT23	3	Thực tập kỹ thuật phần mềm-1-1-25(N07)/73DCTT11	2	7->11		24/11/25	14/12/25					
				2	1->5								
				4	1->5								
				5	1->5								
				5	7->11								
				6	7->11								
				6	1->5								
				7	7->11								
				7	1->5								
###	DC4CT13	3	Thực tập kỹ thuật thi công cơ bản-1-1-25(N01)/73DCDD21_73DCDD22	2	1->6		29/12/25	18/01/26					
				3	1->6								
				4	1->6								
				5	1->6								
				6	1->6								
###	DC4QM25	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N01)/73DCQM21	2	1->6		18/08/25	14/09/25					
				3	1->6								
				4	1->6								
				5	1->6								
				6	1->6								
				2	1->6								
				3	1->6								

###	DC4QM25	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N02)/73DCQM22	4	1->6		18/08/25	14/09/25		
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QM25	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N03)/73DCQM23	2	1->6		18/08/25	14/09/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QM25	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N04)/73DCQM24	2	1->6		18/08/25	14/09/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QM25	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N05)/73DCQM25	2	1->6		18/08/25	14/09/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4EC23	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N06)/73DCTD21	2	7->12		18/08/25	14/09/25		
				3	7->12					
				4	7->7					
				4	8->12					
				5	7->12					
				6	7->12					
###	DC4EC23	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N07)/73DCTD22	2	1->6		18/08/25	14/09/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4EC23	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N08)/73DCTD23	2	1->6		18/08/25	14/09/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TN21	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N09)/73DCTN21	2	8->12		18/08/25	14/09/25		
				2	2->6					
				3	2->6					
				4	2->6					
				5	2->6					
				6	2->6					
###	DC4TN21	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N10)/73DCTN22	2	1->5		18/08/25	14/09/25		
				3	7->11					
				3	1->5					
				4	1->5					
				4	7->11					
				5	1->5					
###	DC4TN21	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N11)/73DCTN23	2	8->12		18/08/25	14/09/25		
				2	2->6					
				3	2->6					
				4	2->6					
				5	2->6					
				6	2->6					
###	DC4TN21	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N12)/73DCTN24	2	2->6		18/08/25	14/09/25		
				2	8->12					
				3	2->6					
				4	2->6					
				5	2->6					
				6	2->6					

###	DC4TN21	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N13)/73DCTN25	2	8->12	18/08/25	14/09/25		
				2	2->6				
				3	2->6				
				4	2->6				
				5	2->6				
				6	2->6				
###	DC4LH21	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N14)/73DCLH21	2	1->6	29/09/25	26/10/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4LG22	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N15)/73DCLG21	2	2->6	18/08/25	14/09/25		
				3	2->6				
				4	8->12				
				4	2->6				
				5	2->6				
				6	2->6				
###	DC4LG22	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N16)/73DCLG22	2	1->6	18/08/25	14/09/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4KX23	6	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N17)/73DCKX21	2	1->6	03/11/25	14/12/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4KX23	6	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N18)/73DCKX22	2	1->6	03/11/25	14/12/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4VL22	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N19)/73DCVL21	2	1->6	22/12/25	18/01/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4VL22	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N20)/73DCVL22	2	1->6	22/12/25	18/01/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4VL22	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N21)/73DCVL23	2	1->6	22/12/25	18/01/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4VL22	4	Thực tập nghiệp vụ 1-1-1-25(N22)/73DCVL24	2	1->6	22/12/25	18/01/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4QM26	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N01)/73DCQM21	2	1->6	15/09/25	12/10/25		
				3	1->6				
				4	1->1				
				4	2->6				
				5	1->6				
				6	1->6				

###	DC4QM26	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N02)/73DCQM22	2	1->6		15/09/25	12/10/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QM26	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N03)/73DCQM23	2	1->6		15/09/25	12/10/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QM26	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N04)/73DCQM24	2	1->6		15/09/25	12/10/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QM26	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N05)/73DCQM25	2	1->6		15/09/25	12/10/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4EC24	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N06)/73DCTD21	2	7->12		15/09/25	12/10/25		
				3	7->12					
				4	7->12					
				5	7->12					
				6	7->12					
###	DC4EC24	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N07)/73DCTD22	2	1->6		15/09/25	12/10/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4EC24	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N08)/73DCTD23	2	1->6		15/09/25	12/10/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TN22	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N09)/73DCTN21	2	8->12		15/09/25	12/10/25		
				2	2->6					
				3	2->6					
				4	2->6					
				5	2->6					
###	DC4TN22	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N10)/73DCTN22	6	2->6		15/09/25	12/10/25		
				3	1->5					
				3	7->11					
				4	1->5					
				4	7->11					
###	DC4TN22	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N11)/73DCTN23	5	7->11		15/09/25	12/10/25		
				5	1->5					
				2	2->6					
				2	8->12					
				3	2->6					
###	DC4TN22	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N12)/73DCTN24	4	2->6		15/09/25	12/10/25		
				5	2->6					
				6	2->6					
				2	8->12					
				2	2->6					
###	DC4TN22	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N12)/73DCTN24	3	2->6		15/09/25	12/10/25		
				4	2->6					
				5	2->6					

###	DC4TN22	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N13)/73DCTN25	6	2->6	15/09/25	12/10/25		
				2	8->12				
				2	2->6				
				3	2->6				
				3	8->12				
				4	2->6				
###	DC4LH22	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N14)/73DCLH21	4	8->12	27/10/25	23/11/25		
				2	1->6				
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
###	DC4LG23	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N15)/73DCLG21	6	1->6	15/09/25	12/10/25		
				2	7->11				
				2	2->6				
				3	2->6				
				4	2->6				
				5	2->6				
###	DC4LG23	4	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N16)/73DCLG22	6	2->6	15/09/25	12/10/25		
				2	1->6				
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
###	DC4KX24	6	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N17)/73DCKX21	6	1->6	15/12/25	25/01/26		
				2	1->6				
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
###	DC4KX24	6	Thực tập nghiệp vụ 2-1-1-25(N18)/73DCKX22	6	1->6	15/12/25	25/01/26		
				2	1->6				
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
###	DC4QX22	4	Thực tập nghiệp vụ quản lý kinh tế-1-1-25(N01)/73DCQX21	6	1->6	22/12/25	18/01/26		
				2	1->6				
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
###	DC4QX22	4	Thực tập nghiệp vụ quản lý kinh tế-1-1-25(N02)/73DCQX22	6	1->6	22/12/25	18/01/26		
				2	1->6				
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
###	DC4QT26	4	Thực tập nghiệp vụ quản trị 1-1-1-25(N01)/73DCQT21	6	1->6	18/08/25	14/09/25		
				2	1->6				
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
###	DC4QT26	4	Thực tập nghiệp vụ quản trị 1-1-1-25(N02)/73DCQT22	6	1->6	18/08/25	14/09/25		
				2	1->6				
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
###	DC4QT26	4	Thực tập nghiệp vụ quản trị 1-1-1-25(N03)/73DCQT23	6	1->6	18/08/25	14/09/25		
				2	1->6				
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				

###	DC4QT26	4	Thực tập nghiệp vụ quản trị 1-1-1-25(N04)/73DCQT24	2	1->6		18/08/25	14/09/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QT26	4	Thực tập nghiệp vụ quản trị 1-1-1-25(N05)/73DCQT25	2	1->6		18/08/25	14/09/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QT27	4	Thực tập nghiệp vụ quản trị 2-1-1-25(N01)/73DCQT21	2	1->6		15/09/25	12/10/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QT27	4	Thực tập nghiệp vụ quản trị 2-1-1-25(N02)/73DCQT22	2	1->6		15/09/25	12/10/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QT27	4	Thực tập nghiệp vụ quản trị 2-1-1-25(N03)/73DCQT23	2	1->6		15/09/25	12/10/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QT27	4	Thực tập nghiệp vụ quản trị 2-1-1-25(N04)/73DCQT24	2	1->6		15/09/25	12/10/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QT27	4	Thực tập nghiệp vụ quản trị 2-1-1-25(N05)/73DCQT25	2	1->6		15/09/25	12/10/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TG21	3	Thực tập phát triển ứng dụng CNTT-1-1-25(N01)/73DCTG21	2	1->6		29/12/25	18/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4CM33	5	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng máy công nghiệp-1-1-25(N01)/73DCCM21	2	2->6		15/12/25	18/01/26		
				3	2->6					
				3	8->12					
				4	2->6					
				5	2->6					
###	DC4CM33	5	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng máy công nghiệp-1-1-25(N02)/73DCCM22	6	2->6		15/12/25	18/01/26		
				2	2->6					
				2	8->12					
				3	8->12					
				3	2->6					
###	DC4CT18	2	Thực tập thí nghiệm Kiểm định đường-1-1-25(N01)/73DCCH21	4	2->6		15/12/25	18/01/26		
				4	2->6					
				4	8->12					
				4	8->12					
				4	8->12					
###	DC4CT18	2	Thực tập thí nghiệm Kiểm định đường-1-1-25(N01)/73DCCH21	3	7->10	Phòng thực hành	18/08/25	30/11/25	Trần Thanh Hà (CTCV3002)	
###	DC4CT18	2	Thực tập thí nghiệm Kiểm định đường-1-1-25(N02)/73DCCD21	4	1->6		03/11/25	23/11/25	Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				4	3->6		24/11/25	04/01/26	Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				6	4->6				Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				4	7->12		03/11/25	23/11/25	Nguyễn Trường Chinh (CTCV3005)	

###	DC4CT18	2	Thực tập thí nghiệm Kiểm định đường-1-1-25(N03)/73DCCD22	4	7->10	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Trường Chinh (CTCV3005)	
				6	7->9			Nguyễn Trường Chinh (CTCV3005)	
###	DC4CT19	2	Thực tập thí nghiệm kiểm định cầu-1-1-25(N01)/73DCCD21	5	1->6	03/11/25	23/11/25	Vũ Quang Dũng (CTTN3002)	
				5	3->6			Vũ Quang Dũng (CTTN3002)	
				6	1->3	24/11/25	04/01/26	Vũ Quang Dũng (CTTN3002)	
###	DC4CT19	2	Thực tập thí nghiệm kiểm định cầu-1-1-25(N02)/73DCCD22	5	7->12	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Hữu Anh (CTTN3008)	
				5	7->10			Nguyễn Hữu Anh (CTTN3008)	
				6	10->12	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Hữu Anh (CTTN3008)	
###	DC4KT71	8	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N01)/73DCKT21	2	1->6	17/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4KT71	8	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N02)/73DCKT22	2	1->6	17/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4KT71	8	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N03)/73DCKT23	2	1->6	17/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4KT71	8	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N04)/73DCKT24	2	1->6	17/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4KT71	8	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N05)/73DCKT25	2	1->6	17/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4KT71	8	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N06)/73DCKT26	2	1->6	17/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4KT71	8	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N07)/73DCKT27	2	1->6	17/11/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4QM71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N08)/73DCQM21	2	1->6	13/10/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4QM71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N09)/73DCQM22	2	1->6	13/10/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4QM71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N10)/73DCQM23	2	1->6	13/10/25	23/11/25		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				

###	DC4QM71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N11)/73DCQM24	2	1->6		13/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QM71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N12)/73DCQM25	2	1->6		13/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QT71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N13)/73DCQT21	2	1->6		13/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QT71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N14)/73DCQT22	2	1->6		13/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QT71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N15)/73DCQT23	2	1->6		13/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QT71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N16)/73DCQT24	2	1->6		13/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4QT71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N17)/73DCQT25	2	1->6		13/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4EC71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N18)/73DCTD21	2	1->6		13/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4EC71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N19)/73DCTD22	2	1->6		13/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4EC71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N20)/73DCTD23	2	1->6		13/10/25	23/11/25		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TN71	8	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N21)/73DCTN21	2	8->12		13/10/25	07/12/25		
				2	2->6					
				3	2->6					
				4	2->6					
				5	2->6					
				6	2->6					
				2	2->6					
				3	2->6					

###	DC4TN71	8	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N22)/73DCTN22	3	8->12	13/10/25	07/12/25		
				4	2->6				
				5	2->6				
				6	2->6				
###	DC4TN71	8	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N23)/73DCTN23	2	2->6	13/10/25	07/12/25		
				2	8->12				
				3	2->6				
				4	2->6				
###	DC4TN71	8	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N24)/73DCTN24	5	2->6	13/10/25	07/12/25		
				6	2->6				
				2	2->6				
				2	8->12				
###	DC4TN71	8	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N25)/73DCTN25	3	2->6	13/10/25	07/12/25		
				4	2->6				
				5	2->6				
				6	2->6				
###	DC4LG71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N26)/73DCLG21	2	8->12	13/10/25	23/11/25		
				2	2->6				
				3	2->6				
				4	2->6				
###	DC4LG71	6	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N27)/73DCLG22	5	2->6	13/10/25	23/11/25		
				6	2->6				
				2	2->6				
				2	8->12				
###	DC4LH70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N28)/73DCLH21	3	1->6	24/11/25	11/01/26		
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4OT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N29)/73DCOT21	2	1->6	15/12/25	11/01/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
###	DC4OT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N30)/73DCOT22	6	1->6	15/12/25	11/01/26		
				2	1->6				
				3	1->6				
				4	1->6				
###	DC4OT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N31)/73DCOT23	5	1->6	15/12/25	11/01/26		
				6	1->6				
				2	1->6				
				3	1->6				
###	DC4OT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N32)/73DCOT24	4	1->6	15/12/25	11/01/26		
				5	1->6				
				2	1->6				
				3	1->6				

###	DC4OT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N33)/73DCOT25	6	1->6	15/12/25	11/01/26		
				2	1->6				
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4OT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N34)/73DCOT26	2	1->6	15/12/25	11/01/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4OT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N35)/73DCOT27	2	1->6	15/12/25	11/01/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4OT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N36)/73DCOT28	2	1->6	15/12/25	11/01/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4OT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N37)/73DCOT29	2	1->6	15/12/25	11/01/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TH70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N38)/73DCHT21	2	1->6	05/01/26	01/02/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TH70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N39)/73DCHT22	2	1->6	05/01/26	01/02/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TH70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N40)/73DCHT23	2	1->6	05/01/26	01/02/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TM70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N41)/73DCTM21	2	1->6	15/12/25	11/01/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TM70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N42)/73DCTM22	2	1->6	15/12/25	11/01/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
###	DC4TM70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N43)/73DCTM23	2	1->6	15/12/25	11/01/26		
				3	1->6				
				4	1->6				
				5	1->6				
				6	1->6				
				2	1->6				
				3	1->6				

###	DC4TT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N44)/73DCTT21	4	1->6		05/01/26	01/02/26		
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N45)/73DCTT22	2	1->6		05/01/26	01/02/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N46)/73DCTT23	2	1->6		05/01/26	01/02/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N47)/73DCTT24	2	1->6		05/01/26	01/02/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N48)/73DCTT25	2	1->6		05/01/26	01/02/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4TT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N49)/73DCTT26	2	1->6		05/01/26	01/02/26		
				3	1->6					
				4	1->6					
				5	1->6					
				6	1->6					
###	DC4KT71	8	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N50)/73DCKT11	2	1->5		29/09/25	23/11/25		
				2	7->11					
				4	1->5					
				5	7->11					
				5	1->5					
				6	7->11					
				6	1->5					
				7	7->11					
				7	1->5					
				2	1->5					
###	DC4OT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N51)/73DCOT11	2	7->11		15/12/25	11/01/26		
				3	1->5					
				3	7->11					
				4	1->5					
				4	7->11					
				6	1->5					
				7	1->5					
				7	7->11					
				2	7->11					
				2	1->5					
###	DC4TT70	4	Thực tập tốt nghiệp-1-1-25(N52)/73DCTT11	3	1->5		05/01/26	01/02/26		
				3	7->11					
				4	7->11					
				4	1->5					
				6	1->5					
				7	1->5					
				7	7->11					
				2	1->5					
				3	1->5					
				3	7->11					
###	DC4MO13	2	Thực tập xử lý khí thải và tiếng ồn-1-1-25(N01)/74DCMN21	2	1->6		05/01/26	18/01/26		
				3	1->6					
				4	1->6					

				5	1->6						
				6	1->6						
###	DC4DT23	3	Thực tập Điện tử viễn thông-1-1-25(N01)/73DCDT21	2	1->6		29/12/25	18/01/26			
				3	1->6						
				4	1->6						
				5	1->6						
				6	1->6						
###	DC4DT23	3	Thực tập Điện tử viễn thông-1-1-25(N02)/73DCDT22	2	1->6		29/12/25	18/01/26			
				3	1->6						
				4	1->6						
				5	1->6						
				6	1->6						
###	DC4DT23	3	Thực tập Điện tử viễn thông-1-1-25(N03)/73DCDT23	2	1->6		29/12/25	18/01/26			
				3	1->6						
				4	1->6						
				5	1->6						
				6	1->6						
###	DC4MO23	2	Thực tập Đánh giá tác động môi trường-1-1-25(N01)/73DCMN21	2	1->6		29/12/25	11/01/26			
				3	1->6						
				4	1->6						
				5	1->6						
				6	1->6						
###	DC4CK13	3	Thực tập Động cơ đốt trong-1-1-25(N01)/73DCMX21	2	1->6		15/09/25	05/10/25			
				3	1->6						
				4	1->6						
				5	1->6						
				6	1->6						
###	DC4CT22	2	Thực tập, thí nghiệm Vật liệu xây dựng-1-1-25(N01)/74DCCH22	2	8->10		18/08/25	07/09/25			
				2	2->6						
				2	1->6		08/09/25	19/10/25			
###	DC4CT22	2	Thực tập, thí nghiệm Vật liệu xây dựng-1-1-25(N02)/74DCCH21	3	2->6		18/08/25	07/09/25			
				3	8->10						
				3	1->6		08/09/25	19/10/25			
###	DC4CT22	2	Thực tập, thí nghiệm Vật liệu xây dựng-1-1-25(N03)/74DCXQ21	6	1->6	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25			
				6	7->9	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26			
				6	3->6	Phòng thực hành					
###	DC3QX60	2	Tin học ứng dụng-1-1-25(N01)/73DCQX21	5	7->9	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Quốc Tới (CTTH3001)		
				5	7->9	Phòng thực hành	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Quốc Tới (CTTH3001)		
				5	10->12	Phòng thực hành	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Quốc Tới (CTTH3001)		
###	DC3QX60	2	Tin học ứng dụng-1-1-25(N02)/73DCQX22	5	4->6	Phòng thực hành	18/08/25	30/11/25	Nguyễn Quốc Tới (CTTH3001)		
###	DC3CD19	3	Tin học ứng dụng-1-1-25(N03)/73DCCH21	4	7->11	Phòng thực hành	18/08/25	30/11/25	Phạm Hồng Quân (CTDB3017)	Lê Văn Mạnh (CTCA3013)	
###	DC3KX94	3	Tin học ứng dụng-1-1-25(N04)/73DCXY21	3	3->6	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (XDCB3007)		
				4	2->6	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Thu Hiền (XDCB3007)		

###	DC3KX94	3	Tin học ứng dụng-1-1-25(N05)/73DCKX22	3	3->6	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (XDCB3007)	
				4	3->6	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Thu Hiền (XDCB3007)	
###	DC3KX94	3	Tin học ứng dụng-1-1-25(N05)/73DCKX22	2	7->11	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Liên (KVXK3004)	
				3	3->6	Phòng thực hành			Phạm Thị Liên (KVXK3004)	
				2	7->10	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Phạm Thị Liên (KVXK3004)	
				3	3->6	Phòng thực hành			Phạm Thị Liên (KVXK3004)	
###	DC2CK60	2	Tin học ứng dụng-1-1-25(N06)/74DCOT21	2	10->12	Phòng thực hành	18/08/25	05/10/25	Đỗ Hữu Tuấn (CKMX3004)	
				6	4->6	Phòng thực hành	03/11/25	28/12/25	Đỗ Hữu Tuấn (CKMX3004)	
###	DC2CK60	2	Tin học ứng dụng-1-1-25(N07)/74DCOT22	5	1->3	Phòng thực hành	18/08/25	05/10/25	Trương Tất Anh (CKMT3004)	
				4	1->3	A1.402	03/11/25	28/12/25	Trương Tất Anh (CKMT3004)	
###	DC2CK60	2	Tin học ứng dụng-1-1-25(N08)/74DCOT23	3	10->12	Phòng thực hành	18/08/25	02/11/25	Trương Tất Anh (CKMT3004)	
				2	7->9	Phòng thực hành	01/12/25	28/12/25	Trương Tất Anh (CKMT3004)	
###	DC2CK60	2	Tin học ứng dụng-1-1-25(N09)/74DCOT24	5	4->6	Phòng thực hành	18/08/25	02/11/25	Trương Tất Anh (CKMT3004)	
				2	10->12	Phòng thực hành	01/12/25	28/12/25	Trương Tất Anh (CKMT3004)	
###	DC2CK60	2	Tin học ứng dụng-1-1-25(N10)/74DCOT25	5	10->12	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Anh Tuấn (XUUD3003)	
				4	4->6	Phòng thực hành	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Anh Tuấn (XUUD3003)	
				4	1->3	Phòng thực hành	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Anh Tuấn (XUUD3003)	
###	DC2CK60	2	Tin học ứng dụng-1-1-25(N11)/74DCOT26	5	7->9	Phòng thực hành	18/08/25	02/11/25	Nguyễn Anh Tuấn (XUUD3003)	
				3	7->9	Phòng thực hành	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Anh Tuấn (XUUD3003)	
###	DC2CK60	2	Tin học ứng dụng-1-1-25(N12)/74DCOT27	3	1->3	A3.302	15/09/25	02/11/25	Nguyễn Văn Hiệp (CKOT3011)	
				4	10->12	Phòng thực hành	03/11/25	28/12/25	Nguyễn Văn Hiệp (CKOT3011)	
###	DC2CK60	2	Tin học ứng dụng-1-1-25(N13)/74DCOG21	5	2->6	Phòng thực hành	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Hiệp (CKOT3011)	
###	DC2CK60	2	Tin học ứng dụng-1-1-25(N14)/74DCCM21	5	2->6	Phòng thực hành	18/08/25	19/10/25	Vũ Văn Hiệp (CKDM3002)	
###	DC2CK60	2	Tin học ứng dụng-1-1-25(N15)/74DCCM22	5	7->11	Phòng thực hành	18/08/25	19/10/25	Vũ Văn Hiệp (CKDM3002)	

###	DC2CK60	2	Tin học ứng dụng-1-1-25(N16)/74DCDM21	4	7->11	Phòng thực hành	18/08/25	19/10/25	Vũ Văn Hiệp (CKDM3002)	
###	DC3CD19	3	Tin học ứng dụng-1-1-25(N17)/74DCCH21	3	7->10	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Phạm Hồng Quân (CTDB3017)	
				4	2->6	Phòng thực hành			Phạm Hồng Quân (CTDB3017)	
				3	7->10	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Phạm Hồng Quân (CTDB3017)	
				4	3->6	Phòng thực hành			Phạm Hồng Quân (CTDB3017)	
###	DC3CD19	3	Tin học ứng dụng-1-1-25(N18)/74DCCH22	3	7->10	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Lê Văn Mạnh (CTCA3013)	
				6	2->6	Phòng thực hành			Lê Văn Mạnh (CTCA3013)	
				3	8->11	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Lê Văn Mạnh (CTCA3013)	
				6	3->6	Phòng thực hành			Lê Văn Mạnh (CTCA3013)	
###	DC3XQ35	3	Tin học ứng dụng-1-1-25(N19)/74DCXQ21	3	3->5	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25		
				4	8->10	Phòng thực hành				
				3	3->6	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26		
				4	7->9	Phòng thực hành				
###	DC2CK60	2	Tin học ứng dụng-1-1-25(N20)/74DCOT11	2	1->3	VA1.204	03/11/25	14/12/25	Đỗ Thành Phương (CKOT2001)	
				5	3->5	VA1.204			Đỗ Thành Phương (CKOT2001)	
				2	1->3	VA1.204	15/12/25	04/01/26	Đỗ Thành Phương (CKOT2001)	
				5	1->5				Đỗ Thành Phương (CKOT2001)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N01)/75DCOT21	2	4->6	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Trần Việt Vương (TTTT3003)	
				6	1->3	Phòng thực hành			Trần Việt Vương (TTTT3003)	
				2	4->6	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Trần Việt Vương (TTTT3003)	
				5	3->6	Phòng thực hành			Trần Việt Vương (TTTT3003)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N02)/75DCOT22	2	1->3	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Trần Việt Vương (TTTT3003)	
				5	10->12	Phòng thực hành			Trần Việt Vương (TTTT3003)	
				2	1->3	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Trần Việt Vương (TTTT3003)	
				5	7->10	Phòng thực hành			Trần Việt Vương (TTTT3003)	

###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N03)/75DCOT23	2	10->12	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Phùng Văn Thuận (TTTT3005)	
				5	4->6	Phòng thực hành			Phùng Văn Thuận (TTTT3005)	
				2	10->12	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Phùng Văn Thuận (TTTT3005)	
				5	3->6	Phòng thực hành			Phùng Văn Thuận (TTTT3005)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N04)/75DCOT24	2	7->12	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Vân Anh (TTCS3007)	
				2	7->10	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Vân Anh (TTCS3007)	
				4	7->9	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Vân Anh (TTCS3007)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N05)/75DCOT25	2	1->6	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Trần Thanh Hà (TTTT3008)	
				2	3->6	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Trần Thanh Hà (TTTT3008)	
				4	1->3	Phòng thực hành			Trần Thanh Hà (TTTT3008)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N06)/75DCOT26_75DCOG22	3	10->12	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				6	10->12	Phòng thực hành			Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				3	10->12	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				5	9->12	Phòng thực hành			Lê Thị Chi (TTCS3004)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N07)/75DCOG21	2	9->11	Phòng thực hành	18/08/25	07/09/25	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				3	7->9	Phòng thực hành			Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				2	9->12	Phòng thực hành	08/09/25	19/10/25	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				3	7->9	Phòng thực hành			Lê Thị Chi (TTCS3004)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N08)/75DCCD21	3	1->6	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Trần Việt Vương (TTTT3003)	
				3	3->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Trần Việt Vương (TTTT3003)	
				3	8->11	Phòng thực hành			Trần Việt Vương (TTTT3003)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N09)/75DCCD22_75DCGS21_75DCDS21	3	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Trần Việt Vương (TTTT3003)	
				6	1->6	Phòng thực hành	24/11/25	14/12/25	Trần Việt Vương (TTTT3003)	

###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N09)/75DCDD22_75DCDB21_75DCBC21	4	3->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Trần Việt Vương (TTTT3003)	
				4	8->11	Phòng thực hành			Trần Việt Vương (TTTT3003)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N10)/75DCCD23_75CDCDJ21_75CDBI21_75DCBC21	3	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Phùng Văn Thuận (TTTT3005)	
				3	7->10	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Phùng Văn Thuận (TTTT3005)	
				3	2->5	Phòng thực hành			Phùng Văn Thuận (TTTT3005)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N12)/75DCTQ21	4	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Phùng Văn Thuận (TTTT3005)	
				4	2->5	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Phùng Văn Thuận (TTTT3005)	
				4	7->10	Phòng thực hành			Phùng Văn Thuận (TTTT3005)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N13)/75DCCH21	3	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Trần Thanh Hà (TTTT3008)	
				3	3->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Trần Thanh Hà (TTTT3008)	
				3	7->10	Phòng thực hành			Trần Thanh Hà (TTTT3008)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N18)/75DCDD21	3	4->6	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Trần Thanh Hà (TTTT3008)	
				4	4->6	Phòng thực hành			Trần Thanh Hà (TTTT3008)	
				5	7->10	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Trần Thanh Hà (TTTT3008)	
				6	3->6	Phòng thực hành			Trần Thanh Hà (TTTT3008)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N19)/75DCDD22	2	7->9	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Phùng Văn Thuận (TTTT3005)	
				6	4->6	Phòng thực hành			Phùng Văn Thuận (TTTT3005)	
				2	3->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Phùng Văn Thuận (TTTT3005)	
				6	7->10	Phòng thực hành			Phùng Văn Thuận (TTTT3005)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N20)/75DCXQ21	4	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Đức Sơn (DTAO6886)	
				4	7->10	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Đức Sơn (DTAO6886)	
				5	3->6	Phòng thực hành			Nguyễn Đức Sơn (DTAO6886)	
				4	7->12	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Lan Anh (KHCB1010)	

###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N21)/75DCXQ22	5	3->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Lan Anh (KHCB1010)	
				5	8->11	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Lan Anh (KHCB1010)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N22)/75DCKN21	4	1->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Lan Anh (KHCB1010)	
				4	7->10	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Lan Anh (KHCB1010)	
				4	2->5	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Lan Anh (KHCB1010)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N23)/75DCKN22	5	1->6	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				5	7->8	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
				5	1->6	Phòng thực hành			Nguyễn Thị Loan (KHCB1009)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N24)/75DCKN23	5	7->12	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Thu Hà (TTUD3002)	
				5	3->6	Phòng thực hành			Vũ Thị Thu Hà (TTUD3002)	
				5	7->10	Phòng thực hành			Vũ Thị Thu Hà (TTUD3002)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N25)/75DCKN24	3	4->6	Phòng thực hành	03/11/25	14/12/25	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				3	7->9	Phòng thực hành			Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				3	7->11	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				3	4->6	Phòng thực hành			Lê Thị Chi (TTCS3004)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N26)/75DCQX21	2	4->6	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				4	7->9	Phòng thực hành			Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				2	4->6	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				4	8->11	Phòng thực hành			Lê Thị Chi (TTCS3004)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N27)/75DCQX22	2	1->3	Phòng thực hành	03/11/25	23/11/25	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				5	7->9	Phòng thực hành			Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				2	1->3	Phòng thực hành	24/11/25	04/01/26	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				5	8->11	Phòng thực hành			Lê Thị Chi (TTCS3004)	

###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N28)/75DCOT11	2	1->4	VA1.201	18/08/25	28/09/25	Lê Thị Hà (TTCS2001)	
				4	4->6	VA1.201			Lê Thị Hà (TTCS2001)	
				2	2->5	VA1.201	29/09/25	19/10/25	Lê Thị Hà (TTCS2001)	
				4	5->6	VA1.201			Lê Thị Hà (TTCS2001)	
###	DC1TT45	3	Tin học-1-1-25(N29)/75DCOT12	4	7->10	VA1.201	18/08/25	28/09/25	Bùi Thị Nhung (TTCS2005)	
				6	7->9	VA1.201			Bùi Thị Nhung (TTCS2005)	
				4	7->10	VA1.201	29/09/25	19/10/25	Bùi Thị Nhung (TTCS2005)	
				6	7->8	VA1.201			Bùi Thị Nhung (TTCS2005)	
###	DC3DD18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N01)/73DCDD21_73DCDD22	2	7->10	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				2	7->10	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				2	7->10	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
###	DC3MO18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N03)/73DCMN21	4	2->5	Trực tuyển	18/08/25	30/11/25	Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
###	DC3VL18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N04)/73DCVL21	6	7->10	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
				6	7->10	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
				5	7->10	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
###	DC3VL18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N05)/73DCVL22	6	3->6	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Dương Thị Hoa Lư (CBNN3021)	
				2	3->6	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Dương Thị Hoa Lư (CBNN3021)	
				4	7->10	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Dương Thị Hoa Lư (CBNN3021)	
###	DC3VL18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N06)/73DCVL23	6	7->10	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Dương Thị Hoa Lư (CBNN3021)	
				6	7->10	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Dương Thị Hoa Lư (CBNN3021)	
				2	8->11	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Dương Thị Hoa Lư (CBNN3021)	
###	DC3VL18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N07)/73DCVL24	6	3->6	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
				6	3->6	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
				4	3->6	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
###	DC3CO18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N08)/73DCCO21	2	2->5	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (KHCHN3002)	
				2	2->5	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (KHCHN3002)	
				2	2->5	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (KHCHN3002)	
###	DC3CO18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N09)/73DCCO22	2	7->10	Trực tuyển	18/08/25	30/11/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (KHCHN3002)	
###	DC3TT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N10)/73DCTT21	2	1->3	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Lê Thị Bình (CBNN3014)	
				3	2->6	Trực tuyển			Lê Thị Bình (CBNN3014)	
				2	4->6	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Lê Thị Bình (CBNN3014)	
				3	4->6	Trực tuyển			Lê Thị Bình (CBNN3014)	
###	DC3TT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N11)/73DCTT22	2	7->10	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Lê Thị Bình (CBNN3014)	
				3	7->10	Trực tuyển			Lê Thị Bình (CBNN3014)	
				2	7->9	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Lê Thị Bình (CBNN3014)	
				3	7->9	Trực tuyển			Lê Thị Bình (CBNN3014)	
				2	4->6	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Lê Thị Bình (CBNN3014)	

###	DC3TT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N12)/73DCTT23	4	7->11	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Lê Thị Bình (CBNN3014)	
				2	1->3	Trực tuyển			Lê Thị Bình (CBNN3014)	
				4	7->9	Trực tuyển			Lê Thị Bình (CBNN3014)	
###	DC3TT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N13)/73DCTT24	2	7->11	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				4	1->3	Trực tuyển			Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				2	7->9	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				4	7->9	Trực tuyển			Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
###	DC3TT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N14)/73DCTT25	2	1->3	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				3	7->11	Trực tuyển			Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				2	10->12	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				3	7->9	Trực tuyển			Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
###	DC3TT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N15)/73DCTT26	3	1->4	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				5	7->10	Trực tuyển			Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				4	1->3	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				5	7->9	Trực tuyển			Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
###	DC3MT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N16)/74DCMT21	4	1->6	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Bùi Thị Phương Thảo (CBNN3011)	
				4	3->6	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Bùi Thị Phương Thảo (CBNN3011)	
				4	7->10	Trực tuyển			Bùi Thị Phương Thảo (CBNN3011)	
###	DC3QT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N17)/74DCQT21	4	1->6	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				4	3->6	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				6	9->12	Trực tuyển			Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
###	DC3QT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N18)/74DCQT22	5	7->12	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Dương Thị Hoa Lư (CBNN3021)	
				5	2->5	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Dương Thị Hoa Lư (CBNN3021)	
				5	7->10	Trực tuyển			Dương Thị Hoa Lư (CBNN3021)	
###	DC3QT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N19)/74DCQT23	3	7->12	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Dương Thị Hoa Lư (CBNN3021)	
				3	3->6	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Dương Thị Hoa Lư (CBNN3021)	
				6	3->6	Trực tuyển			Dương Thị Hoa Lư (CBNN3021)	
###	DC3QT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N20)/74DCQM21	4	9->12	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				6	5->6	Trực tuyển			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				4	7->10	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				6	8->11	Trực tuyển			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
###	DC3QT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N21)/74DCQM22	4	1->3	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				5	2->4	Trực tuyển			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				4	3->6	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	

				5	3->6	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
###	DC3QT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N22)/74DCQM23	3	10->12	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				5	10->12	Trực tuyển			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				3	10->12	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				4	11->12	Trực tuyển			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				5	7->9	Trực tuyển			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
###	DC3QT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N23)/74DCQM24	3	7->9	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				4	4->6	Trực tuyển			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				2	9->12	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				3	3->6	Trực tuyển			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
###	DC3EC18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N24)/74DCTD21	3	1->6	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				3	1->6	Trực tuyển			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				3	7->8	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
###	DC3EC18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N25)/74DCTD22	3	7->9	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				6	2->4	Trực tuyển			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				3	9->11	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				6	1->5	Trực tuyển			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
###	DC3EC18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N26)/74DCTD23	5	7->9	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				6	2->4	Trực tuyển			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				5	10->12	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				6	2->6	Trực tuyển			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
###	DC3KX18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N27)/74DCKX21	2	1->6	Trực tuyển	03/11/25	23/11/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				2	1->6	Trực tuyển	24/11/25	30/11/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				2	1->6	Trực tuyển	01/12/25	14/12/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				2	8->11	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				2	3->6	Trực tuyển			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
###	DC3KX18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N28)/74DCKX22	2	1->6	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Đinh Đức Long (KHCB1005)	
				2	8->11	Trực tuyển			Đinh Đức Long (KHCB1005)	
				2	3->6	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Đinh Đức Long (KHCB1005)	
###	DC3KX18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N29)/74DCKX23	4	3->5	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Phí Lương Vân (CBNN3012)	
				4	7->9	Trực tuyển			Phí Lương Vân (CBNN3012)	
				4	2->5	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Phí Lương Vân (CBNN3012)	
				4	7->10	Trực tuyển			Phí Lương Vân (CBNN3012)	
				2	7->9	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Phí Lương Vân (CBNN3012)	

###	DC3KX18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N30)/74DCKX24	2	3->5	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Phí Lương Vân (CBNN3012)	
				2	3->6	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Phí Lương Vân (CBNN3012)	
				2	8->11	Trực tuyến			Phí Lương Vân (CBNN3012)	
###	DC3VL18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N31)/74DCLH21	2	7->9	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
				2	3->6	Trực tuyến			Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
				2	7->12	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
###	DC3VL18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N32)/74DCLH22	3	4->6	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
				3	7->10	Trực tuyến			Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
				3	7->12	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
###	DC3DT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N33)/74DCDT21	5	3->5	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Bùi Thị Phương Thảo (CBNN3011)	
				5	7->10	Trực tuyến			Bùi Thị Phương Thảo (CBNN3011)	
				5	1->6	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Bùi Thị Phương Thảo (CBNN3011)	
###	DC3DT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N34)/74DCDT22	5	3->5	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				6	3->6	Trực tuyến			Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				4	3->5	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				6	3->5	Trực tuyến			Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
###	DC3DT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N35)/74DCDT23	2	7->10	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				2	4->6	Trực tuyến			Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				2	1->6	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
###	DC3DT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N36)/74DCDT24	3	2->5	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				3	7->9	Trực tuyến			Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				3	1->6	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
###	DC3OT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N37)/74DCOT11	2	1->4	VA1.204	18/08/25	28/09/25	Nguyễn Thị Thao (CBNN2003)	
				4	3->5	VA1.204			Nguyễn Thị Thao (CBNN2003)	
				2	2->5	VA1.204	29/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thao (CBNN2003)	
				4	3->4	VA1.204			Nguyễn Thị Thao (CBNN2003)	
###	DC3TT18	3	Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-25(N38)/73DCTT11	3	1->4	VA1.203	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thao (CBNN2003)	
				5	1->4	VA1.203			Nguyễn Thị Thao (CBNN2003)	
				3	1->3	VA1.203	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thao (CBNN2003)	
				5	2->4	VA1.203			Nguyễn Thị Thao (CBNN2003)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N01)/75DCHT21	3	5->6	C3.103	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thanh Tú (KHCB1008)	
				4	10->12	C3.201			Nguyễn Thanh Tú (KHCB1008)	
				6	4->6	C3.202			Nguyễn Thanh Tú (KHCB1008)	
				3	1->3	C3.103	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thanh Tú (KHCB1008)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N02)/75DCHT22	6	4->6	C3.205			Nguyễn Thanh Tú (KHCB1008)	
				5	4->6	C3.202	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hoài (CBNN3020)	
				6	7->11	A3.306			Nguyễn Thị Thu Hoài (CBNN3020)	
				6	7->12	C3.106	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hoài (CBNN3020)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N03)/75DCHT23	3	1->3	C3.201	18/08/25	07/09/25	Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				5	4->5	C3.103			Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				6	4->6	C3.201			Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				5	5->6	C3.103	08/09/25	19/10/25	Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	

###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N04)/75DCHT24	6	3->6	C3.201	18/08/25	07/09/25	Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				3	2->6	A3.302			Nguyễn Thị Thu Hiền (KHCB3002)	
				5	4->6	A3.302	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (KHCB3002)	
				3	4->6	C3.201			Nguyễn Thị Thu Hiền (KHCB3002)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N05)/75DCTT21	5	4->6	A3.302	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (KHCB3002)	
				4	1->2	C3.206			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				5	7->9	C3.206	08/09/25	19/10/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				6	1->3	C3.102			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N06)/75DCTT22	4	1->3	C3.206	18/08/25	07/09/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				6	1->4	A2.501			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				6	7->9	C3.206	08/09/25	19/10/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				6	10->12	C3.206			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N07)/75DCTT23	5	9->12	C3.203	18/08/25	07/09/25	Lê Thị Bình (CBNN3014)	
				4	7->9	C3.204			Lê Thị Bình (CBNN3014)	
				5	5->6	C3.204	08/09/25	19/10/25	Lê Thị Bình (CBNN3014)	
				4	7->9	C3.204			Lê Thị Bình (CBNN3014)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N08)/75DCTT24	5	4->6	C3.204	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				3	10->12	A2.501			Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				4	7->9	C3.204	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				4	7->9	C3.204			Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N09)/75DCTT25	5	4->6	C3.204	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				3	10->12	C3.206			Bùi Thị Phương Thảo (CBNN3011)	
				4	7->11	A6.502	08/09/25	19/10/25	Bùi Thị Phương Thảo (CBNN3011)	
				2	1->6	A3.308			Bùi Thị Phương Thảo (CBNN3011)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N10)/75DCTT26	2	4->6	C3.205	18/08/25	07/09/25	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				4	5->6	A5.202			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				5	3->5	C3.205	08/09/25	19/10/25	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				2	4->6	C3.205			Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N11)/75DCTTA2	5	4->6	C3.205	18/08/25	07/09/25	Mai Lê Thủy (CBNN3010)	
				2	1->4	A1.303			Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
				6	9->12	A3.404	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
				2	1->3	A1.303			Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N12)/75DCTTA4	6	10->12	A3.404	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
				3	7->9	A1.501			Nguyễn Thanh Tú (KHCB1008)	
				4	7->8	A1.204	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thanh Tú (KHCB1008)	
				6	10->12	A1.303			Nguyễn Thanh Tú (KHCB1008)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N13)/75DCCD21	3	7->9	A1.501	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thanh Tú (KHCB1008)	
				4	7->9	A1.204			Nguyễn Thanh Tú (KHCB1008)	
				3	7->9	A1.402	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
				4	11->12	A1.203			Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N14)/75DCCD22_75DCCS21_75DCDS21	5	7->9	A1.203	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
				3	7->9	A1.402			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				5	7->9	A1.203	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
				4	7->10	A3.401			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N15)/75DCCD23_75DCCD121_75DCBI21_75DCBC21	5	7->8	A3.304	03/11/25	14/12/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				4	7->11	A3.401			Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				5	7->9	A3.304	15/12/25	04/01/26	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				4	3->6	C3.204			Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N16)/75DCCD24_75DCCD121_75DCBI21_75DCBC21	5	5->6	A3.404	03/11/25	14/12/25	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				5	1->3	A3.404			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				6	7->11	A3.403	15/12/25	04/01/26	Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
				5	9->10	A6.102			Dương Thị Hồng Anh (CBNN3009)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N17)/75DCCD25_75DCCD121_75DCBI21_75DCBC21	6	8->11	A3.304	03/11/25	14/12/25	Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				5	9->10	A6.102			Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	

				5	10->12	A6.102	15/12/25	04/01/26	Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
				6	8->12	A3.304			Trần Thị Ngọc Hà (CBNN3015)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N17)/75DCTQ21	3	3->6	A1.103	03/11/25	14/12/25	Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				5	3->4	C3.102			Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				3	2->6	A1.103	15/12/25	04/01/26	Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				5	1->3	C3.102			Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N18)/75DCCH21	4	10->12	A1.403	03/11/25	14/12/25	Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
				5	1->3	C3.204			Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
				4	9->12	C3.204	15/12/25	04/01/26	Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
				5	3->6	C3.204			Ngô Thị Lan Hương (CBNN3016)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N19)/75DCDD21	5	5->6	VA1.302	18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thị Thao (CBNN2003)	
				6	1->4	VA1.304			Nguyễn Thị Thao (CBNN2003)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N20)/75DCDD22	3	1->2	VA1.302	18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thanh Nga (CBNN2002)	
				5	7->10	VA1.301			Nguyễn Thanh Nga (CBNN2002)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N21)/75DCKN21	4	7->10	VA1.301	18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thanh Nga (CBNN2002)	
				6	5->6	VA1.302			Nguyễn Thanh Nga (CBNN2002)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N22)/75DCKN22	2	5->6	VA1.301	18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thị Thanh Hương (CBNN2001)	
				6	1->4	VA1.301			Nguyễn Thị Thanh Hương (CBNN2001)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N23)/75DCKN23	2	5->6	VA1.302	18/08/25	26/10/25	Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
				5	1->4	VA1.304			Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N24)/75DCKN24	4	1->2	VA1.304	18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thị Thao (CBNN2003)	
				6	7->10	VA1.401			Nguyễn Thị Thao (CBNN2003)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N25)/75DCQX21	2	7->12	VA1.304	18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thanh Nga (CBNN2002)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N26)/75DCQX22	5	7->12	VA1.304	18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thị Thanh Hương (CBNN2001)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N27)/75DCTT11	2	2->4	VA1.202	18/08/25	28/09/25	Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
				6	2->5	VA1.202			Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
				2	2->4	VA1.202	29/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
				6	1->3	VA1.202			Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N31)/75DCQM21	5	2->5	VA1.302	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thanh Nga (CBNN2002)	
				6	7->8	VA1.302			Nguyễn Thanh Nga (CBNN2002)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N32)/75DCQM22	2	8->11	VA1.302	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thị Thanh Hương (CBNN2001)	
				4	1->2	VA1.304			Nguyễn Thị Thanh Hương (CBNN2001)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N33)/75DCQM23	2	5->6	VA1.304	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
				6	2->5	VA1.304			Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N34)/75DCQM24	3	2->5	VA1.302	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
				4	1->2	VA1.401			Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N35)/75DCQM25	2	7->8	VA1.304	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thị Thao (CBNN2003)	
				3	8->11	VA1.301			Nguyễn Thị Thao (CBNN2003)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N36)/75DCCD11	2	7->9	VA1.204	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
				3	9->12	VA1.204			Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
				2	7->9	VA1.204	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
				3	8->10	VA1.204			Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N37)/75DCXQ21	6	1->3	TN.203.C	18/08/25	26/10/25	Nguyễn Thị Thu Hoài (CBNN3020)	
				6	4->6	TN.203.C			Nguyễn Thị Thu Hoài (CBNN3020)	
###	DC1CB37	3	Tiếng Anh nâng cao-1-1-25(N38)/75DCXQ22	2	7->12	TN.202.C	18/08/25	26/10/25	Đương Thị Hoa Lư (CBNN3021)	
###	DC3CD18	3	Tiếng anh chuyên ngành-1-1-25(N01)/73DCCD21	2	7->10	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Đinh Đức Long (KHCB1005)	
				3	1->4	Trực tuyển			Đinh Đức Long (KHCB1005)	
				2	7->9	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Đinh Đức Long (KHCB1005)	
				3	2->4	Trực tuyển			Đinh Đức Long (KHCB1005)	

###	DC3CD18	3	Tiếng anh chuyên ngành-1-1-25(N02)/73DCCD22	2	2->6	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Đinh Đức Long (KHCB1005)	
				4	2->4	Trực tuyển			Đinh Đức Long (KHCB1005)	
				2	1->6	Trực tuyển			Đinh Đức Long (KHCB1005)	
###	DC3CD18	3	Tiếng anh chuyên ngành-1-1-25(N03)/73DCQX21	6	7->10	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Đinh Đức Long (KHCB1005)	
				6	7->10	Trực tuyển			Đinh Đức Long (KHCB1005)	
				4	7->10	Trực tuyển			Đinh Đức Long (KHCB1005)	
###	DC3CD18	3	Tiếng anh chuyên ngành-1-1-25(N04)/73DCQX22	6	3->6	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Đinh Đức Long (KHCB1005)	
				6	3->6	Trực tuyển			Đinh Đức Long (KHCB1005)	
				4	3->6	Trực tuyển			Đinh Đức Long (KHCB1005)	
###	DC3HT18	3	Tiếng anh chuyên ngành-1-1-25(N05)/74DCHT21	5	8->11	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				6	8->11	Trực tuyển			Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				5	8->10	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				6	8->10	Trực tuyển			Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
###	DC3HT18	3	Tiếng anh chuyên ngành-1-1-25(N06)/74DCHT22	2	8->11	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				4	2->5	Trực tuyển			Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				2	7->9	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
				4	2->4	Trực tuyển			Tạ Thị Hòa (KHCB1007)	
###	DC3HT18	3	Tiếng anh chuyên ngành-1-1-25(N07)/74DCHT23	5	1->4	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				6	1->4	Trực tuyển			Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				5	1->3	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				6	1->3	Trực tuyển			Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
###	DC3HT18	3	Tiếng anh chuyên ngành-1-1-25(N08)/74DCHT24	4	8->11	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				6	8->11	Trực tuyển			Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				5	4->6	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
				6	4->6	Trực tuyển			Cao Thị Thu Nga (CBNN3002)	
###	DC3CD18	3	Tiếng anh chuyên ngành-1-1-25(N09)/74DCCD21	2	4->6	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
				3	4->6	Trực tuyển			Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
				2	3->6	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
				3	3->6	Trực tuyển			Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
###	DC3CD18	3	Tiếng anh chuyên ngành-1-1-25(N10)/74DCCD22	2	7->12	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
				2	8->11	Trực tuyển			Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
				3	9->12	Trực tuyển			Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
###	DC3CD18	0	Tiếng anh chuyên ngành-1-1-25(N11)/74DCCD11	4	7->10	VA1.203	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
				5	10->12	VA1.203			Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
				4	8->11	VA1.203			Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	

				5	10->11	VA1.203	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Thọ (CBNN2004)	
###	DC3CN19	4	Toán chuyên ngành cơ điện tử-1-1-25(N01)/75DCCN21	3	7->11	A1.502	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				4	7->10	A1.504			Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				3	7->10	A1.502	08/09/25	19/10/25	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				4	7->10	A1.504			Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
###	DC3CN19	4	Toán chuyên ngành cơ điện tử-1-1-25(N02)/75DCCN22	2	7->11	A1.501	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				4	3->6	A1.503			Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				2	7->10	A1.501	08/09/25	19/10/25	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				4	3->6	A1.503			Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
###	DC3CN19	4	Toán chuyên ngành cơ điện tử-1-1-25(N03)/75DCCN23	2	7->11	C3.105	18/08/25	07/09/25	Vũ Dũng (CBTO3008)	
				3	7->10	C3.105			Vũ Dũng (CBTO3008)	
				2	7->10	C3.105	08/09/25	19/10/25	Vũ Dũng (CBTO3008)	
				3	7->10	C3.105			Vũ Dũng (CBTO3008)	
###	DC3CN19	4	Toán chuyên ngành cơ điện tử-1-1-25(N04)/75DCCO21	5	7->11	A1.501	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				6	7->10	A1.503			Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				5	7->10	A1.501	08/09/25	19/10/25	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				6	7->10	A1.503			Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
###	DC3CN19	4	Toán chuyên ngành cơ điện tử-1-1-25(N05)/75DCCO22	4	2->6	A1.502	18/08/25	07/09/25	Vũ Dũng (CBTO3008)	
				6	7->10	A1.502			Vũ Dũng (CBTO3008)	
				4	3->6	A1.502	08/09/25	19/10/25	Vũ Dũng (CBTO3008)	
				6	7->10	A1.502			Vũ Dũng (CBTO3008)	
###	DC3CN19	4	Toán chuyên ngành cơ điện tử-1-1-25(N06)/75DCCO23	2	2->6	A1.501	18/08/25	07/09/25	Vũ Dũng (CBTO3008)	
				3	3->6	A1.501			Vũ Dũng (CBTO3008)	
				2	3->6	A1.501	08/09/25	19/10/25	Vũ Dũng (CBTO3008)	
				3	3->6	A1.501			Vũ Dũng (CBTO3008)	
###	DC2KV36	2	Toán kinh tế-1-1-25(N01)/75DCKT21	4	4->6	A1.404	18/08/25	19/10/25	Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
				5	5->6	A1.403			Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
###	DC2KV36	2	Toán kinh tế-1-1-25(N02)/75DCKT22	4	11->12	A1.301	18/08/25	19/10/25	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				5	4->6	A1.402			Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
###	DC2KV36	2	Toán kinh tế-1-1-25(N03)/75DCKT23	4	1->3	A1.403	18/08/25	19/10/25	Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
				5	3->4	A1.401			Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
###	DC2KV36	2	Toán kinh tế-1-1-25(N04)/75DCKT24	4	7->8	A1.302	18/08/25	19/10/25	Thái Thị Kim Chung (CBTO4011)	
				5	10->12	A1.402			Thái Thị Kim Chung (CBTO4011)	
###	DC2KV36	2	Toán kinh tế-1-1-25(N05)/75DCKT25	6	7->11	A1.401	18/08/25	19/10/25	Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
###	DC2KV36	2	Toán kinh tế-1-1-25(N06)/75DCKT26	2	2->6	C3.104	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
###	DC2KV36	2	Toán kinh tế-1-1-25(N07)/75DCKT27	2	2->6	A3.403	08/09/25	19/10/25	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				5	1->3	C3.202			Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				6	11->12	C3.105	18/08/25	19/10/25	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
###	DC2KV36	2	Toán kinh tế-1-1-25(N08)/75DCTN21	5	2->6	C3.105	03/11/25	04/01/26	Lưu Thị Vân Anh (CBTO3004)	
###	DC2KV36	2	Toán kinh tế-1-1-25(N09)/75DCTN23	4	7->9	C3.203	03/11/25	04/01/26	Lưu Thị Vân Anh (CBTO3004)	
				6	7->8	C3.103			Lưu Thị Vân Anh (CBTO3004)	
###	DC2KV36	2	Toán kinh tế-1-1-25(N10)/75DCTN24	2	7->8	A1.303	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
				6	10->12	C3.201			Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
				3	5->6	A3.402	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
				6	10->12	C3.201			Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
###	DC2KV36	2	Toán kinh tế-1-1-25(N11)/75DCHQ21	5	2->6	A3.201	03/11/25	04/01/26	Dương Ngọc Đạt (KHCB1016)	
###	DC2KV36	2	Toán kinh tế-1-1-25(N12)/75DCHQ22	5	7->11	A3.204	03/11/25	04/01/26	Dương Ngọc Đạt (KHCB1016)	
###	DC2KV36	2	Toán kinh tế-1-1-25(N13)/75DCTN22	3	1->3	C3.101	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
				6	8->9	C3.106			Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
###	DC2KV36	2	Toán kinh tế-1-1-25(N14)/75DCKT11	2	11->12	VA1.202	18/08/25	19/10/25	Lê Thị Hậu (CBTO2002)	
				5	10->12	VA1.202			Lê Thị Hậu (CBTO2002)	

###	DC3OT21	2	Toán ứng dụng ngành-1-1-25(N01)/75DCOT21	5	7->10	A3.404	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
				6	10->12	A1.404	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
###	DC3OT21	2	Toán ứng dụng ngành-1-1-25(N02)/75DCOT22	6	7->10	A3.407	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
				6	7->9	A3.407	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
###	DC3OT21	2	Toán ứng dụng ngành-1-1-25(N03)/75DCOT23	4	1->2	A3.405	18/08/25	07/09/25	Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
				6	11->12	A3.407			Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
				4	1->3	A3.405	08/09/25	19/10/25	Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
###	DC3OT21	2	Toán ứng dụng ngành-1-1-25(N04)/75DCOT24	4	7->10	A3.403	18/08/25	07/09/25	Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
				4	10->12	A3.403	08/09/25	19/10/25	Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
###	DC3OT21	2	Toán ứng dụng ngành-1-1-25(N05)/75DCOT25	5	3->6	A3.404	18/08/25	07/09/25	Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
				5	4->6	A3.404	08/09/25	19/10/25	Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
###	DC3OT21	2	Toán ứng dụng ngành-1-1-25(N06)/75DCOT26_75DCOG22	2	9->12	C3.206	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
				2	10->12	C3.206	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
###	DC3OT21	2	Toán ứng dụng ngành-1-1-25(N07)/75DCOG21	2	7->8	A1.304	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
				5	11->12	A3.405			Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
				5	10->12	A3.405	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hà (KHCB1012)	
###	DC3OT21	2	Toán ứng dụng ngành-1-1-25(N08)/75DCOT11	4	1->3	VA1.201	18/08/25	28/09/25	Lê Thị Hậu (CBTO2002)	
				4	1->4	VA1.201	29/09/25	19/10/25	Lê Thị Hậu (CBTO2002)	
###	DC3OT21	2	Toán ứng dụng ngành-1-1-25(N09)/75DCOT12	6	10->12	VA1.201	18/08/25	28/09/25	Lê Thị Hậu (CBTO2002)	
				6	9->12	VA1.201	29/09/25	19/10/25	Lê Thị Hậu (CBTO2002)	
###	DC3OT21	2	Toán ứng dụng ngành-1-1-25(N10)/75DCCK21	3	10->12	A1.404	03/11/25	09/11/25	Vũ Xuân Nhâm (CBTO4000)	
				3	10->12	A1.404	10/11/25	16/11/25	Vũ Xuân Nhâm (CBTO4000)	
				3	10->12	A1.404	17/11/25	23/11/25	Vũ Xuân Nhâm (CBTO4000)	
				4	1->3	A3.308	24/11/25	14/12/25	Vũ Xuân Nhâm (CBTO4000)	
				4	1->4	A3.308	15/12/25	04/01/26	Vũ Xuân Nhâm (CBTO4000)	
###	DC3OT21	2	Toán ứng dụng ngành-1-1-25(N11)/75DCCK22	4	4->6	A1.502	03/11/25	14/12/25	Thái Thị Kim Chung (CBTO4011)	
				4	3->6	A1.502	15/12/25	04/01/26	Thái Thị Kim Chung (CBTO4011)	
###	DC3OT21	2	Toán ứng dụng ngành-1-1-25(N12)/75DCCK23	6	7->9	A3.404	03/11/25	23/11/25	Vũ Xuân Nhâm (CBTO4000)	
				6	7->9	A3.403	24/11/25	14/12/25	Vũ Xuân Nhâm (CBTO4000)	
				6	7->10	A3.407	15/12/25	04/01/26	Vũ Xuân Nhâm (CBTO4000)	
###	DC3OT21	2	Toán ứng dụng ngành-1-1-25(N13)/75DCCK24	4	10->12	A3.403	03/11/25	14/12/25	Thái Thị Kim Chung (CBTO4011)	
				4	9->12	A3.403	15/12/25	04/01/26	Thái Thị Kim Chung (CBTO4011)	
###	DC3OT21	2	Toán ứng dụng ngành-1-1-25(N14)/75DCCK25	6	10->12	A3.203	03/11/25	23/11/25	Vũ Xuân Nhâm (CBTO4000)	
				6	10->12	A3.404	24/11/25	30/11/25	Vũ Xuân Nhâm (CBTO4000)	
				6	10->12	A1.401	01/12/25	14/12/25	Vũ Xuân Nhâm (CBTO4000)	
				3	7->10	C3.203	15/12/25	04/01/26	Vũ Xuân Nhâm (CBTO4000)	
###	DC3OT38	3	Trang bị điện và các thiết bị điều khiển tự động trên ô tô 1-1-1-25(N01)/74DCOT27	4	2->5	A1.504	15/09/25	02/11/25	Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
				2	8->11	A1.202	03/11/25	28/12/25	Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
###	DC3OT38	3	Trang bị điện và các thiết bị điều khiển tự động trên ô tô 1-1-1-25(N02)/74DCOT26	2	9->12	A2.401	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Nhu (XUOT3008)	
				4	9->12	A3.201	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Văn Nhu (XUOT3008)	
				2	9->12	A1.303	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Văn Nhu (XUOT3008)	
###	DC3OT38	3	Trang bị điện và các thiết bị điều khiển tự động trên ô tô 1-1-1-25(N03)/74DCOT25	3	8->11	A1.203	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Hiệp (CKOT3011)	
				3	8->11	A1.203	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Văn Hiệp (CKOT3011)	
				3	8->11	A1.501	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Văn Hiệp (CKOT3011)	
			Trang bị điện và các thiết bị điều khiển tự động trên ô tô 1-1-1-	3	2->5	A1.204	18/08/25	02/11/25	Đỗ Ngọc Tiến (XUVP3002)	

###	DC3OT38	3	Trang bị điện và các thiết bị điều khiển tự động trên ô tô 1-1-1-25(N04)/74DCOT24	3	3->6	A1.503	01/12/25	28/12/25	Đỗ Ngọc Tiến (XUVP3002)	
###	DC3OT38	3	Trang bị điện và các thiết bị điều khiển tự động trên ô tô 1-1-1-25(N05)/74DCOT23	2	7->10	A1.301	18/08/25	02/11/25	Nguyễn Văn Hiệp (CKOT3011)	
				6	2->5	A3.202	01/12/25	28/12/25	Nguyễn Văn Hiệp (CKOT3011)	
###	DC3OT38	3	Trang bị điện và các thiết bị điều khiển tự động trên ô tô 1-1-1-25(N06)/74DCOT22	6	7->10	A1.202	18/08/25	05/10/25	Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
				6	9->12	A1.402	03/11/25	28/12/25	Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
###	DC3OT38	3	Trang bị điện và các thiết bị điều khiển tự động trên ô tô 1-1-1-25(N07)/74DCOT21	6	3->6	A5.303	18/08/25	05/10/25	Nguyễn Văn Hiệp (CKOT3011)	
				3	2->5	A3.407	03/11/25	28/12/25	Nguyễn Văn Hiệp (CKOT3011)	
###	DC3OT38	3	Trang bị điện và các thiết bị điều khiển tự động trên ô tô 1-1-1-25(N08)/74DCOT11	2	4->6	VA1.204	03/11/25	14/12/25	Thiều Sỹ Nam (CKVP2002)	
				6	1->3	VA1.204			Thiều Sỹ Nam (CKVP2002)	
				2	4->6	VA1.204			Thiều Sỹ Nam (CKVP2002)	
				3	5->6	VA1.204	15/12/25	04/01/26	Thiều Sỹ Nam (CKVP2002)	
				6	1->3	VA1.204			Thiều Sỹ Nam (CKVP2002)	
###	DC2MO56	2	Truyền thông môi trường-1-1-25(N01)/74DCMN21	3	10->11	A3.204	18/08/25	30/11/25	Lê Phú Tuấn (CTMT3013)	
###	DC2MX32	3	Truyền động máy xây dựng 1-1-1-25(N02)/74DCMX21	2	7->11	A1.302	18/08/25	19/10/25	Phạm Như Nam (CKMX3005)	
###	DC2MX32	3	Truyền động máy xây dựng 2-1-1-25(N01)/74DCMX21	2	7->9	A3.302	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Đăng Diệm (CKMX4002)	
				2	7->10	A3.302	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Đăng Diệm (CKMX4002)	
###	DC3DM44	3	Truyền động đoàn tàu-1-1-25(N01)/74DCDM21	5	5->6	A5.302	03/11/25	04/01/26	Trần Văn Hiếu (CKDM3004)	
				6	7->9	A5.302			Trần Văn Hiếu (CKDM3004)	
###	DC3CH33	2	Trí tuệ nhân tạo trong xây dựng công trình-1-1-25(N01)/74DCCH21	2	9->12	A5.303	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Trung Kiên (CTDK3006)	
				2	9->11	A5.303	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Trung Kiên (CTDK3006)	
###	DC3CH33	2	Trí tuệ nhân tạo trong xây dựng công trình-1-1-25(N02)/74DCCH22	4	1->4	A3.406	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Trung Kiên (CTDK3006)	
				4	1->3	A3.406	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Trung Kiên (CTDK3006)	
###	DC2TG24	3	Trí tuệ nhân tạo-1-1-25(N01)/74DCTG21	2	10->12	A2.502	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thị Thu Hiền (BMCT1003)	
				3	2->6	A2.501			Hoàng Thị Thu Hiền (BMCT1003)	
				3	1->6	A3.406	08/09/25	19/10/25	Hoàng Thị Thu Hiền (BMCT1003)	
###	DC2TG24	3	Trí tuệ nhân tạo-1-1-25(N02)/74DCTG22	2	7->11	A3.406	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thúy Hiền (CTDB3022)	
				3	1->3	C2.102			Nguyễn Thị Thúy Hiền (CTDB3022)	
				2	7->9	A3.406	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thúy Hiền (CTDB3022)	
				3	1->3	C3.104			Nguyễn Thị Thúy Hiền (CTDB3022)	
###	DC2CT16	3	Trắc địa-1-1-25(N01)/75DCCD11	4	10->12	VA1.204	03/11/25	04/01/26	Vũ Ngọc Quang (CTTL2003)	
				5	11->12	VA1.204			Vũ Ngọc Quang (CTTL2003)	
###	DC3HQ23	2	Trị giá hải quan-1-1-25(N01)/74DCHQ21	4	9->11	C3.205	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Quỳnh Trang (KVKK3014)	
				4	9->12	C3.205	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Quỳnh Trang (KVKK3014)	
###	DC3HQ23	2	Trị giá hải quan-1-1-25(N02)/74DCHQ22	2	4->6	A1.303	03/11/25	14/12/25	Trần Kim Thoa (KVTN3008)	
				2	1->4	A1.303	15/12/25	04/01/26	Trần Kim Thoa (KVTN3008)	
###	DC3TN26	3	Tài chính doanh nghiệp 2-1-1-25(N01)/74DCKT21	5	2->6	Thực tuyển	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thanh Hiền (KVTN3003)	
###	DC3TN26	3	Tài chính doanh nghiệp 2-1-1-25(N02)/74DCKT22	4	2->6	Thực tuyển	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Bích Ngọc (KVTN3005)	
###	DC3TN26	3	Tài chính doanh nghiệp 2-1-1-25(N03)/74DCKT23	5	7->11	Thực tuyển	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thanh Hiền (KVTN3003)	
###	DC3TN26	3	Tài chính doanh nghiệp 2-1-1-25(N04)/74DCKT24	3	2->6	Thực tuyển	18/08/25	19/10/25	Ngô Thị Thanh Nga (KVTN3006)	
###	DC3TN26	3	Tài chính doanh nghiệp 2-1-1-25(N05)/74DCKT25	3	7->11	Thực tuyển	18/08/25	19/10/25	Ngô Thị Thanh Nga (KVTN3006)	
###	DC3TN26	3	Tài chính doanh nghiệp 2-1-1-25(N06)/74DCKT26	6	2->6	Thực tuyển	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thanh Hiền (KVTN3003)	
###	DC3TN26	3	Tài chính doanh nghiệp 2-1-1-25(N07)/74DCKT27	4	2->6	Thực tuyển	18/08/25	19/10/25	Ngô Thị Thanh Nga (KVTN3006)	
###	DC3TN32	3	Tài chính doanh nghiệp 2-1-1-25(N08)/74DCTN24	3	2->6	Thực tuyển	18/08/25	19/10/25	Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
###	DC3TN32	3	Tài chính doanh nghiệp 2-1-1-25(N09)/74DCTN23	3	7->11	Thực tuyển	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Minh Nguyệt (KVTN3004)	
###	DC3TN32	3	Tài chính doanh nghiệp 2-1-1-25(N10)/74DCTN22	4	7->11	Thực tuyển	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Minh Nguyệt (KVTN3004)	
###	DC3TN32	3	Tài chính doanh nghiệp 2-1-1-25(N11)/74DCTN21	2	2->6	Thực tuyển	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Minh Nguyệt (KVTN3004)	

###	DC3TN26	3	Tài chính doanh nghiệp 2-1-1-25(N12)/74DCKT11	5	7->8	VA1.402	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Bích Ngọc (KVTN3005)	
				6	7->9	VA1.402			Nguyễn Bích Ngọc (KVTN3005)	
###	DC3TN35	4	Tài chính doanh nghiệp 3-1-1-25(N01)/74DCTN21	2	3->6	A3.405	03/11/25	14/12/25	Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
				3	5->6	A3.405			Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
				2	5->6	A3.405			Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
				3	5->6	A3.405	15/12/25	04/01/26	Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
				5	1->4	A1.304			Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
###	DC3TN35	4	Tài chính doanh nghiệp 3-1-1-25(N02)/74DCTN22	4	5->6	A3.404	03/11/25	14/12/25	Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
				5	9->12	A3.405			Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
				3	11->12	A3.405	15/12/25	04/01/26	Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
				4	5->6	A3.404			Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
				5	9->12	A3.405			Phan Thùy Dương (KVTN3007)	
###	DC3TN35	4	Tài chính doanh nghiệp 3-1-1-25(N03)/74DCTN23	3	7->10	A3.404	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thanh Hiền (KVTN3003)	
				5	2->3	A3.405			Nguyễn Thị Thanh Hiền (KVTN3003)	
				3	7->10	A3.404	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thanh Hiền (KVTN3003)	
				5	2->3	A3.405			Nguyễn Thị Thanh Hiền (KVTN3003)	
				6	1->2	A3.405			Nguyễn Thị Thanh Hiền (KVTN3003)	
				2	7->9	A3.403			Nguyễn Bích Ngọc (KVTN3005)	
###	DC3TN35	4	Tài chính doanh nghiệp 3-1-1-25(N04)/74DCTN24	6	4->6	A2.104	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Bích Ngọc (KVTN3005)	
				2	7->10	A3.403			Nguyễn Bích Ngọc (KVTN3005)	
				5	9->12	A1.401	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Bích Ngọc (KVTN3005)	
###	DC3KX37	3	Tài chính doanh nghiệp xây dựng-1-1-25(N01)/74DCQX21	4	7->8	A5.303	03/11/25	04/01/26	Phạm Đức Tấn (KVKX3001)	
###	DC3KX37	3	Tài chính doanh nghiệp xây dựng-1-1-25(N02)/74DCQX22	6	4->6	A5.303			Phạm Đức Tấn (KVKX3001)	
###	DC3KX37	3	Tài chính doanh nghiệp xây dựng-1-1-25(N03)/74DCQX23	3	2->6	A3.403	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hiền (XDCB3007)	
###	DC3KX37	3	Tài chính doanh nghiệp xây dựng-1-1-25(N03)/74DCQX23	3	11->12	A5.303			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				6	4->6	A3.406	03/11/25	04/01/26	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
###	DC3KX37	3	Tài chính doanh nghiệp xây dựng-1-1-25(N04)/74DCKX21	4	7->11	A6.502	03/11/25	04/01/26	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
###	DC3KX37	3	Tài chính doanh nghiệp xây dựng-1-1-25(N05)/74DCKX22	3	2->4	A1.303			Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
				4	5->6	A1.302	03/11/25	04/01/26	Đỗ Thị Huyền (KVKK3013)	
###	DC3KX37	3	Tài chính doanh nghiệp xây dựng-1-1-25(N06)/74DCKX23	5	5->6	A1.501	03/11/25	23/11/25	Phạm Đức Tấn (KVKX3001)	
				6	9->11	A6.102			Phạm Đức Tấn (KVKX3001)	
				5	5->6	A1.501	24/11/25	14/12/25	Phạm Đức Tấn (KVKX3001)	
				6	7->9	A6.102			Phạm Đức Tấn (KVKX3001)	
				5	5->6	A1.501	15/12/25	04/01/26	Phạm Đức Tấn (KVKX3001)	
				6	7->9	A6.102			Phạm Đức Tấn (KVKX3001)	
###	DC3KX37	3	Tài chính doanh nghiệp xây dựng-1-1-25(N07)/74DCKX24	3	10->11	A1.204	03/11/25	04/01/26	Phạm Đức Tấn (KVKX3001)	
				5	1->3	A1.204			Phạm Đức Tấn (KVKX3001)	
###	DC3TN21	3	Tài chính quốc tế-1-1-25(N01)/74DCTN21	5	5->6	A1.304	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thanh Hiền (KVTN3003)	
				6	4->6	A1.403			Nguyễn Thị Thanh Hiền (KVTN3003)	
###	DC3TN21	3	Tài chính quốc tế-1-1-25(N02)/74DCTN22	4	2->4	A3.404	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Quỳnh Trang (KVKK3014)	
				5	7->8	A3.405			Nguyễn Thị Quỳnh Trang (KVKK3014)	
###	DC3TN21	3	Tài chính quốc tế-1-1-25(N03)/74DCTN23	4	7->8	A3.405	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Quỳnh Trang (KVKK3014)	
				5	4->6	A3.405			Nguyễn Thị Quỳnh Trang (KVKK3014)	
###	DC3TN21	3	Tài chính quốc tế-1-1-25(N04)/74DCTN24	5	7->9	A1.401	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thanh Hiền (KVTN3003)	
				6	2->3	A2.104			Nguyễn Thị Thanh Hiền (KVTN3003)	
				3	2->4	A1.201	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thanh Hiền (KVTN3003)	
				5	7->8	A1.401			Nguyễn Thị Thanh Hiền (KVTN3003)	
###	DC2VL23	3	Tài chính tiền tệ và thanh toán quốc tế-1-1-25(N01)/75DCVL21_75DCVS21	2	8->9	A3.306	03/11/25	23/11/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				4	7->10	A6.202			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				2	7->9	A3.306	24/11/25	14/12/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				4	7->10	A6.202			Lê Thị Liễu (KVS3007)	

				2	7->9	A3.306	15/12/25	04/01/26	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				4	7->10	C3.101			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
###	DC2VL23	3	Tài chính tiền tệ và thanh toán quốc tế-1-1-25(N02)/75DCVL22	3	11->12	A3.306	03/11/25	23/11/25	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				6	7->10	C3.101			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				3	11->12	A3.306	24/11/25	04/01/26	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				6	7->11	C3.101			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
###	DC2VL23	3	Tài chính tiền tệ và thanh toán quốc tế-1-1-25(N03)/75DCVL23	3	3->6	A3.204	03/11/25	23/11/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				6	7->8	A3.306			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				3	1->4	A3.204	24/11/25	04/01/26	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				6	7->9	A3.306			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
###	DC2KV67	3	Tài chính tiền tệ-1-1-25(N01)/75DCKT21	4	2->3	A1.404	18/08/25	19/10/25	Lê Thị Trang (KVCS3008)	
				5	2->4	A1.403			Lê Thị Trang (KVCS3008)	
###	DC2KV67	3	Tài chính tiền tệ-1-1-25(N02)/75DCKT22	6	7->11	A1.403	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Trọng Tài (KVTN3017)	
###	DC2KV67	3	Tài chính tiền tệ-1-1-25(N03)/75DCKT23	4	4->6	A1.403	18/08/25	19/10/25	Lê Thị Trang (KVCS3008)	
				5	5->6	A1.401			Lê Thị Trang (KVCS3008)	
###	DC2KV67	3	Tài chính tiền tệ-1-1-25(N04)/75DCKT24	4	9->10	A1.302	18/08/25	19/10/25	Lê Quốc Tuấn (KVTN4001)	
				5	7->9	A1.402			Lê Quốc Tuấn (KVTN4001)	
###	DC2KV67	3	Tài chính tiền tệ-1-1-25(N05)/75DCKT25	2	11->12	A3.303	18/08/25	07/09/25	Lê Thị Trang (KVCS3008)	
				3	4->6	A1.404			Lê Thị Trang (KVCS3008)	
				2	10->11	A3.303	08/09/25	19/10/25	Lê Thị Trang (KVCS3008)	
				3	4->6	A1.404			Lê Thị Trang (KVCS3008)	
###	DC2KV67	3	Tài chính tiền tệ-1-1-25(N06)/75DCKT26	6	2->6	A1.403	18/08/25	19/10/25	Lê Quốc Tuấn (KVTN4001)	
###	DC2KV67	3	Tài chính tiền tệ-1-1-25(N07)/75DCKT27	2	2->6	C3.202	18/08/25	19/10/25	Lê Thị Trang (KVCS3008)	
###	DC2KV67	3	Tài chính tiền tệ-1-1-25(N08)/75DCKT11	2	8->10	VA1.202	18/08/25	19/10/25	Kiều Doãn Hà (KVCS2001)	
				4	8->9	VA1.202			Kiều Doãn Hà (KVCS2001)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N01)/75DCMN21	5	1->3	A3.407	18/08/25	07/09/25	Cao Minh Quyền (CTDD3008)	
				6	4->6	A3.204			Cao Minh Quyền (CTDD3008)	
				5	1->3	A3.407	08/09/25	19/10/25	Cao Minh Quyền (CTDD3008)	
				6	3->6	A3.204			Cao Minh Quyền (CTDD3008)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N02)/75DCQM21	2	1->3	A1.401	18/08/25	07/09/25	Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				3	7->9	A3.304			Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				4	2->3	A1.303	08/09/25	19/10/25	Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				3	7->9	A3.304			Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N03)/75DCQM22	4	1->3	A1.303	08/09/25	19/10/25	Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				2	4->6	A3.405			Đổng Văn Phúc (CTDB3015)	
				3	10->12	A3.404	18/08/25	07/09/25	Đổng Văn Phúc (CTDB3015)	
				4	2->3	A3.403			Đổng Văn Phúc (CTDB3015)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N04)/75DCQM23	3	10->12	A3.404	08/09/25	19/10/25	Đổng Văn Phúc (CTDB3015)	
				4	4->6	A3.403			Đổng Văn Phúc (CTDB3015)	
				2	5->6	A3.404	18/08/25	07/09/25	Trần Thanh Hà (CTCV3002)	
				3	1->3	A3.405			Trần Thanh Hà (CTCV3002)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N05)/75DCQM24	6	1->3	A3.405	08/09/25	19/10/25	Trần Thanh Hà (CTCV3002)	
				2	4->6	A3.404			Trần Thanh Hà (CTCV3002)	
				3	1->3	A3.405	18/08/25	07/09/25	Trần Thanh Hà (CTCV3002)	
				2	2->3	A3.403			Trần Thanh Hà (CTCV3002)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N06)/75DCQM25	4	4->6	A3.404	08/09/25	19/10/25	Trần Thanh Hà (CTCV3002)	
				6	4->6	A3.404			Trần Thanh Hà (CTCV3002)	
				2	1->3	A3.404	18/08/25	07/09/25	Trần Thanh Hà (CTCV3002)	
				3	4->6	A3.404			Trần Thanh Hà (CTCV3002)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N06)/75DCQM25	3	2->3	C3.205	18/08/25	07/09/25	Lê Nho Thiện (CTCV3003)	
				5	7->9	C3.205			Lê Nho Thiện (CTCV3003)	
				6	1->3	C3.205			Lê Nho Thiện (CTCV3003)	

				3	1->3	C3.205	08/09/25	19/10/25	Lê Nho Thiện (CTCV3003)	
				6	1->3	C3.205			Lê Nho Thiện (CTCV3003)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N07)/75DCHT21	2	7->9	C3.202	18/08/25	07/09/25	Lê Nho Thiện (CTCV3003)	
				2	10->12	C3.202			Lê Nho Thiện (CTCV3003)	
				2	7->10	C3.202			Lê Nho Thiện (CTCV3003)	
				3	4->6	C3.103	08/09/25	19/10/25	Lê Nho Thiện (CTCV3003)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N08)/75DCHT22	2	7->12	C3.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Trường Chinh (CTCV3005)	
				2	7->10	C3.201	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Trường Chinh (CTCV3005)	
				3	4->6	A3.204			Nguyễn Trường Chinh (CTCV3005)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N09)/75DCHT23	3	4->6	C3.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Trường Chinh (CTCV3005)	
				5	1->3	C3.103			Nguyễn Trường Chinh (CTCV3005)	
				3	1->3	A1.404	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Trường Chinh (CTCV3005)	
				5	1->4	C3.103			Nguyễn Trường Chinh (CTCV3005)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N10)/75DCHT24	5	1->3	A3.302	18/08/25	07/09/25	Vũ Quang Dũng (CTTN3002)	
				6	4->6	A3.302			Vũ Quang Dũng (CTTN3002)	
				5	1->3	A3.302	08/09/25	19/10/25	Vũ Quang Dũng (CTTN3002)	
				6	3->6	A3.302			Vũ Quang Dũng (CTTN3002)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N11)/75DCLA21	3	4->6	A1.401	18/08/25	07/09/25	Vũ Quang Dũng (CTTN3002)	
				4	1->3	A1.401			Vũ Quang Dũng (CTTN3002)	
				3	3->6	A1.401	08/09/25	19/10/25	Vũ Quang Dũng (CTTN3002)	
				4	4->6	A1.401			Vũ Quang Dũng (CTTN3002)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N12)/75DCTD21	2	4->6	A3.403	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Hữu Anh (CTTN3008)	
				5	4->6	A3.401			Nguyễn Hữu Anh (CTTN3008)	
				2	5->6	A3.403			Nguyễn Hữu Anh (CTTN3008)	
				5	5->6	A1.101	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Hữu Anh (CTTN3008)	
				6	7->9	A6.202			Nguyễn Hữu Anh (CTTN3008)	
				2	5->6	C3.102			Nguyễn Hữu Anh (CTTN3008)	
				5	5->6	C3.206	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Hữu Anh (CTTN3008)	
				6	7->9	A3.204			Nguyễn Hữu Anh (CTTN3008)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N13)/75DCTD22	4	10->12	A1.201	03/11/25	23/11/25	Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				5	1->3	A6.502			Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				5	1->4	A1.401	24/11/25	30/11/25	Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				6	1->3	C3.103			Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				5	1->4	A1.404	01/12/25	07/12/25	Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				6	1->3	C3.103			Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				5	1->4	A1.404	08/12/25	14/12/25	Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				6	1->3	C3.103			Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				5	3->6	C3.106	15/12/25	04/01/26	Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
				6	1->3	C3.103			Phan Văn Thoại (CTTL3010)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N14)/75DCTD23	2	4->6	C3.101	03/11/25	09/11/25	Hoàng Minh Hiếu (TTCS3017)	
				5	10->12	A1.501			Hoàng Minh Hiếu (TTCS3017)	
				2	4->6	C3.101	10/11/25	16/11/25	Hoàng Minh Hiếu (TTCS3017)	
				5	10->12	A1.501			Hoàng Minh Hiếu (TTCS3017)	
				2	4->6	C3.101	17/11/25	23/11/25	Hoàng Minh Hiếu (TTCS3017)	
				5	10->12	A1.501			Hoàng Minh Hiếu (TTCS3017)	
				3	11->12	C3.101	24/11/25	14/12/25	Hoàng Minh Hiếu (TTCS3017)	
				5	7->11	A1.501			Hoàng Minh Hiếu (TTCS3017)	
				2	11->12	C3.204	15/12/25	04/01/26	Hoàng Minh Hiếu (TTCS3017)	
				5	7->11	A1.501			Hoàng Minh Hiếu (TTCS3017)	
				4	4->6	A1.104	03/11/25	23/11/25	Hoàng Vũ (DTN3003)	
				5	1->3	A3.306			Hoàng Vũ (DTN3003)	

###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N15)/75DCTD24	3	1->3	A3.202	24/11/25	14/12/25	Hoàng Vũ (DTN3003)	
				4	5->6	A1.104			Hoàng Vũ (DTN3003)	
				5	7->8	C3.203			Hoàng Vũ (DTN3003)	
				3	1->3	C3.206	15/12/25	04/01/26	Hoàng Vũ (DTN3003)	
				4	5->6	A1.404			Hoàng Vũ (DTN3003)	
				5	7->8	C3.203			Hoàng Vũ (DTN3003)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N16)/75DCTN21	3	3->4	C3.105	03/11/25	23/11/25	Hoàng Vũ (DTN3003)	
				4	7->10	A3.201			Hoàng Vũ (DTN3003)	
				3	4->6	C3.105	24/11/25	30/11/25	Hoàng Vũ (DTN3003)	
				4	7->10	C3.106			Hoàng Vũ (DTN3003)	
				3	4->6	C3.105	01/12/25	07/12/25	Hoàng Vũ (DTN3003)	
				4	7->10	C3.106			Hoàng Vũ (DTN3003)	
				3	4->6	C3.105	08/12/25	14/12/25	Hoàng Vũ (DTN3003)	
				4	7->10	C3.106			Hoàng Vũ (DTN3003)	
				3	4->6	C3.105	15/12/25	04/01/26	Hoàng Vũ (DTN3003)	
				4	7->10	C3.106			Hoàng Vũ (DTN3003)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N17)/75DCTN23	2	3->6	A3.204	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				4	10->11	C3.203			Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				2	2->6	A3.204	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				4	10->11	C3.203			Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N18)/75DCTN24	3	1->6	A3.402	03/11/25	09/11/25	Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				3	1->6	A3.402			Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				3	1->6	A3.402	17/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				2	10->12	C3.203			Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				3	1->4	A3.402	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				2	10->12	C3.203			Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				3	1->4	A3.402			Nguyễn Thị Thu Nga (CSKT3007)	
				2	9->10	A6.202	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Ngọc Bích (BMCT1020)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N19)/75DCHQ21	4	1->4	A6.202			Nguyễn Thị Ngọc Bích (BMCT1020)	
				2	8->10	A6.202	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Ngọc Bích (BMCT1020)	
				4	1->4	A6.202			Nguyễn Thị Ngọc Bích (BMCT1020)	
				2	11->12	A3.204	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Ngọc Bích (BMCT1020)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N20)/75DCHQ22	4	7->10	C3.104			Nguyễn Thị Ngọc Bích (BMCT1020)	
				2	11->12	A3.204	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Ngọc Bích (BMCT1020)	
				4	7->11	C3.104			Nguyễn Thị Ngọc Bích (BMCT1020)	
				2	11->12	A3.204	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Ngọc Bích (BMCT1020)	
				4	7->11	C3.104			Nguyễn Thị Ngọc Bích (BMCT1020)	
				3	9->11	A3.401	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Long Khánh (KHCHN3012)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N21)/75DCCN21	4	1->3	A3.401			Nguyễn Long Khánh (KHCHN3012)	
				3	10->12	A3.401	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Long Khánh (KHCHN3012)	
				4	3->6	A3.401			Nguyễn Long Khánh (KHCHN3012)	
				2	10->12	A3.308	03/11/25	23/11/25	Phạm Thị Phương Loan (BMCT1005)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N22)/75DCCN22	3	1->3	A3.401			Phạm Thị Phương Loan (BMCT1005)	
				2	7->11	A3.308	24/11/25	04/01/26	Phạm Thị Phương Loan (BMCT1005)	
				3	1->2	A3.401			Phạm Thị Phương Loan (BMCT1005)	

###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N23)/75DCCN23	2	7->9	C3.102	03/11/25	23/11/25	Ngô Quốc Trinh (KHCN3001)	
				4	7->9	C3.106			Ngô Quốc Trinh (KHCN3001)	
				5	4->6	A3.308	24/11/25	04/01/26	Ngô Quốc Trinh (KHCN3001)	
				6	3->6	A6.202			Ngô Quốc Trinh (KHCN3001)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N24)/75DCTN22	3	4->5	C3.101	03/11/25	23/11/25	Ngô Quốc Trinh (KHCN3001)	
				5	7->10	C3.106			Ngô Quốc Trinh (KHCN3001)	
				3	4->6	C3.101	24/11/25	04/01/26	Ngô Quốc Trinh (KHCN3001)	
				5	7->10	C3.106			Ngô Quốc Trinh (KHCN3001)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N25)/75DCCO21	3	2->5	VA1.301	03/11/25	11/01/26	Phạm Hồng Quân (CTCA3023)	
				5	1->2	VA1.301			Phạm Hồng Quân (CTCA3023)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N26)/75DCCO22	4	8->11	VA1.301	03/11/25	11/01/26	Phạm Hồng Quân (CTCA3023)	
				4	1->2	VA1.301			Phạm Hồng Quân (CTCA3023)	
###	DC1CB78	3	Tư duy hệ thống-1-1-25(N27)/75DCCO23	2	5->6	VA1.301	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thị Thanh Tâm (CTTN2002)	
				5	8->11	VA1.302			Nguyễn Thị Thanh Tâm (CTTN2002)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N01)/74DCCN21_74DCCN22	5	7->9	Tầng 4 - Thư viện	18/08/25	07/09/25	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
				6	7->10	Tầng 4 - Thư viện			Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
				5	7->9	A3.301	08/09/25	14/09/25	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
				5	7->9	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N03)/74DCCN23_75DCKT27	3	10- >12	A5.201	18/08/25	07/09/25	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
				4	7->10	A5.201			Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
				4	7->9	A5.201	08/09/25	14/09/25	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
				4	7->9	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N04)/75DCKT21_75DCKT22	2	7->10	A5.201	18/08/25	07/09/25	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
				3	7->9	A5.201			Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
				2	7->9	A5.201	08/09/25	14/09/25	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
				2	7->9	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N06)/75DCKT23_75DCKT24	2	3->6	A5.202	18/08/25	07/09/25	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
				3	4->6	A5.202			Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
				2	4->6	A5.202	08/09/25	14/09/25	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
				2	4->6	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N08)/75DCKT25_75DCKT26	4	3->6	A5.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hà (LLTT3011)	
				5	4->6	A5.201			Nguyễn Thị Thu Hà (LLTT3011)	
				4	4->6	A5.201	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thu Hà (LLTT3011)	
				4	4->6	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hà (LLTT3011)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N11)/75DCQT21_75DCQT22	5	1->3	A6.201	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hà (LLTT3011)	
				5	2->6	A6.201	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thu Hà (LLTT3011)	
				5	2->6	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hà (LLTT3011)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N13)/75DCQT23	4	7->9	A1.202	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hà (LLTT3011)	
				5	7->11	A2.104	08/09/25	14/09/25	Nguyễn Thị Thu Hà (LLTT3011)	
				5	7->11	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hà (LLTT3011)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N14)/75DCTT21_75DCTT22	3	1->3	A5.202	18/08/25	07/09/25	Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
				3	2->6	A5.202	08/09/25	14/09/25	Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
				3	2->6	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N16)/75DCTT23_75DCTT24	2	1->4	Tầng 4 - Thư viện	18/08/25	07/09/25	Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
				3	7->9	Tầng 4 - Thư viện			Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
				3	7->9	A5.201	08/09/25	14/09/25	Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
				3	7->9	Trực tuyển	15/09/25	19/10/25	Vũ Đình Năm (LLTT3007)	

###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N18)/75DCTT25_75DCTT26	3	4->6	Tầng 4 - Thư viện	18/08/25	07/09/25	Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
				4	1->4	A5.202			Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
				4	4->6	A5.202	08/09/25	14/09/25	Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
				4	4->6	Trực tuyến	15/09/25	19/10/25	Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N20)/75DCTTA2_75DCTTA4	2	7->10	A6.102	18/08/25	07/09/25	Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
				3	10->12	A6.102			Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
				3	10->12	A6.102	08/09/25	14/09/25	Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
				3	10->12	A6.102	15/09/25	19/10/25	Vũ Đình Năm (LLTT3007)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N22)/75DCLG21_75DCLG22	5	2->6	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Lê Thu Trang (LLDL2002)	
				5	4->6	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Lê Thu Trang (LLDL2002)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N24)/75DCLG23_75DCLG24	5	2->6	Trực tuyến	03/11/25	14/12/25	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
				5	4->6	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N26)/75DCLGJ2_75DCLGJ4	6	2->6	C3.202	03/11/25	14/12/25	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
				6	4->6	C3.202	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Kiều Ly (LLTT3004)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N28)/75DCTG21	4	4->6	Trực tuyến	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Thu Hà (LLTT3011)	
				4	2->6	Trực tuyến	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hà (LLTT3011)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N30)/75DCKT11_TT11	3	8->11	VA4.402	18/08/25	28/09/25	Lê Thu Trang (LLDL2002)	
				3	7->11	VA4.402	29/09/25	19/10/25	Lê Thu Trang (LLDL2002)	
###	DC1LL03	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-25(N31)/75DCEN21_EN22	6	2->5	VA1.203	03/11/25	04/01/26	Lê Thu Trang (LLDL2002)	
				6	3->5	VA1.203	05/01/26	11/01/26	Lê Thu Trang (LLDL2002)	
###	DC1CB45	2	Tối ưu hóa-1-1-25(N01)/75DCLG21	4	2->4	C3.106	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				2	9->12	C3.106	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
###	DC1CB45	2	Tối ưu hóa-1-1-25(N02)/75DCLG22	4	7->9	C3.206	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				4	7->8	C3.206	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				6	11->12	C3.104			Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
###	DC1CB45	2	Tối ưu hóa-1-1-25(N03)/75DCLG23	4	10->12	C3.101	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				4	3->6	C3.206	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
###	DC1CB45	2	Tối ưu hóa-1-1-25(N04)/75DCLG24	2	7->9	C3.206	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
				6	7->10	A6.202	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thị Cẩm Thạch (CBTO3002)	
###	DC1CB45	2	Tối ưu hóa-1-1-25(N05)/75DCLGJ2	4	9->11	A3.406	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Đức Hùng (CBTO3010)	
				4	9->12	A3.406	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Đức Hùng (CBTO3010)	
###	DC1CB45	2	Tối ưu hóa-1-1-25(N06)/75DCLGJ4	4	4->6	A3.302	03/11/25	16/11/25	Nguyễn Đức Hùng (CBTO3010)	
				4	4->6	A3.302	17/11/25	30/11/25	Nguyễn Đức Hùng (CBTO3010)	
				4	4->6	A3.302	01/12/25	14/12/25	Nguyễn Đức Hùng (CBTO3010)	
				4	3->6	A3.302	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Đức Hùng (CBTO3010)	
###	DC3TG32	3	Tổ chức giao thông-1-1-25(N01)/73DCTG21	5	10->12	A2.204	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Trọng Dũng (CTDB3021)	
				5	10->12	A6.502	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Trọng Dũng (CTDB3021)	
				3	1->3	A1.302	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Trọng Dũng (CTDB3021)	
###	DC3QT25	3	Tổ chức và điều hành sản xuất-1-1-25(N01)/74DCQT21	2	7->9	A1.402	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				3	1->3	A1.403			Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				2	11->12	A1.402	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	

				3	1->2	A1.403	13/12/25	04/01/26	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				5	3->6	A1.504			Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
###	DC3QT25	3	Tổ chức và điều hành sản xuất-1-1-25(N02)/74DCQT22	2	1->3	A1.503	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				3	4->6	A1.402			Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				2	2->4	A1.503	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				3	4->6	A1.402			Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				11->12	A1.403				Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				4					Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
###	DC3QT25	3	Tổ chức và điều hành sản xuất-1-1-25(N03)/74DCQT23	5	4->6	A1.403	03/11/25	14/12/25	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				6	7->9	C3.206			Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				2	1->4	A1.403	15/12/25	04/01/26	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				5	3->6	A1.403			Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
###	DC3KV21	3	Tổ chức xếp dỡ-1-1-25(N01)/74DCVL21	4	3->4	A3.308	18/08/25	19/10/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				5	1->3	A3.308			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
###	DC3KV21	3	Tổ chức xếp dỡ-1-1-25(N02)/74DCVL22	2	10->11	C3.104	18/08/25	07/09/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				5	1->3	A3.306			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				2	10->11	C3.204	08/09/25	19/10/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				5	1->3	A3.306			Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				3	2->6	A3.401	18/08/25	19/10/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				4	3->4	A1.101			Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
###	DC3KV21	3	Tổ chức xếp dỡ-1-1-25(N04)/74DCVL24	5	7->9	A2.104	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				4	3->4	C3.103			Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				5	9->11	C3.104	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				4	9->10	A3.308			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
###	DC3KV21	3	Tổ chức xếp dỡ-1-1-25(N05)/74DCVL25	6	4->6	A1.103	18/08/25	19/10/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				2	7->9	A6.202			Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
###	DC3KV21	3	Tổ chức xếp dỡ-1-1-25(N06)/74DCVL26	4	1->2	C3.201	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Hải (KVS3018)	
				4	7->8	A2.401			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
###	DC3KV21	3	Tổ chức xếp dỡ-1-1-25(N07)/74DCVL27	5	7->9	C3.106	18/08/25	07/09/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				4	7->8	C3.103			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				5	7->9	C3.202	08/09/25	19/10/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				4					Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
###	DC3CA65	2	Tổng luận và mô tả câu-1-1-25(N01)/74DCCD21	3	10->12	A5.302	03/11/25	14/12/25	Trần Anh Tuấn (CTCA3014)	
				3	9->12	A5.302			Trần Anh Tuấn (CTCA3014)	
###	DC3CA65	2	Tổng luận và mô tả câu-1-1-25(N02)/74DCCD22	3	4->6	A5.302	03/11/25	14/12/25	Trần Anh Tuấn (CTCA3014)	
				3	3->6	A5.302			Trần Anh Tuấn (CTCA3014)	
###	DC3CA65	2	Tổng luận và mô tả câu-1-1-25(N03)/74DCCD11	2	7->9	VA1.203	03/11/25	14/12/25	Phạm Hồng Quân (CTCA3023)	
				2	7->10	VA1.203			Phạm Hồng Quân (CTCA3023)	
###	DC3EN29	2	Từ vựng học tiếng Anh-1-1-25(N01)/75DCEN21	5	2->6	A1.202	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
				5	2->6	A1.202			Nguyễn Thị Mỹ Trang (CBNN3006)	
###	DC3EN29	2	Từ vựng học tiếng Anh-1-1-25(N02)/75DCEN22	2	2->6	A3.406	18/08/25	19/10/25	Phạm Thị Bích Ngọc (CBNN3013)	
###	DC2MO14	3	Vi sinh trong kỹ thuật môi trường-1-1-25(N01)/75DCMN21	3	10->12	A1.301	03/11/25	14/12/25	Phạm Thị Ngọc Thùy (CTMT3011)	
				6	11->12	A3.302			Phạm Thị Ngọc Thùy (CTMT3011)	
				3	8->12	Phòng thực hành	15/12/25	04/01/26	Phạm Thị Ngọc Thùy (CTMT3011)	
				6	1->5	Phòng thực hành			Phạm Thị Ngọc Thùy (CTMT3011)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N01)/75DCTN21	2	1->3	C3.206	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
				3	1->3	C3.202			Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
				2	1->3	C3.206	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
				3	1->2	C3.202			Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N02)/75DCTN22	4	2->3	C3.202	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
				3	10->12	C3.205			Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
				4	7->9	C3.205			Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	

###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N02)/75DCTN22	3	11->12	C3.205	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
				4	7->11	C3.205			Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N03)/75DCTN23	3	4->6	C3.206	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				6	1->3	C3.105			Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				3	3->6	C3.206			Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				4	1->3	C3.203	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N04)/75DCTN24	2	10->11	C3.203	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				3	7->8	C3.203			Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				6	4->5	C3.203			Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				2	11->12	C3.203	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				3	7->9	C3.203			Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				6	4->5	C3.203			Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N05)/75DCHQ21	2	7->8	C3.204	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
				6	7->10	C3.103			Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
				2	7->9	C3.204	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
				6	7->10	C3.103			Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N06)/75DCHQ22	5	1->3	C3.105	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
				6	4->6	C3.206			Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
				2	2->3	C3.104	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
				5	1->3	C3.105			Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N07)/75DCKT21	6	5->6	C3.206			Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
				3	1->6	Trực tuyến	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				3	8->10	Trực tuyến	24/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				3	3->6	Trực tuyến			Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				3	8->11	Trực tuyến	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N08)/75DCKT22	3	4->6	Trực tuyến			Nguyễn Thị Hạnh (KVQT3017)	
				5	1->6	Trực tuyến	03/11/25	23/11/25	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
				3	4->6	Trực tuyến	24/11/25	04/01/26	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
				3	8->11	Trực tuyến			Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N09)/75DCKT23	5	7->12	Trực tuyến	03/11/25	23/11/25	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
				5	7->10	Trực tuyến	24/11/25	04/01/26	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
				5	3->5	Trực tuyến			Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N10)/75DCKT24	3	7->9	Trực tuyến	03/11/25	23/11/25	Dương Văn Nhung (KVQT3004)	
				3	3->5	Trực tuyến			Dương Văn Nhung (KVQT3004)	
				3	3->6	Trực tuyến	24/11/25	04/01/26	Dương Văn Nhung (KVQT3004)	
				3	8->10	Trực tuyến			Dương Văn Nhung (KVQT3004)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N11)/75DCKT25	4	7->9	Trực tuyến	03/11/25	23/11/25	Dương Văn Nhung (KVQT3004)	
				4	3->5	Trực tuyến			Dương Văn Nhung (KVQT3004)	
				4	3->6	Trực tuyến	24/11/25	04/01/26	Dương Văn Nhung (KVQT3004)	
				4	8->10	Trực tuyến			Dương Văn Nhung (KVQT3004)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N12)/75DCKT26	4	7->12	Trực tuyến	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
				4	8->10	Trực tuyến	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	

				4	3->6	Trúc tuyển	27/11/25	07/01/26	Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N13)/75DCKT27	2	7->12	Trúc tuyển	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
				2	3->5	Trúc tuyển	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
				2	7->10	Trúc tuyển			Nguyễn Thị Diệp (KVQT3030)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N14)/75DCOT21	6	7->8	VA1.203	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
				6	3->6	VA1.201			Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N15)/75DCOT22	6	7->12	VA1.304	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thị Thu Huyền (KVQT3024)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N16)/75DCOT23	2	2->3	VA1.201	03/11/25	11/01/26	Quách Thị Vân Anh (KVCS2003)	
				6	2->5	VA1.301			Quách Thị Vân Anh (KVCS2003)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N17)/75DCOT24	6	7->12	VA1.401	03/11/25	11/01/26	Đặng Thị Thanh Huyền (KVCS3012)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N18)/75DCOT25	3	9->12	VA1.203	03/11/25	11/01/26	Trần Thị Kim Phượng (DTAO2002)	
				4	1->2	VA1.203			Trần Thị Kim Phượng (DTAO2002)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N19)/75DCOT26_OG22	4	2->5	VA1.201	03/11/25	11/01/26	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
				4	7->8	VA1.302			Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N20)/75DCOG21	2	7->8	VA1.301	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
				4	2->5	VA1.302			Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N22)/75DCOT11	2	9->12	VA1.301	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
				6	1->2	VA1.302			Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N23)/75DCOT12	3	1->2	VA1.201	03/11/25	11/01/26	Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
				6	9->12	VA1.302			Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
###	DC1CB79	3	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp-1-1-25(N24)/75DCKT11	3	7->10	VA1.202	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
				4	10->12	VA1.202			Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
				3	7->9	VA1.202	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
				4	10->12	VA1.202			Nguyễn Thị Thu Phương (KVCS2002)	
###	DC3VL27	3	Vận tải hàng hóa quốc tế-1-1-25(N01)/74DCLG21	2	7->9	A1.303	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
				5	5->6	A1.203			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
###	DC3VL27	3	Vận tải hàng hóa quốc tế-1-1-25(N02)/74DCLG22	2	5->6	A3.202	18/08/25	19/10/25	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
				3	7->9	A3.303			Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
###	DC3VL27	3	Vận tải hàng hóa quốc tế-1-1-25(N03)/74DCLG23	4	5->6	C3.104	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
				5	7->9	C3.104			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
				4	5->6	C3.104	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
				6	10->12	C3.104			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVSB3002)	
###	DC3VL27	3	Vận tải hàng hóa quốc tế-1-1-25(N04)/74DCLG24	4	2->6	A1.203	18/08/25	19/10/25	Hoàng Thị Thanh (KVCS3006)	
###	DC3VL56	2	Vận tải đường bộ-1-1-25(N01)/74DCVL21	2	7->9	A1.104	03/11/25	14/12/25	Hoàng Văn Lâm (KVSB3001)	
				2	7->10	A1.104	15/12/25	04/01/26	Hoàng Văn Lâm (KVSB3001)	
###	DC3VL56	2	Vận tải đường bộ-1-1-25(N02)/74DCVL22	3	1->3	C3.201	03/11/25	14/12/25	Hà Nguyễn Khánh (KVSB3003)	
				3	1->4	C3.201	15/12/25	04/01/26	Hà Nguyễn Khánh (KVSB3003)	
###	DC3VL56	2	Vận tải đường bộ-1-1-25(N03)/74DCVL23	2	10->12	A1.103	03/11/25	14/12/25	Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
				2	11->12	A1.103	15/12/25	04/01/26	Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
				5	7->8	A3.203			Lê Thị Liễu (KVSB3007)	
###	DC3VL56	2	Vận tải đường bộ-1-1-25(N04)/74DCVL24	3	1->3	A1.101	03/11/25	14/12/25	Phạm Công Giang (KVSB3009)	
				2	7->8	A3.304	15/12/25	04/01/26	Phạm Công Giang (KVSB3009)	
				4	1->2	A3.304			Phạm Công Giang (KVSB3009)	

###	DC3VL56	2	Vận tải đường bộ-1-1-25(N05)/74DCVL25	2	4->6	A1.201	03/11/25	14/12/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				5	9->12	A1.103	15/12/25	04/01/26	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
###	DC3VL56	2	Vận tải đường bộ-1-1-25(N06)/74DCVL26	4	1->3	A3.204	03/11/25	14/12/25	Phạm Công Giang (KVS3009)	
				6	3->6	A1.404	15/12/25	04/01/26	Phạm Công Giang (KVS3009)	
###	DC3VL56	2	Vận tải đường bộ-1-1-25(N07)/74DCVL27	2	1->3	A1.402	03/11/25	14/12/25	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
				2	1->4	A1.402	15/12/25	04/01/26	Lê Thị Liễu (KVS3007)	
###	DC3VL50	3	Vận tải đường sắt-1-1-25(N01)/74DCVL21	3	1->3	A3.304	18/08/25	19/10/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				5	4->5	A3.308			Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
###	DC3VL50	3	Vận tải đường sắt-1-1-25(N02)/74DCVL22	4	1->2	C3.103	18/08/25	07/09/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				5	4->6	A3.306			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				4	1->2	C3.105	08/09/25	19/10/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				5	4->6	A3.306			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				2	7->9	A3.306	18/08/25	07/09/25	Hoàng Văn Lâm (KVS3001)	
###	DC3VL50	3	Vận tải đường sắt-1-1-25(N03)/74DCVL23	4	7->8	A1.304			Hoàng Văn Lâm (KVS3001)	
				2	7->9	A3.306	08/09/25	19/10/25	Hoàng Văn Lâm (KVS3001)	
				4	7->8	A1.304			Hoàng Văn Lâm (KVS3001)	
				4	5->6	A1.101	18/08/25	07/09/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
###	DC3VL50	3	Vận tải đường sắt-1-1-25(N04)/74DCVL24	6	1->3	A1.104			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				4	5->6	C3.103	08/09/25	19/10/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				6	1->3	A1.104			Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				3	4->6	C3.101	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
###	DC3VL50	3	Vận tải đường sắt-1-1-25(N05)/74DCVL25	4	7->8	A3.308			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
###	DC3VL50	3	Vận tải đường sắt-1-1-25(N06)/74DCVL26	2	10->12	A6.202	18/08/25	19/10/25	Hoàng Văn Lâm (KVS3001)	
				4	5->6	C3.201			Hoàng Văn Lâm (KVS3001)	
				4	11->12	A2.401	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
###	DC3VL50	3	Vận tải đường sắt-1-1-25(N07)/74DCVL27	5	10->12	C3.106			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				4	11->12	C3.103	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				5	10->12	C3.202			Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				5	7->10	A6.202	03/11/25	14/12/25	Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
###	DC2DT21	4	Vật liệu và linh kiện điện tử-1-1-25(N01)/75DCDT21	6	3->6	A1.202			Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
				5	7->10	A6.202	15/12/25	04/01/26	Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
				6	2->6	A1.202			Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
				2	4->6	A3.302	03/11/25	14/12/25	Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
###	DC2DT21	4	Vật liệu và linh kiện điện tử-1-1-25(N02)/75DCDT22	5	10->12	A6.502			Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				6	5->6	A6.102			Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				2	5->6	A1.302	15/12/25	04/01/26	Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				5	10->12	A6.502			Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				6	1->4	A6.102			Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				2	7->10	A3.202	03/11/25	23/11/25	Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
###	DC2DT21	4	Vật liệu và linh kiện điện tử-1-1-25(N03)/75DCDT23	4	7->10	A1.204			Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				2	7->10	A3.202	24/11/25	14/12/25	Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				4	7->10	A1.204			Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				2	7->10	A3.202	15/12/25	04/01/26	Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				4	7->11	A1.204			Dương Xuân Núi (TTDT3022)	
				2	7->8	A1.302	03/11/25	23/11/25	Ngô Thị Thu Tình (TTDT3013)	
###	DC2DT21	4	Vật liệu và linh kiện điện tử-1-1-25(N04)/75DCDTJ2	3	7->10	A3.403			Ngô Thị Thu Tình (TTDT3013)	
				5	1->3	C3.103	24/11/25	04/01/26	Ngô Thị Thu Tình (TTDT3013)	
				2	7->9	A1.302			Ngô Thị Thu Tình (TTDT3013)	
				3	7->10	A3.403			Ngô Thị Thu Tình (TTDT3013)	
				5	2->3	C3.103			Ngô Thị Thu Tình (TTDT3013)	

###	DC2DT21	4	Vật liệu và linh kiện điện tử-1-1-25(N05)/75DCVM21	2	3->6	A3.402	03/11/25	14/12/25	Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				3	7->10	A3.402			Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				2	4->6	A3.402	15/12/25	04/01/26	Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				3	7->10	A3.402			Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
				5	2->3	A3.402			Trần Khoa Đăng (TTDT3023)	
###	DC2KX23	3	Vật liệu xây dựng và kết cấu công trình-1-1-25(N01)/75DCKX25	2	1->3	A1.402	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Hương Giang (CTCV3006)	
				4	8->9	A1.303			Nguyễn Thị Hương Giang (CTCV3006)	
###	DC2KX23	3	Vật liệu xây dựng và kết cấu công trình-1-1-25(N02)/75DCKX24	5	7->8	A1.303	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Minh (CTCV3014)	
				6	4->6	A1.401			Nguyễn Văn Minh (CTCV3014)	
###	DC2KX23	3	Vật liệu xây dựng và kết cấu công trình-1-1-25(N03)/75DCKX23	4	10->12	A1.401	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Hương Giang (CTCV3006)	
				6	1->2	A1.402			Nguyễn Thị Hương Giang (CTCV3006)	
###	DC2KX23	3	Vật liệu xây dựng và kết cấu công trình-1-1-25(N04)/75DCKX22	2	1->3	A1.403	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Văn Minh (CTCV3014)	
				5	9->10	A1.401			Nguyễn Văn Minh (CTCV3014)	
###	DC2KX23	3	Vật liệu xây dựng và kết cấu công trình-1-1-25(N05)/75DCKX21	2	10->12	A3.302	18/08/25	19/10/25	Trịnh Hoàng Sơn (CTKC3007)	
				6	3->4	A1.304			Trịnh Hoàng Sơn (CTKC3007)	
###	DC2KN23	3	Vật lý kiến trúc-1-1-25(N01)/74DCKN21	3	10->12	A1.103	18/08/25	07/09/25	Vũ Thị Hương Lan (CTDD3009)	
				6	11->12	A1.104			Vũ Thị Hương Lan (CTDD3009)	
				3	10->12	A1.103	08/09/25	19/10/25	Vũ Thị Hương Lan (CTDD3009)	
				6	11->12	A1.101			Vũ Thị Hương Lan (CTDD3009)	
###	DC2KN23	3	Vật lý kiến trúc-1-1-25(N02)/74DCKN22	5	7->11	A1.101	18/08/25	19/10/25	Lê Ngọc Lan (CTDD3014)	
###	DC2KN23	3	Vật lý kiến trúc-1-1-25(N03)/74DCKN23	4	7->11	A1.104	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Hải (CTDD3015)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N01)/75DCMN21	4	3->6	A3.407	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Đức Hùng (CBTO3010)	
				2	10->12	A3.407	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Đức Hùng (CBTO3010)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N02)/75DCKT21	6	3->6	A1.501	18/08/25	07/09/25	Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
				6	4->6	A1.504	08/09/25	19/10/25	Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N03)/75DCKT22	4	7->10	A1.301	18/08/25	07/09/25	Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
				4	8->10	A1.301	08/09/25	19/10/25	Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N04)/75DCKT23	6	3->6	A1.404	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Ninh Nhâm (CBTO3003)	
				6	4->6	A1.404	08/09/25	19/10/25	Phạm Thị Ninh Nhâm (CBTO3003)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N05)/75DCKT24	6	7->10	A1.402	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Ninh Nhâm (CBTO3003)	
				6	7->9	A1.402	08/09/25	19/10/25	Phạm Thị Ninh Nhâm (CBTO3003)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N06)/75DCKT25	2	7->10	A3.303	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Đức Hùng (CBTO3010)	
				2	7->9	A3.303	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Đức Hùng (CBTO3010)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N07)/75DCKT26	3	3->6	A1.403	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Đức Hùng (CBTO3010)	
				3	4->6	A1.403	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Đức Hùng (CBTO3010)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N08)/75DCKT27	6	7->10	C3.105	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Đức Hùng (CBTO3010)	
				6	8->10	C3.105	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Đức Hùng (CBTO3010)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N09)/75DCTN21	4	3->6	C3.202	18/08/25	07/09/25	Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
				4	4->6	C3.202	08/09/25	19/10/25	Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N10)/75DCTN22	2	10->11	C3.205	18/08/25	07/09/25	Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
				6	1->2	C3.206			Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
				2	10->12	C3.205	08/09/25	19/10/25	Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N11)/75DCTN23	2	4->5	C3.203	18/08/25	07/09/25	Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
				6	4->5	C3.105			Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
				2	4->6	C3.203	08/09/25	19/10/25	Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N12)/75DCTN24	3	9->12	C3.203	18/08/25	07/09/25	Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
				3	10->12	C3.203	08/09/25	19/10/25	Hà Thị Thanh Tâm (CBTO4001)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N13)/75DCTN21	5	3->6	C3.102	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Ninh Nhâm (CBTO3003)	

###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N10)/75DCHQ21	5	3->5	C3.102	08/09/25	19/10/25	Phạm Thị Ninh Nhâm (CBTO3003)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N14)/75DCHQ22	3	7->10	C3.104	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Ninh Nhâm (CBTO3003)	
				2	4->6	C3.104	08/09/25	19/10/25	Phạm Thị Ninh Nhâm (CBTO3003)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N15)/75DCDT21	5	3->6	A3.202	18/08/25	07/09/25	Lưu Thị Vân Anh (CBTO3004)	
				5	4->6	A3.202	08/09/25	19/10/25	Lưu Thị Vân Anh (CBTO3004)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N16)/75DCDT22	5	7->10	A3.303	18/08/25	07/09/25	Lưu Thị Vân Anh (CBTO3004)	
				5	7->9	A3.303	08/09/25	19/10/25	Lưu Thị Vân Anh (CBTO3004)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N17)/75DCDT23	5	7->10	A3.202	18/08/25	07/09/25	Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
				5	7->9	A3.202	08/09/25	19/10/25	Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N18)/75DCDTJ2	5	9->12	A2.103	18/08/25	07/09/25	PGS.TS Tô Văn Ban (CBTO4007)	
				5	10->12	A1.103	08/09/25	19/10/25	PGS.TS Tô Văn Ban (CBTO4007)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N19)/75DCVM21	6	1->4	A6.202	18/08/25	07/09/25	Vũ Dũng (CBTO3008)	
				6	2->4	A6.202	08/09/25	19/10/25	Vũ Dũng (CBTO3008)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N20)/75DCTT21	4	3->6	C3.206	18/08/25	07/09/25	Thái Thị Kim Chung (CBTO4011)	
				4	4->6	C3.206	08/09/25	19/10/25	Thái Thị Kim Chung (CBTO4011)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N21)/75DCTT22	4	11->12	C3.203	18/08/25	07/09/25	Thái Thị Kim Chung (CBTO4011)	
				5	7->8	C3.203			Thái Thị Kim Chung (CBTO4011)	
				5	7->9	C3.203	08/09/25	19/10/25	Thái Thị Kim Chung (CBTO4011)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N22)/75DCTT23	5	1->4	C3.204	18/08/25	07/09/25	Dương Ngọc Đạt (KHCB1016)	
				5	1->3	C3.204	08/09/25	19/10/25	Dương Ngọc Đạt (KHCB1016)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N23)/75DCTT24	5	7->10	C3.204	18/08/25	07/09/25	Dương Ngọc Đạt (KHCB1016)	
				5	4->6	C3.206	08/09/25	19/10/25	Dương Ngọc Đạt (KHCB1016)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N24)/75DCTT25	5	1->2	C3.205	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Lý (CBTO2001)	
				6	10->11	C3.204			Nguyễn Thị Lý (CBTO2001)	
				5	1->3	C3.205	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Lý (CBTO2001)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N25)/75DCTT26	5	5->6	A1.303	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Lý (CBTO2001)	
				6	7->8	A3.404			Nguyễn Thị Lý (CBTO2001)	
				6	7->9	A3.404	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Lý (CBTO2001)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N26)/75DCTTA2	4	9->12	A1.204	18/08/25	07/09/25	PGS.TS Tô Văn Ban (CBTO4007)	
				4	10->12	A1.204	08/09/25	19/10/25	PGS.TS Tô Văn Ban (CBTO4007)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N27)/75DCTTA4	4	7->10	A1.203	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Ninh Nhâm (CBTO3003)	
				4	7->9	A1.203	08/09/25	19/10/25	Phạm Thị Ninh Nhâm (CBTO3003)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N28)/75DCHT21	6	9->12	A3.401	03/11/25	23/11/25	Lưu Thị Vân Anh (CBTO3004)	
				6	10->12	A3.401	24/11/25	04/01/26	Lưu Thị Vân Anh (CBTO3004)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N29)/75DCHT22	6	7->10	A3.201	03/11/25	23/11/25	Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
				3	10->12	A3.201	24/11/25	04/01/26	Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N30)/75DCHT23	6	1->4	C3.102	03/11/25	23/11/25	Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
				6	2->4	C3.102	24/11/25	04/01/26	Hoàng Văn Cần (CBTO4002)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N31)/75DCHT24	3	3->6	A6.202	03/11/25	23/11/25	PGS.TS Tô Văn Ban (CBTO4007)	
				3	4->6	A6.202	24/11/25	04/01/26	PGS.TS Tô Văn Ban (CBTO4007)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N32)/75DCTG21	3	9->12	A6.102	03/11/25	23/11/25	PGS.TS Tô Văn Ban (CBTO4007)	
				3	7->9	A3.203	24/11/25	04/01/26	PGS.TS Tô Văn Ban (CBTO4007)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N33)/75DCKT11	4	10->11	VA1.202	18/08/25	07/09/25	Lê Thị Hậu (CBTO2002)	
				5	8->9	VA1.202			Lê Thị Hậu (CBTO2002)	
				4	10->12	VA1.202	08/09/25	19/10/25	Lê Thị Hậu (CBTO2002)	
###	DC1CB52	2	Xác suất thống kê-1-1-25(N34)/75DCTT11	5	1->3	VA1.202	18/08/25	28/09/25	Lê Thị Hậu (CBTO2002)	
				5	3->4	VA1.202	29/09/25	19/10/25	Lê Thị Hậu (CBTO2002)	
				5	1->2	VA1.202			Lê Thị Hậu (CBTO2002)	
				2	10->12	C3.205	03/11/25	14/12/25	Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	

###	DC3TT13	3	Xây dựng các hệ thống nhúng-1-1-25(N01)/74DCTT21	3	7->10	A3.303			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				2	10->12	C3.205	15/12/25	04/01/26	Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				3	7->9	A1.501			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
###	DC3TT13	3	Xây dựng các hệ thống nhúng-1-1-25(N02)/74DCTT22	2	7->9	C3.205	03/11/25	14/12/25	Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				6	7->10	A3.308			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				2	7->9	C3.205	15/12/25	04/01/26	Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				6	7->9	A3.308			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
###	DC3TT13	3	Xây dựng các hệ thống nhúng-1-1-25(N03)/74DCTT23	5	7->9	A1.202	03/11/25	14/12/25	Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				6	3->6	C3.205			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				4	3->6	C3.205	15/12/25	04/01/26	Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
				5	7->8	A1.202			Khuất Thị Ngọc Ánh (TTVP3007)	
###	DC3TT13	3	Xây dựng các hệ thống nhúng-1-1-25(N04)/74DCTT24	5	7->10	A1.303	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				6	7->9	A1.303			Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				5	7->9	A1.303	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				6	7->9	A1.303			Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
###	DC3TT13	3	Xây dựng các hệ thống nhúng-1-1-25(N05)/74DCTT25	4	1->3	C3.206	03/11/25	14/12/25	Lê Chí Luận (TTUD3003)	
				5	7->10	C3.205			Lê Chí Luận (TTUD3003)	
				5	7->12	C3.205	15/12/25	04/01/26	Lê Chí Luận (TTUD3003)	
###	DC3TT13	3	Xây dựng các hệ thống nhúng-1-1-25(N06)/74DCTT26	5	3->6	A3.403	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				6	10->12	A1.303			Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				5	1->4	A3.403	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
				6	10->12	A1.303			Nguyễn Văn Cường (TTCS3012)	
###	DC3TT13	3	Xây dựng các hệ thống nhúng-1-1-25(N07)/74DCTT27	4	7->9	A3.403	03/11/25	14/12/25	Lã Quang Trung (TTVP3005)	
				5	7->10	A1.201			Lã Quang Trung (TTVP3005)	
				4	7->8	A3.403	15/12/25	04/01/26	Lã Quang Trung (TTVP3005)	
				5	7->10	A1.201			Lã Quang Trung (TTVP3005)	
###	DC3TT13	3	Xây dựng các hệ thống nhúng-1-1-25(N08)/74DCTT28	5	4->6	A3.202	03/11/25	14/12/25	Lê Chí Luận (TTUD3003)	
				6	7->10	A1.204			Lê Chí Luận (TTUD3003)	
				2	3->6	A3.304	15/12/25	04/01/26	Lê Chí Luận (TTUD3003)	
				5	5->6	A3.403			Lê Chí Luận (TTUD3003)	
###	DC3TT13	3	Xây dựng các hệ thống nhúng-1-1-25(N09)/74DCTT11	3	10->12	VA1.201	03/11/25	23/11/25	Trần Thị Phương Thanh (TTDT2001)	
				4	7->9	VA1.201			Trần Thị Phương Thanh (TTDT2001)	
				3	7->10	VA1.201	24/11/25	04/01/26	Trần Thị Phương Thanh (TTDT2001)	
				4	7->9	VA1.201			Trần Thị Phương Thanh (TTDT2001)	
###	DC3CA70	3	Xây dựng cầu 2-1-1-25(N01)/73DCCD21	4	1->2	A1.503	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Hữu Giang (CTCA3015)	
				5	7->9	A1.503			Nguyễn Hữu Giang (CTCA3015)	
###	DC3CA70	3	Xây dựng cầu 2-1-1-25(N02)/73DCCD22	3	7->9	A2.501	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Tiến Hưng (CTCA3010)	
				5	1->2	A2.403			Nguyễn Tiến Hưng (CTCA3010)	
				3	7->9	A3.406	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Tiến Hưng (CTCA3010)	
				5	2->3	A3.404			Nguyễn Tiến Hưng (CTCA3010)	
###	DC2KX52	3	Xây dựng cầu-1-1-25(N01)/74DCKX21	2	7->11	A3.202	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thanh Hưng (CTCA3006)	
###	DC2KX52	3	Xây dựng cầu-1-1-25(N02)/74DCKX22	4	3->4	A1.402	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Hữu Giang (CTCA3015)	
				5	10->12	A1.302			Nguyễn Hữu Giang (CTCA3015)	
###	DC2KX52	3	Xây dựng cầu-1-1-25(N03)/74DCKX23	2	4->6	A3.304	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Tiến Hưng (CTCA3010)	
				5	5->6	A1.204			Nguyễn Tiến Hưng (CTCA3010)	
###	DC2KX52	3	Xây dựng cầu-1-1-25(N04)/74DCKX24	5	7->11	A1.202	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Ngọc Bích (BMCT1020)	
###	DC3TQ23	3	Xây dựng cầu-1-1-25(N05)/74DCTQ21	2	2->3	A1.304	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Hữu Giang (CTCA3015)	
				3	9->11	A1.304			Nguyễn Hữu Giang (CTCA3015)	
###	DC2KX51	3	Xây dựng đường-1-1-25(N01)/74DCKX21	5	11->12	A3.304	18/08/25	19/10/25	Phạm Trung Hiếu (CTDB2002)	
				6	4->6	A3.304			Phạm Trung Hiếu (CTDB2002)	
###	DC2KX51	3	Xây dựng đường-1-1-25(N02)/74DCKX22	5	7->9	A1.302	18/08/25	19/10/25	Phạm Trung Hiếu (CTDB2002)	
				6	2->3	A1.303			Phạm Trung Hiếu (CTDB2002)	

###	DC2KX51	3	Xây dựng đường-1-1-25(N03)/74DCKX23	6	2->6	A1.203	18/08/25	19/10/25	Phạm Thị Phương Loan (BMCT1005)	
###	DC2KX51	3	Xây dựng đường-1-1-25(N04)/74DCKX24	6	7->11	A1.204	18/08/25	19/10/25	Phạm Thị Phương Loan (BMCT1005)	
###	DC3TQ22	3	Xây dựng đường-1-1-25(N05)	4	2->4	A1.304	03/11/25	04/01/26	Vũ Thành Long (CTDB3006)	
				5	7->8	A1.304			Vũ Thành Long (CTDB3006)	
				2	4->6	C3.204			Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
###	DC2DT65	4	Xử lý tín hiệu số-1-1-25(N01)/74DCDT21	4	4->6	C3.205	18/08/25	07/09/25	Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
				6	1->2	C3.106			Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
				2	4->6	C3.204	08/09/25	19/10/25	Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
				4	4->6	C3.205			Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
###	DC2DT65	4	Xử lý tín hiệu số-1-1-25(N02)/74DCDT22	2	1->3	C3.201	18/08/25	07/09/25	Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
				4	7->9	C3.101			Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
				6	3->4	C3.104			Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
				2	1->3	C3.201	08/09/25	19/10/25	Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
				4	7->9	C3.101			Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
###	DC2DT65	4	Xử lý tín hiệu số-1-1-25(N03)/74DCDT23	3	5->6	C3.104	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)	
				4	4->6	C3.204			Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)	
				6	10->12	C3.203			Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)	
				4	4->6	C3.204	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)	
				6	10->12	C3.203			Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)	
###	DC2DT65	4	Xử lý tín hiệu số-1-1-25(N04)/74DCDT24	3	3->4	A1.304	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)	
				4	1->3	A1.301			Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)	
				6	7->9	A1.302			Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)	
				4	1->3	A1.301	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)	
				6	7->9	A1.302			Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)	
###	DC3KX31	2	ĐA tổ chức và điều hành SX trong XD-1-1-25(N01)/73DCKX21	5	3->6	Thực tuyển	18/08/25	07/09/25		
				5	4->6	Thực tuyển	08/09/25	19/10/25		
###	DC3KX31	2	ĐA tổ chức và điều hành SX trong XD-1-1-25(N02)/73DCKX22	4	7->10	Thực tuyển	18/08/25	07/09/25		
				4	7->9	Thực tuyển	08/09/25	19/10/25		
###	DC3MT37	3	Điện tàu thủy-1-1-25(N01)/74DCMT21	2	4->6	A1.401	03/11/25	04/01/26	Trương Tất Anh (CKMT3004)	
				3	9->10	A1.401			Trương Tất Anh (CKMT3004)	
###	DC3CN21	2	Điện tử công suất-1-1-25(N01)/74DCCO21	2	9->11	A1.503	03/11/25	14/12/25	Võ Thanh Được (CBL4000)	
				2	9->12	A1.503	15/12/25	04/01/26	Võ Thanh Được (CBL4000)	
###	DC3CN21	2	Điện tử công suất-1-1-25(N02)/74DCCO22	6	10->12	A1.503	03/11/25	23/11/25	Vương Thị Hương (TTDT3003)	
				6	10->12	A1.503	24/11/25	14/12/25	Vương Thị Hương (TTDT3003)	
				5	9->12	A1.503	15/12/25	04/01/26	Vương Thị Hương (TTDT3003)	
###	DC3CN21	2	Điện tử công suất-1-1-25(N03)/74DCCO23	2	2->4	A5.302	03/11/25	23/11/25	Vương Thị Hương (TTDT3003)	
				2	2->4	A5.302	24/11/25	14/12/25	Vương Thị Hương (TTDT3003)	
				2	1->4	A5.302	15/12/25	04/01/26	Vương Thị Hương (TTDT3003)	
###	DC2DT50	2	Điện tử số-1-1-25(N01)/74DCCO21	3	8->10	A1.503	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)	
				3	7->10	A1.503	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hiền (TTDT3008)	
###	DC2DT50	2	Điện tử số-1-1-25(N02)/74DCCO22	6	7->9	A1.503	03/11/25	14/12/25	Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
				6	7->10	A1.503	15/12/25	04/01/26	Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
###	DC2DT50	2	Điện tử số-1-1-25(N03)/74DCCO23	4	9->11	A5.302	03/11/25	23/11/25	Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
				4	9->11	A5.302	24/11/25	14/12/25	Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
				4	9->12	A5.302	15/12/25	04/01/26	Phạm Trường Giang (TTDT3001)	
###	DC2DT26	2	Đo lường điện tử-1-1-25(N01)/74DCDT21	2	11->12	C3.105	03/11/25	04/01/26	Ngô Thị Thu Tinh (TTDT3013)	
				4	7->9	C3.105			Ngô Thị Thu Tinh (TTDT3013)	
###	DC2DT26	2	Đo lường điện tử-1-1-25(N02)/74DCDT22	2	5->6	C3.105	03/11/25	04/01/26	Ngô Thị Thu Tinh (TTDT3013)	
				4	10->12	C3.202			Ngô Thị Thu Tinh (TTDT3013)	
				4	7->9	C3.102			Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	

###	DC2DT26	2	Đo lường điện tử-1-1-25(N03)/74DCDT23	5	7->8	C3.105	03/11/25	04/01/26	Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
###	DC2DT26	2	Đo lường điện tử-1-1-25(N04)/74DCDT24	2	7->8	A1.204	03/11/25	04/01/26	Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
				4	10->12	A1.501			Bùi Hải Đăng (TTDT3012)	
###	DC3MO56	2	Đánh giá sự tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường-1-1-25(N01)/73DCMN21	5	1->2	A2.504	18/08/25	07/09/25	Phạm Thị Huệ (CTTL3005)	
				5	1->2	A3.402	08/09/25	02/11/25	Phạm Thị Huệ (CTTL3005)	
				5	1->2	C3.202	03/11/25	30/11/25	Phạm Thị Huệ (CTTL3005)	
###	DC3MO34	3	Đánh giá tác động môi trường-1-1-25(N01)/73DCMN21	2	11->12	A2.403	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Phương Dung (CTTL3006)	
				6	1->3	A2.203			Nguyễn Thị Phương Dung (CTTL3006)	
				2	11->12	A3.201	08/09/25	21/09/25	Nguyễn Thị Phương Dung (CTTL3006)	
				6	1->3	A3.306			Nguyễn Thị Phương Dung (CTTL3006)	
				2	11->12	A3.201	22/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Phương Dung (CTTL3006)	
				2	11->12	C3.204	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Phương Dung (CTTL3006)	
###	DC3MO57	2	Đánh giá vòng đời sản phẩm-1-1-25(N01)/73DCMN21	2	9->10	A2.403	18/08/25	07/09/25	Lư Thị Yến (CBLH2004)	
				2	9->10	A3.201	08/09/25	02/11/25	Lư Thị Yến (CBLH2004)	
				2	9->10	C3.204	03/11/25	30/11/25	Lư Thị Yến (CBLH2004)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N02)/75DCCD21 CK25_QX21	4	1->5	VA4.401	18/08/25	19/10/25	Lê Thu Trang (LLDL2002)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N13)/75DCKN24 CD23_CH21	5	1->5	VA4.401	18/08/25	19/10/25	Đặng Thị Minh Phương (LLTT2002)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N34)/75DCBI21_VL22_VL23	2	8->12	VA4.402	18/08/25	19/10/25	Lê Thu Trang (LLDL2002)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N38)/75DCCK23 CK24_QX22	4	8->12	VA4.401	18/08/25	19/10/25	Đặng Thị Minh Phương (LLTT2002)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N45)/75DCCDJ21_DD21_DD22	2	2->6	Hội trường lớn B2	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Hương Giang (LLTT3012)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N47)/75DCCD11_KN21_VL21	5	8->12	VA4.401	18/08/25	19/10/25	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N48)/75DCCD22 CK21 CK22	4	1->5	VA4.402	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thị Hương Giang (LLTT3012)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N49)/75DCBC21_CS21_DS21_KN22_KN23_VS21	2	8->12	VA4.401	18/08/25	19/10/25	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N50)/75DCOT21_OT22_OT25	5	8->12	VA4.402	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Hương Giang (LLTT3012)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N52)/75DCOT23_KX23_OT24	5	8->12	VA4.401	03/11/25	04/01/26	Đặng Thị Minh Phương (LLTT2002)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N56)/75DCOG21_EN22_QM25	6	8->12	Hội trường lớn B2	03/11/25	04/01/26	Trịnh Thị Huyền Anh (QPAN3005)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N58)/75DCCQM21_EN21_OG22_OT26	2	7->11	VA4.402	03/11/25	04/01/26	Phạm Quyết Chiến (QPAN3004)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N59)/75DCQM22_CO22_KX22	3	1->5	VA4.401	03/11/25	04/01/26	Lê Thu Trang (LLDL2002)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N60)/75DCCQM23_KX21_KX25	3	8->12	VA4.401	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Hương Giang (LLTT3012)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N61)/75DCCQM24_CO23_KX24	6	8->12	VA4.401	03/11/25	04/01/26	Đặng Thị Minh Phương (LLTT2002)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N68)/75DCCO21_OT11_OT12	4	1->5	VA4.401	03/11/25	04/01/26	Lê Thu Trang (LLDL2002)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N69)/75DCTQ21_75DCTG21	3	7->11	TN.202.C	18/08/25	19/10/25	Nguyễn Thanh Đức (HCQT1001)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N70)/75DCXQ21_75DCXQ22	3	1->5	TN.204.C	18/08/25	19/10/25		
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N71)/75DCQT21_75DCQT22	3	1->5	TN.204.C	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thanh Đức (HCQT1001)	
###	DC1QP05	3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam-1-1-25(N73)/75DCQT23_75DCLA21	3	7->11	TN.203.C	03/11/25	04/01/26		

###	DC2LG53	3	Đại cương về logistics và chuỗi cung ứng-1-1-25(N01)/75DKLG21	4	4->6	A1.102 (DK)	18/08/25	02/11/25	Nguyễn Ngọc Thuyền (KVS3012)	
				4	4->6	A1.102 (DK)	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Ngọc Thuyền (KVS3012)	
###	DC2KV32	2	Địa lý vận tải-1-1-25(N01)/75DCLG21	3	7->9	C3.206	03/11/25	14/12/25	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
				2	7->8	C3.106			Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
				3	11->12	C3.206	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
###	DC2KV32	2	Địa lý vận tải-1-1-25(N02)/75DCLG22	6	7->9	C3.104	03/11/25	14/12/25	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
				6	7->10	C3.104	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
###	DC2KV32	2	Địa lý vận tải-1-1-25(N03)/75DCLG23	4	7->9	C3.101	03/11/25	14/12/25	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
				4	1->2	C3.206			Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
				6	5->6	A3.401	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
###	DC2KV32	2	Địa lý vận tải-1-1-25(N04)/75DCLG24	2	10->12	C3.206	03/11/25	14/12/25	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
				2	9->12	C3.206	15/12/25	04/01/26	Vũ Thị Minh Ngọc (KVS3013)	
###	DC2KV32	2	Địa lý vận tải-1-1-25(N05)/75DCLGJ2	2	1->3	A3.203	03/11/25	14/12/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				2	3->6	A3.407	15/12/25	04/01/26	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
###	DC2KV32	2	Địa lý vận tải-1-1-25(N06)/75DCLGJ4	3	7->9	C3.205	03/11/25	14/12/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				3	8->9	C3.205			Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				5	1->2	C3.104	15/12/25	04/01/26	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
###	DC2KV32	2	Địa lý vận tải-1-1-25(N07)/75DCLH21	4	10->11	C3.103	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Thu Hương (KVS3010)	
				5	7->8	C3.103			Nguyễn Thị Thu Hương (KVS3010)	
				3	1->3	C3.103	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thu Hương (KVS3010)	
###	DC3KX75	3	Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng-1-1-25(N01)/74DCKX22	4	5->6	A1.402	18/08/25	19/10/25	Phạm Thị Thanh Nhân (KVKX3005)	
				6	4->6	A1.303			Phạm Thị Thanh Nhân (KVKX3005)	
###	DC3KX75	3	Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng-1-1-25(N02)/74DCKX21	5	9->10	A3.304	18/08/25	19/10/25	Trần Trung Kiên (KVKX3002)	
				6	1->3	A3.304			Trần Trung Kiên (KVKX3002)	
###	DC3KX75	3	Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng-1-1-25(N03)/74DCKX23	2	1->3	A3.304	18/08/25	19/10/25	Trần Trung Kiên (KVKX3002)	
				5	3->4	A1.204			Trần Trung Kiên (KVKX3002)	
###	DC3KX75	3	Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng-1-1-25(N04)/74DCKX24	3	7->11	A1.302	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Nga (A) (KVKX3003)	
				3	7->11	A1.302	08/09/25	19/10/25		Nguyễn Thị Nga (A) (KVKX3003)
###	DC3CM26	2	Đồ gá-1-1-25(N01)/74DCCM21	6	7->9	A3.204	03/11/25	14/12/25	Lưu Văn Anh (XUUD3002)	
				6	7->10	A3.302	15/12/25	04/01/26	Lưu Văn Anh (XUUD3002)	
###	DC3CM26	2	Đồ gá-1-1-25(N02)/74DCCM22	2	4->6	A3.202	03/11/25	14/12/25	Lưu Văn Anh (XUUD3002)	
				2	3->6	A3.202	15/12/25	04/01/26	Lưu Văn Anh (XUUD3002)	
###	DC3CM25	1	Đồ án Công nghệ chế tạo máy-1-1-25(N01)/74DCCM21	6	10->11	A3.204	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
				6	11->11	A3.302	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Văn Tuấn (CKOT3006)	
###	DC3CM25	1	Đồ án Công nghệ chế tạo máy-1-1-25(N02)/74DCCM22	2	2->3	A3.202	03/11/25	14/12/25	Lưu Văn Anh (XUUD3002)	
				2	2->2	A3.202	15/12/25	04/01/26	Lưu Văn Anh (XUUD3002)	
###	DC3CO63	1	Đồ án Cơ điện tử-1-1-25(N01)/73DCCO21	5	12->12	A2.403	18/08/25	07/09/25	Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
				5	12->12	C3.102	08/09/25	02/11/25	Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
				5	12->12	A1.404	03/11/25	30/11/25	Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
###	DC3CO63	1	Đồ án Cơ điện tử-1-1-25(N02)/73DCCO22	4	2->2	C3.101	18/08/25	07/09/25	Bùi Hải Triều (CKOT4006)	
				4	2->2	C3.101	08/09/25	02/11/25	Bùi Hải Triều (CKOT4006)	
				4	2->2	A1.103	03/11/25	30/11/25	Bùi Hải Triều (CKOT4006)	
				4	10->11	Trực tuyến	22/09/25	26/10/25	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	

###	DC3LG32	1	Đồ án Giao nhận trong vận tải-1-1-25(N01)/73DCVL21	4	10->10	Trực tuyến	27/10/25	02/11/25	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
				3	10->10	Trực tuyến	03/11/25	30/11/25	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
###	DC3LG32	1	Đồ án Giao nhận trong vận tải-1-1-25(N02)/73DCVL22	6	8->9	Trực tuyến	22/09/25	26/10/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
				6	9->9	Trực tuyến	27/10/25	02/11/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
				2	7->7	Trực tuyến	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
###	DC3LG32	1	Đồ án Giao nhận trong vận tải-1-1-25(N03)/73DCVL23	5	8->9	Trực tuyến	22/09/25	26/10/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
				3	9->9	Trực tuyến	27/10/25	02/11/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
				3	10->10	Trực tuyến	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Trang (KVS3005)	
###	DC3LG32	1	Đồ án Giao nhận trong vận tải-1-1-25(N04)/73DCVL24	5	7->8	Trực tuyến	22/09/25	26/10/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				5	11->11	Trực tuyến	27/10/25	02/11/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
				3	12->12	Trực tuyến	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Bích Thủy (KVS3002)	
###	DC3TG31	3	Đồ án Giao thông thông minh-1-1-25(N01)/73DCTG21	2	4->6	A2.202	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thúy Hiền (CTDB3022)	
				2	10->12	A3.204	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Thúy Hiền (CTDB3022)	
				2	4->6	A3.407	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Thúy Hiền (CTDB3022)	
###	DC3HT52	3	Đồ án Hệ thống thông tin-1-1-25(N01)/73DCHT21	3	7->11	A3.203	18/08/25	19/10/25	Đặng Thị Kim Anh (TTCS3011)	
###	DC3HT52	3	Đồ án Hệ thống thông tin-1-1-25(N02)/73DCHT22	5	3->4	A1.103	18/08/25	07/09/25	Đặng Thị Kim Anh (TTCS3011)	
				6	1->3	A3.203			Đặng Thị Kim Anh (TTCS3011)	
				5	2->3	A1.103			Đặng Thị Kim Anh (TTCS3011)	
				6	10->12	C3.202	08/09/25	19/10/25	Đặng Thị Kim Anh (TTCS3011)	
###	DC3HT52	3	Đồ án Hệ thống thông tin-1-1-25(N03)/73DCHT23	4	3->4	A2.204	18/08/25	07/09/25	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				6	7->9	A2.403			Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				3	5->6	A1.103	08/09/25	19/10/25	Lê Thị Chi (TTCS3004)	
				4	7->9	C3.102			Lê Thị Chi (TTCS3004)	
###	DC3TG25	3	Đồ án Học máy-1-1-25(N01)/73DCTG21	6	7->9	A2.402	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thùy Anh (CTCA3007)	
				6	4->6	A3.401	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thùy Anh (CTCA3007)	
				2	1->3	A3.407	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thùy Anh (CTCA3007)	
###	DC2TG22	2	Đồ án Khoa học dữ liệu-1-1-25(N01)/74DCTG21	6	10->12	A1.304	03/11/25	14/12/25	Đặng Thế Vinh (CTTN3005)	
				6	7->10	A5.303	15/12/25	04/01/26	Đặng Thế Vinh (CTTN3005)	
###	DC2TG22	2	Đồ án Khoa học dữ liệu-1-1-25(N02)/74DCTG22	5	10->12	C3.104	03/11/25	14/12/25	Lê Minh Hải (CTTH3003)	
				5	9->12	C3.104	15/12/25	04/01/26	Lê Minh Hải (CTTH3003)	
###	DC2GT55	1	Đồ án Kết cấu công trình-1-1-25(N01)/74DCXQ21	2	3->4	A1.101	18/08/25	28/09/25	Trần Thị Lý (CTCA3005)	
				5	8->8	C3.103	29/09/25	19/10/25	Trần Thị Lý (CTCA3005)	
###	DC2GT55	1	Đồ án Kết cấu công trình-1-1-25(N02)/74DCXQ21	2	5->6	C3.101	18/08/25	28/09/25	Lê Thị Như Trang (CTCA2001)	
				2	6->6	C3.101	29/09/25	19/10/25	Lê Thị Như Trang (CTCA2001)	
###	DC2GT55	1	Đồ án Kết cấu công trình-1-1-25(N03)/74DCXQ22	6	10->11	A3.308	18/08/25	28/09/25	Nguyễn Thùy Anh (CTCA3007)	
				6	11->11	A3.308	29/09/25	19/10/25	Nguyễn Thùy Anh (CTCA3007)	
###	DC2GT55	1	Đồ án Kết cấu công trình-1-1-25(N04)/74DCXQ23	6	7->8	C3.101	18/08/25	28/09/25	Ngô Thị Hồng Quế (CTCA3009)	
				6	7->7	C3.101	29/09/25	19/10/25	Ngô Thị Hồng Quế (CTCA3009)	
###	DC3MT54	1	Đồ án Kết cấu tàu và công trình nổi-1-1-25(N01)/74DCMT21	3	11->12	A1.401	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Duy Linh (XUUD3005)	
				3	11->11	A1.401	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Duy Linh (XUUD3005)	
###	DC3OT41	1	Đồ án Kết cấu tính toán ô tô-1-1-25(N01)/73DCOT21	6	10->12	A2.501	18/08/25	14/09/25	Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				6	10->12	Trực tuyến	15/09/25	21/09/25	Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	

###	DC3OT41	1	Đồ án Kết cấu tính toán ô tô-1-1-25(N02)/73DCOT22	2	10->12	A2.402	18/08/25	14/09/25	Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
				2	10->12	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Lê Quỳnh Mai (CKOT3013)	
###	DC3OT41	1	Đồ án Kết cấu tính toán ô tô-1-1-25(N03)/73DCOT23	5	10->12	A2.401	18/08/25	14/09/25	Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
				5	10->12	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Lương Quý Hiệp (CKOT3012)	
###	DC3OT41	1	Đồ án Kết cấu tính toán ô tô-1-1-25(N04)/73DCOT24	3	4->6	A2.204	18/08/25	14/09/25	Nguyễn Thành Nam (CKOT3005)	
				3	4->6	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Nguyễn Thành Nam (CKOT3005)	
###	DC3OT41	1	Đồ án Kết cấu tính toán ô tô-1-1-25(N05)/73DCOT25	2	4->6	A2.201	18/08/25	14/09/25	Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
				2	4->6	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Chu Văn Huỳnh (CKOT3007)	
###	DC3OT41	1	Đồ án Kết cấu tính toán ô tô-1-1-25(N06)/73DCOT26	6	10->12	A2.404	18/08/25	14/09/25	Đỗ Thành Phương (CKOT2001)	
				6	10->12	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Đỗ Thành Phương (CKOT2001)	
###	DC3OT41	1	Đồ án Kết cấu tính toán ô tô-1-1-25(N07)/73DCOT27	3	7->9	A2.301	18/08/25	14/09/25	Phùng Anh Tuấn (CKOT2010)	
				3	7->9	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Phùng Anh Tuấn (CKOT2010)	
###	DC3OT41	1	Đồ án Kết cấu tính toán ô tô-1-1-25(N08)/73DCOT28	5	4->6	A2.301	18/08/25	14/09/25	Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
				5	4->6	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Vũ Thế Truyền (BMCS1006)	
###	DC3OT41	1	Đồ án Kết cấu tính toán ô tô-1-1-25(N09)/73DCOT29	6	4->6	A2.104	18/08/25	14/09/25	Ma Thế Cường (BMCS1002)	
				6	4->6	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Ma Thế Cường (BMCS1002)	
###	DC3OT41	1	Đồ án Kết cấu tính toán ô tô-1-1-25(N10)/73DCOT11	5	10->12	VA1.101	18/08/25	21/09/25		
###	DC3CK45	1	Đồ án Kết cấu tính toán động cơ-1-1-25(N01)/73DCOT21	6	7->9	A2.501	18/08/25	14/09/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
				6	7->9	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
###	DC3CK45	1	Đồ án Kết cấu tính toán động cơ-1-1-25(N02)/73DCOT22	2	7->9	A2.402	18/08/25	14/09/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
				2	7->9	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
###	DC3CK45	1	Đồ án Kết cấu tính toán động cơ-1-1-25(N03)/73DCOT23	5	7->9	A2.401	18/08/25	14/09/25	Trần Văn Hiếu (CKDM3004)	
				5	7->9	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Trần Văn Hiếu (CKDM3004)	
###	DC3CK45	1	Đồ án Kết cấu tính toán động cơ-1-1-25(N04)/73DCOT24	5	10->12	A2.304	18/08/25	14/09/25	Trần Văn Hiếu (CKDM3004)	
				5	10->12	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Trần Văn Hiếu (CKDM3004)	
###	DC3CK45	1	Đồ án Kết cấu tính toán động cơ-1-1-25(N05)/73DCOT25	6	1->3	A2.201	18/08/25	14/09/25	Trần Văn Hiếu (CKDM3004)	
				6	1->3	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Trần Văn Hiếu (CKDM3004)	
###	DC3CK45	1	Đồ án Kết cấu tính toán động cơ-1-1-25(N06)/73DCOT26	6	7->9	A2.404	18/08/25	14/09/25	Lê Quang Thắng (CKOT3002)	
				6	7->9	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Lê Quang Thắng (CKOT3002)	
###	DC3CK45	1	Đồ án Kết cấu tính toán động cơ-1-1-25(N07)/73DCOT27	4	4->6	A2.504	18/08/25	14/09/25	Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
				4	7->9	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
###	DC3CK45	1	Đồ án Kết cấu tính toán động cơ-1-1-25(N08)/73DCOT28	3	1->3	A2.203	18/08/25	14/09/25	Phạm Như Nam (CKMX3005)	
				3	1->3	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Phạm Như Nam (CKMX3005)	
###	DC3CK45	1	Đồ án Kết cấu tính toán động cơ-1-1-25(N09)/73DCOT29	5	10->12	A2.301	18/08/25	14/09/25	Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
				5	10->12	Thực tuyển	15/09/25	21/09/25	Nguyễn Thị Hoa (CKOT3018)	
###	DC3CK45	1	Đồ án Kết cấu tính toán động cơ-1-1-25(N10)/74DCOT11	5	6->6	VA1.204	03/11/25	04/01/26		
				6	6->6					
###	DC3CK45	1	Đồ án Kết cấu tính toán động cơ-1-1-25(N11)/73DCOT11	2	10->12	VA1.101	18/08/25	21/09/25		
###	DC3MT59	1	Đồ án Lý thuyết tàu thủy và công trình nổi-1-1-25(N01)/74DCMT21	4	5->5	A3.406	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Xuân Hành (CKMT3003)	
				4	4->5	A2.104	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Xuân Hành (CKMT3003)	
###	DC2DD34	1	Đồ án Nền và móng-1-1-25(N01)/74DCXQ21	2	1->2	A1.101	18/08/25	28/09/25	Lê Văn Hiệp (CTCV3010)	

###	DC2DD34	1	Đồ án Nền và móng-1-1-25(N02)/74DCDD21	5	9->9	C3.103	29/09/25	19/10/25	Lê Văn Hiệp (CTCV3010)	
				3	8->8	A1.504	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Thị Bích Hạnh (CTCV3007)	
				3	8->9	A1.504	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Bích Hạnh (CTCV3007)	
###	DC3KX23	2	Đồ án Phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp xây dựng-1-1-25(N01)/73DCKX21	2	3->6	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25		
				5	1->3	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25		
###	DC3KX23	2	Đồ án Phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp xây dựng-1-1-25(N02)/73DCKX22	6	3->6	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25		
				4	10->12	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25		
###	DC3VL29	1	Đồ án Quản trị Logistics-1-1-25(N01)/73DCVL21	5	9->9	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				5	9->9	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				5	11->11	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
###	DC3VL29	1	Đồ án Quản trị Logistics-1-1-25(N02)/73DCVL22	5	3->3	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Thu Hường (KVQT3011)	
				6	11->11	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Thu Hường (KVQT3011)	
				2	8->8	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Thu Hường (KVQT3011)	
###	DC3VL29	1	Đồ án Quản trị Logistics-1-1-25(N03)/73DCVL23	5	8->8	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				3	11->11	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				3	11->11	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
###	DC3VL29	1	Đồ án Quản trị Logistics-1-1-25(N04)/73DCVL24	2	8->8	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				5	10->10	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				3	10->10	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
###	DC3VL29	1	Đồ án Quản trị Logistics-1-1-25(N05)/74DCHQ21	2	3->4	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				2	4->4	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
###	DC3VL29	1	Đồ án Quản trị Logistics-1-1-25(N06)/74DCHQ22	2	11->12	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
				2	12->12	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thị Dung (KVS3008)	
###	DC3LG34	1	Đồ án Quản trị kho hàng-1-1-25(N01)/73DCVL21	5	8->8	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				5	11->11	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				5	12->12	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
###	DC3LG34	1	Đồ án Quản trị kho hàng-1-1-25(N02)/73DCVL22	5	2->2	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				6	10->10	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				2	9->9	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
###	DC3LG34	1	Đồ án Quản trị kho hàng-1-1-25(N03)/73DCVL23	5	9->9	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				3	10->10	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				3	12->12	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
###	DC3LG34	1	Đồ án Quản trị kho hàng-1-1-25(N04)/73DCVL24	2	9->9	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				5	12->12	Trực tuyển	08/09/25	02/11/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				3	11->11	Trực tuyển	03/11/25	30/11/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	

###	DC3LG34	1	Đồ án Quản trị kho hàng-1-1-25(N05)/74DCLG21	5	8->8	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
				5	9->10	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
###	DC3LG34	1	Đồ án Quản trị kho hàng-1-1-25(N06)/74DCLG22	5	1->1	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
				5	1->2	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Dương Thị Thu Hương (KVS3006)	
###	DC3LG34	1	Đồ án Quản trị kho hàng-1-1-25(N07)/74DCLG23	5	10->10	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
				2	5->6	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Hà Nguyễn Khánh (KVS3003)	
###	DC3LG34	1	Đồ án Quản trị kho hàng-1-1-25(N08)/74DCLG24	5	7->7	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
				5	7->8	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Vũ Thị Hải Anh (KVQT3003)	
###	DC3LG22	2	Đồ án Quản trị kho hàng-1-1-25(N09)/74DCLH21	5	7->9	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				5	7->10	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
###	DC3LG22	2	Đồ án Quản trị kho hàng-1-1-25(N10)/74DCLH22	5	4->6	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
				5	3->6	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Bùi Nguyễn Dũng Nhân (KVS3011)	
###	DC3QM23	1	Đồ án Quản trị marketing-1-1-25(N01)/74DCQT21	5	4->4	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
				5	3->4	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Hữu Dũng (KVCS3009)	
###	DC3QM23	1	Đồ án Quản trị marketing-1-1-25(N02)/74DCQT22	4	9->9	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Xuân Hương (KVQT3023)	
				4	9->10	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Bùi Thị Xuân Hương (KVQT3023)	
###	DC3QM23	1	Đồ án Quản trị marketing-1-1-25(N03)/74DCQT23	6	6->6	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Hằng (KVQT3013)	
				6	5->6	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Bùi Thị Hằng (KVQT3013)	
###	DC3QM23	1	Đồ án Quản trị marketing-1-1-25(N06)/74DCQM21	6	7->7	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Kiều Oanh (DTAO3019)	
				6	7->8	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Trần Thị Kiều Oanh (DTAO3019)	
###	DC3QM23	1	Đồ án Quản trị marketing-1-1-25(N07)/74DCQM22	5	10->10	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Lê Nam Anh (KVQT3033)	
				5	10->11	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Lê Nam Anh (KVQT3033)	
###	DC3QM23	1	Đồ án Quản trị marketing-1-1-25(N08)/74DCQM23	2	1->1	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
				2	1->2	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Đỗ Thị Phương (TCCB3009)	
###	DC3QM23	1	Đồ án Quản trị marketing-1-1-25(N09)/74DCQM24	6	4->4	Trực tuyển	18/08/25	07/09/25	Bùi Thị Hằng (KVQT3013)	
				6	3->4	Trực tuyển	08/09/25	19/10/25	Bùi Thị Hằng (KVQT3013)	
###	DC3QT22	1	Đồ án Quản trị nhân sự-1-1-25(N01)/74DCQT21	6	7->8	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				6	8->8	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
###	DC3QT22	1	Đồ án Quản trị nhân sự-1-1-25(N02)/74DCQT22	6	7->8	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	
				6	7->7	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	
###	DC3QT22	1	Đồ án Quản trị nhân sự-1-1-25(N03)/74DCQT23	4	9->10	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
				6	9->9	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
###	DC3QT22	1	Đồ án Quản trị nhân sự-1-1-25(N04)/74DCQM21	6	3->4	Trực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	
				6	5->5	Trực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	

###	DC3QT22	1	Đồ án Quản trị nhân sự-1-1-25(N05)/74DCQM22	6	5->6	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
				4	8->8	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
###	DC3QT22	1	Đồ án Quản trị nhân sự-1-1-25(N06)/74DCQM23	4	11->12	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				6	12->12	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
###	DC3QT22	1	Đồ án Quản trị nhân sự-1-1-25(N07)/74DCQM24	4	8->9	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
				3	11->11	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26	Công Vũ Hà My (KVQT2001)	
###	DC3QT23	1	Đồ án Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N01)/74DCQT21	6	9->10	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25	Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
				6	7->7	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26	Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
###	DC3QT23	1	Đồ án Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N02)/74DCQT22	6	9->10	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
				6	8->8	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
###	DC3QT23	1	Đồ án Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N03)/74DCQT23	4	7->8	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	
				6	10->10	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	
###	DC3QT23	1	Đồ án Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N04)/74DCQM21	6	1->2	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
				6	6->6	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
###	DC3QT23	1	Đồ án Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N05)/74DCQM22	4	4->5	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
				4	9->9	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nhữ Thuý Liên (KVQT3008)	
###	DC3QT23	1	Đồ án Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N06)/74DCQM23	4	9->10	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				6	11->11	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
###	DC3QT23	1	Đồ án Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N07)/74DCQM24	3	10->11	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
				3	12->12	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Việt Thắng (KVQT3001)	
###	DC3QT23	1	Đồ án Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N08)/74DCTD21	6	3->4	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25	Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
				6	8->8	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26	Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
###	DC3QT23	1	Đồ án Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N09)/74DCTD22	6	5->6	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	
				6	6->6	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Hùng Cường (KVQT3007)	
###	DC3QT23	1	Đồ án Quản trị tài chính doanh nghiệp-1-1-25(N10)/74DCTD23	6	5->6	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25	Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
				6	9->9	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26	Lâm Phạm Thị Hải Hà (KVQT3002)	
###	DC3LG29	1	Đồ án Quản trị điều hành vận tải-1-1-25(N01)/74DCLG21	5	9->9	Thực tuyển	18/08/25	07/09/25	Hoàng Văn Lâm (KVSB3001)	
				5	11->12	Thực tuyển	08/09/25	19/10/25	Hoàng Văn Lâm (KVSB3001)	
###	DC3LG29	1	Đồ án Quản trị điều hành vận tải-1-1-25(N02)/74DCLG22	5	2->2	Thực tuyển	18/08/25	07/09/25	Hoàng Văn Lâm (KVSB3001)	
				5	3->4	Thực tuyển	08/09/25	19/10/25	Hoàng Văn Lâm (KVSB3001)	
###	DC3LG29	1	Đồ án Quản trị điều hành vận tải-1-1-25(N03)/74DCLG23	5	11->11	Thực tuyển	18/08/25	07/09/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				5	7->8	Thực tuyển	08/09/25	19/10/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
###	DC3LG29	1	Đồ án Quản trị điều hành vận tải-1-1-25(N04)/74DCLG24	5	8->8	Thực tuyển	18/08/25	07/09/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				5	9->10	Thực tuyển	08/09/25	19/10/25	Phan Trung Nghĩa (KVVP3004)	
				4	7->7	A3.407	03/11/25	23/11/25	Cao Văn Đoàn (CTCV2001)	

###	DC3XQ22	1	Đồ án Thiết kế hệ thống cấp thoát nước đô thị-1-1-25(N01)/74DCXQ21	4	10->11	A1.404	24/11/25	04/01/26	Cao Văn Đoàn (CTCV2001)	
###	DC3TG22	3	Đồ án Thị giác máy tính-1-1-25(N01)/73DCTG21	5	7->9	A2.204	18/08/25	07/09/25	Lý Hải Bằng (CTDD3012)	
				5	7->9	A6.502	08/09/25	02/11/25	Lý Hải Bằng (CTDD3012)	
				6	4->6	A1.204	03/11/25	30/11/25	Lý Hải Bằng (CTDD3012)	
###	DC2TG26	3	Đồ án Trí tuệ nhân tạo-1-1-25(N01)/74DCTG21	2	7->8	C3.104	03/11/25	04/01/26	Nguyễn Thị Thủy Hiền (CTDB3022)	
				3	1->3	C3.205			Nguyễn Thị Thủy Hiền (CTDB3022)	
###	DC2TG26	3	Đồ án Trí tuệ nhân tạo-1-1-25(N02)/74DCTG22	4	2->6	C3.104	03/11/25	04/01/26	Hoàng Thị Thu Hiền (BMCT1003)	
###	DC3QX27	1	Đồ án Tổ chức quản lý thực hiện dự án xây dựng công trình-1-1-25(N01)/73DCQX21	3	5->5	A2.202	18/08/25	07/09/25	Phạm Văn Huỳnh (CTDB3001)	
				3	5->5	A3.201	08/09/25	02/11/25	Phạm Văn Huỳnh (CTDB3001)	
				6	4->4	C3.204	03/11/25	30/11/25	Phạm Văn Huỳnh (CTDB3001)	
###	DC3QX27	1	Đồ án Tổ chức quản lý thực hiện dự án xây dựng công trình-1-1-25(N02)/73DCQX22	3	1->1	A2.201	18/08/25	07/09/25	Vũ Thành Long (CTDB3006)	
				3	1->1	A3.407	08/09/25	02/11/25	Vũ Thành Long (CTDB3006)	
				3	1->1	A1.502	03/11/25	30/11/25	Vũ Thành Long (CTDB3006)	
###	DC3DD65	1	Đồ án Tổ chức thi công CTXD-1-1-25(N01)/73DCDD21_73DCDD22	3	10->10	A2.402	18/08/25	07/09/25	Phạm Tuấn Anh (CTDD3001)	
				3	10->10	A1.101	08/09/25	02/11/25	Phạm Tuấn Anh (CTDD3001)	
				5	10->10	A1.204	03/11/25	30/11/25	Phạm Tuấn Anh (CTDD3001)	
###	DC3TM14	3	Đồ án Xây dựng các hệ thống truyền thông-1-1-25(N01)/73DCTM21	3	7->11	Trực tuyến	18/08/25	19/10/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
###	DC3TM14	3	Đồ án Xây dựng các hệ thống truyền thông-1-1-25(N02)/73DCTM22	2	7->8	A1.104	18/08/25	07/09/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				4	7->9	A6.202			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				4	10->12	Trực tuyến	08/09/25	19/10/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				6	7->8	Trực tuyến			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
###	DC3TM14	3	Đồ án Xây dựng các hệ thống truyền thông-1-1-25(N03)/73DCTM23	4	2->3	Trực tuyến	18/08/25	07/09/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				6	1->3	Trực tuyến			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				4	2->3	Trực tuyến	08/09/25	19/10/25	Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
				5	1->3	Trực tuyến			Lương Hoàng Anh (TTUD3001)	
###	DC3CA77	1	Đồ án Xây dựng cầu-1-1-25(N01)/73DCCD21	2	5->5	A3.406	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Tiến Hưng (CTCA3010)	
				2	3->4	A3.406	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Tiến Hưng (CTCA3010)	
###	DC3CA77	1	Đồ án Xây dựng cầu-1-1-25(N02)/73DCCD22	3	12->12	A3.406	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Tiến Hưng (CTCA3010)	
				3	9->10	A3.406	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Tiến Hưng (CTCA3010)	
###	DC3TT15	3	Đồ án Xây dựng và phát triển phần mềm-1-1-25(N01)/73DCTT21	4	4->6	A3.201	18/08/25	19/10/25	Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
				5	9->10	A3.204			Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
###	DC3TT15	3	Đồ án Xây dựng và phát triển phần mềm-1-1-25(N02)/73DCTT22	4	1->3	A1.204	18/08/25	19/10/25	Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
				5	11->12	A3.302			Lê Trung Kiên (TTCS4003)	
###	DC3TT15	3	Đồ án Xây dựng và phát triển phần mềm-1-1-25(N03)/73DCTT23	5	11->12	A3.401	18/08/25	07/09/25	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				6	1->3	A3.303			Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				5	9->10	A3.401	08/09/25	19/10/25	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				6	1->3	A3.303			Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
###	DC3TT15	3	Đồ án Xây dựng và phát triển phần mềm-1-1-25(N04)/73DCTT24	3	7->8	A3.202	18/08/25	07/09/25	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				5	7->9	A3.203			Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				3	7->9	A3.202	08/09/25	19/10/25	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				5	7->8	A3.203			Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
###	DC3TT15	3	Đồ án Xây dựng và phát triển phần mềm-1-1-25(N05)/73DCTT25	4	3->4	A3.304	18/08/25	07/09/25	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				6	10->12	A3.203			Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				5	11->12	A3.201	08/09/25	19/10/25	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				6	10->12	A3.203			Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				3	9->11	A1.504	18/08/25	07/09/25	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	

###	DC3TT15	3	Đồ án Xây dựng và phát triển phần mềm-1-1-25(N06)/73DCTT26	6	8->9	A3.201	18/08/25	07/09/25	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				3	10->11	A1.504	08/09/25	19/10/25	Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
				6	7->9	A3.201			Phạm Đức Anh (TTTT3006)	
###	DC3TT15	3	Đồ án Xây dựng và phát triển phần mềm-1-1-25(N07)/73DCTT11	2	4->6	VA1.203	18/08/25	19/10/25	Lê Thị Hương (TTCS2002)	
				4	5->6	VA1.203			Lê Thị Hương (TTCS2002)	
###	DC3DB77	1	Đồ án Xây dựng đường-1-1-25(N01)/73DCCD21	2	6->6	A3.406	03/11/25	23/11/25	Phạm Thị Phương Loan (BMCT1005)	
				2	5->6	A3.406	24/11/25	04/01/26	Phạm Thị Phương Loan (BMCT1005)	
###	DC3DB77	1	Đồ án Xây dựng đường-1-1-25(N02)/73DCCD22	3	11->11	A3.406	03/11/25	23/11/25	Vũ Thành Long (CTDB3006)	
				3	11->12	A3.406	24/11/25	04/01/26	Vũ Thành Long (CTDB3006)	
###	DC2CK63	1	Đồ án chi tiết máy-1-1-25(N01)/74DCOT21	3	6->6	A5.303	18/08/25	05/10/25	Yên Văn Thực (CKDM3003)	
				4	2->2	A3.407	03/11/25	28/12/25	Yên Văn Thực (CKDM3003)	
###	DC2CK63	1	Đồ án chi tiết máy-1-1-25(N02)/74DCOT22	6	11->11	A1.202	18/08/25	05/10/25	Yên Văn Thực (CKDM3003)	
				6	8->8	A1.402	03/11/25	28/12/25	Yên Văn Thực (CKDM3003)	
###	DC2CK63	1	Đồ án chi tiết máy-1-1-25(N03)/74DCOT23	2	11->11	A1.301	18/08/25	02/11/25	Yên Văn Thực (CKDM3003)	
				6	6->6	A3.202	01/12/25	28/12/25	Yên Văn Thực (CKDM3003)	
###	DC2CK63	1	Đồ án chi tiết máy-1-1-25(N04)/74DCOT24	3	6->6	A1.204	18/08/25	02/11/25	Nguyễn Xuân Hành (CKMT3003)	
				3	2->2	A1.503	01/12/25	28/12/25	Nguyễn Xuân Hành (CKMT3003)	
###	DC2CK63	1	Đồ án chi tiết máy-1-1-25(N05)/74DCOT25	3	7->7	A1.203	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Xuân Hành (CKMT3003)	
				3	7->7	A1.203	08/09/25	02/11/25	Nguyễn Xuân Hành (CKMT3003)	
				3	7->7	A1.501	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Xuân Hành (CKMT3003)	
###	DC2CK63	1	Đồ án chi tiết máy-1-1-25(N06)/74DCOT26	5	12->12	A3.407	18/08/25	02/11/25	Nguyễn Xuân Hành (CKMT3003)	
				4	11->11	A1.503	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Xuân Hành (CKMT3003)	
###	DC2CK63	1	Đồ án chi tiết máy-1-1-25(N07)/74DCOT27	4	6->6	A1.504	15/09/25	02/11/25	Nguyễn Tuấn Hải (CKOT3003)	
				2	7->7	A1.202	03/11/25	28/12/25	Nguyễn Tuấn Hải (CKOT3003)	
###	DC2CK63	1	Đồ án chi tiết máy-1-1-25(N08)/74DCCN21	2	11->11	C3.106	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Nam (CKDM3001)	
				2	10->11	C3.106	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Nam (CKDM3001)	
###	DC2CK63	1	Đồ án chi tiết máy-1-1-25(N09)/74DCCN22	2	5->5	A3.306	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Nam (CKDM3001)	
				2	4->5	A3.306	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Nam (CKDM3001)	
###	DC2CK63	1	Đồ án chi tiết máy-1-1-25(N10)/74DCCN23	6	2->2	A2.302	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Tuấn Hải (CKOT3003)	
				6	10->11	A3.306	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Tuấn Hải (CKOT3003)	
###	DC2CK63	1	Đồ án chi tiết máy-1-1-25(N11)/74DCOT11	6	4->5	VA1.204	03/11/25	04/01/26		
###	DC3CN26	2	Đồ án hệ thống cơ điện tử-1-1-25(N01)/73DCCN21	3	7->10	A2.404	18/08/25	07/09/25	Vương Thị Hương (TTDT3003)	
				4	10->12	A1.203	08/09/25	19/10/25	Vương Thị Hương (TTDT3003)	
###	DC3CN26	2	Đồ án hệ thống cơ điện tử-1-1-25(N02)/73DCCN22	6	9->12	A2.503	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Minh Phương (TTCN4002)	
				6	10->12	A1.501	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Minh Phương (TTCN4002)	
###	DC3CN26	2	Đồ án hệ thống cơ điện tử-1-1-25(N03)/73DCCN23	3	5->6	A6.202	18/08/25	07/09/25	Vương Thị Hương (TTDT3003)	
				6	1->2	C3.101			Vương Thị Hương (TTDT3003)	
				3	4->6	A6.202	08/09/25	19/10/25	Vương Thị Hương (TTDT3003)	
###	DC2DD54	1	Đồ án kết cấu BTCT-1-1-25(N01)/74DCDD21	6	11->11	A1.504	03/11/25	23/11/25	Nguyễn Văn Biên (CTCC3002)	
				6	11->12	A1.504	24/11/25	04/01/26	Nguyễn Văn Biên (CTCC3002)	
###	DC2OT71	1	Đồ án lý thuyết ô tô-1-1-25(N01)/74DCOG21	4	1->2	A1.503	03/11/25	14/12/25	Nguyễn Thành Nam (CKOT3005)	
###	DC2OT71	1	Đồ án lý thuyết ô tô-1-1-25(N02)/74DCOT11	4	1->1	A1.503	15/12/25	04/01/26	Nguyễn Thành Nam (CKOT3005)	
				4	5->6	VA1.204	03/11/25	04/01/26		
###	DC3XQ24	1	Đồ án thiết kế đường và giao thông đô thị-1-1-25(N01)/74DCXQ21	3	6->6	A3.407	03/11/25	23/11/25	Hoàng Nguyễn Đức Chí (CTDK3007)	
				6	10->11	A3.406	24/11/25	04/01/26	Hoàng Nguyễn Đức Chí (CTDK3007)	
				2	5->6	A2.403	18/08/25	07/09/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	

###	DC3CH32	2	Đồ án tổ chức giao thông đô thị-1-1-25(N01)/73DCCH21	2	5->6	A6.502	08/09/25	02/11/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
				2	5->6	A1.302	03/11/25	30/11/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
###	DC3CH35	2	Đồ án xây dựng đường đô thị-1-1-25(N01)/73DCCH21	3	11->12	A1.402	18/08/25	07/09/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
				3	11->12	A1.402	08/09/25	02/11/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
				3	11->12	A1.202	03/11/25	30/11/25	Trần Trung Hiếu (CTDB3014)	
###	DC2DT24	2	Đồ án Điện tử-1-1-25(N01)/74DCDT21	3	3->6	C3.106	18/08/25	07/09/25	Ngô Thị Thu Tình (TTDT3013)	
				5	1->3	C3.106	08/09/25	19/10/25	Ngô Thị Thu Tình (TTDT3013)	
###	DC2DT24	2	Đồ án Điện tử-1-1-25(N02)/74DCDT22	3	7->10	C3.106	18/08/25	07/09/25	Ngô Thị Thu Tình (TTDT3013)	
				3	7->9	C3.106	08/09/25	19/10/25	Ngô Thị Thu Tình (TTDT3013)	
###	DC2DT24	2	Đồ án Điện tử-1-1-25(N03)/74DCDT23	5	3->6	C3.203	18/08/25	07/09/25	Ngô Thị Thu Tình (TTDT3013)	
				5	4->6	C3.203	08/09/25	19/10/25	Ngô Thị Thu Tình (TTDT3013)	
###	DC2DT24	2	Đồ án Điện tử-1-1-25(N04)/74DCDT24	5	3->6	A1.302	18/08/25	07/09/25	Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
				5	4->6	A1.302	08/09/25	19/10/25	Hoàng Thị Thúy (TTDT3002)	
###	DC3MO35	2	Đồ án Đánh giá tác động môi trường-1-1-25(N01)/73DCMN21	6	1->3	A3.306	22/09/25	02/11/25	Nguyễn Thị Phương Dung (CTTL3006)	
				6	1->3	A1.402	03/11/25	30/11/25	Nguyễn Thị Phương Dung (CTTL3006)	
###	DC3QA14	1	Đồ án Định giá sản phẩm xây dựng-1-1-25(N01)/73DCQX21	4	7->7	A2.201	18/08/25	07/09/25		
				4	7->7	A3.204	08/09/25	02/11/25		
				6	5->5	C3.204	03/11/25	30/11/25		
###	DC3QA14	1	Đồ án Định giá sản phẩm xây dựng-1-1-25(N02)/73DCQX22	3	2->2	A2.201	18/08/25	07/09/25		
				3	2->2	A3.407	08/09/25	02/11/25		
				3	2->2	A1.502	03/11/25	30/11/25		
###	DC3CK62	1	Đồ án Động cơ đốt trong-1-1-25(N01)/74DCMX21	2	10->11	A3.302	03/11/25	14/12/25	Phạm Như Nam (CKMX3005)	
				2	11->11	A3.302	15/12/25	04/01/26	Phạm Như Nam (CKMX3005)	
###	DC3KX20	2	Đồ án định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng-1-1-25(N01)/74DCKX21	5	4->6	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25		
				3	3->6	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26		
###	DC3KX20	2	Đồ án định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng-1-1-25(N02)/74DCKX22	5	4->6	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25		
				5	3->6	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26		
###	DC3KX20	2	Đồ án định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng-1-1-25(N03)/74DCKX23	2	7->9	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25		
				2	7->10	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26		
###	DC3KX20	2	Đồ án định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng-1-1-25(N04)/74DCKX24	4	4->6	Thực tuyển	03/11/25	14/12/25		
				4	3->6	Thực tuyển	15/12/25	04/01/26		
###	DC3CK74	1	Đồ án động cơ-1-1-25(N01)/74DCDM21	2	11->12	A5.302	03/11/25	14/12/25	Trần Văn Hiếu (CKDM3004)	
				2	12->12	A5.302	15/12/25	04/01/26	Trần Văn Hiếu (CKDM3004)	
###	DC3MT44	2	Động cơ diesel tàu thủy 1-1-1-25(N01)/74DCMT21	4	1->4	A3.406	18/08/25	07/09/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
				4	1->3	A2.104	08/09/25	19/10/25	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
###	DC3MT45	3	Động cơ diesel tàu thủy 2-1-1-25(N01)/74DCMT21	2	1->3	A1.401	03/11/25	04/01/26	Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
				3	7->8	A1.401			Trần Trọng Tuấn (CKMT3005)	
###	DC3OG22	4	Động cơ đốt trong-1-1-25(N01)/74DCOG21	2	3->6	A1.204	18/08/25	07/09/25	Lê Quang Thắng (CKOT3002)	
				4	7->10	A2.103			Lê Quang Thắng (CKOT3002)	
				2	1->6	C3.106	08/09/25	19/10/25	Lê Quang Thắng (CKOT3002)	
###	DC3CK64	4	Động cơ đốt trong-1-1-25(N02)/74DCCO21	2	7->9	A3.405			Lê Quang Thắng (CKOT3002)	
				4	11->12	A3.407	18/08/25	07/09/25	Lê Quang Thắng (CKOT3002)	
				6	10->12	A3.403			Lê Quang Thắng (CKOT3002)	
				2	7->9	A3.405			Lê Quang Thắng (CKOT3002)	

				6	10->12	A3.403	08/09/25	19/10/25	Lê Quang Thắng (CKOT3002)	
###	DC3CK64	4	Động cơ đốt trong-1-1-25(N03)/74DCCO22	2	10->12	A3.404	18/08/25	07/09/25	Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
				4	9->10	A3.303			Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
				6	7->9	A3.303			Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
				2	10->12	A3.404	08/09/25	19/10/25	Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
				6	7->9	A3.303			Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
###	DC3CK64	4	Động cơ đốt trong-1-1-25(N04)/74DCCO23	3	10->12	A5.302	18/08/25	07/09/25	Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
				4	7->8	A5.302			Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
				6	10->12	A5.302			Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
				3	10->12	A5.302	08/09/25	19/10/25	Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
				6	10->12	A5.302			Vũ Quảng Đại (XUOT3007)	
###	DC3CK61	3	Động cơ đốt trong-1-1-25(N05)/74DCMX21	6	7->11	C3.206	18/08/25	07/09/25	Phạm Như Nam (CKMX3005)	
				6	7->11	C3.102	08/09/25	19/10/25	Phạm Như Nam (CKMX3005)	
###	DC3CK73	4	Động cơ-1-1-25(N01)/74DCDM21	2	3->6	A5.302	18/08/25	07/09/25	Trần Văn Hiếu (CKDM3004)	
				3	3->6	A5.302			Trần Văn Hiếu (CKDM3004)	
				2	4->6	A5.302	08/09/25	19/10/25	Trần Văn Hiếu (CKDM3004)	
				3	4->6	A5.302			Trần Văn Hiếu (CKDM3004)	
###	DC2CN24	2	Động lực học hệ nhiều vật-1-1-25(N01)/74DCCN23	6	3->6	A2.302	18/08/25	07/09/25	Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
				6	7->9	A3.306	08/09/25	19/10/25	Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
###	DC2CN24	2	Động lực học hệ nhiều vật-1-1-25(N02)/74DCCN22	4	7->10	C2.101	18/08/25	07/09/25	Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
				4	1->3	C3.102	08/09/25	19/10/25	Bùi Gia Phi (CSKT3011)	
###	DC2CN24	2	Động lực học hệ nhiều vật-1-1-25(N03)/74DCCN21	2	7->10	C3.106	18/08/25	07/09/25	Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				2	7->9	C3.106	08/09/25	19/10/25	Nguyễn Thị Huệ (CSKT3010)	
				5	7->10	A3.308	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Phương Thanh (TTDT2001)	
###	DC3DT43	4	Ứng dụng điện tử truyền thông trong ITS-1-1-25(N01)/73DCDT21	5	7->10	A3.308	08/09/25	02/11/25	Trần Thị Phương Thanh (TTDT2001)	
				5	7->10	C3.204	03/11/25	30/11/25	Trần Thị Phương Thanh (TTDT2001)	
###	DC3DT43	4	Ứng dụng điện tử truyền thông trong ITS-1-1-25(N02)/73DCDT22	5	3->6	A6.202	18/08/25	07/09/25	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
				5	3->6	A6.202	08/09/25	02/11/25	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
				5	3->6	C3.206	03/11/25	30/11/25	Vũ Văn Linh (TTDT3014)	
###	DC3DT43	4	Ứng dụng điện tử truyền thông trong ITS-1-1-25(N03)/73DCDT23	5	3->6	A3.203	18/08/25	07/09/25	Trần Thị Phương Thanh (TTDT2001)	
				5	3->6	A3.203	08/09/25	02/11/25	Trần Thị Phương Thanh (TTDT2001)	
				5	3->6	C3.104	03/11/25	30/11/25	Trần Thị Phương Thanh (TTDT2001)	

Ghi chú